

GIẢNG GIẢI

CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 2



GIẢNG GIẢI
CẢM ỨNG THIÊN - TẬP 2/8
HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

ISBN-13: 978-1-7975-6148-6

ISBN-10: 1-7975-6148-0

HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 2 (TRỌN BỘ 8 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - UBP

NỘI DUNG

Bài giảng thứ 23.....	7
Bài giảng thứ 24.....	17
Bài giảng thứ 25.....	25
Bài giảng thứ 26.....	33
Bài giảng thứ 27.....	41
Bài giảng thứ 28.....	49
Bài giảng thứ 29.....	57
Bài giảng thứ 30.....	65
Bài giảng thứ 31.....	73
Bài giảng thứ 32.....	81
Bài giảng thứ 33.....	89
Bài giảng thứ 34.....	97
Bài giảng thứ 35.....	105
Bài giảng thứ 36.....	113
Bài giảng thứ 37.....	123
Bài giảng thứ 38.....	131
Bài giảng thứ 39.....	141
Bài giảng thứ 40.....	149
Bài giảng thứ 41.....	159
Bài giảng thứ 42.....	169
Bài giảng thứ 43.....	179
Bài giảng thứ 44.....	187
Bài giảng thứ 45.....	195
Bài giảng thứ 46.....	205

Bài giảng thứ 23

(Giảng ngày 11 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 24, số hồ sơ: 19-012-0024)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta xem đến câu thứ 14 [trong Cảm ứng thiên]: *“Kỳ quá đại tiểu, hữu số bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu tội chi.”* (Những tội lỗi lớn nhỏ như thế tính ra đến số mấy trăm, muốn cầu sống lâu thì trước hết phải kiêng tránh tất cả.)

Những tội lỗi lớn nhỏ *“tính ra đến số mấy trăm”*, ở đây muốn chỉ đến mấy trăm loại. Trong mỗi một loại ấy, thật ra lại có vô số tội lỗi khác biệt. Các bậc cổ đức nói: *“Việc phi nghĩa mà làm thì đều là tội lỗi.”* Phi nghĩa là những chuyện không nên làm. Nếu tư tưởng, hành vi của quý vị là những chuyện không nên làm thì đó là tội lỗi.

Tội lỗi có lớn nhỏ, lớn là những tội ác nặng nề, nhỏ là những lỗi lầm sai sót. Đối với mọi tội lỗi, quỷ thần trong trời đất đều thấy biết, chư Phật, Bồ Tát cũng thấy biết rõ ràng, minh bạch. Thật ra, quỷ thần trong trời đất thấy biết, chúng ta thường xem là chuyện đương nhiên. Chư Phật, Bồ Tát còn có thể thấy được đến cả lý lẽ nguyên nhân [của tội lỗi], thấy biết rõ quý vị vì sao rơi vào mê hoặc, vì sao tạo nghiệp, vì sao thọ quả báo.

Vì sao nói rằng chư Phật, Bồ Tát có thể thấy được lý lẽ nguyên nhân? Trong kinh Vô Lượng Thọ mọi người đều đã đọc qua rồi, người ở thế giới Cực Lạc, ngay cả người chỉ vừa mới vãng sinh, hoặc người vãng sinh [ở phẩm vị thấp nhất là] *hạ phẩm hạ sinh*, cũng đều có thiên nhãn thông nhìn thấu suốt, thiên nhĩ thông nghe thấu suốt, tha tâm thông rõ

biết hết [tâm ý người khác]. Nói cách khác, đối với mỗi người chúng ta, trong quá khứ nhiều đời nhiều kiếp từng trải qua những tình huống gì, các vị đều biết rõ. Do đó, các vị biết được mọi lý lẽ nguyên nhân.

Bao nhiêu nghiệp ác, thói quen xấu ác đã tích lũy, tập thành qua nhiều đời nhiều kiếp, thật không dễ sửa đổi. Chúng ta đã thấy trong kinh Địa Tạng, thế gian có những người bất thiện, tập khí nghiệp chướng hết sức nặng nề, quá khứ từng堕 vào ba đường ác rồi mới từ đó sinh vào cõi người, vẫn còn mang theo những tập khí tàn dư trong ba đường ác.

Những điều tương tự như vậy, thiên địa quỷ thần chưa hẳn đã thấy biết được rõ ràng. Năng lực của một vị A-la-hán cũng chỉ biết được đến 500 kiếp quá khứ của một người. Thời gian lâu xa hơn 500 kiếp thì vị A-la-hán không thấy biết được. Cho nên, người thuyết pháp cần phải thấu suốt rõ ràng mới có thể khế hợp căn cơ, mới biết cần sử dụng pháp môn phương tiện nào để giúp đỡ cứu vớt chúng sinh khổ nạn.

Câu này trong *Cảm ứng thiên* [khuyên chúng ta kiêng tránh mọi tội lỗi] cũng là một nguyên tắc. Nguyên tắc mang tính khái quát, chỉ cần ta có thể tuân thủ làm theo, nhất định sẽ được lợi ích.

Ngày xưa ở Trung quốc, cả Tam giáo Nho, Lão, Phật đều tham gia vào giáo dục trong xã hội, cùng theo tư tưởng văn hóa đa nguyên nhất thể, đã cống hiến rất lớn lao cho xã hội. Tam giáo tuy khác biệt nhưng cũng có chỗ tương đồng, đó là bất luận tu học theo pháp môn nào của đạo nào, nhất định vẫn phải lấy việc tích đức làm căn bản. Điều này cả Tam giáo đều công nhận.

Phải bắt đầu từ đâu mà tích đức? Từ trong tâm mà thực hiện công phu. Trong tâm nhất định phải chân thành chính trực. Nhà Phật nói “*vượt phàm lên thánh*”, thế nào là phàm? Phàm là tình cảm đời thường, chúng ta thường gọi là cảm

xúc, tình cảm. Cảm xúc, tình cảm là tình thường. Phàm cũng có nghĩa là hành xử theo tình cảm, cảm xúc. Hành xử theo tình cảm ắt có lỗi lầm, sai sót, ta thường nói là hành động theo cảm tính.

Nếu có thể buông xả, dứt bỏ mọi tình cảm vướng mắc thì người đó là bậc thánh. Bậc thánh là người hiểu biết sáng tỏ, giác ngộ; định nghĩa về bậc thánh là như thế. Cho nên, trở thành bậc thánh tức là làm một người hiểu biết sáng tỏ, làm người giác ngộ. Nếu không đem bám chấp tình cảm chuyển biến thành trí tuệ thì không thể thành bậc thánh. Nói cách khác, người bám chấp tình cảm thì vĩnh viễn không hiểu biết sáng tỏ, không thể giác ngộ.

Sự bám chấp tình cảm từ đâu phát sinh? Trong Phật pháp dạy rằng, đó là từ nơi sự phân biệt, bám chấp vào bốn tướng mà phát sinh. Bốn tướng là *tướng ngã*, *tướng nhân*, *tướng chúng sinh* và *tướng thọ giả*. Khi phân biệt bốn tướng này, bám chấp vào bốn tướng này, thì đó là nguồn gốc phát sinh sự bám chấp tình cảm.

Do phân biệt chấp trước cho nên mới có sự ích kỷ riêng tư, giành lợi ích về mình, mới có thị phi nhân ngã, mới có tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. [Khi ấy,] không chỉ lời nói, việc làm mới tạo nghiệp, mà khởi tâm động niệm cũng đều tạo nghiệp.

Phần trước đã nói qua khái quát với quý vị điều này, khởi tâm động niệm xấu ác là tâm quý vị xấu ác, không tốt. Chư Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, hiểu rõ. Người giác ngộ không có tự ngã, không [bám chấp] tự kỷ nên mới có thể thực sự tôn kính người khác. Người hiểu biết sáng tỏ mới làm được như thế. Nho gia cũng [dạy như] vậy, chỉ sau khi hiểu biết sáng tỏ rồi mới có thể xem nhẹ bản thân, tự mình khiêm hạ mà tôn trọng người khác.

Chỉ có người mê hoặc mới tự cao tự đại, tự nâng mình lên

cao thật cao, hoàn toàn không xem trọng người khác, không thể chịu được sự trái ý bất công. Chỉ một chút trái ý bất công là ôm hận trong lòng, chẳng lúc nào quên, do đó chiêu cảm phải chịu quả báo [gặp những điều] không vừa ý [làm khởi tâm sân hận]. Mọi người đều biết, sân hận thì phải堕 vào địa ngục.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát vì sao không trụ trong sáu đường? Vì sao không trụ trong mười pháp giới? Khi thị hiện trong sáu đường, các ngài vẫn trụ nơi pháp giới nhất chân, điều đó có ý nghĩa gì? Đó là, không có tự ngã, không [bám chấp] tự ngã thì mới có thể khiêm hạ. Người giác ngộ ở nơi thấp kém vẫn khoái lạc, tự tại, chỉ có người mê hoặc mới tham địa vị cao. Ý nghĩa này quý vị phải lưu tâm suy xét kỹ, chú tâm thể hội, được lợi ích vô cùng.

Nếu thực sự hiểu rõ được nhân quả trong ba đời, như tôi vẫn thường nói trong các buổi giảng, thì quan hệ giữa người với người nhất định không có sự lấn lướt được lợi, cũng nhất định không có sự thiệt thòi thua kém. Quý vị lấn lướt được lợi, tương lai phải đền trả lại, nợ mạng phải đền mạng, nợ tiền phải trả tiền. Trong truyện Hồng Lô Mộng nói nợ người nước mắt phải trả bằng nước mắt, đó là chuyện thật chứ không phải giả.

Chỉ có người thực sự giác ngộ, thực sự hiểu biết sáng tỏ, không còn tạo nghiệp, mới có thể làm được đến mức tùy duyên qua ngày, trong chỗ tùy duyên đó thành tựu công đức. Trong *Thập đại nguyện vương* nói “tùy hỷ công đức”, công đức là gì? Đức của tự tánh lưu xuất hiển lộ là công đức. Trong ý nghĩa này, có một quan niệm trọng yếu nhất mà chúng ta không có cách gì hình thành [trong nhận thức của mình]. Nếu có thể hình thành được quan niệm này thì đạo Bồ Tát không còn khó khăn gì nữa, tích lũy công đức cũng là chuyện hết sức dễ dàng.

Đó là quan niệm gì? Hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không cũng là chính bản thân mình. Quan niệm như thế chúng ta không có cách gì hình thành [trong nhận thức của mình]. Nhưng chư Phật, Bồ Tát đều quan niệm như thế. Phật chứng đắc thanh tịnh pháp thân, pháp thân là gì? Pháp thân là hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không, cũng là chính bản thân mình. Người nào có thể khẳng định [hết thấy chúng sinh] là chính bản thân mình, nhất định không mảy may nghi hoặc đó là bản thân mình, thực sự là bản thân mình, thì người ấy đã thành Phật, đã chứng đắc pháp thân thanh tịnh. Cho nên vị ấy vì hết thấy chúng sinh phụng sự cũng chính là vì bản thân mình phục vụ. Như vậy đâu còn gì để nói, đâu còn gì để chấp trước? Không phải vì người khác, mà là vì chính bản thân mình.

Trong lúc giảng kinh tôi cũng từng nói, vũ trụ phức tạp như thế nào, thân thể chúng ta cũng phức tạp như thế ấy. Thân thể ta chính là vũ trụ thu nhỏ; vũ trụ là thân thể ta khuếch đại. Trong đó, mức độ phức tạp không tăng thêm cũng không giảm bớt, hoàn toàn tương đồng. Cho nên, thân thể chúng ta là một vũ trụ nhỏ. Vũ trụ nhỏ này với vũ trụ lớn cũng là một, chẳng phải hai.

Kinh Hoa Nghiêm nói, lớn nhỏ đều bao dung, lớn có thể bao dung nhỏ, nhỏ cũng có thể bao dung lớn. “*Hạt cải hàm chứa núi Tu-di, núi Tu-di hàm chứa hạt cải*”, đó mới là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chư Phật, Bồ Tát trong vô số cõi nước cứu giúp hết thấy chúng sinh chưa giác ngộ, cũng là xuất phát từ quan niệm vừa nói trên, dựa trên quan niệm này mà kiến lập. Cho nên, pháp là pháp không thể nghĩ bàn, người cũng là người không thể nghĩ bàn.

Chúng ta đọc kinh “*Bồ Tát Địa Tạng bản nguyện*”, qua giảng chú đại lược của Pháp sư Thanh Liên, trong năm tầng

ý nghĩa huyền diệu, đối với mỗi tầng ngài đều thêm vào lời tán “*không thể nghĩ bàn*”, điều đó rất có ý nghĩa. Nếu bản thân ngài không khế nhập được những cảnh giới ấy thì không thể nói ra những lời như thế. Vì ngài đã thể hội sự thật chân tướng, nhận biết rõ ràng, khế nhập được vào những cảnh giới [trong kinh], nên mới có thể nói ra những điều như thế.

Chúng ta đọc qua rồi, liệu thể hội được mấy phần? Vì sao chúng ta không thể hội? Vì có chướng ngại. Chướng ngại ấy không ngoài hai điều là *phiền não chướng* và *sở tri chướng*. Phiền não chướng là [những phiền não] tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. Sở tri chướng, nói theo ngôn ngữ ngày nay là những thành kiến, định kiến trong phương diện học thuật, tri thức. Nếu là những thành kiến về mặt nhân quả thì vẫn thuộc về phiền não chướng, là một loại trong các phiền não do thấy biết, nghĩ tưởng. Nếu thuộc về lãnh vực tri thức thì gọi là sở tri chướng. Vì tự cho mình là đúng nên không thể thấy biết được chân tướng sự thật.

Chúng ta ở chỗ này phải có sự vận dụng công phu, trừ được một phần chướng ngại thì trí tuệ hiển lộ được một phần. Chướng ngại như vậy có thể dùng cách gì để trừ, chúng ta cần phải hiểu biết rõ ràng. Việc trừ bỏ chướng ngại chính là đối với những tình chấp phân biệt [hãy làm cho] dần dần giảm nhẹ đi, không còn nặng nề nghiêm trọng như trước. Mỗi năm mỗi giảm dần, mỗi tháng mỗi nhẹ hơn, sự phân biệt bám chấp sẽ dần dần giảm nhẹ. Đó là từng bước xa lìa, dứt bỏ.

Đối với [sự phân chia] 51 phẩm vị của hàng Bồ Tát, hoặc bốn cõi, ba hạng, chín phẩm của [người vãng sinh] Tịnh độ¹

¹ Đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai phân chia phẩm vị của người tu hành vãng sinh Tịnh độ thành bốn cõi (tứ độ) bao gồm: 1. Phàm thánh đồng cư độ: là cõi khi sinh về vẫn còn đủ các hạng phàm và thánh. 2. Phương tiện hữu dư độ: là cõi chỉ có các vị chứng a-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát chưa vào các trụ địa. 3. Thật báo vô chướng ngại độ: là cõi chỉ toàn các vị Bồ Tát đã vào trụ địa, không có hàng phàm phu, Nhị thừa. 4. Thường tịch quang độ: là

cũng đều như vậy. Bớt đi một phần phiền não tập khí thì phẩm vị lại tăng cao hơn một bậc, cho đến khi tập khí phiền não hoàn toàn dứt sạch tức là viên mãn thành tựu quả Phật. Bồ Tát ở địa vị Đẳng giác vẫn còn một phẩm vô minh sinh tướng chưa dứt sạch, nên vẫn còn phiền não. Do đó mà vẫn chưa viên mãn, công đức chưa hoàn toàn thành tựu. Chưa rốt ráo thành tựu, cần phải tiếp tục tu tập buông xả hết cho đến khi hoàn toàn thanh tịnh, như vậy mới rốt ráo thành tựu viên mãn.

Cho nên, chúng ta cần phải dứt trừ, buông xả hết. Nếu không chịu buông xả thì đó là tích lũy tội nghiệp; buông xả được, đó là tích lũy công đức. Vì sao không buông xả được? Vì không hiểu biết sáng tỏ về sự thật chân tướng, đối với những điều giả dối mà cho là chân thật, nhận biết sai lầm, nghĩ tưởng sai lầm cho nên tu tập sai lầm, tự chiêu cảm quả báo xấu ác.

Thế nhưng, buông xả và nhận biết thấu đáo là hai việc phụ thuộc và thành tựu cho nhau. Nếu có thể buông xả một chút, liền có thể nhận biết rõ ràng hơn một phần. Nếu có thể nhận biết thấu đáo thêm một phần, liền có thể buông xả được thêm một chút nữa. Nói cách khác, vị Bồ Tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành tựu viên mãn quả Phật là một quá trình thấy biết thấu đáo và buông xả, phụ thuộc và thành tựu cho nhau.

Trong sáu ba-la-mật thì trí tuệ là thấy biết thấu đáo và năm ba-la-mật còn lại đều là buông xả. Quý vị nghĩ xem có đúng vậy không? Bối thí là buông xả tâm tham lam. Trì giới

cõi an trú của chư Phật Như Lai đã hoàn toàn dứt trừ căn bản vô minh. Mỗi cõi trong bốn cõi (tứ độ) đều có đủ 3 hạng (thượng, trung và hạ), mỗi hạng lại có đủ 3 phẩm (thượng, trung và hạ), cộng thành 9 phẩm là: Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, Trung phẩm thượng sinh, Trung phẩm trung sinh, Trung phẩm hạ sinh, Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh và Hạ phẩm hạ sinh.

là buông xả ý niệm xấu ác. Nhẫn nhục là buông xả sân hận, buông xả lòng ganh ghét. Tinh tấn là buông xả sự giải đãi, lười nhác. Thiền định là buông xả tán loạn. Tất cả đều là buông xả. Bát-nhã là sáng tỏ, rõ ràng, minh bạch, thấu đáo. Sáu pháp ba-la-mật quy về trong bốn chữ “nhìn thấu, buông xả”, chúng ta phải thực sự cố gắng thực hành.

Những khái niệm, hình tướng trong kinh luận như thế này tuyệt đối không thể chỉ đọc qua là xong. Vừa đọc qua đã là quá khứ, làm sao thực hành? Quý vị thực sự nhận biết thấu đáo, rõ ràng, sáng tỏ, thực sự buông xả hết, bao nhiêu tội lỗi đều không còn nữa, sao có thể không được sống lâu?

Sống lâu là tuổi thọ không thể đo lường. Cho nên, nếu muốn cầu được sống lâu, cầu được phước báo, phải từ nơi tâm địa mà cầu, vì tâm sinh ra muôn vật. Trong kinh Phật nói: *“Tâm sinh thì đủ mọi pháp sinh.”* Phần trước chúng ta đã xem qua: *“Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sinh.”* Cho nên, Phật pháp gọi là cái học bên trong. Trong [tâm tu hành] đã trọn vẹn đầy đủ thì cảnh giới bên ngoài liền thuận theo tâm [mà hiển lộ]. Cho nên nói rằng: *“Tâm tưởng sự thành.”* (Trong tâm nghĩ tưởng thì sự việc thành tựu.) Trong Phật pháp dạy điều này là chính xác.

Quý vị vừa nghĩ tưởng điều ác, việc ác ngay lúc đó đã hình thành. Quý vị nghĩ tưởng điều hiền thiện, việc thiện được hình thành. Quý vị nghĩ tưởng đến Phật là đã có Phật. Nghĩ tưởng đến tham lam, sân hận, si mê thì ba đường ác đã hình thành. Trong tâm nghĩ tưởng là sự việc hình thành. Nghĩ tưởng đến tham lam thì cảnh giới ngạ quỷ đã hình thành. Nghĩ tưởng đến sân hận, ganh ghét thì địa ngục hình thành.

Sự trang nghiêm của y báo, chính báo trong mười pháp giới từ đâu mà có? Là từ trong tâm tưởng của chính mình. Hết thấy các pháp đều từ trong tâm tưởng khởi sinh, biến hiện ra thành những cảnh giới ấy. Đã biết sự thật là như

thế, vì sao không nghĩ tưởng Phật? Vì sao lại nghĩ tưởng những việc khác? Nghĩ tưởng đến Phật là làm Phật. Trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, thân làm theo những điều Phật làm, miệng nói đúng những lời Phật dạy, người như thế là đã thành Phật rồi.

Cho nên, chúng ta muốn thành Phật thì không thể không đọc kinh. Nếu không đọc kinh thì tư tưởng lan man lộn xộn. Chúng ta muốn cho tư tưởng của mình hoàn toàn tương ứng với lời dạy trong kinh Phật thì khởi tâm động niệm phải nghĩ tưởng những gì? Phải nghĩ tưởng đến những ý nghĩa được Phật giảng dạy trong kinh điển, đến những lời giáo huấn của Phật, đến những cảnh giới Phật đã thuyết dạy. Vì thế, tôi khuyên mọi người tụng kinh Vô Lượng Thọ 3.000 lượt, ý nghĩa là ở chỗ này.

Kinh điển không [tụng đọc cho] thuần thực thì quý vị nghĩ tưởng điều gì? Không có cách gì nghĩ tưởng [đến Phật được] cả. Trước hết phải tụng đọc kinh điển cho thuần thực, cho đến khi thuộc nằm lòng, thuộc lòng đến mức hết sức nhuần nhuyễn thì khởi tâm động niệm tự nhiên những ý nghĩa lập luận trong kinh, những cảnh giới trong kinh hoàn toàn có thể hiện ra ngay trước mắt.

Tôi thường bảo mọi người: *“Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại hoặc tương lai nhất định sẽ gặp Phật.”* Tin vào điều đó hay không là tùy quý vị. Có người tin được, làm theo, đạt được chỗ tốt đẹp, người ấy hết sức vui mừng hoan hỷ, đến nói cho tôi biết, tôi cũng vui mừng hoan hỷ theo, tôi vì người ấy mà hoan hỷ. Những người không chịu tiếp nhận, không chịu làm theo, tôi thấy vậy cũng vẫn hoan hỷ. Vì sao vậy? Một khi tâm người ấy nghĩ tưởng thì sự việc sẽ thành tựu, pháp giới khắp hư không chính là như vậy. Người ấy trong đời này không được cứu độ nhưng cũng xem như đã gieo trồng được căn lành, trong tạng thức (a-lại-da thức) cũng đã có một nhân

duyên [về sau] được cứu độ, có chủng tử của việc được cứu độ. Như vậy cũng tốt, chỉ là không được cứu độ ngay trong đời này mà thôi.

Lý lão sư trước đây thường giảng, còn muốn kéo dài kiếp sống trong luân hồi là còn phải chịu đựng rất nhiều khổ nạn. Cho nên, chúng ta thực sự tin nhận, thực sự vâng làm theo lời dạy, ngay trong đời này phải làm xong việc này. Đó là căn lành, phúc đức, nhân duyên đều đã thành thực.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 24

(Giảng ngày 12 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 25, số hồ sơ: 19-012-0025)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mời quý vị xem tiếp đến câu thứ 15 trong Cảm ứng thiên: “*Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.*” (Hợp đạo thì tiếp tục làm, trái đạo thì thôi lui.) Từ câu này suốt đến câu thứ 36: “*Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.*” (Muốn cầu làm thiên tiên phải thực hiện một ngàn ba trăm điều thiện. Muốn cầu làm địa tiên phải thực hiện ba trăm điều thiện.) là một đoạn, thấy đều nói về phước báo. Xét trong toàn bản văn thì đây là đoạn lớn thứ ba.

Tám chữ này là nói tổng quát: “*Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.*” (Hợp đạo thì tiếp tục làm, trái đạo thì thôi lui.) Người ta nên dứt bỏ điều ác, tu tập điều thiện, đó là chân lý bất di bất dịch. Hết thấy chúng sinh, có ai không cầu được phước báo? Có ai lại mong muốn gặp phải tai họa? Nhưng quý vị cũng đã biết phước báo từ đâu mà ra, tai họa từ đâu mà đến. Tám chữ này chính là [chỉ rõ] nguồn gốc ban đầu của mọi điều lành dữ, họa phước. Nhưng trong tám chữ này thì ý nghĩa then chốt nằm ở chữ *đạo*, vậy chữ *đạo* này phải hiểu thế nào?

Ý nghĩa chữ này rất sâu rộng. Thông thường thì *đạo* được hiểu là lý lẽ, là đạo lý, cũng được hiểu là con đường. Vậy thế nào gọi là “*hợp đạo*”? Thế nào là “*trái đạo*”? Đây là điều chúng ta phải phân biệt thật rõ ràng.

Tâm hiền thiện, công hạnh hiền thiện là *hợp đạo*. Tâm bất thiện, việc làm bất thiện là *trái đạo*. Đó là xét từ góc độ gieo nhân. Điều lành, phước báo là *hợp đạo*. Điều xấu ác, tai

nạn hiểm họa là *trái đạo*. Đó là xét từ góc độ nhận lãnh quả báo. Đối với lý lẽ và sự tướng về nhân quả, chúng ta đều phải nhận hiểu thật rõ ràng.

Tiêu chuẩn [về hợp đạo] trong Phật pháp thì chính là [so với] đức của tự tánh. Những gì phù hợp, thuận theo đức của tự tánh là *hợp đạo*. Những gì không phù hợp, trái ngược với đức của tự tánh là *trái đạo*.

Đức của tự tánh, nếu xét đến chỗ rốt ráo thì chính là tâm tánh quy về một niệm chuyên nhất. Cho nên, xét đến rốt cùng thì một niệm chuyên nhất là *hợp đạo*, phân ra hai niệm, ba niệm... đều là *trái đạo*. Tiêu chuẩn này rất cao, là tiêu chuẩn của hàng Pháp thân Đại sĩ, chư Phật Như Lai, vì chỉ có các ngài mới đủ năng lực giữ vững một niệm chuyên nhất, không rơi vào niệm thứ hai. Cho nên, quả báo của các ngài là đại cát, đại phúc, là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Trong kinh Đại thừa thường gọi đó là *pháp giới nhất chân*.

Pháp giới nhất chân từ đâu mà có? Từ một niệm chuyên nhất mà có. Nếu chúng ta không giữ vững được một niệm chuyên nhất, hóa thành phân tâm tán ý, từ đó liền biến hiện ra *mười pháp giới* với sự trang nghiêm của y báo và chánh báo. Cho nên, đối với bậc Pháp thân Đại sĩ thì *mười pháp giới* với sự trang nghiêm của y báo và chánh báo đều là *trái đạo*.

Chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa đó. Dù tự thân mình chưa làm được nhưng không thể không hiểu biết. Điểm tốt của sự hiểu biết là trong quá trình tu học sẽ không rơi vào chỗ biết ít mà tự cho là đủ. Vì biết được cảnh giới hiện tại của mình hết sức giới hạn, nên từ đó mới phát tâm phấn chấn không ngừng nỗ lực hướng thượng vươn lên.

Thế nhưng, trong điều kiện trước mắt của chúng ta, hãy đem [ý nghĩa của] chữ *đạo* ấy hạ xuống mức thấp. Đến mức thấp nhất thì những gì là *đạo*? Đó là năm giới và mười nghiệp lành. Những gì là *trái đạo*? Đó là phạm vào năm giới, là mười điều ác. Đã hạ thấp tiêu chuẩn [định nghĩa] đến mức này thì

chúng ta nhận hiểu được rõ ràng, sáng tỏ rồi, đã có được một chỗ để làm căn cứ, đã biết được chỗ để bắt đầu tu tập. Đó là nói một cách phổ quát với toàn thể đại chúng.

Riêng với quý vị đồng tu niệm Phật thì tại sao quý vị niệm Phật? Mục đích của việc niệm Phật là gì? Đó là cầu mong được sinh về Tịnh độ. Nói cách khác, sự mong cầu này không thể là rỗng không vô ích, nhất định phải thành hiện thực. Cho dù là sinh về cõi *phàm thánh đồng cư* ở phẩm vị thấp nhất,¹ cũng không phải là vô ích, tâm nguyện cũng được trọn thành.

Mức độ [tu tập để đạt được phẩm vị vãng sinh] thấp nhất này là gì? Đức Thế Tôn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã dạy chúng ta về “*tịnh nghiệp tam phúc*” (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh), đó là mức độ [tu tập] thấp nhất, nếu muốn được vãng sinh ngay trong đời này thì phải nhận biết rõ.

Về “*tịnh nghiệp tam phúc*”, trước đây tôi đã giảng qua rất nhiều lần, có cả băng ghi âm, băng ghi hình, dường như cũng có in thành sách lưu hành rồi. Phật dạy về ba điều phúc lành [trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật] tổng cộng có 11 câu. Thuận theo 11 câu này là *hợp đạo*, nghịch với 11 câu này là *trái đạo*.

Điều phúc thứ nhất thuộc về phước báo cõi trời người, cũng là *đạo* trong hai cõi trời, người. Quý vị vãng làm theo điều này thì đời đời kiếp kiếp không mất thân người. Quý vị không vãng làm theo điều này thì *trái đạo*. Trái đạo là ba đường ác, nhất định phải đọa vào ba đường ác.

¹ Cõi phàm thánh đồng cư (Phàm thánh đồng cư độ): là một trong Tứ độ (bốn cõi) ở thế giới Cực Lạc, bao gồm: 1. Phàm thánh đồng cư độ; 2. Phương tiện hữu dư độ; 3. Thật báo vô chương ngại độ; 4. Thường tịch quang độ. Người vãng sinh tùy theo mức độ cao thấp của công phu tu tập mà được sinh về một trong bốn cõi này. Mỗi cõi lại phân ra ba hạng (tam bối) và mỗi hạng lại phân ra ba phẩm (tam phẩm) tạo thành 9 phẩm. Hạ phẩm hạ sinh là phẩm vị thấp nhất trong 9 phẩm.

Bốn câu nói về điều này là: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*” (Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng, giữ lòng từ không giết hại, tu mười nghiệp lành). Chúng ta có hiểu rõ được những ý nghĩa này chăng? Chúng ta có chịu làm theo hay chăng?

Trong câu thứ nhất [*“hiếu dưỡng phụ mẫu”*] cũng đã hàm ý nói rõ về mười nghiệp lành. Đây là căn bản của mọi điều căn bản. Thế nào gọi là *hiếu*? Thế nào gọi là *kính*? Nhất định phải hiểu điều này thật rõ ràng, sáng tỏ. Chỗ này tôi sẽ không giảng giải nhiều.

Điều phúc thứ hai thuộc về hàng Nhị thừa,¹ là tiêu chuẩn tu tập của Nhị thừa. Ba câu nói về điều này là: “*Thọ trì tam quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi*.” (Thọ trì ba quy y, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.) Như vậy là đã bước vào cửa Phật. Điều phúc thứ nhất là nền tảng để bước vào cửa Phật, nhưng chưa thực sự bước vào. Đến điều phúc thứ hai là đã bước vào, đã làm đệ tử của Phật, là học trò của Phật.

Quý vị thử nghĩ xem, chúng ta có đủ tư cách làm học trò của Phật hay chăng? Học trò của Phật thì phải tuân thủ trong khuôn thước của ba quy y, khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều không trái lời Phật răn dạy.

Trước hết trong ba quy y là quy y Phật, điều này khi truyền thụ ba quy y tôi có giảng giải hết sức rõ ràng, sáng tỏ. Quy y Phật là sáng suốt hiểu biết, không mê lầm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động có được sáng suốt, không mê lầm hay chăng? Sáng suốt hiểu biết là *hợp đạo*, mê lầm là *trái đạo*.

Tư tưởng, kiến giải của chúng ta có chính xác hay chăng? Tư tưởng, kiến giải hoàn toàn chân chánh, phù hợp với [lời dạy của] Phật là *hợp đạo*. Tư tưởng, kiến giải không chân

¹ Nhị thừa: chỉ các vị tu tập hướng đến Tứ thánh quả (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán) tức *Thanh văn thừa* và *Bích-chi Phật* hay *Duyên giác Phật* tức *Duyên giác thừa*.

chánh, rơi vào tà tri, tà kiến là *trái đạo*. Đó là ý nghĩa của việc quy y Pháp.

Thứ ba là quy y Tăng. Tăng là sáu căn thanh tịnh, không bị cảnh trần làm nhiễm bẩn. Chúng ta nghĩ xem, tâm mình có thanh tịnh hay chẳng? Ý niệm của mình có thanh tịnh hay chẳng? Thân này có thanh tịnh hay chẳng? Hoàn cảnh sống quanh ta hiện nay có thanh tịnh hay chẳng? Thanh tịnh là *hợp đạo*, không thanh tịnh là *trái đạo*.

Cho nên, đệ tử của Tam bảo trong mỗi niệm đều phải tương ứng, phù hợp với “*giác, chánh, tịnh*” (hiểu biết sáng tỏ, chân chánh, thanh tịnh). Đó là *hợp đạo*. Nếu mỗi niệm đều rơi vào “*mê, tà, nhiễm*” (mê lầm, tà vạy, nhiễm bẩn) thì đó là *trái đạo*. Tư tưởng, lời nói, việc làm đều phải y theo giới luật, đặc biệt là với người mới phát tâm.

Thật ra thì từ lúc mới phát tâm cho đến địa vị Như Lai, Bồ Tát Đẳng giác, [hành giả] đều nghiêm trì giới luật. Quý vị đã có bao giờ thấy chư Phật, Bồ Tát phá giới, phạm giới? Hoàn toàn không có. Hình tượng của chư Phật, Bồ Tát đều làm lợi ích cho chúng sinh. Đệ tử Phật phải noi gương chư Phật, Bồ Tát. Học Phật phải học đến mức giống như Phật. Phải đem chỗ giống như Phật đó mà làm tấm gương sáng, làm khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo cho toàn xã hội, cho hết thấy chúng sinh. Chúng ta phải thấu hiểu được ý nghĩa này. “*Không phạm oai nghi*”, oai nghi đó chính là khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo.

Điều phúc thứ ba là nền tảng của Bồ Tát Đại thừa, [trước hết dạy] “*phát tâm Bồ-đề*”. Phát tâm Bồ-đề là phát “*Tứ hồng thệ nguyện*” (Bốn lời nguyện sâu rộng).¹ Phát nguyện rồi thì phải thực hiện. Tâm nguyện ấy không thể là hư rộng, phải làm được. Cho nên Bồ Tát phải có tâm *tàm quý*,² nhờ

¹ Bốn lời nguyện sâu rộng, bao gồm: 1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; 2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn; 3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học; 4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

² Tàm quý: nghĩa đen là hổ thẹn. Theo Câu-xá luận có hai cách giảng giải. Thứ nhất, tôn kính ngưỡng mộ công đức, những điều tốt đẹp là tàm, kiêng

tâm tầm quý thúc giục, khích lệ trong sự tu tập, khiến cho Bồ Tát có thể phát tâm phẫn chán hướng thượng, tinh tấn, dũng mãnh. Tầm quý là *hợp đạo*; không có tầm quý, không biết hổ thẹn là *trái đạo*.

[Tiếp đến là] “*thâm tín nhân quả*” (tín sâu nhân quả), tôi đã giảng về câu này rất nhiều. Nhân quả đề cập ở đây không phải là nhân quả hiểu theo nghĩa thông thường. Nhân quả theo nghĩa thông thường thì có lý nào Bồ Tát lại không biết? Nhân quả ở đây là: “*Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*.” Thực sự thì không mấy người hiểu được ý nghĩa này.

[Tiếp theo nữa là] “*tụng đọc [kinh điển] Đại thừa, khuyên bảo khích lệ hành giả*”. Tụng đọc [kinh điển] Đại thừa là thân cận chư Phật Như Lai. Mỗi ngày đều không bỏ luống qua, mỗi ngày đều thân cận chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai ở tại đâu? Các kinh điển Đại thừa chính là chư Phật Như Lai, mỗi ngày đều phải tụng đọc.

Về phương pháp tụng đọc, trước tiên phải thân cận với một vị thiện tri thức. Đây là bí quyết cầu đạo, cầu học ở thế gian cũng như xuất thế gian, người xưa gọi là “*theo thầy học đạo*”. Nhất định phải nương theo một vị thiện tri thức mà thành tựu, sau đó mới có thể tham vấn cầu học với vô số các bậc thiện tri thức khác. Dưới sự dẫn dắt của một vị thiện hữu mà thành tựu được bản lĩnh tham học thì mới có năng lực tham học. Bản lĩnh đó là gì? Kinh Bát-nhã gọi đó là *căn bản trí*. Tham vấn khắp thấy các bậc thiện tri thức là thành tựu *hậu đắc trí*, [có đủ hai trí thì] trí tuệ mới được viên mãn.

Phần cuối Kinh Hoa Nghiêm đưa ra cho chúng ta một ví dụ minh họa: Đồng tử Thiện Tài thân cận với Bồ Tát Văn Thù. Đó là [thân cận với] một bậc thiện tri thức. Đó là theo

sợ tội lỗi xấu ác là quý. Thứ hai, tự biết được những điều xấu ác của mình rồi cảm thấy hổ thẹn là tâm, tự mình lỡ tạo tội rồi cảm thấy xấu hổ với người khác là quý.

thầy học đạo. Đồng tử Thiện Tài dưới sự dẫn dắt của ngài Văn Thù đạt được *căn bản trí*, sau đó mới ra đi tham học. Qua 53 lần tham học thành tựu trọn vẹn được *hậu đắc trí*, đó là trí tuệ viên mãn.

Không có *căn bản trí*, quý vị không có năng lực tham học. Căn bản trí là thật trí, là trí tuệ chân thật. Trí này có năng lực phân biệt được chân chánh với hư vọng, có năng lực phân biệt được tà chánh, thị phi, thiện ác, lợi hại, một khi vừa tiếp xúc liền rõ biết. Cho nên [người đạt được *căn bản trí* rồi] ra đi tham học, bất kể gặp hạng người nào, bất kể gặp sự việc gì, cũng đều là khai mở trí tuệ, không gặp phải chướng ngại.

Nếu quý vị không có được [năng lực] căn bản này mà ra đi tham học, gặp một vị thiện tri thức chỉ cho một con đường, gặp hai vị thiện tri thức lại chỉ ra hai con đường, gặp ba vị thiện tri thức thì thành ngã ba đường, gặp bốn vị thiện tri thức là đứng giữa ngã tư đường, quý vị biết đi về đâu? Quý vị không biết đi đường nào cả!

Khi quý vị có căn bản, có thể phân biệt, có thể nhận thức, thì không có gì phải sợ. Dù thân cận nhiều vị thiện tri thức nhưng phương hướng, mục tiêu của quý vị nhất định không thay đổi. Chúng ta xem như Đồng tử Thiện Tài là một hình mẫu minh họa.

Đồng tử Thiện Tài thân cận Bồ Tát Văn Thù, được ngài dạy dỗ điều gì? Ngài dạy cho pháp môn niệm Phật. Nhưng xem trong kinh văn không thấy được điều đó. Kinh văn thì không có, nhưng ý nghĩa là rõ ràng như thế. Ý nghĩa ấy nằm ở đâu? Bồ Tát Văn Thù cầu sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, [Thiện Tài là] môn sinh đặc ý nhất của ngài, nếu như không kế thừa y bát thì sao có thể gọi là đệ tử truyền pháp? Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này. Đức Thế Tôn dạy chúng ta pháp Tứ y, trong đó có “*y nghĩa bất y ngữ*” (y theo ý nghĩa, không y theo từ ngữ), quý vị cần phải thể hội được ý nghĩa đó.

Lại xem Thiện Tài ra đi tham học với những ai? Vị thiện tri thức đầu tiên là Tỳ-kheo Cát Tường Vân đã dạy cho Thiện Tài điều gì? Dạy pháp Tam-muội Ban-chu. Pháp Tam-muội Ban-chu chính là chuyên niệm hồng danh A-di-đà Phật, cũng gọi là Tam-muội Phật Lập.¹

Vị thiện tri thức được tham học cuối cùng là Bồ Tát Phổ Hiền, [người phát khởi] *Thập đại nguyện vương* dẫn về Cực Lạc. Suốt từ khởi đầu cho đến kết thúc [hành trình tham học] đều là pháp môn niệm Phật. [Quá trình tham học của Đồng tử Thiện Tài] đã nêu lên cho chúng ta một tấm gương để noi theo. Đó là *hợp đạo* thì phải tiếp tục làm, phải dũng mãnh tinh tấn mà làm; *trái đạo* thì phải gấp rút nhanh chóng thối lui.

Hai câu [*tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên bảo khích lệ hành giả*] là nói tổng quát. Không chỉ riêng mình hiểu biết sáng tỏ, còn phải thường khuyên bảo, dẫn dắt người khác, giúp đỡ người khác. Đó là phần cuối trong điều phúc thứ ba: “*Khuyên bảo khích lệ hành giả*.”

Nói tóm lại, trong 11 câu [nói về ba điều phúc], có 10 câu là *tự lợi* (tự làm lợi ích cho mình), câu cuối cùng là *lợi tha* (làm lợi ích cho người khác). Tự làm lợi ích cho mình rồi mới có khả năng làm lợi ích cho người khác. Tự mình chưa có thành tựu gì mà nghĩ đến việc làm lợi ích cho người khác, kinh Phật thường nói là điều “*không thể có*”.

Cho nên, hai câu tám chữ: “*Độc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả*” có hàm nghĩa hết sức sâu rộng, là cương lĩnh tổng quát của những điều phúc thiện. Tiếp theo phần sau sẽ nói về cách thức tu thiện, tu phúc, tích lũy công đức trong cuộc sống hằng ngày.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

¹ Tam-muội Ban-chu, dịch ý là Tam-muội Phật Lập, vì người hành trì pháp Tam-muội này được thành tựu thì có thể nhìn thấy được chư Phật mười phương hiện ra đứng trước mặt mình, cho nên gọi tên là Phật Lập.

Bài giảng thứ 25

(Giảng ngày 13 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 26, số hồ sơ: 19-012-0026)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đến đoạn thứ 16 trong *Cảm ứng thiên*. Chúng ta phân đoạn hoàn toàn y theo sách *Vị biên*. Đoạn này có hai câu: “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.*” (Không làm những việc tà vạy. Chẳng xem thường nơi khuất tất vắng vẻ.)

Đoạn trước đã giảng về phước báo, xét trong toàn bản văn là đoạn thứ ba: “*Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.*” (Hợp đạo thì tiếp tục làm, trái đạo thì thôi lui.) Hai câu ấy là cương lĩnh tổng quát.

“*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.*” (Không làm những việc tà vạy. Chẳng xem thường nơi khuất tất vắng vẻ.) Từ câu này trở xuống là nói về việc tu tích phước báo, trong đạo Phật gọi là tu hành.

Điều quan trọng thiết yếu nhất trong sự tu hành là tâm địa phải chân thành. Hai câu này dạy ta về thành ý, chính là từ chỗ căn bản mà khởi sự tu tập. Chữ “*lý*” (làm) chỉ chung mọi hành động của thân, ý niệm của tâm. Cho nên, khởi tâm động niệm, hành vi tạo tác đều là “*lý*”, đều gọi chung là “*làm*”. Trong hai chữ “*tà kính*”, *tà* (tà vạy) được dùng đối lại với *chánh* (chân chánh). Nói cách khác, “*tà kính*” là chỉ chung hết thảy mọi sự thấy biết sai lầm tà vạy, nói năng hành động tà vạy, không chân chánh. Cũng có nghĩa là ba nghiệp *thân, khẩu, ý* trái với đạo lý chân chánh thì đều gọi là *tà*.

Chữ “*khi*” (xem thường) là ý nói đã biết rõ mà còn cố ý phạm vào, nên gọi là xem thường, là dối mình, dối người.

“*Ám thất*” (nhà tối) là chỉ nơi [vắng vẻ khuất tất,] người khác không thể nhìn thấy, cũng là nơi bắt đầu phân chia ranh giới [quyết định việc] thiện ác. Việc dứt ác tu thiện phải dụng công từ chỗ này, đó là tu hành chân chánh.

Hai câu này là thực tiễn chân thành, là mẫu mực của sự chân thành. Chúng ta muốn tự xét bản thân mình xem đã đạt đến sự chân thành hay chưa, có thể dùng [hai câu] tám chữ này để so sánh, kiểm tra mà biết được. Cho nên, hai câu tám chữ này nói lên được những ý nghĩa hết sức tinh vi, tế nhị.

“*Bất lý tà kính*” (không làm những việc tà vạy) cũng chính là như Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ: “*Đoan tâm, đoan ý, đoan thân*” (tâm, ý, và thân đều ngay thẳng), ý muốn nói là chân chánh ngay thẳng. Người thế gian thường nói là “*đường đường chính chính*”. Người Trung quốc thời xưa thì tiêu chuẩn mong đợi đối với giới trí thức là phải “*quang minh chính đại*”, phải “*đường đường quân tử*”. Do đó có thể biết rằng, Nho gia nói về tiêu chuẩn của người quân tử là phải như hai câu này: “*Không làm những việc tà vạy. Chẳng xem thường nơi khuất tất vắng vẻ.*”

Nền giáo dục của Nho gia phân chia thành ba mức độ [đào tạo] là người quân tử, người hiền và bậc thánh nhân. Đó là mục đích của giáo dục [theo Nho gia]. Cho nên nói rằng, chí hướng của người đọc sách là thánh hiền, đi học là để thành bậc thánh, để thành người hiền. Quân tử là [tiêu chuẩn] căn bản để làm người hiền, để thành bậc thánh, nên muốn làm bậc thánh hiền thì [trước hết] phải làm được như tám chữ này: “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.*” (Không làm những việc tà vạy. Chẳng xem thường nơi khuất tất vắng vẻ.)

Phật pháp giảng giải rõ ràng hơn. Giáo dục trong Phật giáo cũng phân chia thành quả thành ba bậc là A-la-hán, Bồ Tát và Phật. So sánh với Nho gia thì A-la-hán và quân tử giống nhau, Bồ Tát là người hiền và Phật là bậc thánh nhân.

Tuy cũng phân chia ba bậc tương tự như vậy, nhưng trong thực tế có sự khác biệt cao thấp rất lớn.

Giáo dục của Nho gia là [giới hạn] trong một đời này, khởi đầu là dạy con từ lúc trong thai và kết thúc là già chết, tang sự hợp lễ, thờ cúng chân thành.¹ Nhưng giáo dục trong Phật giáo là gồm đủ ba đời, có đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Về mặt không gian thì Phật giáo nói đến các pháp giới cùng khắp trong hư không, đó là chỗ mà nội dung giáo dục của Nho gia không thể theo kịp. Cho nên, giáo dục trong Phật giáo giảng giải hết sức tinh tế tường tận, hết sức chu đáo, giúp người nhận biết rõ ràng rồi thì tự hiểu được là nên làm người tốt, nên làm người hiền thiện, không nên làm người xấu ác, không nên làm người bất thiện, mong cho người khác cũng được hiền thiện như mình, được vậy thì vui sướng biết bao.

Chúng ta mong cầu sao cho cả gia đình làm người thiện, cả đất nước cùng làm thiện, cả thế giới đều làm thiện. Quý vị có tâm nguyện như vậy, hành trì như vậy thì tương ứng với Phật đạo. Như vậy thì đương nhiên khi nói đến *“những việc tà vạy”* quý vị có thể *“không làm theo”*, nói đến *“chỗ khuất tất vắng vẻ”* quý vị có thể *“chẳng xem thường”*.

Trong quá khứ, người đời đều biết [làm điều hiền thiện để] cầu phúc cho con cháu. Người thời nay rất ít [người như vậy], trong thực tế đều chỉ lo cho tự thân mình. Có thể quan

¹ Tang sự hợp lễ, thờ cúng chân thành: nguyên văn trong bài giảng nói là “thận chung truy viễn” (慎終追遠), xuất phát từ một câu nói của Tăng tử: “Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu.” (慎終追遠，民德歸厚) Sách Luận ngữ, quyển 9, giải thích: “Thận chung giả, tang tận kỳ ai; truy viễn giả, tế tận kỳ kính.” (慎終者，喪盡其哀。追遠者，祭盡其敬。 - Thận chung là nói việc tang lễ [cha mẹ] phải hết lòng bi ai; truy viễn là nói cúng tế [tổ tiên] phải hết lòng cung kính.) Đối với Nho gia thì đây là những phận sự cuối cùng đánh dấu sự chấm dứt một đời người, vì sau tang sự, thờ cúng thì không còn gì nữa.

tâm đến gia đình, quan tâm đến vợ con cũng đã xem là người tốt rồi. Nhưng con cái quan tâm đến cha mẹ thật ít có, thực tế mà nói là không gặp được nhiều. Thực trạng này Nho gia gọi là “*nhà không ra nhà, nước không ra nước*”.

Gia đình là căn bản của đất nước, [người trong một nhà] là sự kết hợp bởi ân nghĩa. [Mọi người cùng] lo lắng cho nhau, quan tâm đến nhau, hòa hợp giúp đỡ cho nhau, như vậy mới có ân, như vậy mới có nghĩa. Nếu [mỗi người] chỉ biết lo cho bản thân mình, chỉ nghĩ đến riêng mình, không quan tâm người khác, thì [gia đình như thế] không có ân nghĩa.

[Quan hệ] ân nghĩa [trong gia đình] vốn là lẽ tự nhiên, nhưng cũng cần có sự bồi đắp qua thời gian. Nếu hoàn cảnh về sau có trắc trở, ân nghĩa bị lợi nhuận, tham dục che lấp, khi ấy người ta chỉ còn biết tranh danh đoạt lợi, lời nói việc làm đều là vong ân phụ nghĩa. Như vậy thì khởi tâm động niệm cho đến hết thấy việc làm, nếu nói đến chỗ như trong hai câu này thì đối với “*những việc tà vạy*” không thể “*không làm theo*”, đối với “*chỗ khuất tất vắng vẻ*” không thể “*chẳng xem thường*”.

Cho nên, giáo dục quan trọng hơn tất cả. Chỉ có giáo dục mới có thể bổ sung những khiếm khuyết bẩm sinh [của mỗi người], mới có thể hoàn thành tốt sự phát triển căn lành đời trước. Do đó, các bậc đại thánh đại hiền trong đạo xuất thế cũng như thế gian, không một vị nào không đem hết tâm lực đóng góp vào sự nghiệp giáo dục. Đặc biệt là [các vị luân] chú trọng đến giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Chỉ cần hai phạm trù giáo dục này được thực hiện cho thật tốt thì xã hội tự nhiên được an định, thế giới nhất định có hòa bình.

Nhưng làm thế nào để thực hiện tốt? [Xét ở điểm này thì nội dung] hai câu “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất*” là quan trọng thiết yếu. Hai câu này là [dạy về] thân giáo, là ý giáo. Trong nhà Phật nói về “*tam luân thuyết pháp*”, “*tam luân*”

đó là thân, khẩu và ý. Thân phải nêu gương tốt, làm khuôn mẫu tốt cho người trong gia đình noi theo, nhất là con cái.

Cha mẹ phải nêu gương tốt cho con cái. Từ thuở nhỏ, [những gì] mỗi ngày luôn nhìn thấy trong tầm mắt từ sáng đến tối sẽ tạo một ấn tượng cực kỳ sâu sắc. Cho nên, muốn dạy con cái thành người tốt thì cha mẹ trước hết phải nêu gương tốt, tương lai con cái trưởng thành tự nhiên sẽ thành người hiền hậu, sáng suốt. Tương tự như vậy, thầy cô giáo ở trường học muốn học sinh của mình tương lai được thành tựu, cống hiến cho xã hội, cống hiến cho chúng sinh, thì cũng phải tự mình nêu gương tốt.

Ở độ tuổi còn đi học, khả năng [học hỏi theo cách] mô phỏng, bắt chước của học sinh đặc biệt rất tốt. Ở trường học thì các em học theo thầy cô giáo, trong gia đình thì học theo cha mẹ. Nếu như cha mẹ, thầy cô giáo đều không nêu gương tốt mà muốn thế hệ tiếp theo mình được thành tựu thì quả thật rất khó.

Ngày nay nhiều người có quan điểm sai lầm, cho rằng con cái hoặc học trò của mình có được tri thức về kỹ thuật, về khoa học thường thức, có năng lực kiếm tiền là tốt rồi. Quan niệm như vậy là sai lầm. Ở các nước tiên tiến trên thế giới ngày nay, thực sự có không ít khoa học gia với năng lực, kỹ thuật, khoa học thường thức, mỗi ngày đều đang phát minh, chế tạo. Họ chế tạo những gì? Chế tạo những vũ khí tinh xảo hiện đại, người bình thường không thể làm ra được. Chế tạo những thứ ấy để làm gì? Để giết người, để hủy diệt thế giới. Cha mẹ có con em như thế, thầy cô giáo có học trò như thế, có cảm thấy vẻ vang, vinh dự hay chẳng? Đó là một quan niệm hết sức sai lầm.

Nếu như nuôi dưỡng một đứa con, dạy dỗ một học trò, để tương lai thành người chế tạo các vũ khí khoa học kỹ thuật cao nhằm hủy diệt thế giới, tất nhiên không thể bằng nuôi

dưỡng một đứa con tốt, dạy dỗ một học sinh tốt có thể mang lại phước lành cho xã hội, tạo phước cho mọi người. Hai việc này đem ra so sánh với nhau, chúng ta sẽ chọn lựa thế nào? Đó là trí tuệ, đó là phúc đức.

Nếu quả thật quý vị thực sự tham cứu thấu suốt ý nghĩa này thì những gì có ảnh hưởng xấu đối với chúng sinh, đối với xã hội, thấy đều là “*những việc tà vạy*”. Trong giới luật nhà Phật cũng nghiêm cấm không được chế tạo những công cụ giết hại sinh mạng. Thời xưa chế tạo những thứ như đao, thương, cung tên... cũng đều là công cụ giết hại sinh mạng, giới luật nhà Phật đều nghiêm cấm. Không chỉ nghiêm cấm việc chế tạo mà kể cả việc mua bán [các thứ ấy] cũng là phạm giới, cũng là phá giới.

Thời xưa, những binh khí, công cụ giết hại đó, trong thực tế thì mức độ sát thương rất nhỏ [so với vũ khí ngày nay], để giết một con vật nhỏ thôi cũng đã phải mất không ít sức lực. Hiện nay chỉ một lần nhấn nút, một đầu đạn nguyên tử nổ tung thì có đến mấy triệu người mất mạng, như thế có thể xem là vẻ vang vinh dự hay sao? Nếu nói đó là vẻ vang vinh dự, thì ấy là vinh dự của ma vương, của quỷ quái, chẳng phải vinh dự của con người. Loài người phải buồn khổ bi ai, hai cõi trời người đều buồn khổ bi ai thì tà ma cảm thấy là vinh dự. Cụm từ “*những việc tà vạy*” xét trong bối cảnh ngày nay thì ý nghĩa thật quá lớn lao hơn so với thời xưa.

Ý nghĩa của hai chữ “*ám thất*” (nơi khuất tất vắng vẻ) cũng rất sâu xa, chỉ cho những nơi mà người khác không nhìn thấy được. Quý vị sống một mình trong một ngôi nhà, đó là nghĩa đen của từ “*ám thất*”. Nhưng ý nghĩa sâu xa hơn, ý nghĩa tinh tế hơn lại chỉ đến những ý niệm sâu kín trong lòng ta. Ngay cả khi giữa thanh thiên bạch nhật, đối diện cùng nhau thì người khác cũng không thể biết được quý vị đang che giấu những gì trong lòng. [Do đó,] quý vị khởi lên

một ý niệm gì cũng đều gọi là ở trong “ám thất”. Nên có thể thấy rằng, ý nghĩa của hai chữ “ám thất” cũng rất sâu rộng.

Thực sự đạt đến mức độ dù ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng không tự dối mình, không dối người, đó là công phu thành kính. Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta phải “*tôn thành, tận phạm*” (giữ lòng thành, hết bốn phạm). “*Tôn thành*” (giữ lòng thành) là lưu tâm giữ ý. Tám chữ “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất*” đều là nói về việc lưu tâm giữ ý. “*Phạm*” là bốn phạm, phải làm hết bốn phạm của mình vì lợi ích xã hội, lợi ích chúng sinh. Nhất định không vì bản thân mình. Nếu vì bản thân mình là rơi vào lầm lỗi. Quý vị sẽ hỏi tại sao vậy? [Đó là vì, kể] vì bản thân mình là mê muội, người vì tất cả chúng sinh là giác ngộ. Nếu vì tất cả chúng sinh thì bản thân mình cũng là một chúng sinh trong đó, nên hoàn toàn công tâm không vì lợi ích riêng.

Do đó có thể biết rằng, vì tất cả chúng sinh là vì cái ngã lớn lao rộng khắp, là cái ngã chân thật. Vì bản thân mình là vì cái ngã nhỏ nhoi hẹp hòi, là cái ngã hư giả. Ý nghĩa này, sự thật này nhất định phải thấu hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ, sau đó mới có thể thấu triệt được ý nghĩa của hai câu “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất*”, mới biết được hai câu này nên thực hiện như thế nào. Hơn thế nữa, mới hiểu được rằng nhất định phải làm theo.

Hai câu này chính là [nói về] lòng sâu vững trong tâm Bồ-đề. Lòng sâu vững luôn yêu chuộng điều lành, yêu chuộng đức hạnh, thực sự vui thích, không mảy may miễn cưỡng. Tu tạo phước lành, tích lũy công đức, thấy đều dựa trên căn bản này mà phát triển sâu rộng. Cho nên, nếu không lưu tâm giữ ý thế này thì không cần nói đến chuyện tu tập của quý vị sẽ khó khăn, mà ngay như trong cuộc sống thế tục muốn cầu được tránh dữ gặp lành, tai qua nạn khỏi cũng đều không thể được.

Trong Phật giáo, bất kỳ tông phái nào cũng đều dạy người tu hành phải bắt đầu từ chỗ căn bản. Hai câu “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất*” này chính là căn bản quan trọng nhất, ý nghĩa sâu rộng không cùng tận, hy vọng quý vị đồng học phải lưu ý, thực sự nỗ lực học tập.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 26

(Giảng ngày 14 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 27, số hồ sơ: 19-012-0027)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến việc tu tập [theo lời dạy của Đại sư Ấn Quang phải] giữ lòng thành. Trong bản văn [thì giảng đến] hai câu: “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.*” Hai câu này, trong thực tế chính là căn bản làm người, là căn bản học Phật. Các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian khi dạy dỗ hết thảy chúng sinh, điều quan trọng nhất vẫn luôn là dạy cho chúng ta khả năng phân biệt thiện ác.

Mục tiêu của giáo dục trong Phật giáo có ba giai đoạn, trong các buổi giảng kinh tôi vẫn thường đề cập đến. Giai đoạn thứ nhất là dạy người dứt ác tu thiện. Giai đoạn thứ hai là dạy người phá mê khai ngộ. Giai đoạn thứ ba là chuyển phàm thành thánh.

Căn bản của nền giáo dục này là giai đoạn thứ nhất ngay trước mắt chúng ta hiện nay. Nếu không có khả năng phân biệt thiện ác thì làm sao dứt ác, làm sao tu thiện? Cho nên, có được năng lực phân biệt rõ ràng đâu là thiện, đâu là ác thì trong đạo Phật gọi là khai ngộ, thực sự được khai ngộ.

Nhưng hai chữ “*thiện ác*” này trong thực tế thật không dễ phân biệt rõ ràng. Nếu chúng ta không từ chỗ này mà hạ thủ công phu thì mục tiêu thứ nhất của việc học Phật là dứt ác tu thiện sẽ rất khó đạt được. Đạt được mục tiêu thứ nhất này rồi, thì mới chắc chắn không bị đọa vào ba đường ác.

Hai chữ “*thiện ác*” làm sao phân biệt? Trong bản văn này có một tiêu chuẩn, tiêu chuẩn rất hay. Về mặt nguyên lý,

nguyên tắc mà nói, tiêu chuẩn này chỉ rõ tường tận [sự khác biệt giữa] hai phạm trù thiện và ác. Nhưng con người trong thời hiện đại tâm ý thô tháo, ví như có đọc bản văn này đến ba ngàn lượt cũng chưa hẳn đã có được năng lực phân biệt thiện ác. Cho nên, điều ác không dễ dứt trừ, điều thiện rất khó tu tập, ý nghĩa là ở chỗ này.

Chúng ta niệm Phật, cầu mong được sinh về Tịnh độ, nhưng đối với hai chữ “*thiện ác*” này không phân biệt được rõ ràng, đó là mê hoặc. Trong lòng mê hoặc thì tiếp tục tạo nghiệp xấu ác. Dù miệng không tạo nghiệp, thân không tạo nghiệp thì ý cũng tạo nghiệp. Mỗi một ý niệm đều tương ứng với điều xấu ác, không tương ứng với điều hiền thiện. Niệm Phật như thế thì đối với việc vãng sinh phải gặp chướng ngại rất lớn, chúng ta nhất định phải biết rõ.

Cho nên, Đại sư Ấn Quang suốt đời đem hết sức lực đề cao các sách *Liễu Phàm tứ huấn*, *Cảm ứng thiên* và *An Sĩ toàn thư*, hết sức xem trọng các sách này. Vào thời đại của ngài mà in ấn lưu hành đến hơn ba triệu quyển sách, quả thật phải khiến người ta kinh ngạc. Tại sao ngài làm như thế? Mục đích không gì khác hơn là muốn cứu vãn tai kiếp này, giúp người niệm Phật được bình an sinh về Tịnh độ.

Các bậc cổ đức thường khuyên người “*trì giới niệm Phật*”. Quý vị dùng ba quyển sách này, nội dung không nhiều lắm, lý giải cho thấu triệt rồi tin nhận làm theo, đó gọi là trì giới. Như vậy thì niệm Phật có thể vãng sinh.

Trong sách *Vị biên*, phần chú giải nói rất nhiều, nói rất tường tận, tinh tế, đưa ra nhiều thí dụ để chứng minh. Những trường hợp thí dụ ấy, thực tế mà nói cũng không đủ nói hết. Trong sách nêu ra một số trường hợp đó, bất quá chỉ là trong muôn phần nêu được một vài phần mà thôi. Nếu chúng ta thực sự lưu tâm thì ngay trong thời hiện đại này, chỉ cần quan sát thật kỹ sẽ thấy ngay quả báo thiện ác rõ ràng minh

bạch. Nhưng người tâm ý thô tháo thì không thể thấy được, người tâm ý tinh tế thì thấy rõ rất dễ dàng.

Khi chúng ta có lỗi lầm thì lỗi nào là nghiêm trọng nhất? Chính là tâm vị kỷ, chỉ biết lo nghĩ riêng cho bản thân mình, không quan tâm người khác. Vì khởi tâm động niệm đều chỉ vì lợi ích riêng tư nên chúng ta đối với mọi việc đúng, sai, thiện, ác đều bị che khuất, không thấy rõ ràng, xem thường những lời răn dạy quan trọng tối yếu về dứt ác, tu thiện. Cho nên, dù trong đời này có duyên phận tốt, được làm người, gặp Phật pháp, nhất là gặp được pháp môn Tịnh độ thù thắng này, nhưng rồi suốt một đời vẫn cứ như xưa, không thể đạt được thành tựu. Quý vị nói xem, thật đáng tiếc biết bao! Trong đời thật không có gì đáng tiếc hơn nữa, trong lòng chúng ta phải hiểu rõ việc này.

Thế nào mới được xem là tu hành chân chánh? Trước hết chúng ta phải hiểu cho thật rõ ý nghĩa hai chữ “*tu hành*”. *Hành* là hành vi, trong Phật pháp phân chia làm ba nhóm hành vi là *thân* (thân thể), *ngữ* (lời nói) và *ý* (ý nghĩ). Thân thể tạo tác, mỗi một hành vi tác động đều tạo thành nghiệp của thân. Ngữ là ngôn ngữ, lời nói. Ý là ý nghĩ, tư tưởng, sự nhận hiểu. Quý vị nghĩ tưởng, nhận biết, đó đều là hành vi của ý.

Trong ba nhóm hành vi tạo nghiệp đó thì nghiệp của ý là quan trọng nhất. Mỗi khi khởi tâm động niệm, nếu mỗi niệm đều vì lợi ích chúng sinh, đó là thiện; nếu mỗi niệm đều vì lợi ích bản thân, đó là ác. Lợi ích bản thân nhưng cũng có lợi ích cho chúng sinh, đó là trong ác có thiện. Lợi ích chúng sinh nhưng còn vướng mắc lợi ích bản thân, đó là trong thiện có ác. Hết thấy những điều này đều phải phân biệt rõ ràng thì mới có thể khởi đầu việc dứt ác tu thiện.

Nhất định phải thấu hiểu rằng kiếp người là khổ đau ngắn ngủi. Trong kinh điển Phật thường dạy rằng: “*Thế gian*

vô thường, quốc độ nguy thúy.” (Thế gian vô thường, cõi này nguy khốn mong manh.) Người thực sự hiểu biết sáng tỏ sẽ nắm chắc cơ hội [được làm người] này, chú tâm vận dụng cơ duyên, số phận hiện nay để dứt ác tu thiện, tích lũy công đức. Thiện ác vẫn là nằm trong ba cõi. Vấn đề trong ba cõi mà không giải quyết được thì không thể có khả năng vượt thoát ngoài ba cõi.

Quý vị nên biết, có những người chưa từng đọc sách, cũng không biết đọc chữ, dường như lý lẽ lập luận gì cũng không hiểu cả, nhưng phút lâm chung niệm Phật có thể tự tại vãng sinh. Không nói chuyện quá khứ, chỉ nói hiện tại, hiện tại cũng có không ít người [như vậy]. Chính tôi được nghe biết cả thầy cũng đến mấy mươi người, khi lâm chung biết trước ngày giờ ra đi, tinh thần sáng suốt, đứng mà vãng sinh, ngồi mà vãng sinh, hiện điềm lành hy hữu.

Nhìn qua thì thấy dường như các vị này đối với ý nghĩa [thiện ác] không hiểu được thật rõ ràng, nhưng trong thực tế là họ đã buông xả được muôn duyên. Quý vị hãy quan sát cho thật kỹ, sẽ thấy tâm địa các vị ấy thuần nhất từ bi, hoàn toàn không một chút ý niệm riêng tư vị kỷ, cho nên [khi họ ra đi] mới hiện điềm lành như vậy. Nếu còn bám chấp mảy may ý niệm vị kỷ riêng tư, dù cũng có thể được vãng sinh, nhưng không có điềm lành như vậy.

Hiện tượng cảm ứng này là cực kỳ vi diệu, chúng ta cần phải chú tâm quan sát kỹ, chú tâm tinh tế nhận hiểu, thực sự nỗ lực làm theo thì bản thân nhất định đạt đến chỗ tốt đẹp. Không thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa này, nhiều người thường tự cho rằng mình đang làm thiện, tự mình đã dứt lìa mọi điều xấu ác [nhưng thật ra tâm vị kỷ vẫn còn]. Cách nhận hiểu sai lầm này rất thường gặp, hiện vẫn tồn tại phổ biến nhiều nơi, nhất là trong xã hội hiện đại, trong đủ mọi tầng lớp. Quả đúng như người xưa nói: “*Gộp sai thành đúng*”, mọi người

hiện nay đều sai cả. Mọi người đều sai thì cái sai ấy được xem là đúng.

Trong pháp thế gian thì cũng có thể miễn cưỡng lập luận như thế, nhưng đứng về phương diện nhân quả hoặc theo như trong Phật pháp thì nhận hiểu như thế nhất định là sai lầm, không thể mọi người đều sai thì có thể xem là đúng. [Đối với sai lầm thực sự thì] nhân quả không khoan dung tha thứ, quỷ thần trong trời đất không khoan dung tha thứ.

Trong phần chú giải [của sách *Vị biên*] nêu ra rất nhiều trường hợp thí dụ. Chẳng hạn như nói về tiền bạc, cách sử dụng chân chánh là dùng để giúp đỡ trong xã hội, nhất là giúp những chúng sinh đang gặp khổ nạn. Chúng ta xem các bậc hiền nhân ngày xưa nhìn vấn đề tiền bạc như thế nào. Quý vị tích lũy được nhiều tiền bạc, đó là quý vị quả thật đã từng tu tích nhiều phước báo. Người hiểu biết sáng tỏ, người đã giác ngộ [thì trong trường hợp đó] chỉ giữ lấy những gì cần thiết, những gì thực sự cần cho bản thân mình. Hơn nữa, với người có tâm từ bi, có lòng yêu thương [chúng sinh] thì sinh hoạt của bản thân họ luôn hết sức tiết kiệm, dư ra được bao nhiêu tiền bạc đều dùng hết vào việc giúp đỡ người khác. Nhân sĩ trong xã hội còn làm được như thế, huống chi là người học Phật?

Nhưng trong thế gian cũng có người học Phật rất tốt, chẳng hạn nói về tu tập bố thí tài vật như Pháp sư Ấn Quang. Ngài một đời lo việc in ấn kinh sách phân phát miễn phí, [dù còn rất khó khăn] trong thời đại của ngài. Thời nay so với thời ấy tiến bộ hơn rất nhiều, ngoài các bản kinh Phật còn có băng ghi âm, băng ghi hình, hiện nay còn có các loại đĩa CD, VCD, hết thảy đều có thể xem là công cụ để lưu thông Phật pháp, đệ tử Phật tôn xưng là Pháp bảo. Đại sư Ấn Quang tiếp nhận sự cúng dường của bốn chúng đệ tử, tiền cúng dường không dùng cho riêng mình, dù chỉ một xu, chuyên làm mỗi

một việc in kinh ấn tống, cả một đời chỉ làm một việc ấy mà thôi.

Phương thức làm của ngài rất hay. Tôi cho rằng phương thức ấy không phải do ngài chế định, nhất định do người trợ giúp ngài nghĩ ra. Kinh sách do ngài đưa ra có một phần tặng hoàn toàn miễn phí, đó là đối với những người không có khả năng mua, những người có đời sống khó khăn, tặng cho họ hoàn toàn miễn phí. Với những người có đời sống vật chất khá hơn, ngài thu một nửa giá thành. Với những người giàu có, ngài thu lại đúng giá thành in kinh sách. Do đó có thể biết rằng, khi thu đúng giá thành in kinh sách thì ngài cũng không kiếm được một xu nào từ việc đó. Vì sao làm như vậy? Mục đích không ngoài việc tạo cơ hội gieo trồng phước lành, giúp cho mọi người một cơ hội gieo trồng phước lành, không để họ bỏ luống qua, ý nghĩa là như vậy, nhất định không thể nói là vì muốn kiếm tiền.

Hiện nay một số tín đồ Phật giáo có quan niệm sai lầm, [in ấn kinh sách bán ra để] kiếm tiền rồi dùng tiền kiếm được để tiếp tục in ấn nữa, tiếp tục lưu thông nhiều hơn nữa. Quý vị nói xem, quan niệm này là đúng hay không đúng? Không thể nói là không đúng, cũng không thể nói là hoàn toàn đúng. Theo cách nhìn của thế tục trong công việc làm ăn mua bán thì quan niệm đó là đúng, nhưng trong Phật pháp thì như vậy không đúng.

Trong Phật pháp, quý vị nên biết là tiền bạc [dùng ấn tống kinh điển] như thế sẽ dùng không hết, không bao giờ hết, quý vị cần gì phải kiếm thêm đôi chút tiền lãi? Đúng sau hỗ trợ cho Phật pháp chính là chư Phật Như Lai, phước báo của các ngài thế gian này không ai có thể sánh kịp. Quý vị không cần phải nhìn nơi đâu khác, chỉ cần quan sát kỹ những gì tôi làm trong một đời này thôi. Từ xưa đến nay tôi chưa từng bán một quyển sách nào, đừng nói là giá thành chi

phí in ấn, đến một phần trăm của chi phí đó tôi cũng không thu lại. Vậy mà quý vị xem, tiền để in kinh sách cứ mỗi ngày một nhiều hơn, kinh sách cũng ngày càng in ấn được nhiều hơn, đó chẳng phải là một sự chứng minh rất thuyết phục hay sao?

Chúng ta lưu hành kinh điển Phật pháp, càng ngày càng được nhiều hơn, đó là oai thần của Tam bảo gia trì, không thể nghĩ bàn. Nếu như chúng ta đối với việc này không có lòng tin thì quả thật sai lầm.

Chúng ta giảng đến câu “*Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.*” (Không làm những việc tà vạy. Chẳng xem thường nơi khuất tất vắng vẻ.) Hai chữ “*tà*” (tà vạy) và “*ám*” (khuất tất, tối tăm) ý nghĩa hết sức sâu rộng, vô cùng tinh tế, sâu kín, chúng ta phải nhận hiểu thật thấu đáo, phải từ nơi chỗ tinh tế, sâu kín mà khởi làm. Phải khởi thiện tâm chân thành, làm việc thiện chân chánh, vì chư Phật Bồ Tát mà làm, vì hết thảy chúng sinh mà phụng sự, tự nhiên có thể được Phật lực gia trì, tự nhiên được các vị thiện thần, trời, rồng theo giúp đỡ.

Chúng ta mang Phật pháp đến cho hết thảy những chúng sinh đang chịu khổ nạn, hy vọng những chúng sinh ấy đều nhờ nơi Phật pháp mà được cứu độ.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 27

(Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 28, số hồ sơ: 19-012-0028)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến căn bản của sự tu hành, làm thế nào để đạt được tâm thành kính, đối với các việc đúng sai, tà chánh, thiện ác phải phân biệt hết sức rõ ràng, sáng tỏ. Việc này từ xưa nay vốn không dễ dàng.

Nền giáo dục thời xưa rất tốt, tuy trường học chưa được phổ cập rộng rãi như bây giờ, nhưng cha mẹ đều quan tâm lo việc dạy dỗ con cái, tinh thần trách nhiệm so với thời nay rất khác biệt. Người xưa ai ai cũng hết sức xem trọng giáo dục, phong khí xã hội còn thuần hậu, khái niệm luân lý đạo đức còn tồn tại phổ biến. Những lời dạy của các bậc thánh hiền Trung quốc thời xưa, nay vẫn có thể đọc thấy trong sách *Ngũ chủng di quy*. Hiện nay có biếu tặng quý vị sách *Lễ ký tinh hoa lục*, trong đó cũng có thể đọc thấy.

Nhưng từ thời Dân quốc đến nay, quan niệm giáo dục thời xưa bị phủ định, quan niệm [giáo dục theo] Tây phương được tiếp nhận phổ biến. Người Tây phương theo chủ nghĩa vị lợi, đối với đạo đức luân lý [của Trung quốc thời cổ đại] họ không nhận hiểu được rõ ràng. Trung quốc chịu ảnh hưởng của việc này rất lớn. Từ đó, thế hệ tuổi trẻ [ngày nay] ngay từ thuở nhỏ đã không được ai dạy dỗ, không có ai giảng giải, xã hội cũng không chú trọng, cũng không đề xướng.

Trong lòng chất chứa phiền não tập khí từ vô số kiếp đến nay, bên ngoài thì nằm dục lạc trong sáu trần cảnh dẫn dụ mê hoặc, sao có thể không động tâm? Sao có thể không

khởi niệm [chạy theo]? Trong hoàn cảnh như thế mà thực sự không động tâm, thực sự không khởi niệm thì đó không phải phạm phu, nhất định là chư Phật, Bồ Tát thị hiện. Nếu thật là phạm phu thì không có khả năng như thế!

Trước thực trạng [thay đổi] như thế, chỉ có một số rất ít các vị tiên sinh cao niên từng đọc sách xưa mới thỉnh thoảng còn trao đổi, bàn luận, hoặc trong nhà chùa thì các vị hòa thượng khi giảng kinh thuyết pháp cũng thỉnh thoảng đề cập đến [nền giáo dục xưa], còn từ nay về sau nữa thật rất khó nói.

Từ hiện tượng đó, chúng ta thực sự nhận hiểu được vì sao Giáo pháp của đức Thế Tôn có ba giai đoạn [chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp]. Ba giai đoạn ấy thủy đều khác biệt, mỗi lúc một đi xuống, nguyên nhân thì nhìn chung ta đã thấy rõ. [Thời mạt pháp,] pháp lành không còn ai giảng dạy, dẫn dắt.

Thực tế không phải là không có người dạy, mà là không có người chịu nghe chịu học, không có người chịu tiếp nhận. Cho nên chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sinh tất yếu phải dùng đến một phương thức khác. Phương thức khác đó tất nhiên là trí tuệ cao minh ở mức cùng cực, nhưng khó thực hiện mà hiệu quả cũng không lớn, chính là hai pháp *lợi hành nhiếp* và *đồng sự nhiếp* trong Tứ nhiếp pháp, quả thật là chư Phật, Bồ Tát hết sức từ bi.

Sự nghiệp chúng ta thực hiện ngày nay chính là kế thừa ý niệm này, kế thừa mối đạo này, quên mình vì người khác. Theo quan niệm của người thế gian mà nói thì tự thân mình phải có sự hy sinh lớn lao, xa lìa danh lợi, xa lìa năm dục sáu trần. Vì sao? Vì muốn mang lại hạnh phúc cho hết thảy chúng sinh. Cho nên, mấy năm qua tôi giảng kinh thuyết pháp ở các nơi, nêu đề mục chung thường chọn lấy hai câu của quý thầy cô giáo ở trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh: “*Học vì nhân sư,*

hành vi thế phạm.” (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.) Hai câu này quả đúng là tâm Bồ Tát, hạnh nguyện Bồ Tát. *Làm thầy* là chuẩn mực, *nêu gương* là khuôn mẫu cho người đời noi theo.

Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, đã có thể nêu gương sáng cho người đời hay chưa? Muốn vì người khác nêu gương sáng thì tự mình nhất định phải tuân theo luân lý, đạo đức, vâng theo những lời răn dạy của bậc thánh hiền. Cho nên, kinh điển phải đọc thật kỹ, lý lẽ phải suy ngẫm sâu xa, sau đó mới đem những lời dạy bảo của thánh hiền áp dụng vào thực tế.

Người đời có thể sống dư dả sung túc, có thể hưởng thụ những điều mà họ cho là lạc thú. Những lạc thú như vậy mang lại hậu quả gì, họ có nghĩ đến hay không? Họ không hề nghĩ đến, nhưng chúng ta hãy nghĩ đến. Nếu sự hưởng thụ như thế không thể giúp vượt thoát ra khỏi sáu đường luân hồi, quý vị nên biết rõ là sự hưởng thụ ấy chỉ là tạm thời ngắn ngủi mà thôi. Trong kinh Phật có nêu ví dụ so sánh sự hưởng thụ đó như *“liếm mật ngọt trên lưỡi dao sắc”*, thật không đáng [ham thích].

Vì thế, chư Bồ Tát khi vì chúng sinh thị hiện đều thị hiện với hình thức khổ hạnh, thật rất có ý nghĩa. Xin nói để quý vị biết, mục đích thị hiện khổ hạnh là vì chúng sinh trong thời kỳ mạt pháp. Đức Phật trong thời kỳ Chánh pháp trụ thế vẫn nêu lên tám gương sáng cho chúng sinh thời kỳ mạt pháp noi theo. Điều đó nói cho ta biết rằng, chỉ thông qua đời sống [khổ hạnh] như thế, cách thức hành trì như thế, chúng ta mới giữ trọn được đức hạnh của bản thân. Lòng tham muốn không thể buông thả. Người xưa dạy rằng, tình dục khởi sinh từ chỗ hết sức vi tế, khi vừa mới sinh thì dễ khống chế. Các bậc tổ sư, đại đức của Tịnh độ tông dạy ta rằng, một câu niệm *“A-di-đà Phật”* có thể trừ được cái ý niệm [tình dục] vi tế đó.

Cần phải biết rõ sự lợi hại, được mất. Điều này trong kinh điển thường nói. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay lưu chuyển trong sinh tử luân hồi, không biết ngày nào thoát ra, khổ sở không nói hết. Nay trong đời này gặp được Phật pháp, lại gặp được pháp môn Tịnh độ thù thắng trong Phật pháp. Điều này cũng có nghĩa là ngay trong đời này ta đang có cơ hội vượt thoát sáu cõi luân hồi, có cơ hội thoát ly mười pháp giới. Một cơ hội như thế thật không dễ gặp được. Nay gặp được rồi, liệu ta có thể thoát ly [luân hồi] hay chẳng? Điểm then chốt quyết định nằm ngay trong khoảng thời gian của một ý niệm. Mỗi một niệm đó cần phải duy trì, gìn giữ, [sao cho] niệm niệm đều là giác ngộ. Vì sao bảo quý vị niệm Phật? Vì niệm Phật chính là duy trì, gìn giữ cho niệm niệm đều là giác ngộ.

Người niệm Phật rất nhiều, người đạt được thành tựu cuối cùng rất ít. Vì sao đa số người niệm Phật không được thành tựu? Vì họ không biết được điều lợi hại. Đối với sự lợi hại, được mất không thấu hiểu rõ ràng, cho nên ý niệm của họ luôn bị trói buộc bởi năm dục, sáu trần, không thể hoàn toàn buông xả. Như vậy là đã bỏ luống qua cơ hội của đời này, thật hết sức đáng tiếc.

Vì sao mỗi ngày đều phải đọc kinh, mỗi ngày đều phải giảng kinh? Trong thực tế, ý nghĩa này rất đơn giản. Chính là vì sợ chúng ta quên mất, sợ chúng ta nhất thời xao lãng mà tu tập sai lệch, cho nên mỗi ngày đều phải giảng giải.

Lớp học của chúng ta tuy không nhiều người, nhưng chúng ta kế thừa sứ mạng của chư Phật, Bồ Tát đem những ý nghĩa này, những sự thật này giới thiệu với hết thảy đại chúng. Chúng ta nếu muốn giúp đỡ người khác thì trước hết phải tự mình nhận hiểu rõ ràng, sáng tỏ, tự mình thấu triệt rồi mới có khả năng giúp đỡ người khác. Được như vậy thì công đức vô lượng. Nếu chúng ta tự mình không nhận hiểu

rõ ràng, sáng tỏ, tự mình không thấu triệt, vậy thì làm sao có thể giúp đỡ người khác?

Có khi mỗi ngày đều giảng giải, mỗi ngày đều nghiên cứu thảo luận, mà vẫn không kiếm chế được phiền não của bản thân, mới biết là tập khí phiền não của chúng ta sâu nặng biết chừng nào. Những lúc như vậy ta phải làm sao? Lại phải tiếp tục nỗ lực, kiên trì mạnh mẽ không thối chí. Các bạn đồng học trong lớp chúng ta có được duyên lành thù thắng hơn rất nhiều so với những người học Phật nói chung. Chúng ta mỗi ngày đều thực sự hết sức nỗ lực tu tập.

Trong phương thức, nghệ thuật diễn giảng mà tôi đã truyền thụ, tôi muốn lưu ý quý vị rằng đức hạnh so ra còn quan trọng hơn. Trước đây, trong sách *Nội điển tu học yếu lĩnh* tôi đã có nói qua vấn đề này, rằng [trong sự diễn giảng thành công thì] đức hạnh quyết định đến chín phần mười, trong khi cách thức diễn giảng chỉ quyết định nhiều nhất không quá một phần mười. Về phương pháp, kỹ thuật thì người khác có thể giúp được, nhưng việc tu dưỡng đức hạnh phải dựa vào chính bản thân mình, vì người khác không thể giúp ta được.

Việc tu dưỡng đức hạnh, trong kinh luận nói đến rất nhiều. Quý vị hiện đang đọc kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh này từ đầu đến cuối mỗi phẩm đều có nói đến vấn đề này, nhưng giảng giải nhiều nhất và cụ thể nhất là từ phẩm thứ 32 đến phẩm thứ 37. Những giáo huấn loại này trong Phật pháp gọi là pháp thực hành.

Phật pháp phân ra bốn nhóm Giáo pháp quan trọng là: *giáo* (dạy bảo), *lý* (lý lẽ, lập luận), *hành* (tu tập, thực hành) và *quả* (tu chứng, kết quả). Pháp thực hành thì nhất định phải áp dụng trong thực tế. Phương pháp tu hành mà không áp dụng vào thực tế thì chỉ là rỗng không vô ích. Không thực hành thì nhất định không được lợi ích. Chỉ sau khi thực hành

rồi, quý vị mới đạt được những lợi ích chân chánh trong Phật pháp. Đó là tu chứng, là kết quả. Vì thế, tuy phân ra bốn nhóm *giáo, lý, hành, quả*, nhưng thực tế chỉ là một thôi. Tuy một mà bốn, tuy bốn mà một.

Trong *Cảm ứng thiên*, câu tiếp theo sau dạy chúng ta: “*Tích đức lũy công*” (chứa góp công đức). Trong phần phụ chú, câu thứ nhất giải thích về ý nghĩa của *công* và *đức*. Giữ lòng lành là *đức*, vận dụng [lòng tốt đó] vào thực tế gọi là *công*. Cho nên, *đức* không chứa nhiều thì không sâu dày, *công* không góp lại thì không lớn rộng. Chúng ta xem như chư Phật, Bồ Tát từ vô lượng kiếp đến nay, trải qua đời đời kiếp kiếp, những gì các ngài đã làm đều được bao quát trong bốn chữ này. Vì ai mà góp công? Vì ai mà chứa đức? Vì hết thấy chúng sinh, không vì riêng bản thân mình. Đó mới thực sự là công lớn, đức lớn.

Chúng ta cần phải học làm theo chư Phật, Bồ Tát. Tại sao các ngài làm mọi việc đều vì hết thấy chúng sinh? Vì các ngài hiểu rõ được sự thật rằng hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không cũng chính là tự thân mình, cho nên các ngài mới làm như thế. Chúng ta không hiểu rõ sự thật ấy nên trong lòng mới đầy vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, chỉ quan tâm đến riêng bản thân mình, không quan tâm mọi người khác, luôn cho rằng bản thân mình với người khác là hai thực thể khác nhau, tách biệt nhau; chỉ biết mưu lợi cho bản thân mình, không biết làm lợi ích cho người khác, không hiểu được rằng lợi ích cho người khác là chân chánh lợi ích cho bản thân mình. Mưu lợi tự thân trong thực tế là làm hại chính mình, trong khi làm lợi ích người khác là thực sự lợi ích cho mình. Cái hại của việc mưu lợi tự thân là sáu đường luân hồi, là [đọa vào] ba đường ác.

Nội dung sách *Vị biên* hết sức phong phú, có chú giải, dẫn chứng. Sách đã trải qua rất nhiều thời đại, không ngừng

được bổ sung, ngày nay chúng ta có bản in này là tương đối hoàn thiện, nên đọc nhiều lần, suy ngẫm nhiều, thực sự nỗ lực học tập. Học theo chư Phật, Bồ Tát chính là bắt đầu từ chỗ này. Tâm thức chúng ta với chư Phật, Bồ Tát có giống nhau chăng? Hành vi của chúng ta có giống với chư Phật, Bồ Tát hay chăng? Phải thường suy ngẫm, khởi tâm động niệm liền lập tức nhận biết rõ, đối với ý niệm [vừa khởi lên] như thế này chư Phật, Bồ Tát có hoan hỷ tán thành hay không? Lời nói này có nên nói ra hay không? Sự việc này có nên làm hay không? Đó là tiêu chuẩn để cân nhắc. Tiêu chuẩn trong *Vị biên* là tiêu chuẩn thấp nhất, việc học Phật cũng từ đó mà bắt đầu. Tổ Ấn Quang suốt một đời đề cao [sách này], ý nghĩa là ở chỗ đó.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 28

(Giảng ngày 16 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 29, số hồ sơ: 19-012-0029)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Về nội dung “*tích đức lũy công*” trong *Cảm ứng thiên*, phần chú giải của sách *Vị biên* trong đoạn thứ nhất có mấy câu hết sức trọng yếu. Người ta ai cũng thích làm việc tốt, cũng đều kỳ vọng bản thân mình trong một đời này có chỗ làm nên việc, có chỗ được thành tựu, nhưng rồi hầu hết đều do nơi tự thân trì trệ, lần lữa qua ngày, [lời nói việc làm] cầu thả, không thể phấn chấn phát khởi [quyết tâm] nên phải rơi vào đọa lạc.

Cho nên ở đây muốn dạy chúng ta, bất kể làm việc gì cũng nhất định phải đặt ra kỳ hạn, trong thời hạn ấy phải hoàn thành, như vậy thì mới có sự tiến bộ. Ví như việc đọc sách, chúng ta muốn đọc một quyển sách thì phải xác định có bao nhiêu thời gian để đọc xong, như vậy mới đạt được hiệu quả. Nếu như thời gian có thể kéo dài không kỳ hạn, trong lòng sẽ phân tán, ý chí tinh thần không thể tập trung, cho nên rất nhiều người thất bại do nguyên nhân này.

Vì thế, việc học cũng có học kỳ, đó là kỳ hạn phải học xong. Chúng ta đi học cũng vậy. Quý vị nhớ lại lúc học đại học cũng có kỳ hạn là bốn năm. Trong bốn năm ấy phải học xong chương trình, như vậy mới tốt nghiệp. Mọi việc ở thế gian cũng như pháp xuất thế gian, hết thảy đều phải xác định kỳ hạn, đúng kỳ hạn phải hoàn thành.

Việc tích lũy công đức cũng phải như vậy. Một ngày có thể làm được một việc thiện thì [đều đặn trong] ba năm có thể

làm được một ngàn việc thiện, đó gọi là [phương pháp] “*nhật hành nhất thiện*” (mỗi ngày một việc thiện). Nếu tinh tấn nỗ lực thì hy vọng mỗi ngày có thể làm được nhiều việc thiện hơn. Như tiên sinh Liễu Phàm ban đầu phát nguyện làm ba ngàn việc thiện, phải mười năm mới hoàn thành. Lần thứ hai phát nguyện làm ba ngàn việc thiện, chỉ ba năm là xong. Đó chính là [muốn thành tựu] phải xác định kỳ hạn.

Trong Phật pháp thì pháp môn niệm Phật gọi là “*khắc kỳ cầu chứng*” (định thời hạn để cầu thành tựu). Trong kinh [A-di-đà] có một ví dụ, kinh văn nói hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày. Trong các kinh Đại thừa thường nói mười ngày hoặc trăm ngày tức là ba tháng, như vậy mới thấy được hiệu quả rõ ràng. Cho nên, trong Tịnh độ tông quý vị thường nghe nói đến pháp sự Phật thất, lấy bảy ngày [làm kỳ hạn]. Trong thực tế, kinh Phật dạy rằng bảy ngày đó là bảy ngày bảy đêm.

Chúng ta hiện nay niệm Phật qua bảy ngày như vậy vẫn cảm thấy hết sức rối rắm, phân tán. Nguyên nhân là vì không làm được trọn vẹn hoàn toàn, không làm được trọn bảy ngày đêm. Nếu chuyên tâm nhất trí trong bảy ngày đêm, nhất định phải có sự cảm ứng, phải có sự thành tựu. Phải thực sự buông xả muôn duyên thì công phu tu tập mới có hiệu quả, chỉ hơi xen tạp một chút là mất hiệu quả rồi.

Hôm nay có một đồng học là thầy Chúng Dương thưa hỏi, vì sao công phu của thầy tại Niệm Phật Đường không đạt hiệu quả. Thầy đã không tự xem kỹ lại chính mình để thấy được nguyên nhân không hiệu quả. Phần lớn đều là do công phu xen tạp, lại còn có sự nghi hoặc. Hiện tại giảng đường này hằng ngày đều giảng kinh nên vấn đề nghi hoặc cũng không lớn, sự xen tạp mới là vấn đề lớn. Chỉ cần mảy may xen tạp, trong lòng chưa buông xả liền có nhiều chướng ngại, chúng ta gọi là ma chướng, ma chướng ở ngay trước mắt.

Nếu buông xả hoàn toàn, ở trong Niệm Phật Đường này công phu bảy ngày đêm, giống như Viên Liễu Phàm, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không bám chấp, chỉ một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, đâu có lý nào công phu như thế lại không hiệu quả? Cho nên cần phải buông xả hết. Không buông xả được là một khiếm khuyết lớn. Vì thế phải phát tâm thật dũng mãnh, khởi lòng tin chân thành, nỗ lực tinh tấn.

Trong đời sống hằng ngày, ở đây khuyên chúng ta không nên keo lặn tài vật, phải hoan hỷ bố thí. Bố thí chính là buông xả đi tâm niệm keo lặn, hoan hỷ bố thí. Đừng sợ người khác cười chê, vì như vậy là trong tâm còn nghi ngờ [việc làm của mình]. Có một số người không hiểu rõ ý nghĩa này, sự cười chê ấy là do nhận hiểu sai lầm. Lại cũng có một số người là do ganh ghét, cố ý gây chướng ngại, cố ý phá hoại. Nhưng bất kể những kẻ ấy cười chê với tâm niệm như thế nào, chúng ta chỉ cần một mực phớt lờ đừng lưu ý. Chỗ y cứ của chúng ta là giáo pháp trong Kinh điển, là những lời răn dạy của Phật-đà. Cứ y theo lời dạy vâng làm, đến khi thực sự có được thành quả, những kẻ ấy tự nhiên sẽ thấy hổ thẹn. Cho nên hoàn toàn không sợ người khác cười chê làm dao động lòng tin của mình, mà càng phải nỗ lực phấn chấn hơn nữa.

Trong thực tế, chướng ngại lớn nhất của đạo Bồ-đề là lòng tham muốn riêng tư, tự lo cho mình, giành lấy lợi ích riêng cho mình, đối với ái luyến, tham dục, những điều ham thích không buông xả được. Những thứ đó thực sự là chướng ngại của chúng ta. Chúng ta phải thường xuyên phản tỉnh, suy xét xem những chướng ngại ấy rốt lại nằm ở nơi nào? Sau khi tìm ra được rồi thì triệt để buông xả. Phải khởi tâm dũng mãnh để đối trị, thì những chướng ngại trên đường hướng đến quả vị Bồ-đề sẽ giảm nhẹ.

Trong kinh Phật thường nói: *“Nhân thân nan đắc, Phật*

pháp nan văn.” (Thân người khó được, pháp Phật khó được nghe.) Cơ duyên gặp được pháp Phật thật không dễ dàng.

Tự mình không thể khắc phục phiền não của chính mình, cho nên các bậc đại đức ngày xưa đề xuất việc nhiều người cùng tu tập. Nhiều người cùng tu tập là nương theo và dựa vào đại chúng. Dựa vào đại chúng để khích lệ bản thân mình, để cảnh tỉnh, sách tấn bản thân mình. Đó là một biện pháp đối trị rất tốt. Cho nên mới có đại chúng tụ họp về một chỗ để cùng tu.

Từ ngày 18 tháng 7 tới đây, Tịnh Tông Học Hội ở Brisbane, Australia, bắt đầu hành trì mười Phật thất, tức là 70 ngày. Trong thời gian Phật thất 70 ngày đó, chúng ta niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, mỗi ngày 24 giờ. Gần đây mọi người đều tích cực chuẩn bị. Trong Phật thất này, ngoài địa phương Australia còn có nhiều đồng tu niệm Phật ở các nơi khác đến tham gia, như Singapore, Đài Loan, Hương Cảng, Hoa Kỳ. Chúng ta hoan nghênh [những ai] chân chánh phát tâm, buông xả hết thảy, dụng công tu hành tốt.

Trong chú giải có mấy câu, tôi sẽ đọc qua một lượt, mọi người lắng nghe: *“Không nên nói lời sáo rỗng hay ho mà thực hành chẳng tương hợp.”* Hy vọng tất cả chúng ta đều có thể nói được làm được, giữ lòng tốt đẹp trước sau như một. Có rất nhiều người ban đầu thực hành đúng đắn, theo đúng khuôn mẫu, nhưng trải qua thời gian lâu dài thì trở nên giải đãi, buông thả phóng túng.

Chúng ta [tu tập] không sợ hiểm nghi, cũng không sợ oan uổng, không lần lữa qua ngày, không gián đoạn [công phu]. Dù là việc ở thế gian hay pháp xuất thế, quý vị đều cần phải hiểu rõ, đó gọi là làm việc tốt phải nhiều gian nan khổ khó. Đặc biệt trong thời hiện tại này, là thời kỳ mạt pháp. Chúng ta đọc thấy trong kinh điển, vào thời đức Thế Tôn còn tại thế, Ma vương Ba-tuần từng nói rõ với Phật. Ma vương muốn phá

hoại Phật pháp phải dùng cách gì? Đó là, vào thời mạt pháp Ma vương sẽ sai khiến ma cháu ma con đều cùng nhau xuất gia, đắp y ca-sa để phá hoại Phật pháp. Đức Thế Tôn nghe Ma vương nói như vậy rồi thì rơi lệ, không nói lời nào.

Cho nên, ngày nay chúng ta muốn chân chánh nỗ lực tu hành thì người gây chướng ngại cho ta rất nhiều, kể cả những người trong đạo Phật của ta. Những người trong đạo Phật đó là ai? Chúng ta biết rằng, đó chính là con cháu Ma vương Ba-tuần. Bọn họ xuất gia không vì mục đích gì khác hơn là phá hoại Phật pháp, chúng ta trong lòng phải hiểu rõ, phải sáng tỏ việc ấy. Phật dạy chúng ta đối với hạng người ấy phải có thái độ thế nào? Phật dạy pháp “*mặc tẩn*”.¹ *Mặc tẩn* nghĩa là không để ý đến. Chúng ta tự mình công phu, tự mình lợi ích, không để ý đến những người ấy cũng tốt. Tự mình không được trì trệ, lần lữa qua ngày, không được gián đoạn, không cầu danh, không cầu lợi, chân thật mà làm, cũng không cầu mong được quả báo tốt.

Khi gặp hết thấy những sự việc có lợi ích cho xã hội, có lợi ích cho chúng sinh, chúng ta phải hết sức nỗ lực mà làm. Có những lúc phải linh hoạt uyển chuyển mà làm để tránh chướng ngại. Các bậc đại đức thời gần đây dạy ta phải làm với thái độ hết sức hạ mình. Vì sao làm chuyện tốt đẹp, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sinh mà phải có thái độ hết sức hạ mình? Vì để tránh những người ganh ghét gây chướng ngại.

Chúng tôi gần đây phát tâm giúp đỡ cho bên Australia một viện dưỡng lão, nhưng gặp thất bại. Nguyên nhân vì sao? Vì có quá nhiều người cản trở. Đó là vì ban đầu chúng

¹ Theo Tứ phần luật, mặc tẩn (默擯) là biện pháp được chư tăng áp dụng đối với những tỳ-kheo xấu ác, thường làm những việc xấu xa phạm giới. Theo pháp này, chư tăng tuyệt đối không trò chuyện với người ấy (mặc) và lạng lẽ tránh xa họ (tẩn). Với những tỳ-kheo còn giữ được tâm tâm quý thì sau một thời gian bị mặc tẩn, họ sẽ hối hận và sửa đổi lỗi lầm.

tôi sợ ý, nếu khi ấy mà làm với thái độ hết sức hạ mình thì sự việc hẳn đã được thành tựu viên mãn. Việc này cho chúng tôi một bài học quý giá, cũng thực sự chứng minh rằng làm việc tốt phải nhiều gian khó. Chúng tôi thể hội sâu sắc ý nghĩa này. Ngẫm nghĩ càng thấy những lời giáo huấn của các bậc hiền thánh xưa quả thật [xuất phát từ học vấn] hết sức uyên thâm, là những điều chân thật rút ra từ kinh nghiệm, nhất định phải học qua, lại phải y theo lời dạy mà vâng làm, phải hết sức nỗ lực học tập.

Thời cổ đại, dân gian Trung quốc đều biết đến Đậu Yên Sơn. Trong sách *Tam tự kinh* có câu “*Giáo ngũ tử, danh câu dương*” (Dạy năm con đều thành danh) là nói về Đậu Yên Sơn. Ông sống vào thời Ngũ đại,¹ kết hôn đã nhiều năm nhưng đến năm 30 tuổi vẫn chưa có con. Đối với người xưa, đây là một điều gây nhiều phiền muộn lo lắng. Một hôm, Đậu Yên Sơn nằm mộng thấy ông nội [đã chết] hiện về nói: “Mạng số con không có con, lại rất yếu mạng. Con nên tu thiện, tích đức, tích lũy công đức.”

Đậu Yên Sơn từ khi nằm mộng được ông nội dạy bảo như vậy thì hết sức nỗ lực làm theo. Mạng số ông không có con, nhưng sau rồi sinh được năm người con trai, đó chính là do cầu mà được. Cũng giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm, mạng số không có con, về sau được hai người con ngoan, quả nhiên chứng thực là “*hữu cầu tất ứng*”, đó là do cầu mà được. Cho nên, muốn cầu được phải dùng thiện tâm, thiện hạnh, dùng công đức chân thật làm vốn liếng để cầu. Quý vị không có thiện tâm, thiện hạnh, không có công đức thì lấy gì để cầu? Nhất định không phải mỗi ngày cúi lạy trước Phật, Bồ Tát, đốt mấy nén hương, dâng cúng ít hương hoa trà quả rồi cầu mà được. Không dễ dàng như vậy! Nhất định phải nỗ lực tu hành mới được.

¹ Thời Ngũ Đại, hay Ngũ Đại Thập quốc, một giai đoạn của Trung quốc ngay trước triều Tống, kéo dài từ khoảng năm 907 đến năm 979.

“*Hữu cầu tất ứng*” cũng là ý nghĩa nhân quả. Cho nên, gieo nhân lành nhất định hưởng quả lành, tạo nhân ác nhất định phải nhận lãnh quả báo xấu ác. Nhân duyên quả báo không một mảy may sai lệch, “*hữu cầu tất ứng*” cũng chính là ý nghĩa này. Phật pháp cũng không thể ngược lại với ý nghĩa này. Cho nên, Phật dạy chúng ta cầu thì cũng dạy chúng ta phát tâm, phát tâm Bồ-đề, dạy chúng ta phải làm những việc lợi ích hết thảy chúng sinh, không nên làm những việc chỉ mưu lợi riêng cho bản thân mình. Như vậy mới là chân chánh dứt ác tu thiện.

Chỉ mưu cầu lợi ích riêng cho bản thân là việc xấu ác. Vì lợi ích xã hội, vì lợi ích chúng sinh mới là việc thiện. Ý nghĩa việc dứt ác tu thiện như vậy, chúng ta phải hiểu rõ mới thể hội được. Nếu có thể vì lợi ích nhiều người mà chịu tổn hại về mình, đó là việc thiện lớn lao, quả báo không cần mong cầu cũng tự nhiên hiện tiền, vì nhân lành quả lành. Nếu làm việc có hại cho xã hội, có hại cho chúng sinh chỉ vì mưu lợi riêng cho mình, trước mắt tuy có được đôi chút lợi ích nhưng tai nạn lớn lao sẽ đi liền theo sau. Tai nạn lớn nhất là sau khi chết phải堕 vào ba đường ác, nhất định không tránh khỏi.

Những ý nghĩa này, hiện nay ngày càng ít người nhận hiểu. Những sự thật [nhân quả] này Phật đã thuyết dạy trong kinh điển, nhưng người hiện đại mở kinh ra xem thì cười cợt, cho là mê tín, không thể tin nhận. Đến lúc chết rồi堕 vào ba đường ác, dù có hối hận cũng không còn kịp nữa.

Cho nên, “*tích đức lũy công*” là điều mà các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian đều khuyên dạy chúng ta, ta phải tin nhận. Người tin nhận, vâng làm theo thì được phúc lành.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 29

(Giảng ngày 17 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 30, số hồ sơ: 19-012-0030)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Phần trước đã giảng đến câu “*tích lũy công đức*”. Trong sách *Vị biên*, phần giải thích có trích dẫn đoạn “*Tích thiện*” trong sách *Liễu Phàm tứ huấn*. Đoạn này trước đây dù đã giảng giải qua rất nhiều lần rồi, nhưng tôi vẫn thường phải giảng lại. Vì sao vậy? Vì tuy đã giảng giải qua, nhưng chúng ta còn chưa làm theo được.

Vì sao chưa làm được? Chúng ta phải suy đi ngẫm lại, tìm cho ra nguyên nhân khiến ta chưa làm được, rồi trừ bỏ nguyên nhân ấy đi thì mới được cứu vớt. Nếu không thì tiền đồ phía trước hoàn toàn đen tối, phải đi về hướng ba đường ác, đi về hướng địa ngục. Đó là sự thật, nhưng chúng ta vẫn thường xao nhãng xem nhẹ. Chúng ta không đi trên đường đạo Bồ-đề mà đi về hướng ba đường ác. Cho nên, đoạn khai thị này vô cùng trọng yếu. Đoạn văn trích dẫn rất dài, tôi chỉ chọn ra mấy điều phân biệt thiện ác để cùng mọi người nghiên cứu lại.

Trong Liễu Phàm tứ huấn nói: “*Việc thiện có chân thật [khác với] giả dối; có ngay thẳng [khác với] tà vạy.*” Ngay thẳng ở đây là hành vi ngay thẳng chính trực, tà vạy là hành vi không ngay thẳng chính trực.

“*Tích âm đức [khác với] tạo phúc ở đời.*” Tạo phúc ở đời là làm việc thiện mà mọi người đều biết, được mọi người trong xã hội khen ngợi. Tích âm đức là làm việc thiện mà người đời không ai hay biết đến, thiên địa quỷ thần [đối với người ấy] báo đáp hết sức trọng hậu.

“Đúng đắn khác với sai lầm, lệch lạc khác với chính đáng, một phần khác với trọn vẹn, lớn lao khác với nhỏ nhặt, khó khăn khác với dễ dàng.” Chỗ này nói nhiều điều như vậy để giúp chúng ta phân biệt. Hai chữ “*thiện ác*” vừa nhìn qua thấy thật dễ dàng, nhưng trong thực tế hết sức khó phân biệt, chiêu cảm quả báo lạnh dữ, họa phúc vô cùng vi diệu. Trong phần trước chúng ta đã xem qua, quả thật là “*Tưới trời lông lộng, thừa mà không lọt*”.

Mỗi người sinh ra trong một đời, cho đến nhiều đời nhiều kiếp, là một vòng nhân quả báo ứng. Một gia đình, một đoàn thể, một xã hội cho đến một quốc gia, ngày nay chúng ta nói đến cả địa cầu, cả thế giới, quý vị cứ quan sát, suy ngẫm cho thật kỹ, liệu có gì không phải là nhân duyên quả báo?

Cho nên, nhà Phật dùng hai chữ “*nhân quả*” đã bao quát được hết các pháp thế gian và xuất thế gian. Không chỉ pháp thế gian là nhân duyên quả báo, cho đến pháp xuất thế gian cũng không ngoại lệ. Trong các kinh luận thường nói: “*Phật pháp do nhân duyên sinh*.” Thấu triệt được ý nghĩa và sự thật về nhân duyên quả báo thì đó là Phật, là Bồ Tát. Đối với với ý nghĩa và sự thật ấy mà còn mê muội không sáng tỏ thì đó là phàm phu.

Tiên sinh Liễu Phàm đem sự tâm đắc trong một đời tu học để viết ra mười điều [phân biệt] như trên cho ta tham khảo. Chúng ta cần phải đọc kỹ, nghĩ sâu, dùng đó mà thiết lập nền tảng học Phật, căn bản làm người, thật không còn gì tốt đẹp hơn.

Ông nói ra những câu rất hay như: “*Làm thiện mà không rõ lý lẽ, ắt tự cho mình đang làm thiện mà không biết đó là đang tạo nghiệp, phí công khó nhọc tâm tư vô ích*.” Câu này rất hay, quả là lời răn dạy chân thật, là tâm đắc chân thật trong một đời của ông. Quý vị muốn dứt ác tu thiện nhưng đối với ý nghĩa dứt ác tu thiện lại không thấu triệt, không

sáng tỏ, nên thường luôn tự cho là mình đang làm việc tốt, kỳ thật đó là tạo nghiệp. Hiện tượng như thế từ xưa nay ở khắp mọi nơi, lúc nào cũng có thể nhìn thấy. Đặc biệt là trong thời cận đại này, vì người ta ít đọc sách xưa.

Chúng ta cần phải hiểu rằng, những sách xưa ghi chép kinh nghiệm trong lịch sử, trải qua mấy ngàn năm, là kinh nghiệm đời đời truyền lại, sự sai lệch không lớn, độ tin cậy rất cao. Nếu chúng ta dựa vào kinh nghiệm một đời của chính mình, bất quá cũng chỉ mấy mươi năm là cùng, đem so với kinh nghiệm mấy ngàn năm của người xưa thật khác biệt quá xa. [Si mê như thế nên] cứ thường tự cho mình là đúng, việc mình làm là thiện, tạo tác [nghiệp ác] chiêu cảm tai họa thì tự mình không thừa nhận, cho đó là thiên nhiên gây hại, rồi đem trách nhiệm đùn đẩy [cho người khác], như thế tự thân mình không liên can gì, tự cho mình là một bậc đại thiện, không biết rằng tự mình đang tạo nghiệp xấu ác nặng nề.

Khi giảng kinh tôi thường nói, những điều lành dữ, họa phúc trong đời là do ai làm ra? Người giác ngộ nhận hiểu được đó là do chính mình tạo ra, người mê hoặc thì đem trách nhiệm ấy đùn đẩy về người khác, cho rằng mình chẳng liên can. Người giác ngộ biết rằng đó là do mình tự tạo, tự mình không làm điều tốt, tự mình xao nhãng xem thường [nhân quả]. Đặc biệt là ngày nay chúng ta tự mình khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều không đáng để làm gương cho người khác. Đó chính là tự mình làm điều xấu ác, tự mình không làm được điều tốt đẹp.

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện nơi thế gian này cũng tự cảm thán như vậy, các ngài tự cho rằng mình làm chưa tốt nên chưa cảm hóa được người đời. Chư Phật, Bồ Tát nhận lãnh trách nhiệm [giáo hóa] về mình, qua đó thành tựu đức lớn của tự thân.

Vì sao chư Phật, Bồ Tát không thể hóa độ người đời? Nhà Phật thường nói, trong thời kỳ mạt pháp thì Chánh pháp suy yếu, ma pháp càng mạnh mẽ. Ma hiện ra đủ mọi hình thức, đủ mọi cách dụ hoặc [người đời]. Người đời khi ấy tập khí phiền não xấu ác sâu nặng, mê hoặc điên đảo, chấp nhận sự giả dối mà không nhận điều chân thật. Ma nương theo sở thích mê lầm của người đời, dạy cho người đời những gì? Dạy người tham lam, sân hận, si mê; dạy người tự lo cho mình, giành lấy lợi ích riêng cho bản thân mình. Giáo pháp của Phật ngược lại với những điều đó, nên người đời rất khó tiếp nhận. Đó là thực trạng hiện nay của chúng ta.

Nhà Phật thường nói: *“Phật không độ người không có duyên.”* Chúng sinh không tự mình quay đầu [hướng thiện], chư Phật cũng không thể giúp đỡ. Nếu thực sự chịu quay đầu hướng thiện, Phật có thể nâng đỡ cứu giúp. Đối với những người không chịu quay đầu, chư Phật vẫn thị hiện đủ mọi cách, lúc nào cũng khó nhọc khơi mở dạy dỗ, hy vọng có ngày họ chịu quay đầu. Đó là lòng đại từ đại bi của chư Phật, gọi là: *“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân.”* (Trong cửa Phật không bỏ người nào.)

Tiên sinh Liễu Phàm khi bàn về việc thiện *“chân thật khác với giả dối”* đã nêu ra một ví dụ, rằng xưa có một nhóm nho sinh đến tham vấn hòa thượng Trung Phong. Hòa thượng Trung Phong là người triều Nguyên. Ngày xưa, các nho sinh ít nhiều đều có học qua kinh điển nhà Phật. Các nho sinh này thưa hỏi Hòa thượng Trung Phong rằng, nhà Phật đưa ra thuyết “nhân quả báo ứng, như bóng theo hình”, nhưng ngày nay thấy người làm việc thiện mà gia nghiệp không hưng thịnh, có người làm việc ác mà gia nghiệp lại hết sức hưng vượng. Họ nói, xem như vậy thì thuyết “thiện ác báo ứng” của nhà Phật là sai lầm, chẳng phải chân thật.

Hòa thượng Trung Phong đáp lại rất hay, rằng đối với

kẻ phạm phu, cảm xúc trần tục chưa dứt sạch, phiền não tập khí còn nguyên vẹn thì trí tuệ chưa thể khai mở. Con mắt đạo chưa mở ra thì đối với việc thiện liền xem là ác, đối với việc ác lại xem là thiện. Những việc thị phi điên đảo như thế rất thường gặp. [Các anh] tự mình không biết phản tỉnh, không biết quay đầu hướng thiện, ngược lại còn oán trời trách người, cho rằng đạo trời chẳng công bình, không có báo ứng, thật là sai lầm.

Lời thuyết pháp của Hòa thượng Trung Phong hoàn toàn chính xác. Hai chữ “*thiện ác*” đó có vẻ như mọi người đều nhận hiểu, nhưng thật ra là không hiểu. Liệu có được mấy người thực sự nhận hiểu rõ ràng về thiện ác? Thực sự nhận hiểu rõ ràng về thiện ác rồi thì mới có thể dứt ác tu thiện. Nay những người ấy không có cách gì dứt ác tu thiện được, vì đối với hai chữ thiện ác họ còn chưa nhận hiểu rõ. [Hòa thượng lại hỏi:] “Hai chữ “*thiện ác*” ý nghĩa sâu rộng vô cùng, các anh đối với sự phân biệt thiện ác đã hiểu được bao nhiêu?”

Khi ấy, các nho sinh liền thưa hỏi: “Vậy theo cách nhìn của Hòa thượng thì thế nào là thiện, thế nào là ác?” Hòa thượng Trung Phong liền hỏi ngược lại họ câu ấy. Một người nói: “Đánh người, mắng nhiếc người, nhục mạ người khác là ác; cung kính, lễ phép với người khác là thiện, có phải như vậy chăng?” Những người khác trong nhóm đều gật đầu cho là phải.

Hòa thượng Trung Phong nói: “Sai rồi, các anh chỉ thấy ở bề mặt hình tướng, không có sự quan sát kỹ. Nếu như người đem lòng chân thành thương yêu, muốn bảo vệ người kia mà đánh mắng, vì muốn giúp người kia quay đầu hướng thiện, thì đánh mắng như thế là thiện. Nếu ngợi khen, lễ kính vì nịnh bợ, vì có việc cầu cạnh, vì muốn hối lộ người kia thì đó là ác, không phải thiện. Chỉ hoàn toàn nhìn vào hình thức biểu hiện bên ngoài thì không thể thấy ra được, các anh phải quan

sát sâu vào [nội dung bên trong] mới có thể biết được thế nào là thiện, thế nào là ác.”

[Một người khác nói:] “Tham muốn tiền của, làm bậy để lấy của người khác là ác; ngay thẳng thanh bạch, giữ phẩm hạnh là thiện.” Hòa thượng Trung Phong lắc đầu đáp: “Đó chỉ là nhìn từ biểu hiện bên ngoài. Chưa hẳn đã là như vậy.” [Ngài dạy tiếp:] “Tiêu chuẩn để phân biệt thiện ác, không nói đến tiêu chuẩn quá cao siêu, chỉ là tiêu chuẩn phổ thông thôi, chúng ta cần phải hiểu rõ. Nói chung những việc gì lợi ích cho mọi người, cho xã hội, cho hết thảy chúng sinh, đều gọi là thiện. Chỉ cần là việc hữu ích, dù đánh đập, mắng chửi người khác cũng vẫn là thiện. Những việc gì chỉ mang lại lợi ích cho riêng bản thân mình đều là xấu ác. Nịnh hót, bợ đỡ người khác thì sự cung kính, lễ phép đó cũng là xấu ác. Vì sao vậy? Vì muốn cầu tiếng tăm, lợi ích cho riêng mình, đó là tư lợi, chẳng phải việc công.”

Cho nên, người đời thường chỉ nhìn ở bề ngoài, không thấy được đến chỗ dụng tâm. Các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian đều dạy chúng ta phải dụng tâm như thế nào, làm sao để giữ gìn lòng tốt. Tâm niệm lợi ích cho chúng sinh, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho người khác thì mỗi niệm đều nên duy trì tâm niệm như vậy, mọi hành vi của quý vị sẽ là thiện. Nếu như mỗi ý niệm đều vì riêng bản thân mình thì tâm niệm đó là xấu ác, tự lo cho mình, mưu lợi riêng cho mình, thì dù làm việc tốt cũng vẫn là ác. Ngạn ngữ gọi đây là “*mua danh chuộc tiếng*”, không phải việc thiện chân thật. [Người như vậy] sau khi chết vẫn phải rơi vào ba đường ác, không thể sinh vào hai cõi trời, người. Ý nghĩa đó chúng ta không thể không hiểu biết.

Nếu không thể sinh vào hai cõi trời người, quý vị nghĩ xem, như vậy há có thể sinh về thế giới Cực Lạc được sao? Sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc phải là bậc đại thiện,

trong kinh [A-di-đà] đã nói rõ với chúng ta như vậy. Thế giới ấy là nơi “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các bậc thượng thiện cùng hội về một chỗ).

Chúng ta chỉ cần đem tâm ý chân thành, mạnh dạn mà làm, đừng kiêng sợ e dè. “Tôi đem lòng tốt để làm việc này, nhưng số tiền ấy bị người khác dùng sai chỗ.” Sự việc như thế tuy chẳng thành công, nhưng đó là việc của họ, chẳng phải việc của ta. Mỗi người đều có quả báo riêng.

Có một lần trước đây, tôi từ Australia trở về, Hội trưởng Lý bảo tôi rằng tại một ngôi chùa ở Phúc Kiến có ông tăng vì tham tiền, biết lão hòa thượng mang tiền trong người liền giết hại, cướp lấy 300.000 nhân dân tệ rồi bỏ trốn về phương bắc, nhưng không bao lâu đã bị bắt về, tất nhiên là phải chịu án tử hình. Số tiền đó là do Lão pháp sư Đàm Thiên ở chỗ chúng ta cúng dường hòa thượng ấy để xây chùa. Pháp sư Đàm Thiên nghe biết sự việc này, gật đầu nói, quả đáng tội, mỗi người đều có quả báo riêng.

Pháp sư Đàm Thiên phát tâm giúp xây chùa là việc thuần thiện, không hề có chút tâm ý gì xấu ác. Người kia thấy tiền sinh lòng tham, giết người cướp của, đó là tội ác của họ, nhất định không phải Pháp sư Đàm Thiên có ý hại người. Trong việc này, quả báo thiện ác chúng ta cần nhận hiểu rõ ràng. Huống chi vào lúc trao tiền, Pháp sư Đàm Thiên còn nói rất rõ ràng: “Tôi cúng tiền [để xây chùa] là nhân quả của tôi, quý vị tự mình dùng vào việc gì, tương lai sẽ nhận quả báo, đó là nhân quả của các vị.” Lời nói ấy thật rõ ràng minh bạch. Mỗi người đều có nhân quả của riêng mình, không ai có thể thay thế cho ai.

Cho nên, mỗi một ý niệm đều vì lợi ích chúng sinh thì đó là tâm lành, là lòng tốt. Nhất định không có sự tham muốn riêng tư trong đó, hoàn toàn không cầu sự báo đáp, như thế mới là việc thiện chân chánh.

Ngày nay chúng ta thấy có nhiều người, vừa làm được một chút việc tốt thì kèm theo rất nhiều điều kiện, cho nên quả báo không tốt đẹp. Nói chung, bố thí không có điều kiện, cúng dường không có điều kiện, trong lòng thanh tịnh, vô tư mà làm thì quả báo sâu dày, phúc báo lớn lao. Lý lẽ này trong kinh Phật nói đến rất nhiều. Nho gia, Đạo gia cũng đề cập đến không ít. Những việc như vậy, từ xưa đến nay ở khắp mọi nơi, chỉ cần chúng ta tỉnh táo một chút, khách quan một chút, ngay trong hoàn cảnh hiện tại cũng có thể thấy được rất rõ ràng, minh bạch.

Muốn làm thiện một cách chân chánh thì phải từ trong tâm địa mà khởi sự công phu. Đề kinh Vô Lượng Thọ nêu lên *“thanh tịnh bình đẳng giác”* là rất hay. Khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều tương ứng với năm chữ này thì đó là việc thiện chân chánh. Nếu trái ngược với những phẩm tính này thì dù làm thiện cũng không chân thật, cũng không thuần thiện.

Làm thế nào để tương ứng với những phẩm tính này, chúng ta phải nhận hiểu rõ, phải học tập, không chỉ là để thiết lập nền móng căn bản cho việc tu đạo Bồ-đề, mà ngay trong đạo lý làm người thì đây cũng là căn bản.

Cho nên, đối với hai chữ *“thiện ác”* này chúng ta nhất định phải dành thời gian thảo luận. Chúng ta y theo cương lĩnh của cư sĩ Liễu Phàm mà ra công nghiên cứu, dựa trên nền tảng này mà suy xét rộng ra về ý nghĩa dứt ác tu thiện, tích lũy công đức thì có khả năng sẽ thu được đôi chút hiệu quả. Nếu không tham cứu sâu xa, chỉ sợ rằng chúng ta đối với hai chữ thiện ác này sẽ nhận hiểu điên đảo trái ngược, tạo bao nghiệp ác mà vẫn cứ tưởng rằng mình đang tu thiện. Như thế thật là sai lầm quá lớn.

Bài giảng thứ 30

(Giảng ngày 18 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 31, số hồ sơ: 19-012-0031)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến đoạn trong *Liễu Phàm tứ huấn* nói rằng “việc thiện chân thật [khác với] giả dối”, tôi đã giới thiệu qua. Phần thứ hai nói “việc thiện ngay thẳng [khác với] tà vạy”. Ngay thẳng là ngay thẳng chính trực, tà vạy là quanh co gian dối, không ngay thẳng chính trực.

Thế nào gọi là ngay thẳng chính trực? Trong thực tế, tiêu chuẩn phân định thiện ác của bậc giác ngộ đã hiểu biết sáng tỏ không giống với tiêu chuẩn của người đời. Nói thật ra thì tiêu chuẩn phân biệt thiện ác cũng khác biệt nhiều lắm, ngay trong Phật pháp, tiêu chuẩn theo [Thiên Thai] Tứ giáo,¹ mỗi phần cũng đã khác biệt nhau. Trong Đại thừa cũng chia ra 51 phẩm vị Bồ Tát, hay nói cách khác là có 51 tiêu chuẩn [phân biệt thiện ác] khác biệt nhau.

Các bậc thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian dạy bảo chúng ta, đa phần đều nói về nguyên lý, nguyên tắc chung, trong đó hàm chứa ý nghĩa rất sâu rộng, cần phải hết sức chú tâm thể hội, phải vận dụng vào thực tế đời sống. Từ trong thực tế đời sống còn phải quan sát sâu sắc hơn nữa. [Có như vậy thì] sau đó mới hiểu được rằng trong sách vở của các bậc thánh hiền xưa, mỗi câu mỗi chữ đều hàm chứa vô lượng nghĩa, mới thể hội được rằng tất cả các pháp do Phật thuyết dạy đều rộng lớn, tinh tế và sâu sắc.

¹ Thiên Thai Tứ giáo: cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai gồm bốn phần là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo.

[Sách *Liễu Phàm tứ huấn*] trong đoạn nói về ngay thẳng khác với tà vạy có đề cập đến mấy nguyên tắc vô cùng trọng yếu. [Đó là,] tâm chân chánh thì việc làm cũng chân chánh, tâm bất chánh thì dù làm bất cứ việc gì, làm theo cách nào cũng đều là bất chánh, cũng đều là quanh co tà vạy. Cho nên, cội nguồn là ở nơi tâm.

Tiên sinh Liễu Phàm nêu ra ba nguyên tắc [để phân biệt ngay thẳng với tà vạy].

Thứ nhất là “*chỉ* duy nhất một tâm nguyện cứu người giúp đời”. Chúng ta có [tâm nguyện này] hay không? Nhất định không được có ý niệm mưu lợi cho riêng mình, mỗi một ý niệm đều chỉ vì [lợi lạc] chúng sinh, đặc biệt là vì những chúng sinh đang gặp khổ nạn. Thế gian hiện nay tai nạn ngày càng nhiều hơn, mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Tai nạn ấy do đâu mà hình thành? Tất nhiên phải nói là do cộng nghiệp [của mọi người] chiêu cảm, nhưng cộng nghiệp đó lại do đâu mà hình thành?

Các bậc thánh hiền xưa của Trung quốc gọi đó là do “không được dạy dỗ”, nghĩa là không có sự giáo dục, không có ai dạy dỗ. Không có ai dạy dỗ thì đương nhiên mọi người sẽ [hành động] tùy thuận theo phiền não, tùy thuận theo lòng tham muốn của riêng mình, từ đó tạo ra vô số tội nghiệp. Mỗi một ý niệm đều là vì lợi ích riêng tư, chưa từng quan tâm đến người khác, tạo nghiệp như vậy thật quá nặng.

Hôm qua tôi đọc báo địa phương - tôi rất ít khi đọc báo - tình cờ nhìn thấy một tiêu đề nói Đài Loan năm nay có 400.000 trường hợp phá thai, năm ngoái là 320.000, tăng đến 80.000 trường hợp. Thật hết sức nghiêm trọng! Trong Phật pháp, Phật dạy phá thai nhất định phải đọa địa ngục, vì là tội giết người. Quý vị biết đấy, một năm nay [tại Đài Loan] giết chết 400.000 người, năm ngoái giết chết 320.000 người, những oan hồn ấy là oan gia trái chủ làm nhiều loạn trong

xã hội, làm sao được thái bình? Làm sao được ổn định? Quý thân đang làm loạn, thật hết sức đáng sợ.

Quả thật là chúng ta chưa làm tròn trách nhiệm giáo dục. Thời xưa, trong nhà có cha mẹ dạy dỗ, đến trường có thầy giáo dục. Giáo dục thời xưa so với bây giờ thật không giống nhau. Giáo dục hiện nay truyền thụ năng lực kỹ thuật, tức là kỹ thuật công nghệ. Giáo dục thời xưa dạy cho quý vị cách làm người, cách xử thế, làm sao để sống một cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn. Không chỉ trong đời này được hạnh phúc, mà đời sau cũng được hạnh phúc, đời đời kiếp kiếp không mất đi phước báo. Đó là cách giáo dục của người xưa.

Chúng ta nhìn xem, giáo dục hiện đại dạy những điều gì? Chỉ mưu tính lợi ích nhỏ nhặt trước mắt, đừng nói chi đời sau, ngay cả lợi ích trong năm sau cũng không biết đến, không quan tâm đến. Một đời người như thế, quý vị nghĩ xem còn có ý nghĩa gì? Mỗi ngày đều tạo tác những tội nghiệp hết sức nặng nề, tương lai đi vào ba đường ác. Tình trạng trong ba đường ác, quý vị đọc kinh đã thấy nhiều rồi, kinh điển nhất định không lừa dối người. Kinh Kim Cang nói rất rõ: “Nhu Lai thị *chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả.*” (Lời của Như Lai là chân, là thật, là phù hợp, là không lừa dối, là chính xác.) Lời lời [trong kinh điển] đều chân thật.

Chúng ta có thấy biết được sự đáng sợ của địa ngục, sự khủng khiếp trong ba đường ác hay chẳng? Trước mắt được một chút lợi lộc có đáng gì? Trước mắt thiệt thòi một chút cũng có đáng gì? Phải suy đi nghĩ lại về con đường lâu dài về sau.

Cho nên, thánh nhân mới dạy chúng ta “*tích đức lũy công*”. Tích đức là giữ gìn lòng tốt, lũy công là nói lời lành, làm việc lành. Điều tốt lành đó là điều thiện. Mỗi một ý niệm đều phải nghĩ đến lợi ích xã hội, lợi ích chúng sinh, lợi ích cho

người khác. Nếu có một niệm chỉ vì lợi ích cho riêng mình thì đó là bất thiện. Nếu xét về chính trực với tà vạy thì đó là tà vạy, chẳng phải chính trực. Cần phải giữ tâm [tốt đẹp] như vậy, làm những việc [tốt đẹp] như vậy.

[Nguyên tắc] thứ hai là “*luôn tâm niệm chân thật thương yêu giúp đỡ người khác, như mẹ hiền yêu con*”. Đặc biệt khi đứa con vừa được vài ba tuổi, cha mẹ đều thương yêu bảo vệ, cha mẹ đều quan tâm chăm sóc, chúng ta liệu có thể đem cái tâm thương yêu như vậy mở rộng ra thành thương yêu hết thảy chúng sinh? Nói thật ra, các bậc cha mẹ ngày nay thương yêu con cái cũng không được như ngày xưa. Vì trong hiện tại, đa số các bậc cha mẹ đều có chức phận, nghề nghiệp, đều bận rộn công việc, thường giao con cái cho người giúp việc trong nhà chăm sóc. Quý vị nghĩ xem, như vậy có lòng thương yêu gì chẳng? Nói chi đến lòng thương yêu, tương lai con cái như thế lớn lên liệu có tình thân [với mình] hay chẳng? [Trong hoàn cảnh như thế,] tình thân hẳn phải mất đi rất nhiều.

Trong Văn Sao, Đại sư Ấn Quang cực lực chủ trương rằng sự nghiệp vĩ đại nhất mà người phụ nữ cống hiến cho dân tộc, cho xã hội, cho hết thảy chúng sinh chính là chăm sóc con cái, đem toàn tâm toàn lực chăm sóc, nuôi dưỡng dạy dỗ, khiến con cái trở nên người hiền tuệ, nên người sáng suốt thành đạt, đó chính là rường cột của đất nước, của xã hội. Nuôi dưỡng dạy dỗ thế nào? Chính là do người mẹ nuôi dưỡng dạy dỗ. Cho nên Tổ Ấn Quang nói rằng, người phụ nữ hiện nay không lo thực hiện sự nghiệp vĩ đại nhất của mình mà lại bỏ mất, đi tìm những công việc nhỏ nhặt trong xã hội mà làm, đó gọi là điên đảo.

Vì thế, tiêu chuẩn phân biệt đúng sai của bậc thánh hiền so với phàm phu chúng ta thật không giống nhau. Các ngài nhìn xa trông rộng, rất sâu sắc. Lòng mẹ yêu con, tình thân

ấy được bồi đắp từ thuở nhỏ, cảm động trong lòng đứa trẻ, là giai đoạn có ấn tượng ghi khắc sâu nhất trong suốt một đời người. Muôn ngàn lần không nên cho rằng trẻ con chưa biết gì. Như thế là sai lầm. Cách suy nghĩ, nhận thức như vậy là hoàn toàn sai lầm. Trẻ con tuy còn nhỏ, lúc một vài tuổi, thậm chí còn chưa biết nói, nhưng đã có sự ghi nhận qua mắt nhìn, tai nghe. Đó gọi là, những điều huân tập từ lúc nhỏ cũng giống như bản tính trời sinh.

Xã hội ngày nay có quá nhiều những trường hợp vợ chồng ly dị. Nếu không con cái thì chẳng nói, nếu có thì đó là điều gây thương tổn lớn nhất cho con cái, tạo ra ấn tượng cực kỳ không tốt cho con cái. Những người ấy không biết rằng quả báo của việc ly hôn hết sức đáng sợ. Họ không có trách nhiệm đối với xã hội, đối với sự an ổn của thế giới. Thời xưa tôi chỉ nghe chuyện kết hôn, chưa từng nghe đến ly hôn, thật chưa từng nghe qua. Cho nên xã hội ổn định, nền trị an được lâu dài, ý nghĩa là ở chỗ nào? Ý nghĩa nằm ở chỗ gia đình được [hạnh phúc] mỹ mãn thì xã hội mới được phồn vinh, ổn định, đất nước mới được giàu mạnh.

Hiện nay không ai dạy bảo, không ai hiểu rõ được ý nghĩa như thế. Thanh thoảng có xem thấy trong sách xưa thì cho rằng những điều ấy đã xưa rồi, đã lỗi thời rồi, phải loại bỏ đi. Đem những điều như thế bỏ đi thì hiện tại chúng ta tiếp nhận những gì? Là thiên tai, là những tai họa do con người tạo ra. Hiện có rất nhiều người nói đến ngày tận thế. Chối bỏ những lời răn dạy của thánh hiền thì ngày tận thế đã ở ngay trước mắt. Cho nên mới có [tiêu chuẩn về] lòng chân thật thương yêu giúp đỡ người khác, thực sự quan tâm chăm sóc người khác.

[Nguyên tắc] thứ ba là “*chỉ* duy nhất một tâm nguyện chân thành cung kính”, đó là ngay thẳng chính trực. [Khi ấy thì] quý vị làm hết thảy các việc thiện đều tương đồng với

các bậc hiền thánh. Nếu đối với điều này mà tương phản, trái ngược, không có thành ý, không có lòng cung kính, không có tâm thương yêu, không có tâm chân thật cứu giúp hỗ trợ người khác, thì dù tu tập tất cả các pháp lành cũng đều không ngay thẳng chính trực.

Những điều này nói ra dễ dàng nhưng làm thật khó. Khó ở chỗ nào? Khó ở điểm là chúng ta căn bản chưa được giáo dục qua như vậy, xưa nay chưa từng nghe ai giảng qua, lại bị tập nhiễm thói tục, tích góp những điều sai trái cho là đúng, ngày nay được nghe thuyết giảng như thế này thì cảm thấy hết sức kỳ quái. Quý vị trong đời quá khứ có phúc đức căn lành, nghe được những điều này thì nhận hiểu không sai, nhưng rồi vẫn y nếp cũ, không thể làm theo được.

Không làm được những gì? Nhìn ra mọi người trong xã hội đều không làm như thế này, nếu mình làm theo chẳng phải chịu thiệt thòi sao? Dù một chút cũng không chịu thiệt được. Vì sao không chịu thiệt thòi? Vì những ý niệm muốn giành lợi ích riêng cho mình quá mạnh mẽ, mỗi ý niệm đều đem lợi ích của riêng mình đặt lên hàng đầu. Chư Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền thì đem lợi ích của chúng sinh đặt lên hàng đầu, so với chúng ta như vậy thì hoàn toàn tương phản. Các ngài đặt lợi ích xã hội lên hàng đầu, tự mình tình nguyện chấp nhận thiệt thòi, tình nguyện hy sinh phụng hiến.

Nhưng cách làm của chư Phật, Bồ Tát như thế thật ra không thiệt thòi, phước báu về sau không cùng tận. Chúng ta ngày nay lẩn lướt hơn người một chút, trước mắt thấy dường như được một chút lợi ích, nhưng hoạn họa về sau thật khôn cùng, nhất định phải đổ vào ba đường ác. Đổ vào ba đường ác thì rất dễ, thoát ra không dễ chút nào. [Khi ấy,] quý vị sẽ phải chịu nhiều kiếp luân hồi, nhiều kiếp khổ não.

Thứ ba là nói đến “việc thiện có âm, có dương”. Âm dương ở đây cũng rõ ràng. Quý vị làm việc thiện, người khác đều

biết rõ, đó gọi là dương thiện. Quý vị làm việc ác, đem việc ác đó che giấu đi, tìm mọi cách che giấu không cho người khác biết, đó gọi là âm ác. Nếu chúng ta toàn làm những việc “dương thiện âm ác” như vậy thì không tránh khỏi rơi vào ba đường ác, chịu quả báo khổ não nhất trong địa ngục, làm việc trong địa ngục. Cho nên, thánh nhân dạy chúng ta phải “dương ác ẩn thiện” (bộc lộ điều ác mà che giấu điều thiện).

Muốn tích âm đức thì làm hết thấy các việc thiện đều không cần ai biết đến. Những việc thiện ấy mới tích lũy được sâu dày, quả báo thật thù thắng. Lỡ làm việc xấu ác thì phải cho mọi người đều biết. Đạo Phật dạy chúng ta phải bộc lộ sám hối, dù mấy may cũng không che giấu, hoàn toàn nói ra hết, chấp nhận sự chỉ trích, phê phán của mọi người. Chỉ trích đó là quả báo, trả rồi là xong. Quý vị xem, quả báo ác thì trả hết, quả báo thiện thì tàng chứa bên trong, như vậy thì phúc đức sâu dày.

Thế nhưng người đời hoàn toàn làm ngược lại. Khi làm những việc hư hoại xấu ác thì che giấu kỹ, làm được việc tốt thì trong lòng chỉ hận không thể khiến cho tất cả mọi người đều biết rõ, mọi người đều ngợi khen tán thán, nên quả báo vừa được đã hết ngay. Vì thế mà điều thiện không thể tích lũy, giữ bên, điều xấu ác thì tích tụ vô cùng bên chặt. Người như thế trong tương lai phải nhận quả báo thế nào, không cần nói cũng đã biết rõ.

Phật dạy chúng ta phải sám hối [tội lỗi], đức Khổng tử dạy ta sửa chữa lỗi lầm. Trong tôn giáo cũng dạy ta phải sám hối tỏ bày. Chúng ta đối với những lời răn dạy đó lại không hiểu được ý nghĩa chân thật. Nếu như quý vị hiểu được rõ ràng thì đã như trong kinh Hoa Nghiêm nói, thực sự hiểu biết rồi sẽ y theo lời dạy vâng làm. Quý vị vẫn còn chưa làm được, nên ý nghĩa, sự thật này quý vị vẫn còn chưa thực sự hiểu rõ, chưa sáng tỏ. Do đó mà vẫn làm những chuyện hồ đồ

như cũ, người khác có chỉ ra thì không phục, gian xảo biện bạch.

Trong đạo Phật cũng quan tâm đến thể diện. Việc tiếp nhận sự phê bình, chỉ trích của người khác, đức Phật có chỉ định một ngày đặc biệt, là ngày pháp hội Tự tứ, tức vào lúc hạ an cư [của chư tăng] viên mãn. Tại pháp hội này, mỗi vị tăng tiếp nhận sự phê bình, chỉ trích của bất cứ ai đối với những lầm lỗi, sai trái của mình. Nhưng trong những ngày thường thì khuyến khích quý vị tự mình sám hối lỗi lầm, thường không có người khác nói lỗi của quý vị.

Thật ra, người khác chỉ lỗi cho mình là rất tốt, hỗ trợ chúng ta trong việc cầu sám hối, đó mới thật là bậc thiện tri thức. Nhưng có mấy người vui lòng tiếp nhận người khác nói lỗi của mình? Chẳng những không có được hiệu quả đúng đắn mà ngược lại còn kết thành thù oán. Cho nên, người đời đối mặt nhau chỉ toàn ngợi khen tán thán, không ai nói ra lỗi lầm [của người khác].

Xưa nay, ai là người nói lỗi [của quý vị]? Đó là cha mẹ, thầy cô giáo, những người có trách nhiệm dạy dỗ quý vị, thấy quý vị có lỗi liền nói cho quý vị biết. Bạn đồng học với nhau cũng rất ít khi chỉ lỗi [cho nhau], huống hồ là người ngoài, vì không muốn kết oán với người khác. Trong Phật pháp cũng chỉ có một ngày Tự tứ, trong một năm chỉ có một ngày. Cho nên, chúng ta cần phải thấu hiểu, rõ biết, thiện làm sao tích lũy, công làm sao bồi đắp, dứt ác tu thiện như thế nào. Thành tựu phúc đức chân chính thì đời sống sẽ được hạnh phúc, tự tại.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 31

(Giảng ngày 19 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 32, số hồ sơ: 19-012-0032)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Về câu “*tích đức lũy công*” [trong *Cảm ứng thiên*], sách *Vị biên* đã trích dẫn phần giảng về “*phương pháp tích thiện*” trong *Liễu Phàm tứ huấn*. Tu hành là lập chí làm người tốt, đem những hành vi không tốt sửa đổi thành chân chánh. Một người tu hành muốn thực sự đạt được mục tiêu đó, trước hết đối với những việc thiện ác phải có khả năng phân biệt rõ ràng.

Việc thiện có *chân chánh* khác với *giả dối*, có *ngay thẳng chính trực* khác với *tà vạy*, có *tích âm đức* khác với *làm thiện ở đời*. Dưới đây sẽ giảng giải tiếp về những việc thiện *đúng đắn* khác với *sai lầm*, *lệch lạc* khác với *chính đáng*, *một phần* khác với *trọn vẹn*. Nếu quý vị nhận biết không rõ ràng thì đối với việc ác sẽ cho là thiện, việc thiện lại cho là ác. Chuyện sai lầm như thế vẫn thường gặp và rất có khả năng rơi vào trường hợp của chính mình. [Nếu vậy thì] mong cầu trong một đời này của mình là dứt ác tu thiện, nhưng trong thực tế lại là dứt thiện tu ác, trái ngược hoàn toàn. Điều đó chúng ta thường thấy trong kinh luận, đức Thế Tôn rất thương cảm cho hạng người này mà nói rằng: “*Thật đáng thương thay!*”

Những người như thế quả thật rất đáng thương, đối với những chuyện đúng sai, thiện ác đều không phân biệt được rõ ràng. Trước đây lão sư Lý Bình Nam còn có lời cảnh tỉnh khiến người phải suy ngẫm sâu xa hơn: “Không chỉ là không phân biệt được tà chính, đúng sai, mà cho đến chuyện lợi hại

trước mắt những người này cũng không phân biệt được, do đó mà tạo nghiệp, phải chịu báo ứng cực kỳ khổ não.”

Những chuyện về nhân sinh vũ trụ, chuyện trong trời đất, không chỉ Phật pháp giảng giải rõ ràng, thấu triệt, mà những người hiền thiện, các bậc thánh hiền trong thế gian cũng nói đến không ít. Những điều các vị ấy nói liệu có phải lời chân thật hay không?

Từ xưa đến nay, lịch sử Trung quốc [được ghi chép] khá hoàn chỉnh so với trên thế giới, kể từ ba đời Hạ, Thương, Chu cho đến hiện nay, hết thảy đều được ghi chép tường tận, đúng thật, chúng ta gọi là tín sử, rất đáng tin cậy. Đặc biệt là đối với những chuyện nhân quả báo ứng càng được ghi chép đầy đủ, đúng thật hơn nữa. Từ những sự thật đó có thể chứng minh lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, của các bậc hiền thánh xưa đều là chân thật không hư dối.

Phân biệt đúng sai trong việc thiện ác, người xưa có nêu tiêu chuẩn: “*Bất luận hiện hành, nhi luận lưu tế*.” (Không bàn việc đang làm, chỉ bàn đến tác dụng lưu hành.) Cách nhìn nhận này quả thật là nhìn xa trông rộng. Xét đến cùng thì thiện hay ác không thể chỉ nhìn nơi bề mặt biểu hiện, không thể chỉ nhìn trong hiện tại. Hai chữ “*lưu tế*” (tác dụng lưu hành) theo cách nói hiện nay là sức ảnh hưởng đối với xã hội, trong cả không gian và thời gian. Cần phải quan sát vấn đề từ góc độ như vậy.

Trước mắt thấy là việc thiện, việc tốt, nhưng lại [có thể] có ảnh hưởng không tốt. Chúng ta có thể đưa ra một ví dụ. Cư sĩ Vương Long Thư hội tập kinh Vô Lượng Thọ là việc rất tốt, có biết bao người ngợi khen tán thán. Ngụy Mặc Tâm cũng hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Bản hội tập của Vương Long Thư được đưa vào [Đại tạng kinh] Long tạng.¹ Thời xưa, kinh

¹ Bộ Đại tạng kinh này được khắc in vào đời vua Càn Long nhà Thanh nên cũng gọi là Càn Long tạng, được khắc in từ năm 1735, đến năm 1738 mới hoàn thành.

sách được đưa vào Đại tạng tức là được mọi người công nhận có giá trị cao. Vì sao Đại sư Ấn Quang đối với bản hội tập này lại phê bình nghiêm khắc? Trong lời phê bình ngài nói rõ, vì ông Vương đem bản dịch [Hán văn]¹ gốc tự động sửa đổi. Ông ấy sửa văn chương hay, nên việc như vậy là thiện, nhưng Đại sư Ấn Quang nói đó là ác, vậy ác ở chỗ nào?

Cách nhìn của Đại sư Ấn Quang là ở “*tác dụng lưu hành*”, tức là ảnh hưởng của việc đó. Vương Long Thư có thể sửa kinh, tôi cũng có thể sửa kinh, quý vị cũng có thể sửa kinh. Mỗi người đều đem kinh điển sửa lại những chỗ không hợp ý mình thì kinh điển truyền lại đời sau sai trái hết.

Sự phản đối của Đại sư Ấn Quang không phải ở chỗ cho rằng ông Vương không thể hội tập kinh. Việc hội tập kinh hoàn toàn không bị phản đối, nhưng không được sửa đổi từ ngữ trong kinh điển. Trong kinh nếu có những chữ dùng không được hay cũng không được sửa chữa, vì sửa chữa e rằng sẽ gây ảnh hưởng đến tương lai.

Vương Long Thư sửa đổi không có vấn đề, vì ông ấy có học vấn, có tu trì, đích thực là sửa lại hay hơn. Nhưng người đời sau thấy vậy lại nghĩ rằng, ông ấy có thể sửa thì mình cũng có thể sửa. Câu kinh đọc thấy không suông, vì trình độ không đủ, lại đem câu kinh khó sửa lại cho thành dễ đọc, theo suy nghĩ của riêng mình mà sửa, làm sao chấp nhận được? Cho nên, không thể làm theo suy nghĩ của riêng mình, như vậy là sai lầm.

Người như Vương Long Thư, Ngụy Nguyên² đều là những bậc đại hiền, nhưng Đại sư Ấn Quang vẫn chê trách họ [việc sửa kinh], cho dù họ đối với Tịnh độ tông thực sự có nhiều cống hiến, công lao không thể bỏ qua.

¹ Kinh điển nguyên văn là Phạn ngữ, các bản ông Vương Long Thư sử dụng đều là bản dịch sang Hán văn.

² Ngụy Nguyên: tức Ngụy Mặc Thâm vừa đề cập ở trước.

Chính vì vậy mà có bản hội tập [kinh Vô Lượng Thọ] thứ ba của Lão cư sĩ Hạ Liên Cư ra đời. Bản hội tập này tránh được những lỗi lầm của các bản trước, giữ được những ưu điểm nhưng loại bỏ hết khuyết điểm. Vì thế mọi người đều khen ngợi bản hội tập này là hay nhất, là bản kinh Vô Lượng Thọ hay nhất.

Bản kinh này có điểm tốt nào chẳng? Có rất nhiều điểm tốt. Trong khoảng mười mấy năm gần đây, khí thế của chư vị đồng tu niệm Phật trên toàn thế giới được khơi dậy. Do đâu mà được khơi dậy? Là nhờ có bản hội tập [kinh Vô Lượng Thọ] của Lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Rất nhiều người tụng đọc bản kinh này, được vãng sinh hiện điềm lành hy hữu. Chính tôi tự thân được nhìn thấy tại Singapore, tại khu vực Malaysia, chính tai tôi được nghe cũng rất nhiều.

Chúng ta từ một việc [hội tập kinh] này mà xem xét đúng sai. Đó là đơn cử một việc để từ đây suy ra, trong sinh hoạt thường ngày, nói năng hành động, nhất định phải lưu tâm quan sát kỹ những ảnh hưởng [của việc mình làm] đối với chung quanh, đối với xã hội, đối với những thế hệ về sau, nói chung là ảnh hưởng đối với lịch sử. Chúng ta phải hiểu rõ những ý nghĩa này.

Nhìn xa hơn nữa, vào thời đại của Khổng tử, chúng ta thấy rất nhiều chư hầu cầm quyền cai trị không được như ý dân. Khổng tử đi qua khắp các nước, hy vọng có vua chư hầu nhận hiểu được ngài, trọng dụng ngài, để ngài có thể giúp vị ấy trị nước, mang lại thái bình cho thiên hạ. Ngài có đủ trí tuệ, cũng có khả năng làm việc ấy. Nhưng các nước chư hầu tiếp đón ngài, ngợi khen xưng tán ngài mà chẳng ai trọng dụng ngài. Ngài chỉ còn cách là trở về quê nhà dạy học.

Chúng ta có thể đặt nghi vấn, vì sao ngài không làm một cuộc cách mạng? Vì sao không lật đổ chính quyền đi, thay thế họ mà trị nước? Ngài không làm như vậy không phải vì không

có năng lực. Chúng ta xem trong số 3.000 đệ tử của ngài có 72 bậc hiền tài. Ngày nay ta xem trong Luận ngữ, thấy [đệ tử ngài] có đủ các hạng nhân tài. Khổng tử có thể làm việc [thay đổi chính quyền], hơn nữa đó lại là việc tốt, chỉ có điều “*tác dụng lưu hành*” không tốt, sẽ tạo thành ảnh hưởng tiêu cực trong lịch sử. [Người đời sau sẽ nghĩ rằng,] đối với một chính quyền không vừa ý thì cứ lật đổ đi. Quý vị nên biết, có biết bao nhiêu sinh mạng, tài sản của mọi người sẽ tiêu tan chỉ vì một ý niệm như thế. Tội lỗi ấy hết sức nghiêm trọng. Chỉ thỏa mãn lòng tham muốn của một người mà khiến cho bao nhiêu người lâm nạn, chuyện như vậy thật không thể làm.

Chính quyền thời ấy tuy không được hoàn toàn như ý dân, cũng chưa đến mức phải bị lật đổ. Cách mạng Thang Vũ¹ là chuyện bất đắc dĩ, vua Trụ nhà Ân quả thật là quá sức tệ hại, đối với bá tánh chẳng xem như con người, nên thật đáng lật đổ. Người cầm quyền chân chánh không lúc nào lại như thế. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát, các bậc đại thánh đại hiền đều cầu cho xã hội ổn định, thế giới hòa bình, thiết chế thực thi không tốt thì dần dần sửa đổi. Như thế là hiểu rõ được những điều thiện ác, sáng tỏ được những việc đúng sai, các ngài đều nhìn xa trông rộng, quả là thánh nhân.

Khổng tử tuy là người thuộc lớp thường dân, nhưng thành tựu của ngài là ở việc dạy học, ảnh hưởng của ngài từ thời ấy còn mãi đến ngày nay, hơn 2.500 năm rồi, lại còn lan rộng khắp thế giới. Trên thế giới ngày nay, dù ở đất nước, vùng miền nào, nói đến Khổng tử thì người ta đều biết, đều khởi tâm kính trọng. Chúng ta thử nghĩ xem, ngài đã nhìn nhận sự việc như thế nào, ứng xử như thế nào?

Cho nên, [có những việc] giống như đúng mà lại sai, thật

¹ Tức cuộc lật đổ triều đại nhà Thương (hay Ân Thương, do vua Thành Thang khởi nghiệp) và mở đầu triều đại nhà Chu, do Chu Vũ Vương khởi đầu. Chu Vũ Vương dùng quân đội lật đổ nhà Thương, vua Trụ thua ở trận Mị Dã (vào khoảng năm 1122 trước Công nguyên), chạy đến Lộc Đài tự thiêu mà chết.

không dễ phân biệt. [Có những việc] giống như thiện mà lại ác, lại cũng có [những việc] giống như ác mà lại thiện, vì bề ngoài biểu hiện là bất thiện nhưng ảnh hưởng lại là thiện. Có thể thấy rằng, bậc thánh hiền đối với những việc đúng sai, thiện ác, so với tiêu chuẩn phân biệt của chúng ta thật không giống, chúng ta phải lưu ý.

Thế nào là *lệch lạc* khác với *chính đáng*? Trong việc này [sách *Liễu Phàm tứ huấn*] nêu ra một chuyện xưa, là chuyện Tể tướng Lã Văn Ý lúc về hưu. Khi ông về hưu, người dân trong làng đối với ông đương nhiên đều tôn kính. Nhưng trong làng có một người uống rượu say, đối với ông không chút lễ độ, dùng lời nói thô lỗ, xúc phạm. Tể tướng vốn khoan dung đại lượng, bỏ qua không để bụng, không tính toán gì, tha thứ cho anh ta.

Một năm sau, nghe tin người ấy phạm tội bị kết án tử hình, quan quân tổng giam vào ngục. Lúc ấy, Lã Văn Ý cảm thấy mình hết sức có lỗi. Ông nghĩ, lúc anh ta làm nhục ta, lẽ ra ta phải giao đến cửa quan để trị tội, hửn là anh ta [phải hối cải] không đến nổi phạm vào việc xấu ác quá nặng nề như hôm nay. Khi ấy chỉ vì một ý niệm nhân hậu, tha thứ cho anh ta, thật không biết là về sau anh ta lại phạm tội nặng nề hơn nữa.

Chuyện tương tự như thế, chúng ta trong đời sống hằng ngày vẫn thường nhìn thấy. Lỗi lầm nhỏ không bị trừng trị, dần dần nuôi dưỡng thành việc ác lớn. Hơn nữa, ảnh hưởng của việc này thật không tốt, [nếu phát triển] thành người người đều dám làm việc ác thì xã hội làm sao có thể ổn định?

Cho nên, Nho giáo và Phật giáo đều là con đường giáo dục. Ngày nay chúng ta cực lực đề xướng [tôn chỉ]: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*.” (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.) [Tôn chỉ] tám chữ này là do trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh đề xuất. Tôi thấy rất hay,

rất nên đem tám chữ này quảng bá rộng khắp, không chỉ giới hạn tại Bắc Kinh, nên lưu thông đến toàn thế giới. Mỗi ngày tôi đều giảng dạy, quý đồng học mỗi ngày đều đến nghe, liệu đã có được ý thức như vậy hay chưa? Nếu có được ý thức như vậy, đó là quý vị đã *tích đức*, trong lòng quý vị đã có được đức hạnh chân thật. Nếu quý vị có thể đem ý thức này áp dụng vào thực tế đời sống thường ngày, đó là quý vị *tích công*. Tích lũy công đức như vậy là thành tựu. [Luôn phải tự nhắc nhở mình,] chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động, liệu đã có thể nêu gương tốt cho xã hội hay chưa? Phải gìn giữ tâm niệm như thế, hành động theo cách như thế thì xem như được.

Nhất định phải luôn suy ngẫm, cách làm này của ta đối với xã hội có ảnh hưởng gì? Đối với những người học theo trong tương lai có ảnh hưởng gì? Phải thường xuyên suy ngẫm ở điểm này. Cho nên cần phải biết, rất thường có những việc thiện mà [ảnh hưởng] về sau lại xấu ác, không thể không cảnh giác. Lại cũng có những việc ác mà về sau mang lại hậu quả rất tốt, hóa ra là việc thiện. Đó gọi là trong lịch lạc có chính đáng. Việc thiện mà về sau gây ảnh hưởng bất thiện, đó là trong chính đáng có lịch lạc. Trước mắt làm một việc không tốt, nhưng ảnh hưởng lại tốt, đó là trong lịch lạc có chính đáng.

Những sự việc như vậy, nếu không có sự tu dưỡng thật sâu sắc, quý vị làm sao có thể quan sát nhận biết được? Hơn nữa, những việc như vậy vừa tiếp cận phải rõ biết ngay, không thể đợi qua rồi mới suy ngẫm lại, như vậy không kịp nữa. Vừa gặp việc là hiểu rõ, mới có thể tùy theo tình hình sự việc mà quyết đoán ngay, đó mới là học vấn, là công phu chân thật.

Lúc bình thường [công phu] tu dưỡng không sâu dày thì khi gặp việc không thể tránh được sai lầm. Có nhiều sai lầm không cách gì sửa chữa được. Đặc biệt là chúng ta sống trong

thời đại này, không có ai giảng dạy đạo pháp, cũng không có ai giảng dạy lý lẽ, thật là đời hỗn loạn. Chúng ta ở trong đời hỗn loạn mà muốn lập chí làm người tốt, làm bậc thánh hiền thật không dễ chút nào. Đây chính là trường hợp trong kinh điển Phật thường dạy, nếu không có nhân duyên phước đức căn lành sâu vững thì không thể làm được. Mong cầu là một việc, có thành tựu mãn nguyện hay không lại là một việc khác.

Nhưng người chân chánh phát nguyện thì bất kể rơi vào hoàn cảnh nào rồi cũng đều sẽ thành tựu, chỉ cần bên tâm không thoái chí thì tâm niệm hiền thiện đạo đức không lay chuyển lui sụt, đó là *nhân*. Thường ham học hỏi, thực sự ham học hỏi, đó là *duyên*. Như trong Phật pháp thường nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*.” (Trong cửa Phật không bỏ người nào.) [Có đủ nhân duyên như trên thì] quý vị sẽ được chư Phật, Bồ Tát quan tâm hộ trì.

Quý vị có tâm nguyện tốt nhưng không hiếu học thì không thành tựu. Quý vị hiếu học nhưng không phát đại nguyện, cũng không thành tựu. Hạnh và nguyện hỗ trợ cho nhau mới có thể thành tựu, ý nghĩa này trong kinh Phật giảng giải rất nhiều. Các bậc đại thánh đại hiền từ xưa nay, chúng ta nhìn qua không một vị nào không hiếu học. Chư Phật, Bồ Tát là những tấm gương hiếu học, chúng ta cần phải học tập theo.

Bài giảng thứ 32

(Giảng ngày 20 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 33, số hồ sơ: 19-012-0033)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm nay chúng ta tiếp tục bàn về nội dung tiên sinh Liễu Phàm gọi là “*thiện hữu bán mãn*” (việc thiện có *một phần* khác với *trọn vẹn*). Chữ “*mãn*” là “*viên mãn*”, nghĩa là tròn đầy trọn vẹn, nên hết thấy những việc gì chưa được hoàn toàn trọn vẹn đều nói chung là *một phần*.

Tiên sinh trích dẫn hai câu trong kinh Dịch: “*Thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh; ác bất tích, bất túc dĩ diệt thân.*” (Điều thiện không tích chứa thì không đủ tạo thành danh thơm tiếng tốt; điều xấu ác không tích chứa thì không đủ gây thành họa diệt thân.) Hai câu này quả là danh ngôn chí lý, người tu hành nhất định phải khắc ghi bên bả trong lòng.

Nói chung, không tích chứa thì không đủ để tròn đầy, tức là không trọn vẹn. Cho nên mới dạy chúng ta phải tích lũy công đức. [Người có] đức hạnh phải gìn giữ mỗi niệm không quên, thời thời khắc khắc luôn duy trì tâm nguyện làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho chúng sinh, lợi ích cho xã hội, phải buông xả hết ý niệm giành lợi ích riêng cho mình.

Người đời nói chung không phải không hiểu rõ ý nghĩa này, cũng không phải chưa từng đọc qua sách vở thánh hiền. Rất nhiều người đã đọc sách thánh hiền, đã hiểu rõ ý nghĩa này, nhưng chỉ là họ không làm được. Vì sao không làm được? Đó là vì lòng dục riêng không buông bỏ được. Do đó có thể biết rằng khuynh hướng giành lợi ích riêng cùng với đủ điều ham thích ưa muốn không chỉ là chướng ngại lớn lao cho

người tu hành, mà cũng là trở ngại khiến người đời không được phước báo.

Chúng sinh vì sao phải đọa vào ba đường ác? Nguyên nhân trong việc này chúng ta không khó để lý giải. Kinh Phật giảng giải về ba đường ác, về địa ngục rất rõ ràng, minh bạch, nhưng chúng ta đọc qua rồi, nghe qua rồi vẫn không thể đề cao sự cảnh giác [đối với những việc xấu ác]. Đây chính là lơ đãng vô cảm, chỉ chú trọng chút lợi nhỏ trước mắt mà không biết tương lai phải chịu hại lớn.

Cho nên, đối với [những ý nghĩa] thiện ác, lợi hại, chân lý sự thật, nào có mấy ai nhận thức được rõ ràng, sáng tỏ? Có mấy ai làm được trọn vẹn? Người đời hiện nay không làm được, nói thật ra cũng không thể trách họ, cũng không lấy gì làm lạ. Vì sao vậy? Vì không ai dạy dỗ họ. Những ý nghĩa lớn lao như vậy phải được giáo dục từ thuở nhỏ, đó gọi là tập quen từ lúc nhỏ mới được như bẩm tính trời sinh.

Điều này rất có ý nghĩa. Đợi đến tuổi trung niên hoặc tuổi già, ở giữa xã hội ô nhiễm nên đã bị nhiễm ô nghiêm trọng, dù được nghe qua [những ý nghĩa này] cũng biết là hợp lý, cũng gật đầu tán thành, nhưng khi gặp việc đưa đẩy trước mắt thì vẫn mê hoặc điên đảo, vẫn không thể buông xả. Nguyên nhân đều do nhận biết chưa thấu triệt nên mới có hiện tượng như thế. Từ đó có thể biết rằng việc giáo dục thật quan trọng biết bao.

Thời cổ đại ở Trung quốc, giáo dục được xem là việc quan trọng nhất trong đời người, bất kể là trong gia đình hay [kế sách] quốc gia, nhờ đó mà dân tộc [Trung quốc] mới có thể trải qua được mấy ngàn năm đến hôm nay mà không bị diệt vong. Chúng ta xem lại sự hưng khởi của [chủ nghĩa] đế quốc phương Tây, chưa kéo dài được bao lâu đã suy thoái. Chúng ta có thực sự nhận ra được nguyên nhân dẫn đến sự hưng khởi hay suy thoái đó là gì hay không? Vì sao họ hưng khởi?

Vì sao họ suy vi? Trung quốc cũng từng bị suy vi một lần, nhờ đâu lại có thể phục hưng? Nguyên nhân nằm ở cội gốc văn hóa [của dân tộc] rất sâu vững.

Tuy nhiên, trong thời cận đại, mọi người nhìn thấy người phương Tây với súng trường, súng lớn, bị khuất phục trước vũ lực của họ nên đánh mất đi lòng tự tin dân tộc. Nhưng Trung quốc vẫn còn được một số người lớn tuổi trong lòng hiểu rõ, vẫn luôn giữ bền mạch văn hóa dân tộc, chờ đợi nhân duyên cơ hội để phát triển lớn mạnh. Điều gì là nhân duyên cơ hội? Đó là khi mọi người tỉnh ngộ, có thể quay lại tiếp thụ [văn hóa dân tộc], đó chính là nhân duyên cơ hội thành thực. Trong hoàn cảnh chung của cả đất nước Trung quốc, đã qua mấy ngàn năm hun đúc, nói thật ra là cũng dễ dàng giác ngộ, bừng tỉnh ra. Đó là phước báo của người Trung quốc. Người Trung quốc có phước thì nhân loại cũng có phước.

Những lời răn dạy của các bậc hiền thánh xưa [ở Trung quốc] so với quan niệm của người phương Tây thật không tương đồng. Người Trung quốc từ xưa đến nay vẫn cho rằng “thiên hạ là việc chung”, lại dạy ta “yêu người thương vật, suy mình hiếu người”. Tâm lượng như thế thật rộng lớn biết bao, [được như vậy thì có thể] thành tựu công đức trọn vẹn. Cho nên, dù có nhất thời bị mê hoặc, trong thời gian ngắn gặp phải tai nạn thì cuối cùng cũng có thể tỉnh ngộ hồi tâm.

Nói đến [việc làm thiện] *một phần* hay *trọn vẹn*, thật ra đều là do tu dưỡng tâm. Trong chú giải, phần này nêu ra một ví dụ. Có cô gái lên chùa dâng hương, cúng dường hai văn tiền. Nói hai văn thì người thời nay không hiểu. Hai văn là bao nhiêu? Vào cuối triều Thanh, mười văn tiền là một xu, mười xu là một hào, [mười hào là một đồng]. Như vậy, quý vị có thể thấy hai văn là một số tiền rất nhỏ. Từ đó ta có thể hình dung được cô gái này gia cảnh hết sức nghèo khó. Nhưng cô cúng dường với tâm chân thành nên hòa thượng trụ trì đích thân làm lễ tiêu tai cho cô.

Về sau, cô gái trở nên giàu có, quay lại chùa này dâng hương hoàn nguyện. Lần này cô cúng dường 1.000 lượng bạc. Hòa thượng trụ trì cử một vị tăng trong chùa làm lễ tiêu tai cho cô. Nghi lễ hoàn tất, cô gái đến thưa hỏi thầy trụ trì: “Bạch hòa thượng, lúc trước con cúng dường hai văn tiền, thầy đích thân làm lễ tiêu tai cho con. Hôm nay con cúng dường nhiều đến thế này, vì sao thầy chỉ tùy tiện sai một vị tăng làm lễ tiêu tai, có vẻ như hời hợt với con quá chăng?”

Hòa thượng đáp: “Ngày trước tuy con cúng dường rất ít nhưng với tâm chân thành. Nếu ta không đích thân làm lễ tiêu tai thì thật phụ lòng con. Hôm nay tuy con cúng dường rất nhiều nhưng tâm thành kính không được như xưa, nên chỉ tùy tiện nhờ một vị tăng làm lễ cho con là đủ rồi.”

Từ câu chuyện này chúng ta có thể thấy được, [công đức] *một phần* hay *trọn vẹn* không do ở chỗ cúng dường nhiều hay ít, mà do ở tâm chân thành. Bài pháp này rất hay. Chẳng phải cứ có tiền, có thế lực là có thể tu tạo được công đức lớn, được công đức viên mãn, còn người nghèo hèn thì không có cơ hội tu tập. Sáng tỏ ý nghĩa này thì mới biết rằng người nghèo khó vẫn thường có thể tu tạo công đức tròn đầy trọn vẹn, nhưng người giàu sang phú quý có khi thường chỉ tu tạo được một phần công đức.

Chúng ta hiểu rõ được ý nghĩa này, thông suốt được chân tướng sự thật, người giàu sang chưa hẳn đã đời đời sinh ra đều giàu có, người nghèo hèn cũng không hẳn đời đời sinh ra đều nghèo hèn. Người nghèo khó [có khi] đời sau được giàu sang, người giàu sang [có khi] đời sau sinh ra nghèo khó. Quý vị có thể thắc mắc, điều này có ý nghĩa gì? Chính là ý nghĩa muốn nói lên trong đoạn [chú giải] này.

Thông thường, người giàu sang thường nhiều kiêu mạn. Người nghèo hèn thì đa số đều khiêm hạ, cung kính. Đâu biết

rằng khiêm cung là đức, kiêu mạn làm hao tổn phước báo, cho nên [lòng kiêu mạn thì] dù tu tập thế nào cũng chỉ được một phần [công đức], không thể đạt đến trọn vẹn.

Tiên sinh Liễu Phàm cũng nêu ra một câu chuyện xưa, là chuyện Lã Động Tân, rất đáng để chúng ta suy xét phản tỉnh sâu sắc. Lã Động Tân là một trong Bát tiên của Đạo giáo. Thuở trước khi vừa gặp được Chung Ly, cũng là một vị trong Bát tiên, ông này liền dạy cho Lã Động Tân một phép thuật có thể biến sắt thành vàng. Quý vị muốn bố thí cứu giúp người nghèo khó mà có được khả năng này thì rất thuận tiện.

Lã Động Tân khi ấy hỏi Chung Ly: “Tôi biến sắt thành vàng, có khi nào vàng hóa lại thành sắt không?” Chung Ly đáp: “Sau 500 năm thì vàng mới trở lại thành sắt.” Lã Động Tân tự nghĩ, như vậy chẳng phải ta làm hại người của 500 năm sau rồi ư? Liền nói với Chung Ly: “Phép thuật này không cần đâu, tôi không học nữa.” Chung Ly khen ngợi, nói: “Người tu tiên phải tích lũy đủ 3.000 công đức. Chỉ một ý niệm tốt đẹp này của ông thì 3.000 công đức đã được trọn vẹn rồi.”

Tôi thấy người thời nay không có được tâm niệm này. Đừng nói chi việc làm hại người sau 500 năm họ không chịu trách nhiệm, cho đến người hiện tại trước mắt đây họ cũng làm hại cả. Từ câu chuyện xưa đó chúng ta thể nhận được một điều, chư Phật, Bồ Tát, các vị thần tiên đều đem lòng thương yêu đối đãi với con người, dù là chúng sinh của trăm ngàn năm sau cũng quyết không có ý niệm làm tổn hại, huống chi là ngay trong hiện tại. Đó là điều mà chúng ta phải học theo.

Phần sau có câu kết luận rất hay: Chỉ cần có tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi, thì bố thí một đồng xu cũng có thể tiêu trừ tội lỗi trong ngàn kiếp. Do đó có thể biết rằng, không do nơi việc bố thí ít hay nhiều, mà do nơi tâm niệm chân thành. Nếu như tâm không chân thành, cho dù vàng ròng

vạn dật,¹ ý nói rất nhiều, như ngày nay chúng ta gọi là tiền muôn bạc vạn, mang hết ra bố thí cúng dường, cũng chỉ được phước một phần, chẳng được trọn vẹn.

Ý nghĩa này trong Phật pháp giảng giải rất rõ ràng. Chân thành, thanh tịnh, từ bi, không bám chấp hình tướng, chính là trường hợp mà trong Phật pháp gọi là “*cảnh tùy tâm chuyển*”. [Người như vậy] tâm lượng rất lớn, trong lòng không có chướng ngại, không có phân biệt, không có bám chấp, mỗi một niệm đều tương ứng với pháp giới trong khắp hư không, công đức như vậy là tròn đầy trọn vẹn.

Nếu như trong tâm không buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, tâm lượng nhỏ hẹp, cho dù bố thí tiền muôn bạc vạn, vàng bạc châu báu, cũng không cách gì đột khởi khai thông được tâm lượng [nhỏ hẹp] ấy. Cho nên phước báo không thể tròn đầy trọn vẹn, ý nghĩa là ở chỗ này.

Chúng ta phải suy ngẫm thật kỹ lưỡng, quan sát thật kỹ lưỡng. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, bất kể là tài thí, pháp thí hay bố thí theo cách nào, cũng đều tùy theo tâm lượng mà biến hiện đầy khắp pháp giới mười phương, thành tựu đại viên mãn: mỗi một ý niệm đều là đại viên mãn, mỗi một sự việc đều là đại viên mãn. Nếu chúng ta không hiểu rõ được ý nghĩa này thì biết tu tập thế nào? Cho nên, học Phật không thể không rõ lý lẽ, tu phước cũng không thể không rõ lý lẽ.

Dưới đây nói tiếp [về ý nghĩa] việc thiện có *lớn lao* khác với *nhỏ nhất*, cũng đều ở trong một ý niệm chí thành mà phân biệt. Một niệm vì lợi ích xã hội, lợi ích chúng sinh, như thế mà làm là [việc thiện] *lớn lao*. Mỗi niệm đều vì lợi ích riêng tư cho bản thân mình, như vậy thì dù làm rất nhiều việc thiện, phước báo vẫn là *nhỏ nhất*.

¹ Dật: đơn vị tính vàng thời cổ, một dật tương đương với 20 lượng vàng.

Trong *Vị biên* dẫn một chuyện công tích của Vệ Trọng Đạt, người triều Tống. Câu chuyện này chúng ta gặp trong rất nhiều thư tịch, bút ký của người xưa, nên có thể thấy là chuyện được rất nhiều người biết đến.

Vệ Trọng Đạt làm quan rất lớn, gặp phải nhân duyên bị tiểu quỷ bắt dẫn đến chỗ Diêm vương. Diêm vương sai phán quan mang hồ sơ ghi chép về ông ra. Hồ sơ ấy chia làm hai phần, một phần ghi chép những việc ác, một phần ghi chép những việc thiện. Phần ghi những việc ác nhìn qua thấy quá nhiều, trong khi việc thiện rất ít, chỉ ghi chép trong một quyển duy nhất.

Diêm vương nhìn thấy tình trạng như vậy rất không hài lòng, bảo phán quan mang cân ra để so sánh. Kết quả là những việc ác tuy rất nhiều, quả thật là quá nhiều, còn việc thiện chỉ thấy ghi trong một tờ giấy mỏng, nhưng tờ giấy mỏng ấy lại nặng hơn tất cả những [hồ sơ ghi chép] việc ác. Diêm vương thấy vậy thì liền tươi cười nói: “Người cũng không tệ.”

Vệ Trọng Đạt liền thưa hỏi phán quan: “Tôi năm nay chưa được bốn mươi tuổi, làm sao có thể tạo quá nhiều việc ác đến thế?” Phán quan đáp: “Việc ác không nhất thiết là ông đã làm, chỉ cần khởi lên một ý niệm ác, nơi âm tào địa phủ đã có hồ sơ ghi chép rồi.”

Trọng Đạt lại hỏi: “Vậy việc thiện của tôi là việc gì?”

Đáp: “Đó là khi triều đình muốn xây dựng một công trình lao nhọc sức dân, tốn hao tiền của, ông đã dâng biểu lên xin hoàng đế đừng làm.”

Trọng Đạt nói: “Nhưng hoàng đế đâu có nghe lời tôi?”

Phán quan giải thích: “Dù hoàng đế không nghe theo, nhưng tâm niệm của ông là vì số đông dân chúng mà lo nghĩ, không phải vì nghĩ đến lợi ích riêng tư, quả thật vì lợi ích cho

muôn vạn dân đen. Biết bao dân lành [sẽ khổ vì việc này], ông vì họ mà khởi tâm chân thành lo lắng. Chỉ một ý niệm [hiền thiện] đó, công đức đã vượt hơn rất nhiều tội lỗi của ông. Cho nên, một niệm thiện đó là *lớn lao*, bao nhiêu niệm xấu ác bình thường kia đều là *nhỏ nhất*.”

Chúng ta nếu hiểu rõ ý nghĩa này thì sẽ có lòng tin nơi việc sửa lỗi hướng thiện, cũng biết được tự mình phải làm như thế nào, biết rằng việc sám hối không khó. Vệ Trọng Đạt bất quá cũng chỉ tích lũy nghiệp ác [chưa được] 40 năm, chúng ta ngày nay phải nói là nghiệp ác đã tích lũy từ vô lượng kiếp, nhưng trong một ý niệm cũng có thể hối cải.

Câu chuyện này đối với việc tự sửa mình, hướng thiện bỏ cũ làm mới, sám hối lỗi lầm, tu tạo phước báo của mỗi chúng ta đã mang lại niềm tin lớn lao. Chỗ thấy biết của chư Phật, Bồ Tát, của thần minh trong trời đất so với chúng ta thật không giống nhau. Hy vọng tất cả chúng ta đều cố gắng học tập.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 33

(Giảng ngày 21 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 34, số hồ sơ: 19-012-0034)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta giảng đến sự nhận biết [phân biệt] đối với các việc thiện ác, họa phúc hay lợi hại. Nội dung này đã đề cập rất nhiều lần. Thật ra, đây là vấn đề lớn, nhất định không thể chỉ trong mấy câu mà có thể nói rõ ràng, đặc biệt là với chúng sinh hiện nay, nếu không nói ra thật rõ ràng, thấu triệt, thật không dễ gì lý giải với họ.

Thuở xưa, chư Phật, Bồ Tát, các vị thánh hiền giảng kinh thuyết pháp đều rất dễ dàng, ngôn ngữ hàm súc, nói vừa đủ là dừng, người nghe pháp có thể hoát nhiên đại ngộ. Chúng sinh ngày nay dường như thông minh vượt hơn người xưa, nhưng trí tuệ thật kém rất xa. Ý nghĩa trong [sự khác biệt] này chúng ta cần phải hiểu rõ.

Dưới đây sẽ nói tiếp về việc làm thiện tích đức có *khó khăn* khác với *dễ dàng*. Trong sách này đưa ra một ví dụ, đó cũng là câu chuyện được kể trong *Liễu Phàm tứ huấn*.

Thế nào là *khó khăn* khác với *dễ dàng*? Các vị Nho gia ngày trước dạy rằng: “*Muốn tự chế phục bản thân thì phải khởi đầu từ chỗ khó chế phục nhất.*” Đó là giáo dục của Nho gia. Công phu của nhà Nho cũng giống với điều trong Phật pháp gọi là *tu hành*. *Hành* là hành vi. Đối với những hành vi sai trái, những cách nhận hiểu sai lệch về vũ trụ nhân sinh, những cách suy nghĩ sai lầm, những cách làm, cách nói sai lầm của bản thân, hết thảy đều [nỗ lực] thay đổi, sửa chữa thành chân chánh, đúng đắn, đó gọi là *tu hành*.

Những gì là sai lầm? Những gì là chân chánh đúng đắn? Chân chánh đúng đắn là thiện, sai lầm là xấu ác. Dứt ác tu thiện phải từ chỗ này hạ thủ công phu. Những tập khí xấu ác, thói hư tật xấu của chúng ta thật quá nhiều, làm cách nào sửa chữa thành chính đáng? Các bậc hiền thánh xưa dạy người phải [bắt đầu] từ nơi khó chế phục nhất. Làm được rồi thì những việc khác đều trở thành dễ dàng. Dù là Nho gia hay Phật giáo cũng đều theo nguyên tắc này.

Phiền não tập khí của mỗi người đều không giống nhau, tự mình phải biết rõ, phải thường tự kiểm, phải thường phản tỉnh. Biết được thói xấu nào là nghiêm trọng nhất của mình thì phải bắt đầu từ đó mà tu sửa. Nếu thói xấu của mình là tham lam tiền bạc, vậy trước tiên phải bắt đầu tu tập bố thí tiền bạc. Nếu thói xấu là tham muốn sắc đẹp, trước tiên phải xa lìa sắc đẹp...

Nói chung, phải biết được thói xấu của chính mình nằm ở chỗ nào. Tự rõ biết được thói xấu của mình, đó là người đã giác ngộ. Đối với thói xấu của mình có thể hướng thiện sửa đổi, đó là công phu chân chánh, công phu thực tiễn, đó là chân tu.

Cho nên, việc tu hành ngàn vạn lần không được sai lầm. Mỗi ngày đọc mấy quyển kinh, niệm bao nhiêu tiếng Phật hiệu, đó gọi là tu hành sao? Đó chỉ là hình thức, không phải thực chất. Phải từ nơi thực chất [vấn đề] mà hạ thủ công phu. Hình thức là đặt ra cho người chưa học Phật, vì người chưa biết tu hành nên làm khuôn mẫu để họ noi theo. Đó là [việc làm vì] cứu độ người khác. Công phu thực chất mới là chân chánh lợi lạc cho mình.

Không có thực chất của sự tự lợi, quý vị cố cố làm khuôn mẫu cho người khác noi theo, người khác nhìn vào cũng liền thấu hiểu được ngay đó là giả dối, chẳng phải chân thật, chẳng có giá trị gì. Hình thức giả dối chỉ có thể đối gạt được

những người ngu si trong thế gian, còn những người thực sự có kiến thức, có mắt nhìn, có đức hạnh, quý vị làm sao đối gặt được? Những người này sẽ thấy biết rõ ràng minh bạch, chỉ là không nói với quý vị mà thôi.

Vì sao không nói với quý vị? Vì nói cũng chẳng ích gì, chỉ tạo thêm khẩu nghiệp. Nếu nói ra mà quý vị không chịu lắng nghe, không chịu hối cải thì nói với quý vị để làm gì? Quý vị có thể thực sự tiếp thu, có thể hối cải, những người ấy sẽ có thể giúp đỡ, hỗ trợ quý vị, nói cho quý vị biết. Nếu không biết hối cải, dù Phật, Bồ Tát có nhìn thấy như vậy cũng không nói với quý vị một câu nào, không kết oán thù với quý vị làm gì.

Trong phần này cũng nêu ra những chuyện tích xưa rất đáng để chúng ta suy ngẫm phản tỉnh.

Bước đầu tiên trong công phu dứt ác tu thiện chính là có khả năng sửa lỗi. Tiến lên một bước nữa là có thể nhẫn nhục thì công phu mới được duy trì, không thối thất. Cho nên, trong sáu pháp ba-la-mật của hàng Bồ Tát thì bố thí có thể tu tạo phước báo, nhẫn nhục có thể tích lũy công đức. Người tu tạo phước báo mà không có khả năng nhẫn nhục, tuy vẫn được phước đức nhưng hoàn toàn không có công đức.

Mọi người cần phải hiểu rõ, phước đức không thể giải quyết được vấn đề [của chúng ta]. Sinh tử là việc lớn, đường luân hồi nguy hiểm, quý vị không có công đức chân thật thì biết làm thế nào? Nhất là trong đời loạn hiện nay, dù ở nơi đâu, bất cứ lúc nào, không thể xác định thời gian, không biết sẽ gặp tai nạn gì, chúng ta đều có thể mất đi mạng sống.

Sau khi chết rồi sẽ đi về đâu? Đó là vấn đề quan trọng. Đời người ai cũng phải chết. Chúng ta không nên né tránh cái chết, không nên sợ chết, mà phải dùng trí tuệ sáng suốt đối diện với hiện thực, hướng đến chỗ lợi mình lợi người. Người chân chính thông đạt Phật pháp biết rằng trong Phật pháp không có chuyện sống chết. Phật pháp giải thích đó là

sự chuyển biến. Như vậy mới đích thực là chân tướng sự thật. Sống hay chết chỉ là sự chuyển biến [từ trạng thái này sang trạng thái khác]. Nói theo cách của khoa học hiện nay là sự chuyển biến thời gian và không gian khác biệt. Từ cõi người chuyển đến cõi trời là khác biệt về thời gian và không gian. Chúng ta sống trong không gian ba chiều, chư thiên cõi trời sống trong không gian bốn chiều, năm chiều, là không gian đa chiều bậc cao hơn. Đó là chuyển biến. Không gian trong ba đường ác so với không gian của chúng ta khổ não hơn nhiều. Nhà Phật không chỉ nói về sáu đường, mà còn nói về mười pháp giới.

Có được thân người, gặp được Phật pháp, nhân duyên này thật không dễ có. Chúng ta cần phải biết trân quý mỗi nhân duyên này, thực sự nỗ lực tạo một sự chuyển biến tốt. Trong kinh điển Phật dạy rất rõ ràng, sự chuyển biến thù thắng nhất không gì hơn niệm Phật. Niệm Phật được vãng sinh, không còn thối chuyển, cho đến thành Phật, đó là sự chuyển biến thù thắng không gì sánh được, chúng ta cần phải nhận hiểu thật rõ.

Không chỉ buông xả hoàn toàn muôn vạn trần duyên, cho đến Phật pháp cũng phải buông xả. Tám mươi bốn ngàn pháp môn, cho đến vô số pháp môn, tất cả đều hoàn toàn buông xả. Đem tâm thanh tịnh chân thành không gì sánh được mà phát khởi lòng tin, phát khởi tâm nguyện niệm Phật, trong một đời này quyết lòng tu tập thành tựu.

Người niệm Phật không được vãng sinh, nguyên nhân tại đâu? Đó là vì quý vị chưa buông xả, bên trong lòng ôm giữ nắm nín tính toán đủ việc, bên ngoài cảnh chiều theo muôn thứ dẫn dụ mê hoặc. Trong ngoài đều không thanh tịnh, niệm Phật như thế không thể vãng sinh.

Cho nên, người tu hành thì sống càng đơn giản càng tốt. Thuở xưa, các bậc tu hành dù chưa đạt được đến mức ba

tắm y một bình bát [như thời đức Phật], nhưng cũng không tham nhiều. Khi tôi còn trẻ, còn nhớ lúc rời nhà đi học xa, ở lại trường học, chỉ mang theo một tấm chăn, một bọc hành lý. Trong bọc cũng chỉ có mấy bộ quần áo thay ra thay vào, mấy quyển sách đang học. Tôi còn nhớ rất rõ, tấm chăn của tôi nặng ba cân. Mẹ tôi chuẩn bị cho tôi tấm chăn ấy, dùng một tấm vải màu tro lót phía dưới cùng. Thời ấy mỗi người tự mang theo mình, hết sức đơn giản, không quá phiền phức như bây giờ.

Chúng tôi cùng sống chung với nhau, nhu cầu tham khảo tư liệu thì có thư viện. Trong thư viện có đủ tư liệu phục vụ chung cho mọi người, không cần phải tự trang bị. Nếu như mọi thứ đều phải tự trang bị, quý vị nói xem, có khó nhọc cho mọi người hay không? Như vậy càng tăng thêm sự vướng bận thân tâm, làm trở ngại các phẩm tính thanh tịnh bình đẳng giác của tâm. Chúng ta tìm cầu thanh tịnh bình đẳng giác nhưng trong đời sống thực tế lại tạo ra biết bao chướng ngại, như vậy thật sai lầm.

Sáng hôm nay tôi có dặn pháp sư Ngô Nhân. Tôi ở lâu năm, có không ít các vị cư sĩ cúng dường thức ăn đủ món, một cái tủ lạnh chứa không hết, phải dùng hai tủ lạnh, cũng chứa đầy cả hai. Tôi nói, thế này là tội lỗi. Tôi ăn không hết phải tức thời mang xuống lầu ba cúng dường đại chúng, không nên cất vào tủ lạnh. Tôi không ăn, mọi người cũng không ăn, cất chứa vào tủ lạnh rồi hư hỏng cả, chẳng phải là đang tạo tội nghiệp đó sao? Tôi ở lâu năm, tất cả chỉ có ba người, dùng đến hai cái tủ lạnh thật là quá nhiều. Hơn nữa, trong tủ lạnh lại chứa đầy thức ăn, nếu có người đến nhìn thấy, [họ sẽ tự hỏi] như vậy có phải người tu hành hay chăng? Đó là tạo tội nghiệp, quả báo phải xuống địa ngục. Mang cúng dường hết cho đại chúng là phước báo. Chúng ta lúc cần thức ăn thì đến lầu ba nhận, như vậy cũng được nhẹ nhàng, được tự tại.

Các bậc đại đức xưa dạy chúng ta: “*Thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện. Bớt một chuyện chẳng bằng không có chuyện.*”¹ Điều trọng yếu nhất là thân tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Đây là điều kiện trọng yếu để vãng sinh thế giới Cực Lạc. Mục đích của *tín, nguyện, hạnh* cũng chính là cầu được nhất tâm bất loạn, cầu được tâm địa thanh tịnh. Nếu *tín, nguyện, hạnh* không đạt được mục đích đó, không đạt được nhất tâm bất loạn thì *tín, nguyện, hạnh* cũng là vô ích. Ý nghĩa này chúng ta phải nhận hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ.

Thực sự học Phật, thực sự mong muốn được vãng sinh thì phải triệt để buông xả hết, nhất định không còn gì lưu luyến. Mỗi một ý niệm đều nghĩ đến người khác, đều nghĩ đến chúng sinh, như vậy mới tương ứng với tâm nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Mỗi một niệm đều chỉ lo nghĩ cho tự thân mình, đó là sai lầm. Người tại gia thì nghĩ cho gia đình, người xuất gia thì nghĩ tưởng đến đạo tràng nhỏ nhoi của mình, đoàn thể nhỏ nhoi của mình, cũng sai lầm cả.

Cho nên, tu hành mà không được thành tựu, lại không biết nguyên nhân ở đâu. Điều này tôi thường nói là do ái dục, do sự ưa thích. Ưa thích là những điều ham muốn, ham muốn chính là dục vọng, tham ái cũng chính là dục vọng. Đó là những phiền não căn bản, những thứ ấy chưa dứt trừ hết thì quý vị thành tựu được gì?

Phải từ nơi gốc rễ mà diệt trừ. Cái gì là gốc rễ? Chính là từ ý niệm. Trong sinh hoạt thường ngày, những ý niệm [loại này] không còn sinh khởi nữa, đó là trừ tận gốc rễ. Đây là cửa ải khó khắc phục, khó vượt qua nhất. Chúng ta từ chỗ khó khắc phục mà khắc phục được, mọi thứ tham ái, mọi sự ưa thích đều buông xả hết được trong sạch thanh tịnh, như vậy thì tâm ta mới được thanh tịnh.

¹ Đây là lời cư sĩ Bàng Uẩn.

Chúng ta phải nghe theo lời răn dạy chân thật của chư Phật, Bồ Tát, không tùy thuận theo tình cảm thế tục của thế gian. Tùy thuận thế gian thì vĩnh viễn không thể thoát khỏi luân hồi. Tùy thuận lời dạy của bậc thánh nhất định được vắng sinh Tịnh độ. Nếu quý vị nhận thức không thật rõ ràng, minh bạch thì quý vị không biết được việc lấy bỏ như thế nào.

Chúng ta xem trong thế gian hiện nay, đạo trường nhiều, người tu hành cũng nhiều, bất luận là tại gia hay xuất gia, đó là nhờ truyền thông phát triển, nhờ phương tiện khoa học kỹ thuật. Chỉ có điều, người tu hành vì sao không được thành tựu? Quý vị nghĩ xem, vẫn là do không buông xả được các thói xấu ái dục và ưa thích, đó là gốc của bệnh. Vô số triệu chứng bệnh trạng đều từ nơi gốc bệnh này sinh khởi. Chúng ta có thể từ nơi gốc bệnh trừ dứt thì sẽ được tự tại.

Đó là nói về việc khắc phục những tập khí, thói xấu của chính mình phải từ nơi khó khắc phục nhất mà bắt đầu hạ thủ công phu. Chỗ khó mà làm được mới quý, chỗ dễ thì dễ làm rồi.

Bài giảng thứ 34

(Giảng ngày 22 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 35, số hồ sơ: 19-012-0035)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong sách *Liễu Phàm tứ huấn*, ở cuối đoạn nói về tích lũy công đức có giảng việc “tùy duyên giúp người”. Nói theo ngôn ngữ hiện đại là vì chúng sinh phụng sự. Những việc phụng sự chúng sinh thì quá nhiều, cho nên trong sách nói nếu phân loại thì rất nhiều, có đến muôn hình vạn trạng.

Nếu hết lòng nhiệt thành vì chúng sinh phục vụ, nhưng chưa lìa bỏ được bốn tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả* như trong kinh Kim Cang đã giảng, đó chính là các bậc thánh hiền của thế gian.

Nếu đã trừ dứt được bốn tướng ấy, thực sự đạt đến mức không còn các tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả*, vì hết thấy chúng sinh trong pháp giới mà phục vụ, đó chính là các vị Phật, Bồ Tát, các bậc đại thánh xuất thế.

Những điều như trên chúng ta cần phải nhận hiểu rõ ràng. Các bậc thánh nhân thế gian hay xuất thế gian khác biệt nhau là ở điểm này.

[Mặc dù có muôn hình vạn trạng,] nhưng trong sách này đề xuất việc phụng sự chúng sinh có thể tạm phân chia làm mười loại, cũng là mười cương lĩnh, khái quát được hết thấy những [hình thức] phụng sự chúng sinh.

Thứ nhất là “làm thiện với người khác”. Khởi tâm động niệm, hết thấy đều đem tâm lành đối đãi với người khác, xử thế với tâm hiền thiện. Các bậc thánh nhân thế gian hay xuất thế gian cũng đều giữ theo nguyên tắc này. Cho dù đối đãi với người xấu ác vẫn dùng tâm thiện, nói lời thiện, làm việc thiện. Như vậy mới có thể xưng là bậc thánh.

Vì sao vậy? Vì bản tính của con người vốn là hiền thiện. Sách giáo khoa vỡ lòng của Trung quốc là quyển Tam tự kinh, ngay câu đầu tiên đã nói: “Nhân chi sơ tính bản thiện.” (Con người khi mới sinh ra vốn tính hiền thiện.) Vậy thì tại sao họ làm việc xấu ác? Vì sao lại cùng ta kết thành oán cừu? Điều là do mê hoặc, do hiểu sai, do không tỉnh giác.

Họ không hiểu biết [đạo lý], còn ta thì hiểu rõ. Nếu họ đem tâm xấu làm việc ác với ta, ta không thể đem tâm xấu làm việc ác với họ. Ý nghĩa này họ không hiểu được, còn ta hiểu được rõ ràng. Nếu thường giữ được tâm niệm hiền thiện như vậy thì đối với hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng tận hư không, chẳng có ai mà mình không thể cùng chung sống.

Người khác không thể sống chung với mình, không nên trách họ, hãy quay lại tự xét mình. Nếu tự mình không có lỗi lầm gì, sao không thể sống chung cùng người khác? Có người không hiểu đến cùng lý lẽ, lúc nào cũng quy trách lỗi lầm về người khác. Cho nên, người như vậy dù có thực sự nỗ lực tu hành, tinh tấn không lười nhác cũng không thể chứng quả, thậm chí nghe pháp cũng không thể khai ngộ. Nguyên nhân là vì nghiệp chướng của tự thân không thể tiêu trừ, không tự biết được lỗi lầm của mình nằm ở đâu.

Như phần trên đã nói, muốn tích lũy công đức phải bắt đầu từ nơi khó khắc phục nhất mà hạ thủ công phu. Đó chính là đem tâm lành, việc lành đối đãi với người xấu ác, đối đãi với kẻ oán cừu. Đây là việc rất khó làm, nên phải từ đây mà hạ thủ công phu, từ đây mà khởi sự làm. Được như vậy mới là chân chính quay đầu hướng thiện, mới là chân chính giác ngộ.

Thứ hai là “giữ lòng yêu kính” [đối với người khác], đặc biệt là với những người khác biệt chủng tộc, khác biệt tôn giáo, thường nảy sinh sự ngăn cách tạo thành nhiều điều không vừa ý. Nguyên nhân là do khi đối đãi với người không cùng chủng tộc, không cùng tôn giáo, người ta không hề có

lòng yêu kính. Người như vậy không hề biết rằng, hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không đều cùng một thể tánh, đều là chính mình. Không yêu kính người khác cũng là không yêu kính chính bản thân mình.

Nhà Phật nói về pháp thân, đó chính là hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không. Quý vị học Phật, phát nguyện thành Phật, thành Phật thì nhất định phải chứng đắc pháp thân thanh tịnh. Quý vị đối với những người không cùng chủng tộc, không cùng tôn giáo mà có sự phân biệt, có sự bám chấp thì quý vị vĩnh viễn không thể chứng đắc pháp thân. Hay nói cách khác, quý vị vĩnh viễn không thể trọn thành Phật đạo. Như vậy chẳng phải là tự hại bản thân mình rồi sao?

Tu hành trước hết phải giác ngộ. Các bậc cổ đức dạy chúng ta [tu tập phải đủ các bước] tín, giải, hành, chứng (tín, hiểu, thực hành và chứng đắc). Quý vị không tin không hiểu thì sự thực hành của quý vị chỉ là mù quáng. Tự mình tu hành mù quáng thì liệu có tự mình biết được điều đó hay chẳng? Thật không biết được, còn tự cho rằng mình tu hành không có sai lầm, muốn dạy bảo người khác nữa.

Cho nên, trong kinh [Tứ thập nhị chương]¹ đức Phật dạy ta hết sức rõ ràng, không nên tin vào tâm ý của chính mình. Đó là nói không nên tin vào kiến giải của bản thân mình, không nên tin vào tư tưởng, suy nghĩ của riêng mình. Lời Phật dạy là chân thật. Vậy đến lúc nào có thể tin vào kiến giải, tin vào tư tưởng của chính mình? Đó là sau khi đã chứng đắc quả A-la-hán. Khi ấy có thể tin vào cách suy nghĩ của mình, cách nhận thức của mình không có sai lầm.

¹ Kinh Tứ thập nhị chương, chương 28: Phật dạy: “Chớ tin nơi tâm ý, tâm ý không thể tin cậy được. Thận trọng chớ gần gũi sắc dục, gần gũi sắc dục tất sanh tai họa. Đắc quả A-la-hán rồi, mới có thể tin cậy nơi tâm ý.” (Bản Việt dịch của Nguyễn Minh Tiến, NXB Tôn giáo, 2010)

A-la-hán là cảnh giới nào? Đó là khi đã dứt sạch “kiến tư phiền não” (những phiền não do thấy biết, suy nghĩ). Chúng ta thấy trong kinh Kim Cang nói về các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, [vị A-la-hán] không có hết thấy các tướng này. Không chỉ [vị chứng đắc] Tứ quả A-la-hán không có các tướng này, đến như [các vị chứng đắc] Sơ quả Tu-đà-hoàn cũng không có.

Nói cách khác, quý vị còn có bốn tướng [ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả] là còn chưa chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, thì cách suy nghĩ, cách nhìn nhận của quý vị dù thế nào cũng chưa chính xác, vẫn còn sai lầm. Đối với sự sai lầm đó mà cho là chính xác thì quý vị vĩnh viễn không đạt được sự chính xác, vĩnh viễn không thể chứng đắc [Thánh quả].

Cho nên, những người học Phật sơ cơ, nói chung những người còn chưa chứng đắc quả A-la-hán, đều không thể lìa xa chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát [đối với chúng ta] cũng như người chăm sóc bảo vệ, nếu lìa xa các ngài sẽ phát sinh vấn đề, phát sinh nguy hiểm, thậm chí là táng thân mất mạng. Trong [sự tu tập] Phật pháp thì nói là mất đi tuệ mạng, [tức là năng lực trí tuệ giác ngộ]. Vì thế, chúng ta đọc thấy trong các sách Cao tăng truyện, Cư sĩ truyện, Thiện nữ nhân truyện... các bậc tu hành ngày xưa, dù xuất gia hay tại gia cũng đều không xa lìa thiện tri thức. Có người thân cận với thiện tri thức suốt cả một đời, đến khi bậc thiện tri thức ấy đã vãng sinh rồi mới rời đi, đến giáo hóa ở một nơi khác. Ý nghĩa này hết sức sâu xa, hết sức rộng lớn, chúng ta cần phải suy ngẫm thật kỹ để thể hội.

Thứ ba là “thành tựu điều tốt đẹp cho người khác”. Cần phải hiểu rằng bản thân ta và người khác vốn không phải hai thực thể khác biệt nhau. Chúng sinh mang tâm phân biệt, mang tâm bám chấp. Chư Phật, Bồ Tát không có, các bậc giác ngộ không có [tâm phân biệt ấy].

Tôi ở Singapore này cùng các tôn giáo khác qua lại giao

hảo, luôn nhiệt thành giúp đỡ, hỗ trợ cho họ. Họ làm việc tốt, tôi thành tựu cho họ. Có nhiều người đến chất vấn tôi: “Bạch thầy, tín đồ Phật giáo chúng con quyên góp những khoản cúng dường này là để làm Phật sự, tại sao thầy sử dụng để giúp đỡ các tôn giáo khác?”

Tôi nói: “Tôi không giúp đỡ các tôn giáo khác.”

Họ nói: “Thầy đã giúp cho Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo.”

Tôi đáp: “Đó đều là Phật giáo. Trong kinh Đại thừa nói: ‘Không một pháp nào không phải Phật pháp.’ Quý vị có nghe câu đó hay chăng?”

Những người ấy gật đầu: “Dạ, đã có nghe qua.”

Tôi nói: “Như vậy, Cơ Đốc giáo là Phật pháp, Thiên chúa giáo cũng là Phật pháp, Hồi giáo cũng là Phật pháp. Không một pháp nào không là Phật pháp. Tôi không hề làm việc cho ngoại đạo. Tôi làm việc của Phật giáo.”

Quý vị nếu có tư tưởng sai lầm như vậy, cách nhìn nhận sai lầm như vậy, thì đối với kinh điển Đại thừa không thể hiểu được. Phật dạy chúng ta buông xả mọi vọng tưởng phân biệt bám chấp, quý vị lại giữ chặt kiên cố những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, thì biết đến bao giờ mới được là đệ tử Phật?

Tâm lượng của Phật là trùm khắp hư không, bao quát pháp giới, quý vị đều biết. Quý vị lại thường niệm Phật hiệu, mở miệng là niệm Phật, nhưng tâm lượng của chính mình vẫn cứ nhỏ nhoi, vẫn không thể bao dung người khác, như vậy là không theo đúng lời răn dạy của Phật. Quý vị biết thương yêu bảo vệ động vật, thương yêu bảo vệ loài súc sinh, sao có thể nói là đối với người không cùng chủng tộc, không cùng tôn giáo thì quý vị đối lập? Những chúng sinh động vật kia đối với quý vị cũng là không cùng chủng tộc, vì sao đối với chúng lại thương yêu bảo vệ, đối với con người lại không thương yêu bảo vệ? Học Phật đến đâu rồi? Đọc kinh đến đâu rồi? Hồ đồ đến thế là cùng. Cần phải giác ngộ, hãy mở kinh

ra đọc từng câu từng chữ mà suy ngẫm, suy ngẫm cho thật rõ ràng, thật sáng tỏ.

Thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, “người khác” ở đây được dùng với nghĩa rộng, trong đó bao quát hết cả chúng sinh mười pháp giới. Chỉ cần người khác làm việc tốt, chúng ta thấy được, nghe được, nhất định không có lòng ganh ghét, nhất định không gây trở ngại, thương tổn cho họ, mà phải phát tâm tùy hỷ công đức, hết lòng hết sức giúp đỡ hỗ trợ, bởi vì thành tựu cho người ấy cũng là thành tựu cho chính mình. Đó là thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu tánh đức của chính mình.

Thứ tư là “khuyên người khác làm việc thiện”. Không chỉ là khuyên bảo bằng lời, còn phải dùng cả hành vi của tự thân để khuyên bảo, [gọi là thân khuyến]. Khuyên bảo bằng lời nghĩa là dùng ngôn ngữ, nên [những lời khuyên] viết ra thành sách vở, văn tự cũng đều xem là khuyên bảo bằng lời. [Ngoài những điều ấy ra,] nhất định còn phải tự thân mình nỗ lực làm thiện, nêu tấm gương tốt cho người noi theo, đó là thân khuyến.

Trong kinh điển, đức Phật thường dạy chúng ta [đối với giáo pháp] phải “thọ trì đọc tụng, vị nhân diễn thuyết” (thọ trì tụng đọc, vì người khác diễn nói). Diễn là biểu diễn, [là hành vi phô diễn cho người khác xem,] đó là thân khuyến. Tự mình phải làm tấm gương sáng, làm khuôn mẫu tốt cho người khác nhìn vào noi theo, khơi dậy và phát triển tâm nguyện học tập [giáo pháp] của người khác.

Thứ năm là “cứu người nguy cấp”. Phần giảng giải ở đây mỗi điều đều hàm chứa ý nghĩa vô cùng sâu rộng. Tai nạn đã đến trước mắt rồi mới cứu giúp thì không kịp nữa. Cho nên, cứu người nguy cấp phải hiểu là [giúp người] phòng tránh từ khi [tai nạn] chưa xảy ra.

Sự nguy cấp từ đâu sinh ra? Chính là từ chỗ tạo nghiệp xấu ác mà sinh ra. Điều thực sự khẩn yếu trong việc cứu người nguy cấp chính là phải dạy cho họ biết dứt ác tu thiện, chuyển mê thành ngộ. Khi ấy thì sự nguy cấp mới thực sự được tiêu trừ.

Nhưng quý vị nghĩ xem, dạy người dứt ác tu thiện mà bản thân mình không dứt ác tu thiện được thì người khác làm sao tin theo? Khuyên người khác chuyển mê thành ngộ mà bản thân mình còn mê hoặc điên đảo thì người khác làm sao giác ngộ?

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy mọi việc đều từ nơi tự thân mình khởi làm. Các ngài dạy chúng ta buông xả danh tiếng, lợi dưỡng thì tự thân các ngài thực sự làm được. Chỉ ba tấm y với một bình bát đi du hóa khắp nhân gian, thực sự đạt đến mức sáu căn thanh tịnh, một chút bụi trần cũng không nhiễm bấn.

Chúng ta nhìn vào gương sáng của các ngài thì cảm nhận, suy nghĩ thế nào? Từ nơi hình tượng, khuôn mẫu ấy, ta có giác ngộ, hiểu ra được điều gì hay không? Nếu thực sự có giác ngộ, hiểu ra được điều gì thì nhất định sẽ vui mừng hoan hỷ làm theo, học tập theo. Đó là giác ngộ, là đã hiểu ra.

Nếu không làm được, không giác ngộ, thì chẳng những không làm được mà cho đến ngay nơi ý niệm cũng không chuyển hóa được. Trước hết, từ nơi ý niệm chuyển hóa được rồi thì sau đó đối với sự việc, hình tướng sẽ không khó làm.

Trong chúng ta đây cũng có một số vị đồng tu rất muốn học theo hạnh Bồ Tát, rất muốn tu theo đạo Bồ Tát, nhưng học tập cách gì rồi cũng không làm theo giống được. Nguyên nhân là vì đâu? Vì chưa chuyển hóa được ý niệm, vẫn giữ tâm phàm tục, vẫn giữ tâm mê muội, cuộc sống vẫn đắm chìm trong tình chấp, không hề giác ngộ, không hề hiểu ra. Như vậy cho nên việc học tập [noi gương] vô cùng nhọc nhằn, vô cùng khó khăn, rất dễ thoái chuyển, ý nghĩa là ở chỗ này.

Cũng chính vì nguyên nhân này mà chư Phật, Bồ Tát khi thị hiện luôn xem việc giảng kinh thuyết pháp là hình thức giáo hóa quan trọng nhất. Mục đích của việc giảng kinh thuyết pháp là giúp chúng ta phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Sau khi giác ngộ, hiểu ra rồi thì làm bất kỳ việc gì cũng dễ dàng. Không giác ngộ, không hiểu ra thì làm gì cũng khó khăn, quả thật hết sức khó khăn. Cho nên trong Phật pháp, không chỉ Thiên tông mà cả Giáo tông cũng đều dạy ta khởi sự tu tập sau khi đã giác ngộ, nhận hiểu được giáo pháp. Không giác ngộ, không nhận hiểu được thì biết tu những gì?

Chỉ riêng Tịnh độ tông là khác biệt. Đối với Tịnh độ tông thì nhận hiểu và hành trì đồng thời cùng tu tiến, còn các pháp môn khác đều là sau khi nhận hiểu, giác ngộ giáo pháp rồi mới khởi sự tu tập. Không nhận hiểu thì không có chỗ để bắt đầu. Sự thù thắng của Tịnh độ tông là cho dù không nhận hiểu, chỉ với một câu “A-di-đà Phật” vẫn có thể chân thành trì niệm, vừa niệm Phật vừa tìm cầu giác ngộ, cùng một lúc hành trì cả hai việc.

Điều này trong vô số pháp môn chỉ duy nhất có ở Tịnh độ tông mà thôi. Cho nên mới gọi là “giáo ngoại biệt truyền” (truyền riêng ngoài giáo điển). Nhưng như vậy không có nghĩa là người tu pháp môn niệm Phật không cần giác ngộ, đặc biệt là với người phát tâm hoằng pháp. Không giác ngộ thì lấy gì để hoằng pháp? Lấy gì để dạy người khác? Cho nên, giác ngộ là điều cực kỳ trọng yếu. Thực sự giác ngộ rồi thì tự mình mới lìa xa được những điều nguy cấp, quý vị mới có khả năng cứu giúp sự nguy cấp của người khác.

Trong mười điều [được đề cập trên], chúng ta đã giảng đến năm điều, được phân nửa rồi. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 35

(Giảng ngày 23 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 36, số hồ sơ: 19-012-0036)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua nói đến phần “*tích lũy công đức*”, trong đó có trích dẫn sách *Liễu Phàm tứ huấn*, chúng ta đã giảng đến [điều thứ năm là] “*cứu người nguy cấp*” trong [mười điều cương lĩnh của] việc “*tùy duyên giúp người*”.

Hôm nay giảng đến điều tiếp theo là “*hưng kiến đại lợi*” (khởi xướng, xây dựng những việc lợi ích lớn lao [cho cộng đồng]).

Nói chung những việc mang lại lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sinh thì đều là lợi ích chân thật. Nhưng thế nào là lợi ích lớn lao? Điều này có quan hệ mật thiết với việc “*cứu người nguy cấp*” vừa giảng qua. Nói cách khác, nếu có thể cứu giúp sự nguy cấp của chúng sinh thì đó là lợi ích lớn lao, có thể phòng ngừa được hết thảy các loại tai nạn thì đó là lợi ích lớn lao.

Muốn cứu giúp chúng sinh, phải hiểu rõ việc ngăn ngừa khi họa hại chưa xảy ra. Như thế nào mới thực sự là hiểu rõ cách ngăn ngừa họa hại? Điều này cần phải có trí tuệ, có học thức nhiều, hiểu biết rộng. Từ những yêu cầu này, có thể liên tưởng ngay đến giáo dục chính là lợi ích lớn lao bậc nhất.

Nhìn từ phương diện thành quả đạt được, ở Trung quốc vào thời cổ đại có Khổng tử là người xuất thân từ giới bình dân xây dựng sự nghiệp giáo dục. Đời sống vật chất của ngài hết sức thanh bần, nhưng việc làm vô cùng tốt đẹp. Ngài không chỉ tạo được ảnh hưởng đương thời, ảnh hưởng trong

lịch sử, mà cho đến ngày nay sức ảnh hưởng của ngài cũng vẫn còn. Ảnh hưởng đó chẳng những không mất đi mà có vẻ như còn dần dần phát triển lớn mạnh hơn. Quý vị nghĩ xem, có hình thức lợi ích nào có thể ảnh hưởng đến ngàn năm, đến muôn đời? Xem lại không thấy [có hình thức nào khác], chỉ có giáo dục mới tạo ra được ảnh hưởng sâu xa như vậy.

Tại Ấn Độ vào thời cổ đại, đức Phật Thích-ca Mâu-ni cũng là một điển hình tốt đẹp, cũng thực hiện công việc giáo dục trong xã hội. Công việc của đức Phật và Khổng tử đều giống nhau [ở điểm thuộc về phạm vi giáo dục], sức ảnh hưởng cũng giống nhau ở điểm không thể nghĩ bàn. Đó là vì công việc [giáo dục] ấy thực sự có thể giúp người dứt ác tu thiện, phá trừ si mê, mở ra giác ngộ, cũng có thể tiêu trừ hết thảy tai nạn cho chúng sinh, dù là thiên tai hay tai họa do người gây ra đều có thể tránh được.

Nói rằng tai nạn do con người gây ra có thể tránh được thì mọi người đều đồng ý, đều tin nhận. Nhưng đối với thiên tai, các tai họa do thiên nhiên gây ra, liệu có thể tránh được chẳng? Nhà Phật nói là có thể được. Vì sao vậy? Vì “*y báo tùy trước chánh báo chuyển*” (y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi). Lòng người ngay thẳng chân chính, hành vi ngay thẳng chân chính thì môi trường sống quanh ta cũng theo đó mà ngay thẳng chân chính.

Điều này nói lên rằng, thiên tai vốn tùy nơi lòng người mà khởi sinh, biến hiện ra. Chúng sinh vì không hiểu rõ được ý nghĩa này, suy nghĩ trong lòng chỉ toàn những ý niệm xấu ác, việc làm xấu ác, do đó chiêu cảm nhiều thiên tai, nhân họa. Cho nên, muốn giúp chúng sinh lìa khổ được vui, biện pháp duy nhất là phải giúp họ phá mê khai ngộ. Do đây chúng ta nhận ra được rằng, việc khởi xương, xây dựng lợi ích lớn lao chính là giáo dục.

Về giáo dục, tưởng chúng ta cũng nên mượn lời người

nước ngoài để nói, vì người Trung quốc hiện nay thường u mê chuộng ngoại, theo kiểu “trắng nước ngoài sáng hơn”.

Vào thập niên 1970, [nhà sử học, triết gia] người Anh là [Arnold Joseph] Toynbee (1889-1975) đã tuyên bố: “Muốn giải quyết được vấn đề của thế kỷ 21, [thế giới này] chỉ có thể dựa vào Phật pháp Đại thừa và học thuyết Không Mạnh mà thôi.”

Đó là lời do chính một người ngoại quốc nói ra. Chúng ta từ đó nhận hiểu được rằng, chỉ có nền giáo dục của Phật giáo và Nho gia mới có thể thiết lập được lợi ích lớn lao nhất trong việc hỗ trợ và giúp đỡ hết thảy chúng sinh đang chịu khổ nạn.

Nhưng ai là người đứng ra thực hiện? Người đã giác ngộ, đã nhận hiểu phải đứng ra thực hiện. Không đủ sức làm [việc lớn lao] thì chỉ vài ba người đồng tâm hiệp ý muốn học tập [cũng phải mở lớp dạy]. Dạy cho ba người, năm người, tám người, mười người cũng đều phải dạy. Chỉ cần tự mình thực sự hiểu biết rõ ràng, đem hết tâm ý sức lực ra làm, hoàn toàn không cầu danh tiếng, không cầu lợi dưỡng, nhất định không cầu lợi ích riêng tư cho bản thân mình. Chúng ta nên biết, đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuở xưa tại vườn Lộc-dã ban đầu cũng chỉ dạy có năm người.

Từ năm vị tỳ-kheo ấy mà khởi đầu sự nghiệp giáo dục. Đó là chân thật làm thiện với người, là chân thật thành tựu điều tốt đẹp cho người, nên tự nhiên có thêm nhiều người tương hợp khác cùng đến học tập. Cho nên, sự giáo hóa của đức Thế Tôn vào thời ấy, người theo học dần dần ngày càng đông hơn. Chúng ta xem trong kinh điển thấy có đến 1.255 người, đó là thời điểm đông đảo nhất, số người theo học đã nhiều đến mức ấy.

Ở Trung quốc, sự giáo dục của chư vị Tổ sư qua các thời đại đều là những tấm gương tốt đẹp nhất cho chúng ta. Trường lớp dành cho giáo dục cũng không nhất định [phải có]. Nếu phải đợi xây dựng đạo trường, xây dựng trường học

rồi mới có thể dạy học thì chậm chạp quá, không kịp thời. Chỉ cần tùy lúc tùy nơi phải hết lòng nhiệt tình giáo dục. Còn việc xây dựng đạo trường, trường học thì nên tùy duyên.

Người thực sự hiểu biết, thực sự giác ngộ thì không ai là không suốt đời “tùy duyên độ nhật” (sống qua mỗi ngày đều tùy theo nhân duyên xảy đến), cho nên tâm ý tình cảm luôn thanh tịnh tự tại. Điều này rất trọng yếu. Chỉ cần may mắn tâm niệm chạy theo duyên trần, may mắn tâm niệm vì lợi ích riêng tư cho mình, là quý vị lập tức khởi sinh ưu tư lo nghĩ. Quý vị nên biết, ưu tư lo nghĩ đó là tạo nghiệp, một ý niệm cực kỳ vi tế cũng đã tạo nghiệp, không đợi phải thể hiện thành hành vi.

Ở phần trước chúng ta đã xem qua chuyện Vệ Trọng Đạt, thấy được những ý niệm cực kỳ vi tế [của ông ta] đều tạo thành nghiệp ác. Cho nên, phải đem hết những ý niệm vì lợi ích riêng tư mà trừ dứt đến tận gốc rễ, chỉ còn thuần những ý niệm lợi ích chúng sinh, lợi ích xã hội. Như vậy mới là tốt đẹp, sự tu học trong đời này của chúng ta mới có thành tựu. Trong tương lai đến lúc lìa đời, đến lúc vãng sinh mới được tự tại, mới được thanh thoát không vướng bận, tự mình làm chủ được mình. Chúng ta phải hiểu rõ được ý nghĩa này, phải hiểu rõ được những gì là lợi ích lớn lao.

Thứ bảy là “*xả tài tác phúc*” (bỏ tiền của làm việc tạo phước). Người đời ai ai cũng muốn được giàu có. Đối với sự giàu sang luôn cảm thấy càng nhiều càng tốt, không lúc nào thấy đủ. Tiền bạc tích chứa đó rồi, nếu không biết cách sử dụng thì tạo thành nghiệp, ấy là tội lỗi. Ngày nay, trên thế giới vẫn có nhiều nơi người dân đói khổ ở các vùng biên địa, không có được áo quần, thực phẩm. Chúng ta thì mỗi ngày đều tích chứa giữ lại, để người khác chịu đói khổ. Quý vị nói xem, tu hành như vậy là tạo phúc hay đang tạo nghiệp ác?

Các bậc hiền thánh xưa dạy ta rằng tiền bạc phải lưu thông thì mới có thể làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Cho

nên, tiền bạc nhất định không được tích chứa. Sử dụng hết là tốt, dùng cho hết sạch không còn nữa là tốt nhất. Không còn nữa thì thế nào? Thì được thanh tịnh, không có việc gì nữa. Quý vị nói xem, tự tại biết đường nào!

Tiền tài có được là do nhân quả, càng buông xả càng được nhiều hơn, càng được nhiều hơn càng phải buông xả. Ý nghĩa [tương quan giữa] “có được” và “buông xả” chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Ở đây có hai tầng ý nghĩa. Thứ nhất là ý nghĩa nhân quả. Buông xả tiền tài là tạo nhân, có được tiền tài là hưởng quả. Nhưng được tiền tài rồi, sau đó lại phải buông xả, phải đem cả những gì có được của mình cũng buông xả hết đi thì trí tuệ của quý vị mới khai mở. Cho nên, [ý nghĩa thứ hai là] tu pháp buông xả được thông minh trí tuệ. Buông xả thế nào thì đạt được thế ấy, nhân quả báo ứng không mảy may sai chạy. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta mà thị hiện đủ mọi hình thức, trong đó [được sử dụng] nhiều nhất, rõ ràng nhất là hình thức bố thí, chính là buông xả.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập hồi hướng, trong chương nói về điều hồi hướng thứ sáu, chúng ta xem thấy không có điều gì không buông xả. Mọi thứ đều có thể buông xả, bố thí. Buông xả đến trong sạch thanh tịnh, đó gọi là Phật, đó gọi là Bồ Tát, gọi là người giác ngộ chân chính triệt để.

Người mê muội lo toan được mất, cuộc sống thật đáng thương. Suốt đời quanh quẩn mãi trong vòng được mất, quý vị nói xem, thật đáng thương biết bao. Đối với chư Phật, Bồ Tát thì ý niệm được mất không còn nữa. Mỗi niệm đều chỉ vì hết thấy chúng sinh.

Cho nên tôi thường nói, làm việc giúp đỡ hết thấy chúng sinh, vì tất cả chúng sinh phục vụ, nhưng chưa buông bỏ, chưa trừ dứt được các tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả*, thì sự tu tập đó của quý vị chỉ là tạo phước báo trong thế

gian này, không thoát được ra khỏi sáu đường luân hồi. Nếu quý vị dứt trừ được bốn tướng ấy, như trong kinh Kim Cang đã giảng, [đạt đến mức] không có *ngã tướng*, không có *nhân tướng*, không có *chúng sinh tướng*, không có *thọ giả tướng*, phát tâm vì hết thảy chúng sinh phục vụ, giúp đỡ hết thảy những chúng sinh khổ nạn một cách vô điều kiện, thì đó chính là bậc đại thánh xuất thế, đó là Phật, Bồ Tát. Người như thế, bất kể thị hiện là nam hay nữ, già hay trẻ, làm công việc nghề nghiệp gì, cũng đều là Bồ Tát hóa thân.

Chúng ta cần biết buông xả tiền tài để làm việc tạo phúc, vì tiền tài không thể tích chứa. Không cần phải lo sợ rằng: Tiền bạc của tôi buông xả hết, rồi ngày mai biết sống thế nào? Đời sống ngày mai so với hôm nay sẽ càng tốt hơn. Quý vị không tin, [tôi] cũng đành chịu. Quý vị phải hiểu rõ được ý nghĩa này, phải tự biết cách làm như thế nào.

Thứ tám là “hộ trì chánh pháp” (ủng hộ và bảo vệ, giữ gìn chánh pháp). Chánh đối lập với tà. Theo tiêu chuẩn trong Phật pháp thì tương ứng với thật tướng của vũ trụ nhân sinh là chánh, trái ngược với thật tướng là tà. Nhưng thật tướng đó không dễ nhận hiểu. Nội dung của tất cả kinh luận Đại thừa đều là nói về thật tướng của vũ trụ nhân sinh, chúng ta phải thường đọc tụng.

Sự tướng tuy phức tạp nhưng cũng có cương lĩnh, cũng có đầu mối để lần theo. Kinh Kim Cang là bộ kinh được người Trung quốc ưa chuộng nhất. Lời kinh đơn giản, ý nghĩa đầy đủ, thuận tiện cho việc thọ trì đọc tụng. Vì thế nên người người đều ưa chuộng, ai ai cũng biết đến. Trong kinh Kim Cang dạy ta thật tướng là gì? Thật tướng là không có bốn tướng *ngã*, *nhân*, *chúng sinh* và *thọ giả*. Đó là thật tướng. Quý vị bám chấp nơi *ngã*, *nhân*, *chúng sinh*, *thọ giả* đều là sai lầm.

Tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm là nguồn gốc của hết thảy mọi sự thiên lệch tà vạy. Phật dạy chúng ta sự thật rằng

hết thấy mọi hiện tượng tồn tại đều “*như mộng huyễn, bào ảnh*” (như mộng ảo, bọt nước), lại cũng “*như lộ diệt như điện*” (như sương sa, điện chớp). Quý vị phải tham cứu thấu triệt những ý nghĩa này. Quý vị thấu hiểu rõ ràng, sáng tỏ những ý nghĩa này thì sẽ được tự tại vô cùng. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ được lý lẽ, ý nghĩa rồi thì tâm được an ổn.

Chúng ta thường nói “*tâm an lý đắc*” (tâm an ổn vì đạt được lý). Vì sao tâm được an ổn? Vì ý nghĩa đạo lý đã hiểu rõ ràng, đã sáng tỏ. Tâm kinh mở đầu bằng câu: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời.*” Chữ *hành* đó là gì? *Hành* là hành vi trong đời sống. Hành vi đời sống đều ở trong trí tuệ hết sức thâm sâu. Nói cách khác, đời sống của Bồ Tát là đời sống với trí tuệ cao thâm siêu việt. Đó là ý nghĩa câu đầu tiên của Tâm kinh, nói về đời sống với trí tuệ cao siêu.

Cho nên, “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” (soi thấy năm uẩn đều không), đó là thấu hiểu sáng tỏ thật tướng của vũ trụ nhân sinh. Câu tiếp theo là “*độ nhất thiết khổ ách*” (vượt qua hết thấy mọi khổ não tai ách). Người đời sống trong khổ não, tai nạn; chư Phật, Bồ Tát không có khổ não, không có tai nạn. Do đó có thể biết rằng, khổ đau, tai nạn đều từ trong sự mê hoặc khởi sinh, biểu hiện ra. Tự tại, an vui chân thật là từ nơi sự giác ngộ mà có.

Từ chỗ đó, chúng ta có thể nhận hiểu được chính xác về khái niệm “*hộ trì chánh pháp*” (ủng hộ và bảo vệ, giữ gìn chánh pháp). Ý nghĩa câu này rất sâu xa, chúng ta cần có thêm thời gian để nói rõ, vì điều này đối với đời sống của chúng ta, trong việc “*đãi nhân tiếp vật*” (đối xử với người khác, tiếp xúc với muôn vật) cũng như việc tu hành chứng quả đều có quan hệ hết sức quan trọng.

Bài giảng thứ 36

(Giảng ngày 24 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 37, số hồ sơ: 19-012-0037)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến câu “*hộ trì chánh pháp*”. Ý nghĩa câu này không giảng nói hết được. Đức Thế Tôn trong suốt 49 năm giảng dạy cũng chính là chỉ một việc này.

Xét đến cùng thì những gì là chánh pháp? Hộ trì như thế nào? Phần trước đã nói qua với quý vị, giữ được tâm thuần thiện, duy nhất một tâm thương yêu, vì lợi lạc nhất thiết chúng sinh, đó là chánh pháp. Có thể vận dụng tâm ấy vào thực tế đời sống, đó là công đức. Nếu trong lòng có mảy may ý niệm riêng tư, vì lợi ích riêng cho mình, thì đó là phá hoại chánh pháp, cũng là hủy hoại hết công đức. Điều này chúng ta không thể không nhận biết rõ ràng, sáng tỏ.

Trong kinh Phật thường nói, tương ứng với một niệm duy nhất là chánh pháp. Một niệm duy nhất đó là tự tánh, là chân tâm. Chân tâm là thuần thiện, là duy nhất một tâm thương yêu, vì lợi lạc hết thảy chúng sinh, nhất định không có sự hư dối, nhất định không có tạo tác.

Trong việc học Phật, người mới vào học đã được biết về biểu tượng bốn vị Thiên vương trong điện Thiên vương, chính là dạy chúng ta hộ trì chánh pháp.

Thiên vương Trì Quốc ở phương đông. Phương đông là khởi đầu, nơi mặt trời bắt đầu mọc lên, cũng là nói việc hộ trì chánh pháp phải bắt đầu từ đâu. Chính là bắt đầu từ nơi đó, cũng gọi là Thiên vương Hộ Quốc. Chúng ta hãy suy ngẫm về hàm nghĩa trong danh xưng của vị này. Muốn “*hộ quốc*”

(bảo vệ đất nước) thì trước tiên nhất định phải bảo vệ gia đình. Không có gia đình thì làm sao có đất nước? Muốn bảo vệ gia đình thì nhất định phải bảo vệ tự thân, không có bản thân mình thì cũng không có gia đình. Cho nên, đạo Nho dạy người phải “*thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc*” (ý chân thành, tâm chân chánh, tu sửa bản thân, chỉnh đốn gia đình, cai trị đất nước), nhất định phải theo trình tự trước sau như thế.

Hàm nghĩa biểu trưng của vị thiên vương này là lo tròn chức trách của mình. Mỗi người sinh ra ở đời đều có chức trách riêng. Nền giáo dục Trung quốc thời cổ đại dạy đó là “*ngũ luân, thập nghĩa*”.

Ngũ luân nói về thân phận, địa vị [của chúng ta trong mối quan hệ với chung quanh], chẳng hạn như quý vị ở trong xã hội có thân phận thế nào, giữ địa vị gì, đó gọi là *luân*, hay phân loại.

Nghĩa là nói về nghĩa vụ, điều mà quý vị phải làm, nên làm. Chẳng hạn như trong gia đình quý vị làm một người cha thì nghĩa vụ của quý vị là phải thương yêu con cái, thương yêu gia đình mình. Đó cũng là chức phận, là trách nhiệm của quý vị. Khi quý vị làm người con trong gia đình thì nghĩa vụ là phải hết lòng hiếu thảo. Nói chung là cha hiền con hiếu, anh thuận hòa, em cung kính. Khi quý vị làm anh chị thì phải thương yêu các em, nếu là em thì đối với anh chị phải tôn kính. Thời xưa đối với những điểm giáo dục này hết sức coi trọng, xem đây là căn bản của đạo làm người.

Nhưng trong nền giáo dục hiện đại không có những điểm này. Trong gia đình thì cha mẹ không dạy cho con, đến trường học cũng không đề cập, trong xã hội cũng không bàn đến, do đây mà thiên hạ đại loạn.

Loạn như thế nào? Đó là rối loạn các mối luân thường. Người sống trong đời này, nếu chỉ mưu tính chạy theo sự

hưởng thụ vật chất thì có khác chi loài cầm thú? Con người sở dĩ khác biệt so với cầm thú là nhờ có sự giáo dục của các bậc thánh hiền. Nhờ có sự giáo dục này mà trong quan hệ giữa người và người mới biết tương thân tương ái, sống chung hòa thuận. Hiện nay thì chẳng có ai dạy [những điều như thế].

Trong Phật pháp vẫn còn một số người, nhưng nói thật ra trong nhà Phật hiện nay đối với những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, những lời răn dạy của các bậc đại đức, tổ sư, cũng đang dần dần ngày một phai nhạt, quên lãng. Hình thức tuy vẫn còn nguyên đó nhưng ý nghĩa sâu xa đã không còn người nhận hiểu rõ ràng.

Cho nên, muốn hộ trì chánh pháp thì trước tiên phải gìn giữ nơi bản thân mình tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, tâm từ bi. Đạo Phật thường dạy: *“Từ bi vi bản, phương tiện vi môn.”* (Từ bi là gốc, phương tiện là cửa vào.) Phải từ chỗ này mà hạ thủ công phu, khởi sự tu tập. Nếu trong lòng ta không chân thành, đầy dối trá, hư ngụy, điều đó sẽ tạo thành vô số tội lỗi nghiệp báo. Trước mắt tuy có thể được đôi chút tốt lành nhưng quả báo [ngày sau] phải vào địa ngục, thật không đáng!

Hôm qua, tại Bắc Kinh có người gọi điện thoại cho tôi, báo rằng ở vùng đông bắc có một số người xuất gia giả danh nghĩa tôi đi quyên góp tiền bạc. Họ quyên được không ít tiền, nghe nói cũng đến vài ba triệu [nhân dân tệ]. Họ nói tôi muốn đến đó lập đạo tràng, muốn đến đó truyền giới. Các vị pháp sư ấy tôi hoàn toàn không biết, họ có thần thông chăng? Dù có thần thông cũng đã sai mất rồi, vì tôi hoàn toàn không có ý niệm đó.

Tôi suốt đời không có đạo tràng riêng của mình, cả đời đều cư ngụ nơi đạo tràng của người khác, năm nay đã 73 tuổi lại muốn xây dựng đạo tràng, sao lại có chuyện ngu si như thế? Tôi một đời không làm trụ trì, không truyền giới, học

theo Pháp sư Ấn Quang, không quỳên góp tiền bạc, không hóa duyên, suốt mấy mươi năm qua giữ trọn như một ngày không khác, sao có chuyện đến tuổi già lại đi làm chuyện hồ đồ như vậy?

Cho nên, mong rằng đồng tu khắp nơi đều hiểu rõ việc này, đừng để bị người khác lừa gạt. Đối với những kẻ bịa chuyện dối gạt [như thế], nếu quý vị đem tiền cúng dường là cúng dường cho họ, không liên quan gì đến tôi. Hy vọng quý vị hiểu rõ điều này, không bị lừa gạt. Tôi không có việc gì phải dùng đến tiền bạc cả, tôi quỳên tiền làm gì? Tôi không mong cầu gì khác, chỉ mong mọi người đều giữ gìn lòng tốt, làm việc tốt, như vậy là tốt rồi.

Cho nên những người học đạo, nhất là học Phật, [phải hiểu rằng] học Phật là học sự giác ngộ, học sự chân thành, thanh tịnh, đẳng giác, từ bi. Điểm từ bi trước hết là phải biết thương yêu chính bản thân mình, biết gìn giữ thiện tâm của mình, gìn giữ thiện hạnh của mình, như vậy mới gọi là hộ trì chánh pháp.

Phải gìn giữ [tâm] như thế nào? Phải từ đâu khởi đầu công phu tu tập? Tôi thường nói, phải [bắt đầu từ việc] buông bỏ mọi ý niệm riêng tư, mưu lợi cho riêng mình, buông bỏ mọi ý niệm muốn khống chế, muốn chiếm hữu đối với hết thảy mọi người khác cũng như đối với mọi sự vật. Như vậy thì tâm quý vị được thanh tịnh, được chân thành, tự nhiên chân tâm liền lưu xuất hiển lộ. Nếu [chưa buông xả hết,] còn mảy may ý niệm [chiếm hữu] này thì quý vị đã sai lầm, chỗ dụng tâm của quý vị là vọng tâm, là hư dối, chẳng phải chân thật.

Chư Phật, Bồ Tát luôn đem tâm thuần nhất chân thật đối đãi với hết thảy mọi người, hết thảy mọi sự vật, hoàn toàn chân thật, thuần nhất một lòng thương yêu, một lòng lo cho lợi ích của mọi người. Vì sao các ngài làm như vậy? Vì các ngài đã giác ngộ, đã thấu hiểu rõ ràng, hết thảy chúng

sinh đều là chính tự thân mình. Có nhiều người tìm tôi xin viết chữ tặng, tôi cũng thường viết tặng một câu là: *“Hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không quả thật là chính bản thân mình.”* Người nghĩ được như vậy chính là Phật, Bồ Tát.

Kẻ phạm phu không rõ biết sự thật như thế nên phân chia có mình và người khác, do đó mà làm hết thấy mọi việc theo khuynh hướng hại người lợi mình, đều là những chuyện hồ đồ. Do tâm mê hoặc mà làm chuyện hồ đồ, đó gọi là phạm phu, không rõ biết lẽ chân thật. Điều này trong kinh điển đức Phật vẫn thường cảm thán rằng: “Đáng thương thay!”

Hạng người nào là đáng thương? Là hạng người không hiểu được lẽ chân thật. Cho nên, hộ trì chánh pháp là trước tiên phải hiểu rõ lẽ chân thật, phải giữ gìn bảo vệ tánh đức của tự thân mình. Trong cuộc sống thường ngày, việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật đều phải thực sự làm hết trách nhiệm, phận sự của mình. Chư Phật, Bồ Tát là những mẫu mực, khuôn mẫu tốt nhất cho chúng ta noi theo.

Thứ hai là Thiên vương Tăng Trưởng ở phương nam. Phương nam là tượng trưng cho trí tuệ quang minh. Đồng tử Thiện Tài 53 phen tham học đều ở phương nam. Nhưng nói phương nam đó, không thực sự là chỉ phương hướng trong bốn phương đông tây nam bắc, mà hàm ý chỉ việc hướng về trí tuệ. Theo thuyết ngũ hành của Trung quốc thì phương nam thuộc lửa (hỏa), lửa tượng trưng cho ánh sáng quang minh. Thiện tri thức trụ nơi đâu? Trụ tại một hướng ánh sáng quang minh ấy. Cho nên [trong kinh nói] các vị thiện tri thức đều ở tại phương nam, chúng ta cần hiểu rõ đó không phải chỉ phương hướng [địa lý]. Người có trí tuệ cư trú nơi nào thì nơi đó đều gọi là phương nam, ý nghĩa là như vậy.

Quý vị hãy suy ngẫm về danh xưng của Thiên vương Tăng Trưởng [ở phương nam], đó là mong rằng trí tuệ của

chúng ta mỗi ngày đều tăng trưởng. Nên hiểu theo ý nghĩa như thế. Đó là hộ trì chánh pháp.

Vị thiên vương ở phương đông cầm trên tay một cây đàn tỳ bà, đó là hình ảnh biểu trưng, hoàn toàn không phải vị này ưa thích âm nhạc ca hát, đừng nhận hiểu sai như vậy. [Hình ảnh đó] biểu thị ý nghĩa gì? Đó là biểu thị ý nghĩa trung đạo. Nho gia của Trung quốc nói về trung dung, đạo Phật nói về trung đạo.

Đàn tỳ bà là loại nhạc cụ dây. Chúng ta đều biết, nếu dây đàn chùng quá thì không kêu, căng quá thì đứt, nên cần phải điều chỉnh ở mức giữa, mức vừa phải, như vậy thì âm thanh mới hay. Điều này chính là dạy chúng ta rằng, trong việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, phải đạt mức vừa phải, đừng quá đáng, cũng không thể chưa đủ. Phải tìm được mức ở giữa, dùng mức vừa phải đó. Vừa phải thì hòa hợp, không vừa phải thì không hòa hợp. Hòa hợp mới có thể cùng nhau hợp tác. Bất hòa thì làm sao có thể hợp tác? Cho nên [hình ảnh đàn tỳ bà] có ý nghĩa biểu trưng như vậy.

Vị thiên vương ở phương nam cầm trên tay thanh gươm, đó là biểu tượng của trí tuệ, là gươm trí tuệ, chặt đứt phiền não, nên hiểu ý nghĩa như vậy.

Các vị thiên vương ở phương tây, phương bắc là muốn nói về cách thức, phương pháp, làm thế nào đạt đến sự hộ pháp, làm sao cho tốt việc hộ pháp, thế nào là trí tuệ tự thân được tăng trưởng. Phần tiếp theo sẽ chỉ bày phương pháp cụ thể.

Vị thiên vương ở phương tây gọi là Quảng Mục. Quý vị nên suy ngẫm ý nghĩa này, “*quảng mục*” là ý muốn nói việc mở rộng tâm nhìn, xem xét nhiều, ngày nay gọi là nghiên cứu văn hóa, quan sát nhiều. Vị thiên vương phương bắc là Đa Văn. [Hình tượng] cả hai vị thiên vương [phương tây, phương bắc] này muốn nói với chúng ta là cần phải nghe nhiều, quan sát nhiều, nhận hiểu nhiều.

Mấy ngày nay, Hội đồng Tôn giáo Singapore tổ chức một cuộc triển lãm chung gồm 9 tôn giáo. Việc này nói chung là mới có lần đầu trên thế giới, trước đây chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe nói đến. Nhờ đây chúng ta có được cơ hội thuận lợi để tiếp xúc với từng tôn giáo [khác nhau]. Chúng ta được thấy nhiều, nghe nhiều, có được nhiều nhận thức đối với họ. Nhận hiểu được nhiều, nhờ đó mới có thể cùng nhau vui vẻ hợp tác, xã hội mới hài hòa tốt đẹp.

Khi có sự khác biệt tôn giáo, khác biệt chủng tộc, chúng ta làm thế nào để thực sự tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, cùng giúp đỡ, hợp tác với nhau, cùng tồn tại phát triển với nhau? Singapore đã mang ý niệm này vận dụng vào thực tiễn.

Mấy ngày nay có các vị đồng học đang giảng kinh nhưng tôi không thể đến nghe được, tôi đi xem [triển lãm] các tôn giáo, nhận hiểu nhiều hơn, nhận thức nhiều hơn về họ. Đó là [một hình thức] giáo dục, giáo dục tôn giáo. Cùng lúc đó, chúng ta cũng đem Phật giáo ra giới thiệu với các tôn giáo khác.

Xã hội là [một hợp thể] đa nguyên, biến hóa rất nhiều hướng. [Hình tượng] Thiên vương Quảng Mục cầm trong tay là con rồng, hoặc con rắn. Rồng và rắn cũng giống nhau [trong trường hợp này]. Rồng hay rắn biểu trưng cho điều gì? Biểu trưng cho sự biến hóa, biến hóa đến ngàn vạn cách thức, cũng là nói lên sự biến hóa của xã hội có ngàn hình muôn vẻ, quý vị cần phải hiểu rõ.

Trong sự biến hóa ấy lại cũng có nguyên lý, nguyên tắc bất biến. Vì thế, [trong hình tượng] Thiên vương Quảng Mục thì một tay nắm con rồng, một tay cầm hạt châu. Hạt châu là biểu trưng cho nguyên tắc bất biến, phải nắm vững thì mới có khả năng ứng phó với xã hội nhiều biến đổi. Ý nghĩa là như thế, quý vị xem, thật là hay lắm.

Vị thiên vương phượng bắc cầm trên tay cái lọng che, đó là biểu trưng cho điều gì? Là sự phòng ngừa và chấm dứt ô nhiễm. Quý vị tiếp xúc với xã hội đa nguyên nhiều biến hóa, nhất định không được để mình nhiễm ô, nhiễm ô là sai lầm. Ở trong xã hội phức tạp này, phải bảo vệ, giữ gìn được [các phẩm tính] thanh tịnh bình đẳng giác. Lọng che là mang ý nghĩa như thế, đó gọi là hộ pháp.

Không phải bảo chúng ta đừng tiếp xúc, nhưng khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài phải giữ được sự thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi của tự thân mình, đó là thực sự hiểu về hộ pháp, nhất định không còn bị nhiễm ô.

Những gì là nhiễm ô? Đó là những ý niệm riêng tư, lợi ích cho bản thân mình, làm hại người khác để được lợi mình, những ý niệm tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. Những ý niệm ấy chính là nhiễm ô. Chúng ta trong bất kỳ hoàn cảnh tiếp xúc nào với con người, với sự việc, trong bất kỳ hoàn cảnh vật chất [cám dỗ] nào, vĩnh viễn xa lìa hết những ý niệm ô nhiễm đó thì tâm mới được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi sinh trí tuệ, như thế mới có thể thực sự hộ trì chánh pháp.

Quý vị cần phải hiểu rõ rằng, Phật pháp là chánh pháp. Vậy ngoài Phật pháp ra có phải là chánh pháp hay không? Nhà Phật thường nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người hiểu đạo thuyết pháp, dù nói pháp nào cũng không khiếm khuyết.) Trong giáo pháp Đại thừa lại có câu: “*Vô nhất pháp bất thị Phật pháp*.” (Không một pháp nào không là Phật pháp.) Giác ngộ rồi thì tất cả pháp đều là Phật pháp. Cho nên mới nói rằng, Phật pháp rộng lớn vô biên, thường nói tất là Phật pháp vô biên, không có giới hạn. Nếu như quý vị nói Cơ Đốc giáo không phải Phật pháp, thì Cơ Đốc giáo chính là chỗ giới hạn của Phật pháp, như vậy thì Phật pháp có giới hạn. Như thế làm sao có thể nói là Phật pháp vô biên, không giới hạn? Đối với Thiên chúa giáo, Do Thái giáo cũng vậy.

Chiều hôm qua tôi có đến xem [chỗ triển lãm của] Do Thái giáo, hôm nay [đi xem] Bái Hỏa giáo. Nếu như nói các tôn giáo ấy không phải Phật pháp, vậy thì Phật pháp cũng có giới hạn rồi, sao có thể nói Phật pháp vô biên, không giới hạn? Vì Phật pháp là vô biên, nên chúng ta mới hiểu được là hết thấy các tôn giáo, hết thấy các chủng tộc đều là Phật pháp.

Chữ Phật mang nghĩa là giác ngộ. Nếu quý vị có sự giác ngộ, hiểu biết sáng tỏ thì đó gọi là Phật pháp. Quý vị không giác ngộ, không hiểu biết sáng tỏ thì đó gọi là pháp thế gian. Phật pháp là sáng tỏ, minh bạch, vậy mới gọi là Phật pháp. Dù là kinh điển Phật giáo bày ra trước mặt, nếu chúng ta nhìn vào không hiểu biết, không sáng tỏ thì đó không phải là Phật pháp. Cho nên, đối với người mê hoặc không hiểu biết, thử hỏi một câu, có pháp nào là Phật pháp không? [Với họ thì] không có một pháp nào là Phật pháp cả. Khi giác ngộ rồi thì hết thấy các pháp đều là Phật pháp.

Người đã giác ngộ rồi thì không có phân biệt, không có bám chấp, không có vọng tưởng. Còn vọng tưởng, phân biệt, bám chấp thì dù pháp nào cũng không phải Phật pháp, không có gì là Phật pháp cả. Lìa xa vọng tưởng, phân biệt, bám chấp thì tất cả các pháp đều là Phật pháp. Điều này đức Phật vẫn thường nói đến trong các kinh điển Đại thừa, chúng ta cần phải hiểu rõ.

Ngày nay tôi làm việc bố thí, cúng dường các tôn giáo khác, rất nhiều người cho là quái lạ. Vì sao họ cho việc này là quái lạ? Vì họ là phàm phu, không có Phật pháp, không hiểu rõ được Phật pháp. Cho nên, có rất nhiều người đến chất vấn tôi: “Bạch thầy, tại sao thầy sử dụng tiền [chúng con quyên góp] để cúng dường các tôn giáo khác?”

Tôi nói: “Tôi không cúng dường các tôn giáo khác.”

Họ nói: “Vì sao thầy không cúng dường Phật giáo?”

Tôi đáp: “Tôi thật có cúng dường Phật giáo.”

Họ nói: “Rõ ràng [những tôn giáo thầy cúng dường đó] là Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo.”

Tôi đáp: “Đó đều là Phật giáo, chỉ vì tự thân quý vị không hiểu biết rõ ràng. Các tôn giáo ấy đều là Phật giáo. Trong Phật giáo có chia tông phái, quý vị có biết điều đó chẳng?”

Những người ấy đáp: “Dạ, có biết. Phật giáo có 10 tông phái.”

Tôi nói: “Các tôn giáo kia cũng đều là tông phái của Phật giáo. Trong tôn giáo của họ thờ phụng các vị thần, thờ phụng Thượng đế, đó đều là chư Phật Như Lai hóa thân. Chẳng phải trong đạo Phật vẫn thường dạy như vậy sao? Quý vị đọc phẩm kinh Phổ Môn thấy có 32 ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tùy theo phải dùng hiện thân nào để cứu độ chúng sinh, liền hiện thân đúng như thế. Nếu phải dùng hiện thân Cơ Đốc giáo để hóa độ, các ngài liền hiện thân Cơ Đốc giáo. Nếu phải dùng hiện thân Thượng đế để hóa độ, các ngài liền hiện thân Thượng đế. Hết thấy đều là [hiện thân của] chư Phật Như Lai.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Hết thấy đều thành Phật.” Nói hết thấy đó, liệu có bao quát các tôn giáo khác hay không? Có, bao quát tất cả, nên hết thấy đều thành Phật. Quý vị thấy ý nghĩa đó sâu sắc, rộng lớn biết bao, trọn vẹn đầy đủ biết bao.

Tâm lượng nhỏ hẹp thì phân biệt có ta, có người khác, quý vị sẽ vĩnh viễn không thể thành tựu. Không chỉ là không thể chứng quả, mà cho đến sự khai ngộ cũng không thể được. Đó là tự mình làm chướng ngại chính mình. Chúng ta cần phải hiểu rõ, cần phải sáng tỏ ý nghĩa này.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 37

(Giảng ngày 25 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 38, số hồ sơ: 19-012-0038)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Phần nội dung “*tùy duyên giúp người*” nói đến 10 điều, trong các bài trước chúng ta đã giới thiệu qua 8 điều rồi, sau đây còn lại 2 điều. Thứ chín là “*kính trọng bậc tôn trưởng*” và thứ mười là “*thương yêu quý tiếc mạng sống muôn loài*”. [Trong việc tùy duyên,] Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng không bám víu, chạy đuổi theo duyên. Bản thân chư Phật, Bồ Tát đều đã thực hiện trọn vẹn điều này, nêu gương tốt để chúng ta noi theo.

“*Kính trọng bậc tôn trưởng*”, đặc biệt chính là điều mà người đời hiện nay xem nhẹ. Vì sao phải kính trọng? Bậc tôn trưởng là những đối tượng để chúng ta học tập kính trọng. Nhưng trong thực tế, hàm ý của đức Phật là dạy chúng ta phải tôn kính tất cả. Vì sao vậy? Vì sự tôn kính là *tánh đức*. Mục đích học Phật của chúng ta là muốn thành Phật, vậy phải làm thế nào mới thành Phật? Phải khôi phục tánh đức [của tự thân mình] cho thật viên mãn, thật trọn vẹn đầy đủ, như vậy thì tự nhiên thành Phật.

[Quả] Phật không phải miễn cưỡng thành tựu, mà là tự nhiên thành tựu. Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật dạy rằng: “Hết thảy chúng sinh xưa nay vốn đã thành Phật.” Nguyên lai chúng ta vốn đã là Phật, nhưng hiện nay không phải Phật. Do nguyên nhân gì mà hiện nay không phải là Phật? Là do tư tưởng, kiến giải, hành vi đều trái ngược với tánh đức nên không là Phật. Phải thuận theo, tương ứng với tánh đức thì mới là Phật, vì so với chư Phật Như Lai [mối tương hợp] không hai không khác.

Do đây có thể biết rằng, đức Phật giáo hóa chúng sinh không gì khác hơn là giáo hóa người tùy thuận tánh đức. Tùy thuận tánh đức là tự nhiên, trái ngược với tánh đức là phá hoại tự nhiên. Trong Phật pháp cũng có những lúc tránh không dùng chữ “tự nhiên”, vì sợ mọi người đối với danh từ này có sự bám chấp, có sự hiểu sai. Khi ấy thì dùng chữ “*pháp nhĩ*”. *Pháp nhĩ* mang ý nghĩa gì? Cũng đồng nghĩa với tự nhiên. *Pháp* là chỉ hết thấy các pháp, *nhĩ* nghĩa là như vậy, xưa nay vốn là như vậy.

Nói thật ra, đối với ý nghĩa này chúng ta ngày nay muốn thể hội phải có sự suy ngẫm sâu sắc. Vì sao vậy? Mọi người thường nói rằng hoàn cảnh tự nhiên đang bị phá hoại. Hoàn cảnh tự nhiên chính là môi trường sống của chúng ta. Tự nhiên bị phá hoại chính là môi trường sống của ta bị phá hoại. Đời sống của chúng ta hiện nay đã phải cảm nhận quá nhiều nỗi khổ, không chỉ trong đồ ăn thức uống chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh, khiến người ăn vào phải thường xuyên lo sợ, mà cho đến trong nước cũng có chứa chất độc.

Chúng ta sống trong thời đại này, nước uống hay không khí hít thở đều không [trong sạch] như thời xưa. Vào thời xưa, nước uống quả thật là từ dòng suối trong lành, không khí hít thở cũng trong lành, thanh khiết. Như vậy, môi trường sống của chúng ta ngày nay quả thật thua xa người xưa. Ai là người đã phá hoại? Chính chúng ta là người phá hoại, quả thật là tự làm tự chịu. Chỉ có điều, không phải toàn thể nhân loại này đều là người phá hoại. Chỉ một số ít người phá hoại thôi, nhưng đa số người phải chịu liên lụy. Một số ít người phát minh [những thứ độc hại], đa số người vì tham muốn chút thuận tiện, chút lợi ích nhỏ [trước mắt, nên đua nhau sử dụng], không biết rằng ngay sau đó là tai họa lớn lao khủng khiếp. Đó chính là sự ngu si, thực sự không hiểu biết.

Đức Phật dạy chúng ta không gì khác hơn là khôi phục tánh đức. Tánh đức là cái vốn có của quý vị. Quý vị trong

hiện tại đã mê mờ không biết, vô số năng lực trí tuệ, đức hạnh đều không thể hiện lộ hiện tiền, nên đức Phật phải khởi lòng từ bi, khó nhọc dạy bảo khuyến khích. Năng lực trí tuệ, đức hạnh [của chúng ta] vì sao không thể hiện lộ hiện tiền? Là do mê hoặc, ngu si. Từ nơi si mê khởi sinh vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, thị phi nhân ngã, tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, tạo ra đủ loại tội nghiệp. Đó chính là phá hoại hoàn cảnh tự nhiên, khiến cho tự tánh vốn có đủ năng lực đức hạnh phải sinh ra nhiều chướng ngại, không thể hiện lộ hiện tiền. Cho nên, Phật gọi những người [si mê] này là phàm phu. Chỉ cần trừ dứt được những chướng ngại ấy, năng lực trí tuệ, đức hạnh khôi phục [như vốn có] liền gọi đó là Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát với chúng sinh khác biệt nhau chính là ở chỗ này.

Chúng ta chỉ cần tin nhận lời Phật dạy, hiểu rõ được lời Phật dạy, y theo lời Phật dạy mà thực hành, thì có thể khôi phục tánh đức. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền vì chúng ta nêu ra mười cương lĩnh tu học [qua Thập đại nguyện vương], trong đó điều trước nhất là “*lễ kính chư Phật*”, cũng có nghĩa là người chân chính tu hành phải bắt đầu từ việc lễ kính chư Phật. Tiên sinh Liễu Phàm ở [điều thứ chín] này dạy chúng ta kính trọng bậc tôn trưởng, cũng chính là vận dụng “*lễ kính chư Phật*” vào thực tiễn.

Đây là sự vận dụng bước đầu. [Tiếp theo] phải nuôi dưỡng tâm kính trọng, yêu kính, tôn trọng; nuôi dưỡng tâm như thế là tánh đức. Sau đó mới đem tâm yêu kính này, chân thành yêu kính, chân thành tôn trọng mà đối đãi với hết thảy chúng sinh, không có sự phân biệt, không có sự bám chấp. Đó chính là sự lưu xuất hiển lộ của tánh đức, là [đại nguyện] lễ kính chư Phật của Bồ Tát Phổ Hiền, chân chính vận dụng vào thực tiễn. Chỉ cần một đại nguyện này có thể vận dụng vào thực tiễn thì chín đại nguyện còn lại đều tốt đẹp, không có khó khăn. Khi ấy, đời sống của quý vị, từ công việc cho đến

ứng xử, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, tư tưởng, lời nói, việc làm, hết thảy đều là đại nguyện Phổ Hiền, đều là thành tựu những phương pháp tu hành của Bồ Tát Phổ Hiền.

Trong Phật pháp Đại thừa, đại nguyện Phổ Hiền là pháp tu thù thắng nhất, có thể giúp thành tựu quả Phật. Nói cách khác, pháp tu này có thể giúp hành giả “*minh tâm kiến tánh*” (tâm ý sáng rõ, thấy được tự tánh), cho nên nói rằng thành Phật chính là *minh tâm kiến tánh*.

Chúng ta suy đi ngẫm lại, những kinh luận như trên ta từng đọc qua rất nhiều, nghe nói đến thì ai cũng quen thuộc, không hề xa lạ, nhưng rồi trước sau vẫn không vận dụng được vào thực tiễn. Nguyên nhân là do đâu?

Nguyên nhân là do thực hành không mạnh mẽ, không nỗ lực. Nói thật ra, căn bản là không có ý muốn thực hành, không hề muốn thực hành. Không chỉ là thực hành không đủ mạnh mẽ mà căn bản là không hề thực hành. Như vậy cho nên không cách gì khế nhập vào cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Nói lời thành thật, chúng ta không hề nhận hiểu thấu triệt được ý nghĩa chân thật của Thập đại nguyện vương, hoàn toàn không thực sự hiểu rõ. Nếu thực sự hiểu rõ, đâu có lẽ nào lại không làm theo?

Các bậc hiền thánh xưa dùng pháp [kính trọng bậc tôn trưởng] này để nuôi dưỡng vun bồi tánh đức. Nếu chúng ta thực sự biết kính trọng cha mẹ, kính trọng các bậc sư trưởng, trưởng bối, thì từ đó có thể dễ dàng khởi sự công phu tu tập. Nhưng việc này hiện nay rất khó làm, vì điều phổ biến trong xã hội là ưa chuộng khuynh hướng tự đề cao mình, không tôn trọng người khác, luôn tự cao tự đại. Cho nên tập khí ngạo mạn không ngừng tăng trưởng, lúc nào cũng xem thường, lấn lướt người khác. Trạng thái tâm thức như vậy là tạo ra tội nghiệp nặng nề nhất, hoàn toàn trái ngược với tánh đức. Người không học Phật mà như thế đã là không chấp nhận

được, người học Phật mà vẫn làm như thế thì đâu có lý nào không bị đọa lạc?

Cho nên, chúng ta phải thấu rõ được ý nghĩa này, đức Phật vì sao dạy chúng ta [phải kính trọng bậc tôn trưởng]? Giáo pháp này chẳng phải do ngài sáng tạo ra, không phải do ngài thiết lập hình thành, chỉ là hoàn toàn tùy thuận [điều kiện] tự nhiên, hoàn toàn tùy thuận tánh đức. Chúng ta nếu thực sự hiểu được, rõ biết được, thì tự nhiên sẽ vui mừng hoan hỷ cung kính làm theo lời dạy của ngài, nỗ lực học tập theo đó. Học tập theo trong đời sống, học tập theo trong mỗi lúc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật.

Điều cuối cùng [trong phần này] là *“thương yêu quý tiếc mạng sống muôn loài”*. Trong thực tế, điều này khuyên chúng ta phải quý tiếc phước báo. Tự tánh sẵn có vô lượng phước đức, trong kinh điển Đại thừa chúng ta đã thấy rõ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói về y báo, chánh báo trang nghiêm của đức Phật Tỳ-lô-giá-na, trong các kinh điển Tịnh độ nói về thế giới Cực Lạc là y báo, chánh báo trang nghiêm của đức Phật A-di-đà. Những phước báo [lớn lao] như vậy không phải do tu tập mà có, chính là do xứng hợp với tự tánh, cũng tức là hoàn toàn tự nhiên. Môi trường sống tự nhiên như vậy là không bị hủy hoại một mảy may nào, bất kể là hoàn cảnh vật chất hay nhân sự đều tốt đẹp đến mức không gì hơn được nữa, cho nên mới gọi là thế giới Cực Lạc.

Trong môi trường hoàn cảnh [cực kỳ hoàn thiện] như vậy, chư Phật, Bồ Tát vẫn vì chúng ta thị hiện *“thương yêu quý tiếc mạng sống muôn loài”*, hướng chỉ chúng ta là phạm phu chưa thấy được tự tánh, dù mảy may phước báo của tự tánh cũng chưa từng thụ hưởng được. Phước báo mà chúng ta hôm nay được hưởng là gì? Từ đâu mà có? Đó là do sự tu tập đức độ mà có. Lấy một ví dụ, phước báo [sẵn có trong tự tánh] của quý vị cũng giống như tiền bạc, tài sản đáng giá tiền muôn bạc triệu, nhưng đang nằm cả trong ngân hàng, còn trên

người quý vị không mang theo đồng nào. Khi ấy quý vị đi lỡ đường, muốn ăn món này món khác, nhưng đành phải chịu đói vì [không có tiền] chẳng ai cho quý vị ăn. Lúc ấy biết làm sao? Phải tạm thời làm thuê, kiếm một chút tiền ăn uống. Việc tạm thời làm thuê kiếm ăn như vậy cũng giống như tu sửa đức hạnh, tu tích phước báo. Vì vô lượng phước đức của tự tánh tuy vẫn sẵn có, nhưng lúc ấy [còn mê muội] không đưa ra [sử dụng] được. Tình trạng của phàm phu chúng ta [hiện nay] rất giống như vậy.

Chúng ta tu tập được đôi chút phước báo, nếu quý vị không biết quý tiếc giữ gìn thì phước báo ấy sẽ dùng hết rất nhanh. Người xưa nói: “*Lộc tận nhân vong.*” (Hết lộc thì mạng người không còn.) *Lộc* là gì? Chính là phước báo. Ví như người có thọ mạng rất dài lâu, chẳng hạn có tuổi thọ đến tám, chín mươi tuổi, nhưng trong thời gian đó chỉ mới năm, sáu mươi năm đã hưởng hết phước báo rồi, không biết quý tiếc [giữ gìn] phước báo, chỉ biết thụ hưởng cho đến hết. Hết phước rồi thì dù thọ mạng còn cũng vẫn phải chết, vì không có phước báo.

Do đó có thể biết rằng, việc quý tiếc [giữ gìn] phước báo là điều trọng yếu. Nên biết, người quý tiếc phước báo, cho dù tuổi thọ đã hết nhưng phước báo còn chưa hưởng tận thì không thể chết. Do đó mà tuổi thọ tự nhiên được kéo dài. Vì sao vậy? Vì chưa hưởng tận, phước báo vẫn còn dư thừa.

Cho nên tôi thường nói, thêm phước báo là thêm tuổi thọ. Việc thêm phước báo cũng có hai cách. Một là tự mình tu được thêm phước báo, hai là tự mình quý tiếc [giữ gìn] phước báo [hiện có]. Nhưng cũng có khi vừa tu phước vừa biết quý tiếc phước, người như vậy đương nhiên là được kéo dài tuổi thọ. Đó là lẽ nhất định. Nho giáo, Phật giáo đều dạy chúng ta phải biết tiết kiệm, [quý tiếc phước báo cũng là ý nghĩa này].

Thương yêu quý tiếc mạng sống muôn loài, ở đây đặc biệt

chỉ đến các loài động vật, nên trong câu này hàm ý không giết hại. Tiến thêm một bước nữa là không ăn thịt chúng sinh. Không ăn thịt chúng sinh, đó là quý tiếc phước báo. Đừng nên xem việc ăn thịt chúng sinh là rất bình thường, chỉ vì trong xã hội mọi người đều ăn. Trong kinh Phật giảng giải rất rõ, quý vị ăn vào tám lạng, tương lai phải trả đủ nửa cân.¹

Không phải ăn xong rồi không có chuyện gì, mà ăn xong rồi phải chịu rất nhiều phiền phức. Trong một đời này, quý vị ăn vào bao nhiêu thịt động vật, phải mất biết bao nhiêu kiếp sống sau này mới đền trả hết. Cho nên, “*nhân thân nan đắc nhi dị thất*” (thân người khó được mà dễ mất), mất đi thân người [của đời này] rồi, muốn được lại thân người [đời sau] thật không dễ dàng. Chỉ nói một cách đơn giản nhất, trong đời này quý vị giết hại bao nhiêu chúng sinh để ăn thịt thì đời sau phải làm súc sinh, nhiều đời nhiều kiếp phải làm súc sinh, để trả lại đủ. Tất cả đều phải hoàn trả đủ, trả hết rồi mới có thể được lại thân người. Quý vị nghĩ xem, việc [ăn thịt chúng sinh] thật phiền phức biết bao.

Người đời không biết [cân nhắc những điểm] lợi hại như trên, nhưng chư Phật, Bồ Tát biết rõ, các bậc tu hành chân chánh đều biết rõ, nên các ngài không kết oán thù với chúng sinh, không trói buộc nợ nần với bất kỳ ai. Người khác nợ mình không cần đến nữa, điều đó là tốt. Nếu cần đến thì thế nào? Thì quý vị lại phải đòi nợ, lại phải sinh ra đời để cùng gặp gỡ với người thiếu nợ. Nếu không cần đến [món nợ ấy] thì xem như xong, không vướng bận.

Thiếu nợ người khác thì phải nhanh chóng trả cho xong. Trả xong nợ là hết sức khoan khoái, vì con đường hướng đến Bồ-đề sẽ không còn chướng ngại. Đến giờ phút vãng sinh, ra đi cũng được thanh thoi, tự tại, không có những kẻ oán thù

¹ Theo đơn vị cân lường ngày xưa thì mỗi cân có 16 lạng, do đó mới có thành ngữ “Bên nửa cân, bên tám lạng” để chỉ sự cân tài ngang sức. Cho nên, nửa cân và tám lạng được dùng với ý nghĩa là bằng nhau.

hay chủ nợ đến lôi kéo làm khó, được chư Phật hộ niệm, các vị thiện thân, trời rồng bảo vệ giúp đỡ.

Quý vị không biết làm thế nào để quý tiếc phước báo? Quý tiếc phước báo là mỗi mỗi sự vật dù nhỏ nhặt cũng đều quý tiếc, phải tập dần như vậy cho thành thói quen.

Khi tôi đến Vancouver ở Canada lần đầu tiên để giảng kinh, có vị đồng tu ở đó kể tôi nghe việc một thí chủ hộ pháp lớn từng cúng dường Pháp sư Tuyên Hóa một tòa nhà lớn, vào thời ấy trị giá đến một triệu đô-la. Tôi có đến xem qua tòa nhà trị giá một triệu đô-la này. Do nguyên nhân gì có sự cúng dường? Có lần trong một bữa ăn, vị thí chủ này nhìn thấy Pháp sư Tuyên Hóa dùng một miếng giấy lau miệng, dùng qua rồi gấp lại dùng tiếp, cả thấy đến 8 lần, chỉ một miếng giấy lau. Vị này quá cảm động, liền phát tâm cúng dường một triệu đô-la. Đây là quả báo của sự quý tiếc, gìn giữ phước báo.

Tại nước Mỹ, ở nhiều thành phố lớn Pháp sư Tuyên Hóa đều có đạo tràng, phước báo thật rất lớn. Phước báo ấy do đâu mà có? Là do biết quý tiếc, gìn giữ phước. Pháp sư là người thực sự tiết kiệm [mọi thứ], thực sự quý tiếc, gìn giữ phước. Đời sống của ngài vô cùng tiết kiệm, người khác làm theo không nổi. Ngài mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngủ ngồi không nằm, trong phòng không có giường chiếu. Ngài hết sức nghiêm trì giới luật. Chỉ riêng một điểm này đã đáng cho chúng ta tán thán, đáng cho ta học tập theo. Ngài nói về thần thông, chúng ta không tán thán, nhưng chỉ riêng về phương diện trì giới, quý tiếc gìn giữ phước, chúng ta phải học tập theo ngài.

Mười điều [trích dẫn trong *Liễu Phàm tứ huấn* nói về tùy duyên giúp người,] đến đây tôi đã giới thiệu qua một cách giản lược với quý vị đồng tu. Phần chú giải này [trong sách *Vị biên*] nói rất chi tiết, tường tận, quý vị có thể tự mình tham khảo thêm.

Bài giảng thứ 38

(Giảng ngày 26 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 39, số hồ sơ: 19-012-0039)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Câu thứ 18 trong *Cảm ứng thiên* là “*Từ tâm ư vật.*” (Đem lòng từ đối với muôn vật.) Phần trước đã giảng về tu tập tâm cung kính. Phần dưới đây sẽ giảng về sự tu tâm dưỡng tính.

“*Đem lòng từ đối với muôn vật*”, vật ở đây là tất cả chúng sinh. Trong Phật pháp thường nói: “*Từ bi vi bản, phương tiện vi môn.*” (Từ bi là căn bản, phương tiện là cửa vào). Từ bi là đức, [là lòng tốt,] phương tiện là công, [là sự thực hành lòng tốt,] chúng ta thường nói chung là công đức. Phần trước đã có đoạn giảng giải về “*tích đức lũy công*”. Tích đức là giữ tâm tốt đẹp, lũy công là thực hành [điều tốt đẹp].

Tâm từ bi, người đời cũng nói là lòng thương yêu. Trong Phật pháp vì sao không nói thương yêu mà phải nói là từ bi? Việc này có nguyên nhân. Sự thương yêu của người đời là tình cảm, thương yêu khởi sinh từ tình cảm. Từ bi cũng là thương yêu, nhưng từ bi khởi sinh từ trí tuệ, là do lý trí chứ không do tình cảm. Những gì do tình cảm [khởi sinh] thì rất dễ thay đổi, nên người đời thường nói tình cảm thương yêu nhất định không thể tin cậy vào, vì thay đổi biến hóa đến ngàn vạn cách, tự mình cũng không thể khống chế điều khiển được.

Tâm thương yêu của chư Phật, Bồ Tát thì vĩnh viễn thường còn, không thay đổi, gọi là từ bi. Đó là tánh lý, là tự tánh của tâm, là sự lưu xuất hiển lộ của chân lý tự nhiên. [Có đủ các phẩm tính] *chân chánh, từ ái, bình đẳng*, đó chính là Phật.

Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta về *nhân* và *hạnh* của mười pháp giới. Tất nhiên, nói đến nhân duyên của mỗi một pháp giới đều vô cùng phức tạp. Kinh Hoa Nghiêm gọi là “*vô lượng nhân duyên*”. Trong vô lượng nhân duyên đó luôn có một nhân tố trọng yếu nhất, cho nên đức Phật mới đem nhân tố trọng yếu nhất mà giảng giải cho chúng ta.

Nhân tố trọng yếu nhất để thành Phật chính là “*chân chánh, từ ái, bình đẳng*”. *Chân* là thuần chân, hoàn toàn chân chánh. Phần trước, khi nói về “*tích đức lũy công*” tôi đã có giảng qua. Một người tu hành, hiểu biết sáng tỏ, thấu triệt về chân tướng của vũ trụ nhân sinh sẽ có được ba điều mà phàm phu chúng ta thiếu sót.

Thứ nhất, tâm vị ấy chân thành, hết mức hiền thiện, tức là tâm thiện. Tâm thiện đạt đến mức rốt ráo, trọn vẹn đầy đủ, hết mức hiền thiện. Đạo Nho cũng dạy người “*chỉ ư chí thiện*” (dừng ở chỗ hết mức hiền thiện), đó là dạy đem tâm thuần thiện để xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật. Tâm thuần thiện đó, ở đây gọi là tâm từ. Đó là điểm đặc biệt thứ nhất [của người tu hành giác ngộ].

Thứ hai, tâm vị ấy chỉ một lòng thương yêu người khác, hoàn toàn không nghĩ đến bản thân mình, giống như người mẹ hiền hết lòng thương yêu bảo bọc đứa con thơ ấu, hết lòng hết sức quan tâm chăm sóc, quên cả thân mình. Chư Phật, chư Đại Bồ Tát đều dùng tâm thương yêu như thế để thương yêu bảo bọc hết thảy chúng sinh trong mười pháp giới.

Thứ ba, tâm vị ấy chỉ hoàn toàn làm lợi ích [hết thảy chúng sinh].

Ba điều này có thể nói lên trọn vẹn tâm hạnh của chư Phật, Bồ Tát. Nhưng nếu quan sát kỹ ta có thể thấy ba điều này dường như phù hợp với tất cả các tôn giáo khác nhau. Các tôn giáo tuy có giáo nghĩa khác nhau, nghi thức khác nhau, nhưng ba điều [vừa đề cập] trên chính là điểm chung

cùng của tất cả. Nhờ đó mà các tôn giáo có thể hòa hợp vẹn toàn với nhau. Có thể nói ba điều này là những pháp căn bản, nền tảng nhất, để từ đó có thể phát triển mở rộng.

Kinh Hoa Nghiêm là một ví dụ, kinh Pháp Hoa cũng là một ví dụ. Xem qua kinh luận Đại thừa trong đạo Phật, trong giáo điển Nhất thừa, không một chỗ nào không dùng ba nhân tố [căn bản] này để dung hợp đủ mọi chủng loại khác biệt trong các pháp giới cùng khắp hư không.

Chúng ta ngày nay nói về sự khác biệt văn hóa, sự khác biệt về nếp sống, sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng, đều có thể dùng ba nhân tố này để dung hợp. Đó là hết mức hiền thiện, chân thành thương yêu và vì lợi ích hết thảy chúng sinh, thực sự làm được đến mức vì người quên mình.

Phật là bậc *đại trí đại giác*, chúng ta tôn xưng là “*giác hạnh viên mãn*” (tuệ giác và công hạnh đều trọn vẹn đầy đủ). Những bậc đại trí đại giác đều có đủ ba nhân tố này, có thể đem tâm bình đẳng, từ ái đối đãi với tất cả chúng sinh.

Đạo Phật dạy người nuôi dưỡng sự sống, đó là đối với hết thảy chúng sinh, có thể nói là không phân biệt chủng loại, dòng tộc, không phân biệt tôn giáo, điều quan tâm nhất chính là giúp họ bảo vệ và duy trì được sự khỏe mạnh, sống lâu, được hạnh phúc vui sướng. Đó là nuôi dưỡng sự sống.

Nếu muốn thân thể phát triển tốt, sống lâu khỏe mạnh, thì điều trọng yếu nhất là phải có tâm từ bi. Đây là điều rất nhiều người thiếu sót, không quan tâm. Tâm thanh tịnh, từ bi thì không sinh bệnh tật. Hết thảy các thứ bệnh khổ, đau đớn, phiền não từ đâu sinh ra? Chúng ta lưu tâm quan sát kỹ lưỡng sẽ thấy đó là từ sự nhiễm ô sinh ra. Ý nghĩa này không khó để hiểu rõ.

Mấy hôm nay tôi nghe mọi người nói là báo chí đưa tin, thịt bò ở châu Âu lại phát sinh vấn đề, lại không ăn được. Thậm chí trong rượu nho còn có lẫn máu bò, làm rượu có màu

hồng. Trong lòng mọi người đều lo sợ, thật quá rõ ràng là nguồn gốc bệnh tật phát sinh từ sự ô nhiễm. Tâm thanh tịnh không có sự ô nhiễm thì không sinh bệnh tật.

Tâm từ bi có thể hóa giải mọi điều chẳng lành. Không chỉ có thể giải độc cho tự thân, mà [với tâm từ bi] quý vị còn có khả năng giải độc [cho người khác]. Tâm từ bi có năng lực giải độc, tâm từ bi có thể hóa giải được sự bất đồng chủng tộc trên thế giới, hóa giải được những sự hiểu lầm, sự kỳ thị phát sinh giữa các tôn giáo khác nhau. Vì thế, tâm từ bi có thể hóa giải được hết thảy mọi chuyện chẳng lành.

Cho nên, đã nhiều năm qua tôi nuôi trong lòng một ý tưởng, hy vọng có thể xây dựng được một trường học đa nguyên văn hóa. Trường đa nguyên văn hóa sẽ dạy những gì? Chính là dạy tâm chí thiện, tâm từ bi, tâm vì lợi ích hết thảy chúng sinh. Sẽ có nơi nghiên cứu về đa nguyên văn hóa, có khoa Đa nguyên văn hóa, nội dung học chính là ba điểm [căn bản] nêu trên. [Có đủ] ba điểm này, trong Phật pháp gọi là Bồ Tát.

Nhưng điều trọng yếu nhất trong tâm từ chính là không giết hại. Quý vị thấy điều thứ nhất trong *tịnh nghiệp tam phúc* (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh) là: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát.*” (Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng, tâm từ không giết hại.)

“*Từ tâm ư vật*”, chữ *vật* chỉ cho hết thảy chúng sinh, nên đối với hết thảy chúng sinh không thể khởi lên ý niệm giết hại. Không chỉ là không giết chết, mà cũng không được gây sự tổn thương, nguy hại. Đó mới thực sự là tâm từ, chính là nền tảng của hết thảy mọi giới luật, là căn bản của giới hạnh.

Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt chú trọng đến tâm từ bi. Người đời nuôi dưỡng sự sống chỉ biết [đến khía cạnh] sinh lý hay thể chất, món ăn thức uống

phải sạch sẽ, hợp vệ sinh. Chữ vệ đó là bảo vệ, bảo vệ yếu tố thể chất, mong được khỏe mạnh về phương diện thể chất, nếp sống. Nhưng nhân tố đích thực tạo ra sự khỏe mạnh về thể chất thì người đời không biết được. Cho nên, dù đã chọn lựa thức ăn hết sức lành mạnh mà con người vẫn phát sinh bệnh tật, vẫn phải chịu già chết. Nguyên nhân vì đâu?

Để sống lâu vui khỏe thì sự khỏe mạnh về thể chất chưa phải nhân tố hàng đầu. Đó là nhân tố ở hàng thứ hai, cho nên [chú ý riêng về thể chất] chỉ là chữa trị phần ngọn, chưa phải chữa trị phần gốc. Do đó có thể biết rằng, người giữ theo phép vệ sinh chỉ là chữa trị phần ngọn, không chữa trị phần gốc.

Cái gì là gốc? Tâm là gốc. Trong kinh Phật thường nói: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển.*” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Thân thể này của chúng ta là *y báo*, tâm ta là *chánh báo*. Cho nên, trong tâm lành mạnh thì thể chất của chúng ta đã được đa phần khỏe mạnh, trong việc ăn uống chỉ cần chú ý thêm một chút là cuộc sống vô cùng tốt đẹp. Trong tâm không lành mạnh thì phương diện thể chất dù có điều chỉnh nuôi dưỡng thế nào cũng chẳng giúp ích gì.

Những trường hợp như thế chúng ta nhìn thấy rất nhiều. Các bậc đế vương quan tướng thời xưa, đối với việc bảo vệ đời sống sinh lý, thể chất, luôn tìm kiếm các chuyên gia, những người giỏi nhất để chăm sóc họ, nhưng rồi vẫn cứ chết yểu. Các đời đế vương, quý vị thử tìm lại xem, có mấy người sống được đến tuổi bảy mươi? Không có mấy người. Đại đa số chỉ khoảng bốn, năm mươi tuổi là đã chết; năm, sáu mươi tuổi có thể nói là sống thọ; bảy mươi tuổi trở lên là cực kỳ hiếm có. Người xưa cũng gọi tuổi này là tuổi xưa nay hiếm có.

Nguyên nhân vì đâu? Vì thiếu sót không biết đến phép vệ sinh tâm lý. Những người ấy chỉ biết phép vệ sinh thể chất, sinh lý, không hề biết đến phép vệ sinh tâm lý, [tu dưỡng tinh thần]. Cho nên, tâm từ bi so ra thật vô cùng trọng yếu.

Chúng ta nuôi dưỡng thân thể, cũng phải biết nuôi dưỡng tính tình.

Việc ăn uống trong nhà Phật vì sao chọn cách ăn chay? Vào thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế cũng đã khuyên chúng ta ăn chay, chỉ có điều bản thân ngài chưa thực sự ăn chay. Đó là do hoàn cảnh sinh hoạt chưa thể được. Đức Phật là người hết sức từ bi, nên không bao giờ muốn làm phiền người khác. Mỗi ngày đức Phật đi khát thực, người ta ăn món gì thì cúng dường cho ngài món ấy, như vậy là thuận tiện. Nếu như Phật đề xuất [bắt buộc] việc ăn chay, thì mỗi nhà [muốn cúng dường] đều phải chuẩn bị thức ăn chay cho người khát thực. Quý vị nói xem, thật phiền phức biết bao. Đức Phật không muốn tạo thêm sự phiền phức cho người khác. Cho nên mới có sự tùy duyên như vậy.

Chư Phật, Bồ Tát, các bậc tu hành chân chánh thì tùy duyên không có vấn đề gì, vì tâm các ngài từ bi, không có sự phân biệt, bám chấp. Tâm các ngài thanh tịnh, không bị nhiễm ô. Chúng ta là phàm phu. Tâm ta không thanh tịnh, có thể bị ô nhiễm, cho nên không thể không có sự chọn lựa [món ăn].

Phật giáo Trung quốc thực hành ăn chay khởi đầu từ thời Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế đọc kinh Lăng-già, thấy trong kinh đức Phật khuyến khích các vị Bồ Tát không nên ăn thịt chúng sinh. Nhà vua đọc qua điều này vô cùng xúc động, liền tự mình thực hành ăn chay và khuyến khích người xuất gia đều nên ăn chay. Cho nên, việc vận động ăn chay được bắt đầu như vậy. [Ngày trước,] tín đồ Phật giáo trên toàn thế giới đều không ăn chay, việc ăn chay chỉ có ở Trung quốc.

Trong đạo Phật, người xuất gia trên thế giới cũng không có việc thiêu hương đỉnh đầu. Việc thiêu hương đỉnh đầu chỉ có ở Trung quốc. Đặt viên hương tròn ngay trên đỉnh đầu rồi đốt cháy [thành sẹ] có ý nghĩa gì? Trong kinh đức Phật

có nói rằng: “Đốt cháy thân mình, soi sáng người khác.” Đó là nói chúng ta phát nguyện vì người khác quên thân mình. Hiểu rõ ý nghĩa đó là được, không phải dạy quý vị phải thực sự đốt cháy thân thể mình.

Thân thể này đốt cháy rồi, quý vị lấy gì để giúp đỡ người khác? Nói theo ngôn ngữ hiện nay thì chư Phật, Bồ Tát đều là phụng sự chúng sinh, vì chúng sinh phục vụ. Quý vị không có được một thân thể khỏe mạnh thì lấy gì để phục vụ?

Nhà Phật nói thiêu thân, đốt ngón tay, đốt cánh tay, đều là muốn nói lên ý nghĩa vì người khác quên mình. Quý vị hiểu sai ý nghĩa này, lại thực sự thiêu đốt thân thể, đốt ngón tay, đốt cánh tay. Như vậy là biến thành người tàn phế, không làm được việc gì nữa. Bồ Tát Quán Thế Âm có hai tay còn chưa đủ, phải cần đến ngàn tay ngàn mắt. Chúng ta có hai cánh tay lại đem thiêu cháy đi, như vậy phải nói thế nào? Là hiểu sai ý nghĩa.

Các bậc tổ sư, đại đức dạy ta thiêu hương trên đỉnh đầu là để chúng ta trong mỗi giây mỗi phút đều luôn ghi nhớ việc đã từng phát nguyện vì người khác quên thân mình. Nhưng có nhiều người thiêu hương như vậy nhiều quá. Chính tôi từng nhìn thấy một vị xuất gia, trên đỉnh đầu đại khái có đến ba, bốn chục vết sẹo thiêu hương. Thiêu hương nhiều đến như vậy nhưng trong lòng tràn đầy ý niệm riêng tư, muốn giành lợi riêng cho mình, luôn cao ngạo, ngã mạn. Vì sao vậy? Vị ấy thiêu hương nhiều, người khác ít hơn, liền đem bản thân mình so với người khác. Như vậy là cao ngạo, ngã mạn, hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của việc thiêu hương.

Cho nên, trên thân thể có thiêu hương hay không cũng không quan trọng, [điều quan trọng là] trong lòng phải luôn ghi nhớ lời Phật răn dạy, thực sự phát tâm phụng sự hết thảy chúng sinh một cách hoàn toàn vô tư, vô điều kiện.

Nhưng việc ăn chay là vô cùng quan trọng, thiết yếu. Ăn

chay là hợp phép dưỡng sinh, dưỡng tâm, dưỡng tính. Theo cách nói hiện nay thì tính là tính khí, cảm xúc. Trong việc ăn chay cũng có những thứ không tốt cho tính tình, đức Phật đều đã loại bỏ ra. Mọi người nên biết, nhà Phật có nói đến năm loại rau [dùng làm gia vị] cay nồng gọi là “*ngũ huân*”. Chữ “huân” có bộ thảo trên đầu (艸), không phải thuộc loại thịt. Có nhiều người nói ăn các món này là ăn thịt, nói vậy là sai. Năm loại thực vật cay nồng này không phải thịt, chúng vẫn thuộc loại rau. Trong nhà Phật gọi thịt là *tinh*, là hôi tanh, [các loại thực vật cay nồng này là *huân*, nên ăn chay là tránh cả] *huân tinh*, [những thứ hôi tanh và cay nồng].

Huân ở đây chỉ năm loại rau, những thứ này mọi người đều biết, đó là hành, hẹ, kiệu, tỏi, tỏi tây (boa-rô). Tỏi tây hay boa-rô ngày trước ở Trung quốc không có, ngày nay thì rất phổ biến, có người cũng gọi là hành tây. Những loại [gia vị cay nồng] này [ăn vào] có ảnh hưởng đến sinh lý. Đối với người không có công phu tu tập, không có công phu an định, có thể bị [chúng kích thích làm] nảy sinh những hệ quả không tốt, cho nên đức Phật dạy phải tránh đi. Năm thứ rau có mùi vị cay nồng này [gọi là *ngũ vị tân*].

Kinh Lăng Nghiêm cũng nói rất rõ ràng, [những thứ này] ăn sống rất dễ kích thích làm cho người nóng nảy, bồn chồn. Cho nên đức Phật khuyên dạy những người mới học đạo phải biết gìn giữ tâm tính lương thiện hiền hậu. Các món ăn vào có ảnh hưởng đến tâm tính [là như thế].

Ăn chay là gìn giữ được tâm từ bi, vì không ăn thịt chúng sinh. Như vậy thức ăn sạch sẽ tinh khiết, bảo vệ được sinh lý thể chất, bảo vệ tính tình, bảo vệ tâm tánh, thật là một sự lựa chọn tốt đẹp nhất, là phép dưỡng sinh tốt nhất vì nuôi dưỡng được cả thể chất, tính tình, tâm tánh. [Nên quyết định ăn chay là] khôn ngoan, rất có học vấn.

Từ [việc ăn chay] này mà khởi sinh lòng thương yêu bảo

vệ hết thấy chúng sinh, hoan hỷ quan tâm đến hết thấy chúng sinh một cách vô điều kiện, giúp đỡ hết thấy chúng sinh. Tâm Bồ-đề cũng từ đây mà sinh khởi.

Đức Phật thường khuyên chúng ta phát tâm Bồ-đề, nhưng tâm Bồ-đề của chúng ta không biết từ đâu khởi phát? Tâm Bồ-đề phải từ trong tâm thương yêu mà khởi phát, tâm thương yêu đó không kèm theo bất kỳ điều kiện gì. Tâm thương yêu có điều kiện không phải là tâm Bồ-đề. Tâm thương yêu vô điều kiện mới là tâm Bồ-đề.

Tâm thương yêu vô điều kiện thật khó khởi phát. Khó ở điểm nào? Khó vì chúng ta không hiểu rõ được chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Nếu quý vị hiểu rõ được thì tâm Bồ-đề sẽ tự nhiên khởi phát.

Thế nào là chân tướng của nhân sinh vũ trụ? Đó là hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không cũng chính là bản thân mình. Đó là chân tướng. Tôi nói như thế thì mọi người đều hiểu rõ. Trong kinh Phật cũng nói ý nghĩa này thì mọi người nghe qua rất khó thể hội. Trong kinh Phật nói như thế nào? Nói rằng: *“Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân.”* (Ba đời mười phương Phật, cũng đồng một pháp thân.) Câu này vừa mới nghe qua không hiểu rõ được. Tôi đem câu ấy biến hóa đi một chút, thành: *“Hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không cũng chính là bản thân mình.”* Quý vị thử nghĩ xem, khi nào quý vị thể hội được ý nghĩa câu này, khi nào quý vị thừa nhận, khẳng định được điều này, thì tâm thương yêu của quý vị sẽ tự nhiên khởi phát. Tâm thương yêu đó chính là tâm từ bi bình đẳng, là tâm Bồ-đề chân chính.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 39

(Giảng ngày 27 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 40, số hồ sơ: 19-012-0040)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Câu thứ 19 trong *Cảm ứng thiên* gồm hai chữ: “*Trung hiếu*.” Hai chữ này trong thực tế là căn bản của sự cảm ứng đức hạnh. Cho nên, chú giải của phần này là đoạn phong phú nhất trong toàn bản văn. Bản sách tôi đang dùng có khác biệt với bản mà quý vị đang có. Bản của tôi [riêng phần chú giải này] có tổng cộng 17 tờ, mỗi tờ 2 trang [là 34 trang], qua đó có thể thấy các bậc cổ đức đối với hai chữ “*trung hiếu*” cực kỳ xem trọng.

Nói về “*trung hiếu*”, hiếu là căn bản của sự thành kính. Phật pháp được xây dựng trên nền tảng đạo hiếu. Ở Trung quốc từ xưa đến nay, nền giáo dục của Nho gia cũng lấy trung hiếu làm tâm điểm. Cho nên, trong việc học tập thì thế nào gọi là giáo dục? Chỉ hai chữ trung hiếu là đủ rồi. Đó là những phẩm tính không thể không biết đến, cho nên phải học chữ *trung*, phải tận chữ *hiếu*. Người xưa dạy rằng: “*Làm bầy tôi phải tận trung, làm con phải tận hiếu, đó là lẽ thường của trời, là căn bản giống mỗi của người.*” Phần mở đầu của chú giải là những câu này.

“*Làm bầy tôi phải tận trung.*” Câu này phải dùng ngôn ngữ hiện đại để giải thích. Đức Phật dạy chúng ta “*y nghĩa bất y ngữ*” (nuông theo ý nghĩa, không nương theo câu chữ.) Câu này nói lên ý nghĩa rất hay, quý vị cần hiểu rõ được ý nghĩa trong đó. Vì lời nói, câu chữ tùy theo thời đại mà biến đổi, nhưng ý tứ trong đó là nguyên tắc, là cương lĩnh, nên vĩnh viễn không thay đổi.

Trong quá khứ, vào thời đại phong kiến, “bây tôi phải tận trung” là nói những kẻ phò vua phải tận trung với vua. Theo ngôn ngữ hiện đại mà nói thì thuộc cấp phải tận trung với người lãnh đạo. Ý nghĩa này suy rộng ra là những ai vì nhân dân phục vụ đều phải tận trung. Ý nghĩa này thì quý vị càng hiểu rõ hơn. Chúng ta phục vụ là có đối tượng để phục vụ. Đối tượng đó là ai? Đối tượng đó là nhân dân. Chúng ta vì nhân dân phục vụ, vì hết thảy chúng sinh phục vụ, phải biết tận trung.

“*Làm con phải tận hiếu.*” Câu này rất dễ hiểu. Muốn tận trung phải dựa vào tận hiếu làm căn bản. Nếu có người không thấu hiểu được đạo hiếu thì người ấy làm sao có thể tận trung? Cho nên, hiếu là “*lẽ thường của trời, là căn bản giềng mối của người*”.

Lòng trung là ý nghĩa lớn trong đạo làm người. Quý vị xem chữ viết của Trung quốc, chữ trung (忠) là [gồm hai chữ] trung (中) và tâm (心), nên tâm của quý vị phải chân chánh ngay thẳng, phải ở giữa, không được thiên lệch [sang hai bên], không được tà vạy [cong queo].

Người xưa vì chúng ta giải thích đó là “*thành kính*”, thành kính là tướng mạo bên ngoài. Cũng nói: “*Không khởi sinh ý niệm nào, đó gọi là thành.*” Do đó ta có thể hiểu được, “*trung tâm*” (tâm chân chánh ngay thẳng) cũng là “*nhất tâm*”. [Phân tán thành] hai tâm là không còn chân chánh ngay thẳng, tâm phân tán là đã có thiên lệch.

Tâm chân chánh thì không khởi sinh bất kỳ ý niệm nào. Khởi sinh bất kỳ ý niệm nào thì tâm không còn chân chánh ngay thẳng. Do đó có thể biết rằng, chữ trung này là sự thành kính hết mức. Chân thành cung kính đến mức cùng cực, đó gọi là trung. Nền giáo dục của Nho giáo, của Phật giáo đều dạy như vậy. Đó là lẽ thường của trời. Thường ở đây là đạo thường, thường còn không biến đổi. Trong Phật pháp thì

đó là sự thường tồn của tánh pháp, pháp vốn luôn như vậy. Người có thể giữ theo đạo thường, đó gọi là Phật, đó gọi là Bồ Tát. Đánh mất đạo thường, trái ngược với đạo thường, đó gọi là chúng sinh, gọi là phàm phu. Có thể thấy rằng, thánh hay phàm đều từ một chỗ này mà khởi lên ý niệm sai biệt.

“*Căn bản giềng mối của người*”, đó là căn bản làm người. Nói cách khác, hai chữ trung hiếu này nếu chưa làm được thì giềng mối căn bản của người đã mất, cho dù vẫn mang hình trạng như người, vẫn có hình dáng con người, nhưng trong thực tế kẻ ấy có phải là người hay chẳng? Thật không phải người, chỉ đội lốt người mà thôi.

Đại sư Thiên Thai¹ giảng kinh Pháp Hoa, đem mười pháp giới giảng rộng thành “*bách giới, thiên như*” (một trăm cảnh giới, một ngàn như thị). Một trăm cảnh giới đó từ đâu mà có? Trong mỗi một pháp giới đều có đủ mười pháp giới. Ví dụ như ta đang sống trong pháp giới người, trong pháp giới người này lại có Phật trong cõi người. Thế nào là Phật trong cõi người? Đối với hai chữ “trung hiếu” đều làm được trọn vẹn, đầy đủ, không mảy may khiếm khuyết, đó là Phật trong cõi người. Bồ Tát trong cõi người thì đối với hai chữ “trung hiếu” chỉ làm được năm phần trở lên, chưa được trọn vẹn. Đó là Bồ Tát trong cõi người, là Duyên giác, Thanh văn trong cõi người.

Hai chữ “trung hiếu” này, mười phần thực hiện được một, hai phần, đó gọi là người trong cõi người, mới đáng xem là người. Có thể làm được bốn, năm phần thì đó là chư thiên trong cõi người. Nếu như không làm được, hoặc làm trái ngược, thì đó là súc sinh, là ngạ quỷ trong cõi người. Hoàn toàn trái ngược với trung hiếu, hết sức ngỗ nghịch [với cha mẹ], đánh mất đạo hiếu, đó là địa ngục trong cõi người.

¹ Tức Đại sư Trí Khải (538-597), cũng được gọi là Đại sư Trí Giả. Ngài trụ ở núi Thiên Thai nên thường được gọi là Đại sư Thiên Thai.

[Trong mười pháp giới,] mỗi một pháp giới đều có đủ mười pháp giới, cho nên cả thảy là một trăm pháp giới. Mỗi một pháp giới này lại đều có đủ mười *như thị*, cho nên gọi là “*bách giới, thiên như*” (một trăm cảnh giới, một ngàn như thị).

“*Bách giới thiên như*” nói lên một nguyên tắc, một chân tướng sự thật. Ví như mở rộng lần nữa, trong một trăm pháp giới, mỗi pháp giới đều có mười pháp giới, vậy là có đến ngàn pháp giới. Cho nên, [cứ tiếp tục mở rộng như vậy thì] số pháp giới là vô lượng vô biên.

Pháp giới từ đâu mà có? Từ trong vọng tưởng, phân biệt, bám chấp của chúng ta mà biến hiện khởi sinh, vô lượng vô biên pháp giới, biến ảo khôn cùng. Nhưng trong sự biến ảo đó có một nguyên tắc bất biến. Nguyên tắc đó chính là trung hiếu. Cho nên, trong *Cảm ứng thiên*, phần chú giải hai chữ “trung hiếu” chiếm số trang rất lớn. Đó là sự từ bi, thương yêu bảo hộ của chư vị đại đức thuở xưa, chỉ sợ chúng ta đối với hai chữ “trung hiếu” này nhận thức không được rõ ràng.

Học vấn thế gian hay xuất thế gian, có thể thành tựu hay không, điểm mấu chốt đều nằm ở hai chữ này. Tu hành có thể chứng quả hay không, điểm mấu chốt cũng ở hai chữ này. Quý vị nói xem, thật trọng yếu biết bao!

Phần chú giải bên dưới có mấy câu, chúng ta hãy đọc qua, ý tứ sâu rộng vô cùng: “Ví như làm bề tôi bất trung thì vua mong đợi gì ở bề tôi? Làm con bất hiếu thì cha [mẹ] mong đợi gì ở con? Súc sinh cầm thú còn không như vậy, sao có thể gọi là người?”

Mấy câu này, người thời nay nghe qua ắt sẽ lắc đầu, nghe qua không chịu được. Người thời nay không cho những điều đó là đúng, cho là đã lạc hậu rồi, rằng đó là văn hóa cũ, cần phải đào thải. Chính những kẻ mang quan niệm [xem thường trung hiếu] như vậy, có hành vi như vậy, nên mới chiêu cảm tai nạn lớn lao đến với thế gian này. Người hiểu rõ được về

trung hiếu, hiểu rõ được ý nghĩa này, hiểu rõ được chân tướng sự thật, chẳng những không dám làm điều sai trái xằng bậy, cho đến một ý niệm suy tưởng tà vạy cũng không chấp nhận, có chỗ nào để tạo thành nghiệp? Huống chi lại tạo tội nghiệp cực trọng [là bất hiếu bất trung]?

Ý nghĩa này quý vị đồng học phải suy đi ngẫm lại nhiều lần, quan sát nhiều lần, lưu tâm nhận hiểu kỹ, sau đó mới biết được những lời răn dạy của thánh nhân là hết sức chân chánh, hết sức tốt đẹp. Chúng ta tuyệt đối không được mê mờ theo thế tục. Mê theo thế tục sẽ chiêu cảm quả báo khổ não không cùng tận.

Quý vị đã biết, có rất nhiều lời tiên tri cổ xưa cũng như hiện nay, trong nước cũng như ngoài nước, đều tập trung nói về thời đại này, đều nói rằng thế gian này sẽ có tai kiếp. Chúng ta là người học Phật, không tin vào những lời tiên tri. Người học Phật chỉ tin vào nhân quả. Nhân như thế, quả như thế, thọ báo như thế. Đức Phật không nói lời tiên tri, ngài nói về nhân quả. Người làm thiện nhất định được quả thiện, người làm ác nhất định phải chịu quả báo ác. Nhân quả báo ứng không mảy may sai lệch.

Trung hiếu là hiền thiện, là căn bản quan trọng của hiền thiện. Những chữ này không thể không giảng nhiều, vì cần phải nhận hiểu thật rõ ràng. Hai chữ trung hiếu, trong nguyên tắc chế tác chữ viết của Trung quốc thì đều thuộc loại hội ý,¹ theo đó chữ viết là một ký hiệu để nhận biết, biểu trưng ý nghĩa. Quý vị nhìn thấy ký hiệu ấy thì hiểu được ý nghĩa hàm chứa trong đó.

Cho nên, chữ trung (忠) gồm hai chữ *trung* (中), *tâm* (心), [là đặt tâm ở giữa,] không thiên lệch nghiêng ngả, [hàm ý] dạy chúng ta biết phải dụng tâm như thế nào. Ở giữa là

¹ Chữ viết Trung quốc được chế tác theo sáu nguyên tắc chính gọi là lục thư, bao gồm: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hài thanh, giả tá và chuyển chú.

chân tâm, thiên lệch là vọng tâm, chữ này [hàm nghĩa] dạy chúng ta phải dùng chân tâm. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm. Các vị thanh văn, duyên giác dùng tâm tương tự như chân tâm, chưa đạt đến mức thuần chân. Phàm phu trong sáu đường đều dùng vọng tâm, không chân thật. Cho nên, ý nghĩa này hết sức sâu xa.

Chữ hiếu [hàm nghĩa] dạy chúng ta thể hội chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật có hình dạng thế nào? Chúng ta xem hình dạng chữ hiếu (孝), phần trên là chữ lão (老), phần dưới là chữ tử (子), ý nghĩa hàm chứa trong đó nói với chúng ta rất rõ ràng. Thế hệ trước và thế hệ sau hợp nhất một thể, đó là hiếu. Thế hệ trước với thế hệ sau chia rẽ, đó là bất hiếu. Từ ý nghĩa này suy rộng ra, thế hệ trước vẫn còn thế hệ trước nữa, đi sâu vào quá khứ không có khởi đầu. Thế hệ sau vẫn còn thế hệ sau nữa, tương lai không cùng tận. Không có khởi đầu, không có kết thúc, đó là một thể.

Đó là hiện tượng gì? Chẳng phải là trong kinh điển đức Phật đã dạy chúng ta về tự tánh, pháp thân đó sao? Trong kinh điển Đại thừa thường nói: *“Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân.”* (Ba đời mười phương Phật, đều cùng một pháp thân.) Đây là chú giải hay nhất cho chữ này. Chữ hiếu có ý nghĩa gì? Đó là *“Ba đời mười phương Phật, đều cùng một pháp thân.”* Cho nên tôi thường nói: *“Hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không đều là chính bản thân mình.”* Đó là chữ hiếu.

Một ký hiệu [như chữ hiếu (孝)] nói rõ được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Thấu hiểu, sáng tỏ được chân tướng ấy là quý vị nhận thức được hiếu đạo.

Hai chữ [trung hiếu] cùng hợp lại là Phật pháp viên mãn, trọn vẹn đầy đủ. Hết thấy kinh điển đức Phật Thích-ca thuyết giảng trong 49 năm nói lên điều gì? Chỉ hai chữ trung hiếu này thôi. Không chỉ là hết thấy các pháp đức Thế Tôn thuyết

giảng đều không xa lìa hai chữ này, cho đến Pháp tạng vô tận mà chư Phật ba đời mười phương thuyết giảng, cũng chỉ là hai chữ này thôi. Hai chữ này làm sao nói hết được? [Ví như] chư Phật Như Lai cùng lúc thuyết giảng, cùng nhau thuyết giảng, thuyết giảng trong vô lượng kiếp, vẫn không nói hết được hai chữ này.

Chúng ta đối với phần ý nghĩa cạn cợt thô thiển của hai chữ này còn không hiểu nổi, nên chẳng lạ gì công phu tu học không hiệu quả, học kinh nghe pháp không thể khai ngộ.

Học kinh nghe pháp không thể khai ngộ, đó là đối với hai chữ này không nhận thức được. Tu hành, niệm Phật, công phu không hiệu quả, đó là đối với ý nghĩa của hai chữ này không làm được một mảy may nào. Cho nên, nhận thức được hai chữ này, quý vị sẽ khai ngộ. Thực hành được ý nghĩa hai chữ này, quý vị có thể tu hành chứng quả. Vì thế, đối với hai chữ này chúng ta cũng phải dành nhiều thời gian hơn để giảng giải, giới thiệu với quý vị đồng tu. Trong thực tế, những gì tôi hiểu được cũng không nhiều, tôi chỉ thể hội mấy phần, cũng chỉ làm được đến một, hai phần mà thôi.

Phần chú giải nói tiếp: “Con người dù đáng sinh về cõi tiên, cũng phải trải qua rất nhiều năm. Chỉ riêng với người chí trung chí hiếu thì hôm nay qua đời, ngày mai đã sinh về cõi trời. Người ta biết rằng trung hiếu là tiết hạnh quan trọng của kẻ bầy tôi, con cái, nhưng đâu biết rằng đó còn là gốc của sự siêu độ.”

Câu này rất hay, rất đúng, không sai. Đó là nói việc gì? Nói về sự tu hành. *Cảm ứng thiên* là bản văn của Đạo giáo. Mục tiêu sự tu hành của Đạo giáo là sinh về cõi trời, được lên sống cùng các bậc thần tiên, cũng rất khó đạt được. Sinh về cõi trời không phải chuyện đơn giản. Trong Phật pháp dạy rằng [muốn sinh về] các cõi trời Dục giới thì phải tu mười nghiệp lành, bốn tâm vô lượng. [Muốn sinh về] các cõi trời

thuộc Sắc giới còn phải tu tứ thiên, bát định. Nhưng người đời nếu có thể tận trung tận hiếu, không cần phải tu hành, sau khi chết tự nhiên được sinh về cõi trời. Lời này là đúng thật. Người chí trung chí hiếu, sinh về cõi trời cũng có phẩm vị cao.

Nói cách khác, nếu là người bất trung bất hiếu, dù có tu mười nghiệp lành, bốn tâm vô lượng, cũng không thể sinh về cõi trời. Cùng một ý nghĩa như vậy, người bất trung bất hiếu, dù niệm Phật cũng không thể vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Quý vị ở Niệm Phật Đường thành tâm thành ý niệm Phật, mỗi ngày niệm đến mười vạn câu Phật hiệu, [nếu bất trung bất hiếu] như vậy vẫn không thể vãng sinh.

Cho nên, hai chữ trung hiếu không chỉ là căn bản làm người, mà cũng là căn bản cực kỳ quan trọng của việc tu hành, nhất định không thể sơ sót bỏ qua. Đối với hai chữ trung hiếu này, chúng ta cần phải dành nhiều thời gian nghiên cứu thảo luận.

Bài giảng thứ 40

(Giảng ngày 28 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 41, số hồ sơ: 19-012-0041)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến phần về “*trung hiếu*”. Hai chữ trung hiếu này, bất kể là xét từ góc độ văn hóa vốn có của Trung quốc hay từ góc độ Phật pháp Đại thừa, đều thuộc về cái học nuôi tâm dưỡng tính. Hai chữ *trung hiếu* (中孝) này, trong sáu cách chế tác chữ viết của Trung quốc (lục thư) thì thuộc vào loại chữ *hội ý*, có nghĩa là khi nhìn vào hình dạng chữ ta có thể thấy được ý nghĩa hàm chứa trong đó.

Ý nghĩa của chữ tâm rất khó nhận hiểu rõ. Trong kinh Lăng Nghiêm mọi người đều đã thấy, trong đoạn mở đầu đức Thế Tôn đã hỏi ngài A-nan tâm ở tại đâu? Hoàn toàn không nói rõ chân tâm hay vọng tâm, ngài A-nan so với chúng ta thông minh hơn nhiều, đã nêu ra bảy vị trí của tâm, nhưng đều bị đức Thế Tôn bác bỏ.

Đoạn kinh văn này rất dài, người xưa phân chia thành “*thất xứ trung tâm*” (nêu tâm ở bảy nơi). Lại cũng có người phân chia thành “*thất phiên phá xứ*” (bảy phen phá chỗ [sai lầm]). Phân chia như vậy đều có ý nghĩa.

Tâm chẳng những không thể tìm thấy được, mà đối với tâm thậm chí cũng không có cách gì nghĩ tưởng ra. Cho nên, trong kinh Phật thường dùng 8 chữ để hình dung tâm là: “*Bất khả tư nghị, tâm hành xứ diệt.*” (Không thể nghĩ bàn, dứt hết mọi ý niệm.) Tám chữ này có thể nói lên được một phần nào đó tương tự với tâm.

Nhà Nho, nhà Phật nói đến tâm đều là nói chân tâm, đều

là nói về bản tánh. Chân tâm, bản tánh biến hiện khắp mọi nơi, nên trong Phật pháp nói rằng tâm bao trùm khắp cả hư không.

Kinh Lăng Nghiêm đặc biệt giảng đến mức thấu triệt: Hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều “*duy tâm sở hiện*” (chỉ do tâm hiển hiện). Cho nên, tâm có khả năng biến hiện, mà hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều là đối tượng do tâm biến hiện ra. Cũng giống như khi ta nằm mộng.

Chúng ta ai cũng từng trải qua kinh nghiệm nằm mộng. Trong mộng cũng có hư không, cũng có pháp giới, cũng có hết thấy chúng sinh, [tất cả những thứ ấy] từ đâu hiện đến? Người đời hiện nay nói rằng đó là do trong tâm ý thức biến hiện thành cảnh mộng. Nói như vậy không sai. [Nhưng] tâm ý thức đó là vọng tâm, trong Phật pháp gọi là thức [thứ sáu] hay ý thức, biến hiện ra những cảnh trong mộng. Còn đối với hoàn cảnh thực tại của chúng ta, đối với thực tại chúng sinh đó đây trong các pháp giới cùng khắp hư không, thì mấy ai biết được đó chính là những thứ do chân tâm, bản tánh của chúng ta biến hiện? Điều này không ai hiểu được.

Tâm không có hình tướng, nhưng tâm có khả năng hiện ra hình tướng. Tâm khởi lên tác dụng thì có khả năng đem hết thấy các hiện tượng như vậy mà tùy tiện xoay vần biến hóa. Cho nên mới nói, do thức biến hiện mà có y báo, chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới. Thức là gì? Thức là ý niệm. Ý niệm là tác dụng của tâm. Tâm khởi lên tác dụng thì gọi là ý niệm.

Chữ niệm cũng thuộc loại chữ hội ý. Quý vị xem trong chữ viết của Trung quốc, chữ niệm (念) gồm chữ kim (今) [ở trên] và chữ tâm (心) [ở dưới], có nghĩa là “tâm hiện nay” của quý vị. Tâm hiện nay của quý vị đang động [mới có ý niệm]. Cho nên, đức Phật dạy: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng*

sinh.” (Hết thấy các pháp đều từ tâm tưởng sinh ra.) Tâm tưởng ở đây cũng chính là ý niệm.

Tâm khởi lên tác dụng, làm thế nào vận dụng tác dụng ấy một cách hoàn toàn chân chánh? Cách vận dụng tâm của các bậc thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian đều hoàn toàn chân chánh. Chư Phật, Bồ Tát cũng vận dụng tâm hoàn toàn chân chánh. Hoàn toàn chân chánh cũng chính là đức trung. Bên trên chữ tâm (心) nếu không thêm bất kỳ chữ nào khác thì đó là biểu hiện chính xác của tâm. Nếu có thêm chữ khác, đó là biểu thị tác dụng của tâm. Chữ *trung* (忠) [gồm có chữ *trung* (中) nằm phía trên chữ tâm (心) nên] biểu thị cách vận dụng [tâm] chân chánh, không có bất kỳ lỗi lầm, sai trái nào, đó gọi là *trung* (忠). Chúng ta cần phải hiểu rõ. Cho nên, ý nghĩa này thật sâu rộng vô cùng.

Trong sách Đại Học của Nho gia dạy người phải “*thành ý, chánh tâm*”. *Thành ý* là bản thể của tâm, *chánh tâm* là tác dụng của tâm. Phải dùng tâm một cách chân chánh. Chân chánh đó là *trung*. Chỉ có điều, chúng ta hiện nay đều là phàm phu, đâu nhận biết được tâm?

Thiền tông có câu nói rất hay: “*Đối với người nhận biết được tâm, thế giới này không một tác đất.*” Chư Phật Như Lai dạy bảo chúng ta không gì khác hơn là nhận biết được tâm. Nhận biết được tâm thì quý vị đã thành Phật rồi. Do đó có thể biết rằng, trừ ra chư Phật, Bồ Tát, không ai khác có thể nhận biết được tâm. Các vị thanh văn, duyên giác chưa hề “*minh tâm kiến tánh*” (sáng rõ được tâm, thấy được tự tánh). Nói cách khác, các vị này vẫn còn chưa nhận biết được tâm, huống chi những người tu hành còn thấp hơn nữa.

Tâm khởi lên tác dụng, thành ra tư tưởng, thành ra kiến giải. Những tư tưởng, kiến giải đó đều là sai lầm. Sai lầm ở chỗ nào? Nhà Phật dạy rằng, [những tư tưởng, kiến giải đó đều đã bị] chướng ngại bởi vô minh, bị khuấy động bởi phiền

não. Đạo Phật nói như vậy, Nho gia cũng nói như vậy. Cho nên, đạo Phật, đạo Nho khi bàn đến việc tu hành đều nói trước hết phải dứt trừ phiền não, sau đó mới khai mở được trí tuệ. Trí tuệ khai mở rồi, quý vị mới nhận biết được tâm. Cương lĩnh tiết mục của nền giáo dục Nho giáo cũng nói như vậy, đó là “*cách vật trí tri*” (quan sát đối tượng để đạt đến sự hiểu biết). Hai chữ “*cách vật*” (quan sát đối tượng) thật trọng yếu biết bao! Chúng ta ngày nay công phu tu học không đạt hiệu quả, chính vì không từ chỗ này hạ thủ công phu, khởi sự tu tập, không làm gì cả.

Chữ vật [trong “*cách vật*”] đó là gì? Là tham muốn dục vọng, là vật dục. Hết thấy chúng sinh đối với vật dục đều tham luyến, bám chấp sâu sắc. Quả báo của sự tham muốn đó là đời đời kiếp kiếp tạo thành luân hồi, tạo thành ba đường ác.

Cho nên, quý vị tu hành nếu muốn thành tựu thì phải buông xả năm dục sáu trần cho hết sạch, như vậy mới có lối thoát. Không chỉ là không được tham muốn các pháp thế gian, cho đến pháp Phật cũng không được tham muốn. Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “*Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp.*” (Pháp còn phải buông xả, huống chi những gì không phải pháp.)

Chúng ta thử nghĩ xem, vì sao bản thân mình [tu hành] không thể thành tựu? Vì sao vẫn tạo nghiệp địa ngục? Có nhiều người học Phật tạo nghiệp địa ngục, tôi đã nhìn thấy rất nhiều. Hiện nay tạo nghiệp địa ngục, tương lai nhất định phải chịu quả báo trong địa ngục. Không biết được quả báo là đáng sợ nên mới dám tạo nghiệp, nên khởi tâm động niệm đều nghĩ việc riêng tư, giành lợi riêng cho mình, khởi tâm động niệm đều lừa dối chúng sinh, lừa dối Phật, Bồ Tát. Đó gọi là dối mình dối người. Người như vậy dùng tâm gì [để tu tập]? Dùng tâm như vậy [tu tập] làm sao có thể thành tựu?

Dùng tâm như thế mà làm việc tốt thì cũng có quả báo. Quả báo tại đâu? Quả báo [đi vào] trong ba đường, sáu nẻo mà nhận lãnh.

Nếu như không giữ trọn năm giới và mười nghiệp lành. Nói thật ra, người giữ trọn năm giới và mười nghiệp lành không nhiều. Trước hết là không thành thật. Trong năm giới có giới không nói dối. Trong mười nghiệp lành cũng dạy không nói dối, không nói lời ác độc, không nói hai lưỡi, không nói lời trau chuốt vô nghĩa. Chúng ta tự nghĩ xem bản thân mình có phạm vào [nói dối] hay không? Nếu có, kinh Địa Tạng đã nói rất rõ ràng, quý vị làm sao tránh khỏi địa ngục kéo lưới?¹ Không cần nói đến việc thực sự nói dối, chỉ cần khởi lên ý niệm gian dối là đã tạo nghiệp rồi. Điều này từ trước chúng ta đã đọc qua không ít, nhưng khởi tâm động niệm vẫn đang tạo nghiệp. Tự thân mình nếu muốn được quả báo tốt đẹp thì đâu có chuyện như thế?

Trước đây khi tôi thuyết giảng ở Houston (Texas), có gặp Thái lão cư sĩ, con trai của Lão cư sĩ Thái Niệm Sinh,² cùng dùng cơm với nhau, bàn đến việc vì sao tu học không thể thành tựu, ông nói một câu rất hay: *“Người công phu tu tập không thể thành tựu, nguyên do là không biết xấu hổ.”* Tôi nghe qua rồi suy ngẫm câu này rất sâu. Quả thật là do không

¹ Địa ngục kéo lưới (Bạt thiết địa ngục): quả báo phải nhận lãnh của những người nói dối. Tội nhân trong địa ngục này bị hành hình bằng cách kéo lưới dài ra.

² Thái Niệm Sinh (1901-1992): tự Cống Chi, hiệu Niệm Sinh, pháp danh Khoan Vận, người ở Liêu Đông, Phượng Hoàng. Cư sĩ bắt đầu tin học Phật từ năm 21 tuổi, đến 23 tuổi thì bắt đầu ăn chay, giữ trai giới đến trọn đời, dù đi lại nhiều nơi, kể cả xuất ngoại, cũng đều không thay đổi. Ông có kiến thức Phật học uyên thâm, thế học uyên bác. Từ lúc đảm nhận việc tu chỉnh Trung Hoa Đại Tạng Kinh trong vai trò Tổng biên tập, ông dành đến 20 năm để chuẩn bị, thu thập rồi mới tiến hành việc biên tập, hiệu đính, xuất bản, được nhiều người thừa nhận là loại bỏ được sai sót, khôi phục được những chỗ bất toàn.

biết xấu hổ. Nho gia nói: “*Biết xấu hổ là gần đạt đức dũng.*” *Dũng* là tinh tấn không lùi nhát. Vì sao không thể tinh tấn? Vì không biết xấu hổ.

Hôm đó chúng tôi trò chuyện cũng đi đến một kết luận cụ thể, hy vọng có thể vận động thúc đẩy khuynh hướng “*biết xấu hổ*”. Tôi còn nghĩ đến việc hình thành một học hội “*biết xấu hổ*”. Biết xấu hổ chính là nền tảng căn bản của các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian. Bồ Tát biết xấu hổ, nhờ đó các ngài có thể thành Phật. Thanh văn, duyên giác biết xấu hổ, nhờ đó các ngài có thể tinh tấn.

Thế nào gọi là biết xấu hổ? Tự thấy mình không [thành tựu] bằng người khác là đáng xấu hổ. Phải dựa theo người nào làm tiêu chuẩn [so sánh]? Phải lấy chư Phật, Bồ Tát làm tiêu chuẩn [so sánh]. Chúng ta mỗi mỗi đều không sánh bằng chư Phật, Bồ Tát, đó là điều rất đáng xấu hổ. Phải hướng theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập. Chư Phật, Bồ Tát thân tâm đều thanh tịnh, hết thấy các pháp thế gian cũng như xuất thế gian đều buông bỏ hết sạch. Các ngài có thể làm được như vậy, chúng ta vì sao không làm được? Chúng ta vì sao vẫn cứ tham lam, vướng mắc, vẫn cứ liều mạng mưu cầu [đủ thứ]? Thật sai trái!

Phật pháp dạy về cách dụng tâm đều khuyên người phát tâm Bồ-đề. Trong tâm Bồ-đề thì giảng về tâm ngay thẳng, tâm chí thành. Đó là *hiếu*. Tâm chân thành hết mức, đó là chân tâm, đó là bản tánh, là bản thể của tâm Bồ-đề. Tâm tánh khởi lên tác dụng liền có phần đối với tự thân, có phần đối với người khác. Đối với tự thân là tâm sâu vững. Tâm sâu vững là tâm tự làm lợi ích cho mình. Đối với người khác là tâm đại bi. Tâm đại từ bi là tâm làm lợi ích cho người khác. Cho nên, tâm sâu vững với tâm đại từ bi đều là ý nghĩa của chữ *trung*. Tâm của quý vị khởi lên tác dụng [sâu vững, từ bi] như vậy là đúng, là hoàn toàn chân chánh không tà vạy. Thế

nào gọi là tâm sâu vững? Bậc cổ đức giải thích là “hiếu đức hiếu thiện” (yêu thích đức độ, hiền thiện). Cách giải thích này không sai, đó là tâm yêu thích đức độ, hiền thiện.

Thế nào gọi là đức độ? Phần trước đã giảng qua, giữ gìn tâm là đức. Giữ gìn tâm nào? Chúng tôi đem những lời răn dạy của các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian gom lại thành 10 chữ: “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Trong tâm thường gìn giữ [những phẩm tính] như 10 chữ này thì đó là tâm sâu vững, đó là tự mình được lợi lạc. Quý vị nếu thường gìn giữ theo 10 chữ này thì tự nhiên được khỏe mạnh sống lâu, tâm tư tình cảm luôn vui thích khoan khoái, người thế gian gọi là được hạnh phúc mỹ mãn, biểu hiện rõ ra bên ngoài. Bao nhiêu lo âu, phiền não, tội nghiệp của quý vị cũng có thể được tiêu trừ.

Nếu như trái ngược với [những phẩm tính trong] 10 chữ này, đó là quý vị tạo nghiệp, quý vị không thể lìa khỏi phiền não, không thể lìa khỏi lo âu, không thể lìa xa nghiệp ác. Tâm giữ theo được 10 chữ này, đó là có đức độ. Phần trước đã giảng qua về “*tích đức [lũy công]*”. Mỗi một ý niệm đều không quên 10 chữ này, đó là “*tích đức*”, khỏi tâm đại bi làm lợi lạc người khác, đó là “*lũy công*”.

Nếu quý vị thật có *tích đức*, thì đức biểu hiện ở đâu? Biểu hiện ra bên ngoài qua hình tướng của quý vị. Người xưa gọi đó là: “*Thành ư trung nhi hình ư ngoại*.” (Trong lòng chân thành thì biểu hiện ra hình tướng bên ngoài.) Tướng mạo, hành vi, thái độ của quý vị sẽ biểu hiện hoàn toàn [những phẩm tính trong] 10 chữ này ra bên ngoài, trên vẻ mặt của quý vị. Phật pháp dạy rằng: “*Lục căn môn đầu phóng quang động địa*.” (Từ cửa ngõ sáu căn phóng xuất hào quang chấn động cõi đất.) Điều gì phóng xuất hào quang? Là [những phẩm tính trong] 10 chữ này phóng xuất hào quang. “*Chấn động cõi đất*” là nói việc làm cảm động người khác.

[Giữ theo 10 chữ này thì] tướng mạo, ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ của quý vị tự nhiên hiển lộ ra bên ngoài các phẩm tính “*nhìn thấu, buông hết, tự tại, tùy duyên*”. Tám chữ này cũng là phóng xuất hào quang chấn động cõi đất. Tu tập thêm pháp niệm Phật nữa thì đó là không thể nghĩ bàn. Như vậy mới đạt đến cứu cánh viên mãn, rốt ráo trọn vẹn.

Đối với 10 chữ này, tôi nghĩ quý đồng học mỗi người đều thấu hiểu hết sức rõ ràng, đều có thể nói ra rành mạch. Chỉ có điều là không hề ghi khắc trong tâm, không đem áp dụng trong hành vi ứng xử, do đó mà công phu vẫn luôn không đạt hiệu quả, vẫn luôn tạo nghiệp luân chuyển sáu đường. Nói sáu đường là [nhẹ đi] cho dễ nghe, chứ trong thực tế đó là tạo nghiệp đi vào ba đường ác, vậy thì thành tựu được gì?

Về việc chúng ta học Phật trong những năm gần đây, ngày hôm kia đại sư Trần có hỏi tôi rằng cương lĩnh tu tập hiện nay là gì. Tôi bảo ông ta là chúng ta có cương lĩnh chung gồm tám chữ: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*.” (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.) Còn mục đích [cụ thể của việc học Phật] là “*tri ân báo ân*” (biết ơn, đền ơn), đưa việc “*biết ơn, đền ơn*” này vào thực tiễn đời sống.

Người học Phật chúng ta ngoài miệng luôn nói đến việc biết ơn đền ơn, mỗi ngày đều tụng niệm [lời nguyện] “*trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường*”, nhưng bốn ơn nặng là gì thì không biết! Cha mẹ đối với ta có ơn gì? Thầy cô có ơn gì? Đất nước, xã hội có ơn gì? Hết thầy chúng sinh đối với ta có ơn gì? Máy ai biết được những điều này? Không biết thì thật đáng xấu hổ. Biết mà không làm được cũng thật đáng xấu hổ. Cần phải thực sự nhận biết, hiểu rõ những điều đó.

Phật pháp dạy chúng ta [tu học] phải đủ các bước “*tín, giải, hành, chứng*” (tin nhận, hiểu rõ, thực hành, chứng đắc). Quý vị vì sao không làm được? Chỉ vì quý vị không hiểu rõ, không nhận thức được thấu suốt. Nếu quý vị hiểu rõ thấu

suốt, nhất định sẽ làm được, không cần người khác khích lệ, không cần người khác cưỡng ép, chỉ tự mình tự động làm được.

Cũng có khi [quý vị] hiểu nhưng không hiểu được sâu, không hiểu được thấu suốt. Vì sao có trường hợp này? Vẫn chỉ là một câu đã nói, là do không ham học, không chịu học, như vậy thì hết cách!

Ai là người có thể học hỏi thấu đáo? Là người ham học, mới có thể học hỏi thấu đáo. Năm xưa tôi ở Đài Trung, gần gũi Lý lão sư, vào lúc ấy còn chưa xuất gia. Tôi gần gũi thầy Lý được một năm ba tháng, sau đó sang Đài Bắc xuất gia. Lúc ấy, Lý lão sư đã ở Đài Trung được mười năm, người theo học có đến mười mấy vạn người. Thầy hết sức cảm khái nói với đồ chúng một câu rằng: “Các ông theo tôi mười mấy năm nay chẳng học được gì cả, người học được thì đã đi rồi.”

Các bạn đồng học liền đến Đài Bắc tìm tôi, hỏi: “Lý lão sư nói ông là người học được pháp của thầy, vậy ông đã học được những gì?” Tôi đáp: “Lão sư không đặc biệt dạy riêng tôi, mỗi lúc vào học chẳng phải tôi vẫn học chung với mọi người đó sao?” Đó là lời chân thật. Lão sư xưa nay chưa từng có sự dạy dỗ đặc biệt riêng tôi, vì sao tôi có thể học được mà quý vị không thể học được? Vì tôi có lưu tâm, quý vị không lưu tâm. Tôi muốn học, chịu học, còn quý vị tuy mỗi ngày đều đến lớp ngồi, nghe được nhiều hơn tôi, có cơ hội nhiều hơn tôi, nhưng quý vị nghe rồi như gió thoảng qua tai, quý vị nghe rồi không hề ghi nhớ trong lòng. Cho nên, nếu không chịu học thì dù mỗi ngày kề cận bên thầy, trọn đời rồi cũng vẫn tạo nghiệp địa ngục, tạo nghiệp ba đường ác. Như vậy thật đáng tiếc vô cùng.

Hôm nay chúng ta xem xét đến hai chữ “trung hiếu”, cảm xúc của tôi thật vô cùng sâu sắc. Đoạn chú giải [của hai chữ này] cũng rất dài, có đến hơn 30 trang, hy vọng quý vị xem qua thật kỹ, xem rồi lại đến nghe tôi giảng giải.

Nếu thực sự chịu học, vui thích mà học, nỗ lực học tập thì quý vị nhất định sẽ được lợi ích. Lợi ích ấy không chỉ trong một đời, mà nhất định còn được vãng sinh, tâm không thoái chuyển, tiến tới thành tựu quả Phật.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 41

(Giảng ngày 29 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 42, số hồ sơ: 19-012-0042)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Sách *Vị biên* giảng về chữ *trung*, trong phần chú giải có tổng cộng 43 điều, đại đa số đều là nêu lên các trường hợp điển hình tận trung của nhiều thành phần xã hội khác nhau qua các thời đại để chúng ta tham khảo, học tập. Đối với người tu hành, học Phật thì phải tận trung như thế nào? Tận hiếu như thế nào? Đối với hai chữ *trung hiếu* phải có cách nhìn nhận như thế nào?

Phần trước đã nói qua với quý vị, hai chữ “trung hiếu” này đều thuộc loại chữ *hội ý*, chúng ta từ nơi hình dạng chữ viết phải nhận hiểu được ý nghĩa chân thật hàm chứa trong đó.

Hình dạng của chữ *trung* (忠) chính là chữ *trung* (中) ở trên và chữ *tâm* (心) ở dưới. Đó là nói tâm khởi lên tác dụng phải giữ được ở mức trung đạo. Đạo Phật dạy rằng, *trung đạo* là chân lý cao nhất. Nhà Nho thì nói về *trung dung*. Cho nên, phải thấu hiểu rõ ràng về việc vận dụng ở mức trung, tức là ở giữa, ở mức vừa phải. [Người được như vậy,] ở giữa thế gian là bậc thánh hiền, trong Phật pháp là Phật, Bồ Tát.

Các bậc thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian đều thấu hiểu rõ ràng việc dụng [tâm] ở mức trung. Thánh nhân thế gian dụng tâm ở mức trung, đạt đến mức tương tự như [thật] trung, nếu vận dụng [giáo lý] *lục tức*¹ của tông

¹ Thiên Thai lục tức: giáo lý phân chia sáu giai đoạn tu tập của Bồ Tát theo tông Thiên Thai, gọi là Lục tức, cũng gọi là Lục thị, Lục tuyệt hay Lục như. Bao gồm: 1. Lí tức: Hết thấy chúng sinh đều trụ trong Phật tính Như lai tạng. 2. Danh tự tức: Chỉ cho giai vị Bồ Tát nghe đạo Bồ-đề, từ trong danh ngôn

Thiên Thai thì các vị này là trong giai vị *Tương tự tức*. Bạc đại thánh của thế gian cũng có thể đạt đến trong giai vị *Phần chứng tức*. Chư Phật, Bồ Tát trong Phật pháp, như trong kinh Hoa Nghiêm giảng về 41 vị Pháp thân Đại sĩ, có thể nói là đã đạt đến trong giai vị *Cứu cánh tức*.

Quý vị từ sự giải thích này của tôi có thể nhận hiểu được ý nghĩa, đó là pháp trung đạo cứu cánh viên mãn, rất ráo trợn vẹn.

Trung là [ở giữa nên] không thiên lệch [sang hai bên], trung là [thẳng thẳng nên] không cong queo, khuất tất. Vì sao tôi nói rằng chư Phật, Bồ Tát dụng tâm ở mức trung rất ráo trợn vẹn, vượt xa các bậc thánh thế gian? Vì tâm của chư Phật, Bồ Tát đích thực là bao trùm khắp các pháp giới trong hư không. Ý nghĩa này, chân tướng sự thật này, các bậc thánh thế gian không đạt đến.

Các bậc thánh thế gian tuy nói là [nghĩ đến] thiên hạ, trong thực tế chỉ bao gồm trên trái đất này, nên dù lấy thiên hạ làm tâm mình thì cũng chỉ đạt đến mức thương yêu con người [trên thế giới này là cùng]. Nhưng tâm lượng của chư Phật, Bồ Tát là trùm khắp các pháp giới trong hư không, vì các ngài biết rằng hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều do tâm biến hiện.

Nói cách khác, hết thảy đều là tướng phần của tâm. Tâm

khái niệm được thông suốt rõ ràng. 3. Quán hạnh tức: Bồ Tát đã hiểu rõ danh tự rồi khởi tu quán hạnh, tâm quán sáng tỏ, lý và tuệ tương ứng. 4. Tương tự tức: cũng gọi Lục căn thanh tịnh vị, chỉ cho giai vị Bồ Tát đã được sáu căn thanh tịnh, đoạn trừ Kiến hoặc và Tư hoặc, chế phục được vô minh, chỉ và quán trong sáng tĩnh lặng giống như thực chứng. 5. Phần chứng tức, cũng gọi Phần chân tức: Bồ Tát đã đoạn một phần vô minh mà chứng Trung đạo. 6. Cứu cánh tức: Bồ Tát đoạn trừ được phẩm vô minh cuối cùng, chứng được thực tướng của các pháp, tức là Diệu giác, quả vị rốt ráo cao nhất của Viên giáo. Sáu giai vị tuy có khác nhau về trình tự cũng như mức độ chứng đắc nhưng thể tánh vẫn là một.

không có tướng, nhưng có khả năng biến hiện ra tướng, cho nên [tất cả] tướng là tướng phần của tâm. Chúng ta hiện nay là phàm phu, tướng phần trong cảm quan của sáu thức đều là do thức biến hiện. Những gì do thức biến hiện ta gọi là tướng hư vọng. Cho nên kinh Kim Cang nói: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.”* (Hết thấy những gì có hình tướng đều là hư vọng.) [Chính là nói các tướng do thức biến hiện.] Vậy ngoài tướng hư vọng ra, có tướng chân thật nào không? Phật dạy là có, tướng chân thật đó là pháp giới nhất chân. Thế giới Hoa Tạng là pháp giới nhất chân, thế giới Cực Lạc cũng là pháp giới nhất chân.

Quý vị từ trong những lời giảng này có nhận hiểu được ý nghĩa gì không? Nếu quý vị thực sự nhận ra được, quý vị sẽ sáng tỏ. Tướng, thật ra không có chân hay vọng. Nói chân, nói vọng, chỉ là Phật dùng phương tiện mà nói, không phải ý nghĩa rốt ráo. Vì sao không thể nói [tướng] là chân hay vọng? Vì trong tâm vốn không có tướng, làm sao có thể nói là chân? Làm sao có thể nói là vọng? Nếu quý vị [đạt đến] nhất tâm, [khi ấy] tướng hiện ra gọi là nhất chân. Nếu quý vị tâm ý phân tán, rối loạn, [khi ấy] tướng hiện ra gọi là tướng hư vọng. Quý vị có hiểu được rõ ràng những điều này hay chăng?

Tướng là do tâm hiện ra, là do thức biến ra. Cho nên nói rằng, hết thấy hiện tượng đều từ tâm tướng sinh ra. Đó là chân lý, là chân tướng sự thật. Nếu nhận hiểu được, quý vị sẽ có thể khẳng định lời Phật dạy trong kinh: *“Y báo tùy trước chánh báo chuyển.”* (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.)

Chánh báo là gì? Chánh báo là tâm, y báo là cảnh giới. Cảnh giới nhất định tùy theo tâm niệm mà chuyển biến. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát ở trong cảnh giới có thể làm chủ được. Phàm phu không hiểu được ý nghĩa này, cũng không biết được chân tướng sự thật này, do đó tâm bị cảnh chuyển. Nghe nói thế gian này có tai nạn thì hốt hoảng không yên, lo toan

vạn mối, là vì sao vậy? Vì tâm tùy cảnh chuyển. Đó là không được tự tại, là khổ sở không nói hết.

Quý vị có thể thắc mắc, vậy chư Phật, Bồ Tát có gặp tai nạn hay không? Không hề có. Vì sao không có? Vì các ngài không những không có tâm bất thiện, mà còn hoàn toàn không có sự phân tán tâm ý, vĩnh viễn an trụ trong trạng thái nhất tâm. Cho nên, những gì người đời gọi là lành dữ, họa phúc đều hoàn toàn không có nơi các ngài. Những gì người đời cảm thụ như khổ, vui, lo, mừng, được, mất... cũng không hề có nơi các ngài. Đó gọi là biết dụng tâm ở mức trung, đó là tâm trung [đạo].

Người đời nói đến tận trung, tận trung là thế nào? Là dụng tâm ở mức trung đạt đến chỗ cùng cực. Dụng tâm [như vậy] đến chỗ cứu cánh viên mãn, rốt ráo đầy đủ, gọi là *tận trung*. Thực sự làm được đến chỗ cứu cánh viên mãn, rốt ráo đầy đủ của *trung*, đến chỗ cứu cánh viên mãn, rốt ráo đầy đủ của *hiếu*, đó là quả vị Như Lai. Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm vô minh chưa dứt sạch, nên đức trung hiếu của các ngài vẫn còn khiếm khuyết một phần, vẫn chưa làm được đến mức cứu cánh viên mãn, rốt ráo đầy đủ.

Đó là cách giảng giải về trung hiếu trong Phật pháp, có khác biệt với pháp thế gian. Chỉ có điều, cách giảng này cao siêu, chỉ sợ chúng ta không làm nổi. Nhưng làm không nổi cũng phải làm, vì người học Phật nhất định phải noi theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập.

Bắt đầu học từ đâu? Phải bắt đầu từ chỗ khai mở tâm lượng cho rộng lớn hơn. Trong Phật pháp thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới*.” (Tâm rộng lớn như hư không, bao trùm hết cả các thế giới.) Quý vị phải hiểu rõ được hai câu tám chữ này chính là nói về chân tâm của chúng ta, là vị thể căn bản của chúng ta, vì chân tâm của ta xưa nay vốn là như vậy.

Hiện nay vì sao tâm lượng [của chúng ta] biến thành nhỏ hẹp như thế này? Nhỏ đến mức chỉ biết lo chuyện riêng tư, giành lợi riêng cho bản thân mình, cho nên mới [chiêu cảm] tai nạn. Làm thế nào được tiêu trừ, tránh khỏi tai nạn? [Tu tập] khai mở tâm lượng cho rộng lớn hơn là phương pháp tốt nhất, hiệu quả nhất. [Muốn vậy,] phải phát tâm vì hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không mà phục vụ.

Đó cũng là câu đầu tiên trong bốn lời nguyện sâu rộng: *“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.”* Câu này nói theo ngôn ngữ hiện đại thì chính là vì hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không mà phục vụ. Trong đạo Phật nói “độ” chính là mang ý nghĩa phục vụ. Phát tâm [phục vụ] như vậy chính là tâm Bồ-đề chân chánh. Cho nên, [chư Phật, Bồ Tát] vượt xa các vị thánh nhân của thế gian, ý nghĩa là ở điểm này.

Chúng ta có phát tâm như thế hay không? Trong cuộc sống đời thường, khởi tâm động niệm có luôn vì người khác phục vụ hay chẳng? Nếu thường gìn giữ được tâm như vậy, đó là có đức, như trong phần trước đã giảng qua với quý vị về *“tích đức lũy công”*.

Chúng ta cũng rất muốn học theo chư Phật, Bồ Tát mà không học được. Như vậy có thực sự muốn học theo chư Phật, Bồ Tát hay chẳng? Nếu thực sự muốn học theo, phải tìm cho ra nguyên nhân làm mình không học được. Vì sao không học được? Vì sao các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát đều học được mà chúng ta lại không học được? Quý vị phải tìm cho ra nguyên nhân ấy, dứt trừ đi nguyên nhân ấy thì đường đạo Bồ-đề chẳng phải là không còn chướng ngại hay sao? [Khi ấy] quý vị cũng sẽ học được, cũng sẽ học theo được giống như chư Phật, Bồ Tát. Thành tựu trong sự tu học cũng nhất định sẽ mở dần ra từ *Quán hạnh [tức], Tương tự [tức], Phần*

chúng [tức] cho đến *Cứu cánh [tức]*, rốt ráo viên mãn. Đó là những thành tựu của chúng ta luôn không ngừng hướng thượng vươn lên.

Chướng ngại của chúng ta là những gì? Chướng ngại chính là [tâm niệm] riêng tư, muốn giành lợi riêng cho mình. Chỉ cần đối với những ý niệm tự tư tự lợi đó buông bỏ hết thì quý vị với chư Bồ Tát không còn khác biệt. Quý vị sẽ có thể học theo được, học theo rất giống [với chư Phật, Bồ Tát]. Cho nên, tự tư tự lợi là chướng ngại lớn nhất trên đường đạo Bồ-đề, nhất định phải hiểu được điều đó.

Từ ý niệm tự tư tự lợi cho đến hành vi tự tư tự lợi chỉ mang lại cho chúng ta những lợi ích hết sức nhỏ nhoi, quả thật không đáng nói. Nhưng nếu có thể buông bỏ những ý niệm, [hành vi] như thế, quý vị sẽ được lợi ích vô lượng vô biên, hoàn cảnh mà quý vị hưởng thụ sẽ là thế giới Hoa Tạng, sẽ là thế giới Cực Lạc.

Vì sao lại tham luyến cõi [Ta-bà] có năm sự uế trước mà không chịu buông bỏ? [Ở trong cõi này,] dùng danh xưng tốt đẹp là “*cứu độ chúng sinh*”, đó là đại từ đại bi, nhưng quý vị có thực sự làm được vậy chăng? Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian, thị hiện trong sáu đường, nhưng thật ra các ngài luôn an trụ trong pháp giới nhất chân. Chúng ta nhìn thấy các ngài trụ trong sáu đường, nhưng thực tế các ngài trụ nơi pháp giới nhất chân. Vì sao vậy? Vì các ngài dù ở trong sáu đường nhưng một chút bụi trần cũng không nhiễm bấn, luôn thanh tịnh tự tại, thị hiện tám gương tốt đẹp nhất cho phàm phu trong sáu đường [nơi theo]. Đó mới thật là chân chánh làm lợi ích chúng sinh, chân chánh cứu độ chúng sinh.

[Những ai] không có trí tuệ, không có năng lực đức hạnh, không rõ phép ứng cơ, dù [ở cõi Ta-bà này] mang danh xưng tốt đẹp là “*cứu độ chúng sinh*” nhưng trong thực tế đều là đang tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp thì có lý nào lại không đoạ

lạc? Cho nên, dù có tham cầu được mấy chục năm hưởng thụ vật chất, hư danh lợi dưỡng [trong một đời], hậu quả [ngày sau thật đáng sợ đến mức] không thể tưởng tượng nổi.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ rằng, mạng sống là vĩnh hằng, tuyệt đối không thể nói rằng chết là hết. Nếu chết rồi là hết thì mọi chuyện dễ dàng lắm. Tôi thường nói, sau khi chết thật đáng sợ. Đó là lời chân thật với quý vị. Người học Phật biết rằng không có chuyện sống chết [như chúng ta thường nhận thức]. Sống chết là sự kiện gì? Đó chỉ là sự chuyển biến, thay đổi thời gian và không gian sống của chúng ta mà thôi. Các khoa học gia hiện đại đã chứng thực rằng thế gian này có vô số chiều không gian. Các khoa học gia đã chứng minh được, đích thực là có thể khẳng định, ít nhất có đến 11 [cấu trúc] không gian khác nhau [hiện cùng tồn tại]. Đó là không gian ba chiều, không gian bốn chiều, năm chiều cho đến không gian 11 chiều, cũng gọi là *không gian thập nhất độ*. Đó là điều đã được chứng thực.

Về mặt lý luận, không gian đa chiều là vô hạn, [có thể có vô số cấu trúc]. Cách nói này so với quan niệm của đạo Phật là tương đồng. Đạo Phật không nói về không gian đa chiều, mà nói về các pháp giới. Các pháp giới là vô lượng vô biên, mười pháp giới chỉ là phân loại khái quát. Quý vị đã thấy Đại sư Thiên Thai giảng giải, trong [mười pháp giới thì] mỗi một pháp giới đều có mười pháp giới, nên [tổng cộng] có một trăm pháp giới. Tông Thiên Thai gọi là “*bách giới, thiên như*” (một trăm cảnh giới, một ngàn như thị). Trong một trăm pháp giới đó, mỗi pháp giới lại có một trăm pháp giới, [tiếp tục như vậy nên] trùng trùng vô tận. Điều này so với các khoa học gia nói về các chiều không gian vô hạn là tương đồng.

Nhưng các khoa học gia vẫn chưa có khả năng chứng thực hoàn toàn, còn Phật giáo thì hoàn toàn khẳng định. Cho nên, sống chết chỉ là sự thay đổi, chuyển biến không gian sống

của chúng ta. Quý vị phải hiểu rõ được ý nghĩa đó, sự thật đó. Quý vị đối với chuyện sống chết sẽ không còn sợ hãi, [biết rằng đó chỉ là] thay đổi hoàn cảnh sống, quý vị sẽ rất tự tại, không hề sợ sệt. Nhưng thay đổi chuyển biến như vậy, có lúc là thay đổi tốt, cũng có lúc thay đổi so với hoàn cảnh hiện nay của chúng ta lại kém xa. Quý vị không thể biết được.

Người có công phu tu hành, tu dưỡng, người có tâm lành thì mỗi lần thay đổi đều đến cảnh giới tốt hơn. Người đời chúng ta thường nói, đời sau sinh lên cõi trời. Quý vị thấy, lìa bỏ thân người mà được sinh lên cõi trời thì đó là sự thay đổi tốt đẹp.

Người đời đối với cõi trời [hiểu biết] rất chung chung, mơ hồ. Đạo Phật nhận biết rất rõ ràng. Cõi trời có cả thủy 28 tầng trời. Thuộc về Dục giới có 6 tầng trời, thuộc về Sắc giới có 18 tầng trời, thuộc về Vô sắc giới có 4 tầng trời. Quý vị sinh về bất kỳ tầng trời nào trong số đó cũng đều là còn trong ba cõi. Ngoài ba cõi ra còn có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, càng chuyển biến càng thù thắng hơn.

Nếu quý vị tham sống sợ chết, đối với cái chết vô cùng khiếp sợ thì sự việc rất tồi tệ, như vậy thì việc chuyển biến ngày càng tệ hơn. Quý vị sẽ đi vào cảnh giới súc sinh, đi vào cảnh giới ngạ quỷ. Nếu nghiệp ác rất nặng nề, sẽ đi vào địa ngục.

Cho nên, nói “*không có sống chết*” là lời chân thật. Đó chỉ là sự chuyển đổi không gian, thời gian của đời sống mà thôi. Trong kinh luận, đức Phật giảng giải rất nhiều về ý nghĩa, chân tướng sự thật này. Chúng ta cần phải chú tâm suy xét nhận hiểu, phải thực sự nỗ lực, hy vọng có thể đạt được một sự chuyển biến tự tại.

Chư Phật, Bồ Tát không một vị nào không được tự tại. Các ngài tự tại như thế nào? Quý vị đều đã đọc qua phẩm Phổ Môn, đều biết đến 32 ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế

Âm. Ba mươi hai ứng hóa thân, đó là đại tự tại. Ba mươi hai ứng hóa thân khác nhau, tùy loại hóa thân, tùy cơ thị hiện. Đối với những sự chuyển biến đó, ngài đều có thể tự mình làm chủ, đó là được đại tự tại. Chúng ta ngày nay với sự chuyển biến của mình không tự mình làm chủ được.

Vậy ai làm chủ? Là nghiệp lực làm chủ. Đó là sự thật, phàm phu trong sáu đường tùy nghiệp lưu chuyển. Chúng ta khởi tâm động niệm đều là tạo nghiệp. Tạo nghiệp lành thì được quả báo lành, thọ thân trong ba đường lành, lại chuyển đến ba đường lành. Tạo nghiệp ác lại chuyển đến ba đường ác, chuyển biến không được tự tại. Chư Phật, Bồ Tát vì sao chuyển biến được tự tại? Nói lời thành thật, đó là [do các ngài] tận trung tận hiếu.

Quý vị hãy mang hai chữ trung hiếu ra xem cho thật rõ ràng, thật sáng tỏ. Chư Phật, Bồ Tát trong ngàn kinh muôn luận cũng chỉ là giảng giải hai chữ này, giảng đến mức cực kỳ trọn vẹn, đầy đủ, hết sức thấu đáo.

Cho nên, quý vị nếu muốn nói rõ thật tường tận chi tiết về hai chữ “*trung hiếu*”, thì toàn bộ Đại Tạng Kinh đều là giảng về hai chữ này.

Bài giảng thứ 42

(Giảng ngày 30 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 43, số hồ sơ: 19-012-0043)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hai chữ “*trung hiếu*”, trong phần trước đã giới thiệu giản lược về chữ *trung*. Trong *Vị biên* nêu ra những câu chuyện tận trung, cũng chính là nói cách vận dụng lòng trung vào thực tiễn đời sống, vào thực tiễn công việc, xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật. Trong sách nêu rất nhiều trường hợp điển hình, nhưng những trường hợp ấy vốn nhiều không kể hết, lý sự liên quan cũng không thể nói hết. Quý vị phải từ nơi những trường hợp nêu ra đó mà tự mình nhận hiểu.

Hôm nay chúng ta lại bàn về chữ hiếu. Hiếu là căn bản, trung là [từ căn bản đó] khởi lên tác dụng. Trong *Vị biên* giảng về chữ hiếu, đoạn trước tiên sử dụng bài *Hiếu để luận* của tiên sinh Nhan Quang Trung. Đoạn này nói rất hay, so với tư tưởng nhà Phật hết sức gần gũi.

Tác giả viết:¹ “*Hữu tử² nói: Hiếu để là gốc của lòng nhân.*” Câu này là trích từ sách Luận ngữ. [Lại viết tiếp:] “*Mạnh tử nói: Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ hai chữ hiếu để mà thôi.*”

¹ Đây là nguyên văn đoạn đầu tiên của Hiếu để luận, quý độc giả có thể tham khảo: “有子說孝弟為仁之本。孟子說堯舜之道。孝弟而已矣。這孝弟。關涉甚大。橫的縱的。往古來今。無邊無際的。都是這箇物事。然須曉得孝弟的。是何物。所以孝弟的是什麼根苗。人於天地間一氣耳。” (Hữu tử thuyết hiếu để vi nhân chi bản. Mạnh tử thuyết Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hĩ. Giá hiếu để, quan thiệp thậm đại, hoành đích tung đích, vãng cổ lai kim, vô biên vô tế đích. Đô thị giá cá vật sự, nhiên tu hiếu đắc hiếu để đích thị hà vật. Sở dĩ hiếu để đích thị thập ma căn miêu. Nhân ư thiên địa gian nhất khí nhĩ.)

² Hữu tử: tên thật là Hữu Nhược, tên tự là Tử Hữu, cũng có người nói là Tử Nhược. Ông là một trong các cao đồ của Khổng tử.

Đây quả là một nhà Nho, vừa mở lời đã lấy Khổng Mạnh làm chỗ y cứ, tiếp theo mới từ đó mà phát triển, nói rõ hơn. “Hiếu để, quan thiệp thậm đại.” (Hiếu để, liên quan rất lớn.” Quan là quan hệ, thiệp là có liên quan đến. Hai chữ “hiếu để” có phạm vi liên quan rất lớn, đã sâu lại rộng. “Hoành đích tung đích” (dù ngang hay dọc) là nói phạm vi trong không gian. “Vãng cổ lai kim” (từ xưa đến nay) là nói phạm vi trong thời gian. “Vô biên vô tế” (không có giới hạn), cách nhận thức này là đúng thật. “Đô thị giá cá vật sự, nhiên tu hiếu đắc hiếu để đích thị hà vật. Sở dĩ hiếu để đích thị thập ma căn miêu, nhân ư thiên địa gian nhất khí nhĩ.” (Hết thảy trong muôn sự vật, phải hiếu được hiếu để là gì, hiếu để phát xuất từ đâu. Con người là khí tiết trong trời đất vậy.)

Tôi chỉ đọc đến đoạn này, phần sau quý vị tự mình xem.

Chữ hiếu cũng thuộc loại chữ hội ý, nên quý vị nhìn vào chữ viết có thể nhận hiểu được ý nghĩa hàm chứa trong đó. Phần trên của chữ hiếu (孝) là chữ lão (老), phần dưới là chữ tử (子). Chữ lão (người già) là tượng trưng cho một thế hệ trước, chữ tử (con cái) là tượng trưng cho một thế hệ sau.

Quý vị hãy xem xét ý nghĩa của chữ hiếu này. Một thế hệ trước (老) với một thế hệ sau (子) hợp nhau thành một thể, đó gọi là hiếu (孝). Nếu thế hệ trước với thế hệ sau phân tán, chia rẽ, đó là bất hiếu.

Cho nên, người phương Tây gọi [sự khác biệt giữa các thế hệ] là “khoảng cách thế hệ” (generation gap). Có khoảng cách tức là chia rẽ, là thế hệ trước, thế hệ sau ngăn cách với nhau, chia rẽ nhau. Đó là bất hiếu. Người Trung quốc không có cách nói này.

Quý vị lại suy xét sâu xa hơn nữa, sẽ thấy rằng thế hệ trước vẫn còn một thế hệ trước đó nữa, [cứ như vậy tiếp tục hướng về] quá khứ không [thể tìm đến] chỗ khởi đầu; thế hệ đi sau lại sẽ có một thế hệ sau đó nữa, [cứ như vậy tiếp tục

về] tương lai không có kết thúc. Không có khởi đầu, không có kết thúc, đó là ý nghĩa mà Nhan tiên sinh gọi là “từ xưa đến nay, không có giới hạn”.

Quý vị phải hiểu được [phạm vi] liên quan [trong thời gian] như vậy, sau đó mới xem xét đến phương diện “ngang dọc” [trong không gian], chính là giống như trong đạo Phật nói “*cùng tận hư không, biến khắp pháp giới*”. Ở đây lại cũng dùng hình dạng chữ hiếu (孝) để biểu hiện, không một hiện tượng nào có thể nằm ngoài các pháp giới trong hư không, nên hết thảy đều bao hàm trọn vẹn, đầy đủ bên trong đó. Khi thuyết giảng tôi cũng thường nói qua, mà không chỉ nói qua một lần, tôi nói điều này [theo cách] rất dễ hiểu: “*Hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không quả thật là chính bản thân mình.*” Đây là ý nghĩa của chữ hiếu.

“*Hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không*”, nói hết thảy chúng sinh như vậy là một phạm vi rất rộng. Hữu tình là chúng sinh, ngày nay chúng ta gọi là con người, động vật. Vô tình cũng là chúng sinh, như thực vật, khoáng vật, cho đến các hiện tượng trong tự nhiên. Nói chung, những gì do các duyên hòa hợp sinh ra đều gọi là chúng sinh. Chúng sinh hiểu theo nghĩa này là rất rộng, rất lớn. Hết thảy chúng sinh như vậy đều là chính bản thân mình.

Tôi nói ra lời này là có căn cứ, vì không phải tôi tự nói, chính là đức Phật nói. Chỉ có điều đức Phật không nói theo cách như vậy, nhưng cùng một ý nghĩa. Chúng ta y theo ý nghĩa, không y theo ngôn ngữ, như vậy là đúng thật. Trong kinh điển đức Phật dạy rằng: “*Hư không pháp giới duy tâm sở hiện, duy thức sở biến.*” (Các pháp giới trong hư không đều do tâm hiển hiện, do thức biến hóa.) Tâm là chân tâm của chính ta, là bản tánh của ta; thức là tác dụng của tâm, là tâm khởi lên tác dụng.

Cho nên, một chữ hiếu này, nếu giảng giải bằng Phật pháp thì chính là pháp môn quan trọng, bao gồm hết thảy

các pháp, rốt ráo trọn vẹn, cứu cánh viên mãn. Chúng ta đối với ý nghĩa suy xét được từ chữ này phải nhận hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ, thì sau đó mới biết được phải học hạnh hiếu, phải thực hành đạo hiếu như thế nào, hy vọng đạt được đến chỗ tận hiếu.

Một chữ hiếu này thực hành được trọn vẹn, đầy đủ thì đã thành Phật rồi. Thành tựu quả Phật rốt ráo của Viên giáo [theo tông Thiên Thai] thì mới thực hành trọn vẹn, viên mãn được đạo hiếu. Các vị Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm vô minh chưa dứt hết, nên đạo hiếu còn có chỗ khiếm khuyết, chưa thể đạt đến trọn vẹn, viên mãn. Do đó có thể biết rằng, Phật pháp được xây dựng trên nền tảng đạo hiếu. Trong kinh luận, trong giới Bồ Tát đều thuyết dạy như vậy, chúng ta phải nhận hiểu được, phải rõ biết được. Đó là căn bản của sự học Phật, là căn bản cực kỳ quan trọng.

Chúng ta thử nghĩ xem, sự truyền bá của Phật pháp xưa kia đi về cả bốn phương tám hướng, truyền khắp đó đây. Các vị đệ tử Phật đi đến mỗi nơi đều giảng kinh thuyết pháp, vì sao chỉ riêng tại Trung quốc Phật pháp mới bám rễ, đơm hoa kết trái, phát triển mạnh mẽ, còn những nơi khác đều không thành tựu? Đặc biệt là tại châu Âu hay miền Tây Á, cho đến nơi phát tích của Phật giáo là Ấn Độ [đều không phát triển mạnh]. Ấn Độ là một điển hình rõ rệt.

Chúng ta đều biết rõ, khi Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc thì nền giáo dục Nho gia cũng đã hết sức xem trọng đạo hiếu. Nói cách khác, giáo dục Khổng Mạnh, như trong sách này nói rất đúng: *“Hiếu để nhi dĩ”* (hai chữ hiếu để mà thôi). Cho nên, Phật pháp vừa truyền đến Trung quốc, tiếp xúc với mọi nơi trong nước thì người Trung quốc vừa nghe qua đã vô cùng mừng vui đón nhận. Vì sao vậy? Vì so với những khái niệm sẵn có của chúng ta là hoàn toàn tương đồng, mà phương pháp thực hiện so với chúng ta lại tinh tế hơn.

Nền giáo dục Nho gia chỉ đề ra được cương lĩnh khái quát,

Phật pháp giảng đến chỗ tinh tế, chi ly. Vì thế, kinh điển của đạo Phật rất phong phú, người Trung quốc đặc biệt hoan nghênh, đặc biệt xem trọng, nhờ đó Phật pháp được truyền đến Trung quốc. Nếu như trong xã hội này, trong khu vực này không có khái niệm nhận hiểu về đạo hiểu thì Phật pháp không thể bám rễ được, ý nghĩa là ở chỗ này.

Trước đây khi tôi ở Đài Loan, có một số pháp sư sang Hoa Kỳ. Tôi không quen biết nhiều, nhưng với những ai quen biết tôi đều khuyên họ đến Hoa Kỳ đừng xây chùa chiền. Họ hỏi tôi vậy nên xây dựng gì? Tôi bảo, nên xây từ đường, đề cao đạo hiểu. Trong từ đường cũng có thể giảng kinh thuyết pháp, có thể thờ cúng tổ tiên. Không phải thờ bài vị tổ tiên của một họ, mà thờ phụng hết [các dòng họ] trên toàn quốc. Tôi bàn với họ gọi đó là *“Bách tính tôn từ”* (Từ đường trăm họ). Không phải giống như từ đường họ Đỗ đối diện chỗ chúng ta đây, chỉ thờ duy nhất một họ. Tôi bảo họ nên xây dựng từ đường cho trăm họ của người dân Trung Hoa. Hết thấy người Trung quốc đều [thờ cúng] trong từ đường ấy, rất tốt. Như vậy là đề cao đạo hiểu.

Phước của tôi quá mỏng, không đủ phước, không đủ năng lực làm được như vậy. Ở Dallas (Texas) xây dựng được một đạo tràng nhỏ, tôi không phát triển được nên bên trong chỉ thờ duy nhất một bài vị. Tại Đài Loan [có đạo tràng] đặt hai bài vị lớn, một là bài vị thờ tổ tiên trăm họ người Trung Hoa. Tôi từng sống ở Mỹ, không thể hoàn toàn quên bỏ nước Mỹ, nên bài vị còn lại là thờ tổ tiên trăm họ của người Mỹ, chúng tôi thờ cúng cả hai. Tôi có tấm lòng như vậy, có ý nghĩ như vậy, nhưng không đủ năng lực thực hiện.

Đạo tràng ở Australia có lẽ quý vị đã đến rồi, trong điện Phật cũng có thờ hai bài vị. Tại Singapore, quý vị đến Niệm Phật đường đều thấy cũng thờ hai bài vị như thế. Một bài vị thờ tổ tiên trăm họ dân tộc Trung Hoa, một bài vị thờ tổ tiên trăm họ người Singapore. Đó là gốc của Phật pháp, là căn

bản của hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu không có cội gốc này thì không thể bàn đến bất kỳ chuyện gì khác. Cho nên, phải lấy hiếu làm gốc.

Chúng ta đọc sách, nhìn thấy chữ hiếu này, nói thật ra là lơ đãng không chú ý, xem thoáng qua một cách mơ hồ, chung chung, như vậy sao được? Không chỉ đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong 49 năm thuyết giảng hết thấy kinh điển đều là giảng giải chữ hiếu này, mà cho đến hết thấy chư Phật ba đời mười phương, thuyết giảng vô lượng kinh điển giáo pháp giáo hóa chúng sinh, cũng đều là giảng giải chữ hiếu này.

Tôi nói lời này có hay không có căn cứ? Có phải tôi tự ý nói bừa như vậy hay không? Quý vị đọc qua kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tức Quán kinh, thấy trong đó có chuyện phu nhân Vi-đề-hy gặp biến cố gia đình, trong lòng đối với muôn việc đều lạnh nhạt không còn ham thích, khẩn thiết cầu xin đức Phật Thích-ca Mâu-ni cứu giúp. Bà nói, thế giới này hoàn cảnh quá xấu ác tối tệ. Bà là đệ tử Phật nên biết rằng có vô lượng vô biên các thế giới khác, liền hướng về đức Phật mà thưa hỏi, có thế giới nào thanh tịnh, an lạc hay không, bà rất muốn được sinh về đó.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe qua lời thỉnh cầu của bà rồi, liền dùng thần lực khiến cho các thế giới của chư Phật trong mười phương đều hiện ra trước mắt bà, cho phép bà tự mình quan sát, tự mình chọn lựa. Bà Vi-đề-hy quan sát kỹ rồi, liền chọn thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà, trong lòng hết sức vui mừng. Bà hướng về đức Phật Thích-ca Mâu-ni thỉnh cầu chỉ dạy cách thức làm sao để có thể sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Do nhân duyên này mà đức Phật thuyết giảng kinh Thập lục quán.¹

¹ Kinh Thập lục quán: tên khác của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, thường gọi tắt là Quán kinh. Do trong kinh này đức Phật dạy 16 phép quán nên có danh xưng như vậy.

Phu nhân Vi-đê-hy thưa thỉnh về phương pháp để được vãng sinh, đức Phật trước tiên không nói gì về phương pháp mà giảng giải cho phu nhân về “*tịnh nghiệp tam phúc*” (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh), dạy cho bà về ba điều kiện cơ bản. Trong ba điều kiện cơ bản đó thì câu đầu tiên là: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng.*”

Quý vị ngẫm nghĩ xem, như vậy là ý nghĩa gì? Mở đầu một câu đã giảng về hiếu: Hiếu với cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Cho nên quý vị phải biết rằng, Phật pháp là đạo trọng thầy. Tôn trọng thầy phải dựa trên nền tảng của đạo hiếu. Không có hiếu thì làm gì có nghĩ đến thầy? Không biết hiếu thuận với cha mẹ thì nhất định không có khả năng tôn kính bậc sư trưởng.

Không có hiếu, không trọng thầy, trong sáu đường luân hồi không có ba đường lành. Nói cách khác, khi ấy quý vị chỉ có thể sinh vào một trong ba đường ác. Trong ba đường ác, súc sinh cũng có loài biết hiếu đạo, biết hiếu dưỡng cha mẹ. Nói cách khác, người [bất hiếu thì] không bằng loài súc sinh.

Cho nên, trong xã hội có nhiều người vì không hiểu biết mới bài xích Phật giáo. Bài xích Phật giáo là bài xích đạo hiếu, bài xích đạo tôn sư. Đối với cách nghĩ, cách làm của những người ấy, chúng ta không nên trách cứ họ, nên tự trách mình [không cảm hóa được họ]. Họ đối với Phật pháp còn có chỗ hiểu sai, chưa nhận rõ được. Nếu họ hiểu rõ được rồi [sẽ không bài xích nữa], vì thấy rằng Phật pháp đối với mỗi chúng sinh đều mang lại lợi ích chân thật. Có ai lại muốn đem lợi ích chân thật của mình hủy hoại đi? Không thể có chuyện như vậy. Do chúng ta chưa làm tròn trách nhiệm rộng truyền đạo pháp [nên họ chưa hiểu đạo], chúng ta có lỗi.

Đức Phật giảng về ba điều phúc lành rất hay. Điều trước tiên là nói về phước báo trong hai cõi trời người: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện*

ngiệp.” (Hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính bậc sư trưởng, lòng từ không giết hại, tu mười nghiệp lành.) [Bốn câu này] là tiêu chuẩn thấp nhất để quý vị giữ được thân người [trong đời sau]. Nếu theo đó tu tập được tốt hơn thì có thể sinh về cõi trời, hưởng phước cõi trời.

Điều thứ hai là phước báo của hàng Tiểu thừa, Thanh văn, Duyên giác, gồm ba câu: “*Thọ trì tam quy, cữ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.*” (Thọ trì tam quy, giữ theo các giới, không mất oai nghi.)

Điều thứ ba là phước báo của hàng Bồ Tát Đại thừa, gồm bốn câu: “*Phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.*” (Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyến bảo khuyến khích người tu.)

Tổng cộng [về ba phước lành] có 11 câu. Cuối cùng, đức Phật đưa ra một kết luận rằng 11 câu này là “*tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân*” (chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật ba đời). Như vậy, chẳng phải đã nói hết rồi sao? Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai. Người tu hành muốn thành Phật, chúng ta đều biết, các pháp môn mà chư Phật tu tập trong ba đời không giống nhau, như trong kinh Hoa Nghiêm có nói, mỗi người tu tập là một pháp môn riêng của người ấy, nhưng tất cả đều có thể thành tựu Phật đạo. Đó gọi là “*thù đồ đồng quy, pháp môn bình đẳng*” (đường lối khác nhau nhưng cùng hướng về một chỗ, các pháp môn đều bình đẳng như nhau). Ý nghĩa chính là giải thích về sự khác biệt pháp môn.

Vô lượng vô biên các pháp môn đều có thể [giúp người tu tập] trọn thành Phật đạo. Chỉ có điều tất cả [các pháp môn] đều được hình thành trên căn bản ba điều phúc lành. Là khởi ba phước lành này, bất kể là tu tập pháp môn nào cũng đều không thể thành tựu.

Cho nên, việc tu hành khởi đầu từ hiểu, đến viên mãn trọn vẹn cũng là đạo hiểu. Phật pháp không dạy điều gì khác, từ đầu đến cuối đều là thực hành đạo hiểu, tận hiểu mà thôi. Có mấy ai hiểu được ý nghĩa này?

Vì sao không hiểu được? Vì bốn chúng đệ tử chúng ta chưa làm hết trách nhiệm, đặc biệt là các đệ tử xuất gia không giảng giải được rõ ràng, tự thân mình cũng chưa làm được, cho đến khái niệm về hiểu cũng không có. Ý nghĩa căn bản của hiểu chính là tự tánh tròn đầy viên mãn, nghĩa lý chân thật của hiểu chính là như trong Phật pháp thường nói “*nhất tâm nhất niệm*”. Cho nên, chúng ta phải nhận thức thật rõ ràng về chữ hiểu này, sau đó mới nghiên cứu, mới thảo luận, làm cách nào để mang ý nghĩa suy xét được từ chữ hiểu vận dụng vào đời sống? Đó là thực hành đạo hiểu. Làm thế nào để vận dụng vào việc tu học Phật pháp? Đó là tận hiểu.

Nếu như mọi người đều hiểu được rõ ràng ý nghĩa này, sáng tỏ được chân tướng sự thật này, chúng ta tin tưởng sâu vững rằng, hết thảy chúng sinh trong chín pháp giới sẽ không một ai không tự nguyện quy y Phật pháp. Quy y Phật pháp là quy y gì? Đó là quy y đạo hiểu. Sẽ không một ai không tôn kính sư trưởng, đều sẽ dùng đạo tôn sư để trọn thành đạo hiểu. Hiểu là bản thể, tôn kính sư trưởng là trí tuệ. Tuệ mạng pháp thân của chúng ta có được là từ thầy dạy. Nhờ nơi tuệ mạng pháp thân này mới hoàn thành đạo hiểu. Ý nghĩa này phải nhận hiểu rõ ràng.

Đối với chữ hiểu này, chúng ta cũng cần dành thêm nhiều thời gian hơn để thảo luận. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 43

(Giảng ngày 1 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 44, số hồ sơ: 19-012-0044)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Sáng hôm qua chúng ta đã trình bày đơn giản về hàm nghĩa của chữ *hiếu*. Hàm nghĩa chữ này sâu rộng vô cùng. Đây là pháp môn dung nhiếp hết tất cả chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không. Điều này cũng có nghĩa là phạm vi [của chữ hiếu] trong không gian biến khắp mười phương, trong thời gian suốt cả ba đời, hết tất cả đều bao quát trong hình dạng một chữ hiếu này. Phật pháp cũng từ nơi đây mà kiến lập.

Cho nên, Phật pháp khởi đầu từ chữ hiếu, lại cũng lấy hiếu làm mục tiêu cuối cùng. Chư Phật, Bồ Tát dạy người không gì khác hơn là tận hiếu, thực hành đạo hiếu mà thôi. Vì thế, trong ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh (*tam phúc tịnh nghiệp*) thì ngay trước tiên đã dạy chúng ta “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”. Đó là dạy chúng ta phải thực hành đạo hiếu, phải tận hiếu.

Phải từ chỗ nào bắt đầu thực hành? Từ việc hiếu dưỡng cha mẹ mà bắt đầu thực hành, sau đó mới mở rộng đến mức hiếu dưỡng hết tất cả chúng sinh. Trong kinh Bồ Tát Giới, đức Thế Tôn dạy rất rõ ràng: “*Hết tất cả người nam đều là cha ta, hết tất cả người nữ đều là mẹ ta.*” Đó là mở rộng sự hiếu dưỡng cha mẹ, mở rộng đến khắp các pháp giới trong hư không, như vậy mới có thể tận hiếu. Cho nên, ai là người có thể tận hiếu đến mức viên mãn, trọn vẹn? Chỉ người đạt đến quả vị Như Lai mới có thể thực sự làm được trọn vẹn, viên mãn. Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn chưa đạt đến sự rốt ráo viên mãn.

Do đó có thể biết rằng, học Phật chính là học một chữ *hiếu*, chính là học một chữ *trung*. Phật pháp không có gì khác, chỉ là *trung hiếu* mà thôi.

Cha mẹ đối với chúng ta ơn đức quá lớn, thân mạng này của ta có được là nhờ cha mẹ. Cho nên, hiếu dưỡng cha mẹ là đạo lý muôn đời bất biến, giữ trọn theo mới đáng gọi là người. Dựa trên căn bản [hiếu dưỡng] này mà tu học mới có thể thành Bồ Tát, thành Phật.

Chúng ta hiếu dưỡng cha mẹ, dùng tâm hiếu để nuôi dưỡng cha mẹ, Nho gia nói rất rõ: “*Nuôi dưỡng thân mạng cha mẹ.*” Đó là đối với mọi nhu cầu vật chất trong đời sống của cha mẹ đều phải quan tâm đến. Ngoài ra còn phải biết “*nuôi dưỡng tinh thần cha mẹ*”, phải giữ cho cha mẹ không lo buồn, không phiền não, tâm tư tình cảm vui tươi khoan khoái, đó là chiêu thuận. Nếu không chiêu thuận, cha mẹ hẳn phải sinh phiền não, phải sinh lo buồn.

Cho nên, việc thực hành đạo hiếu thật không dễ dàng. Nếu như không có tâm chân thành, như tôi thường nói là tâm chí thiện, tâm thuần hiếu, tâm thuần kính, thì chữ hiếu này thật không dễ vận dụng vào thực tiễn. Nói tóm lại là phải dùng tâm chân thật.

Ngoài ra phải biết “*nuôi dưỡng ý hướng của cha mẹ*”. Ý hướng của cha mẹ là gì? Là những kỳ vọng đối với quý vị. Ý hướng như vậy của cha mẹ, ở mức nhỏ nhoi là mong cho quý vị được thăng quan, phát tài. Nếu là nhìn xa trông rộng, thì người Trung quốc gọi đó là mong cho con trai hóa rồng, con gái thành phụng. Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì là hy vọng quý vị có thể kiệt xuất hơn người, làm rạng rỡ tông đường, khiến cho tổ tiên dòng họ đều cảm thấy vinh dự, tự hào về quý vị. Đó là sự kỳ vọng của các bậc cha mẹ thông thường ngày xưa đối với con cái.

Nếu cha mẹ là người đã giác ngộ, hiểu đạo, thì sẽ kỳ vọng

quý vị có thể thành Bồ Tát, thành Phật, đạt đến cứu cánh chân thật viên mãn, trọn vẹn. [Như vậy,] chúng ta có thể làm cho cha mẹ không phải thất vọng vì mình hay không?

Muốn làm Bồ Tát, làm Phật, bất kể quý vị mang thân phận gì, đang làm nghề nghiệp gì, cũng đều có thể thành tựu được. Thành Phật, cũng không nhất thiết phải có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mới là tướng Phật. Cư sĩ Duy-ma-cật thị hiện tướng Phật là người cư sĩ tại gia. Các vị hòa thượng Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc thị hiện hình tướng của những con người hết sức bình thường. Chúng ta hôm nay nói về những người thiện nguyện, làm công quả cho đạo tràng, đó là thị hiện hình tướng người làm công quả. Quan sát cho thật kỹ, các vị làm công quả đó đích thực là đang tu Bồ Tát hạnh, đích thực là một hiện tướng của Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm có 32 ứng hóa thân, [đó là] 32 loại tướng Phật, 32 cách thực hành Bồ Tát hạnh. Cho nên, dù mang thân phận gì, đang làm nghề nghiệp gì, quý vị cũng đều có thể làm Bồ Tát, cũng đều có thể làm Phật.

Làm Bồ Tát, làm Phật so với phàm phu có khác biệt gì? Tôi nghĩ là quý vị đồng tu đều hiểu rất rõ, rất sáng tỏ việc này. Mỗi ngày chúng ta tụng đọc kinh điển Đại thừa, mỗi ngày đều nghiên cứu, thảo luận, nên lẽ ra phải có ấn tượng rất sâu sắc. [Khác biệt ở đây là,] chư Phật, Bồ Tát không có vọng tưởng, phân biệt, bám chấp. Chư Phật, Bồ Tát chỉ có duy nhất một tâm chân thành, tâm thuần thiện, tâm thuần nhất thương yêu con người, thương yêu hết cả chúng sinh, thuần nhất một tâm vì chúng sinh phục vụ, không một ý niệm nào vì lợi ích riêng cho bản thân, mỗi một ý niệm đều nghĩ đến sự an định của xã hội, hòa bình của thế giới, hạnh phúc chân thật của hết cả chúng sinh. Các ngài khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều tương ưng, phù hợp hoàn toàn với năm giới, mười nghiệp lành.

Cho nên, chúng ta nhất định không thể xem nhẹ, không

được bỏ qua năm giới với mười nghiệp lành. Thực hành được trọn vẹn, rốt ráo, viên mãn mười nghiệp lành chính là đại hiếu, là sự trọn vẹn viên mãn đạo hiếu, là trọn thành Phật đạo. Chúng ta từng được xem qua rất nhiều tranh tượng Phật, thấy trên đỉnh đầu có vầng hào quang tròn, bên trên hào quang thường viết ba chữ, đa số là viết bằng chữ Phạn, nhưng cũng có khi viết bằng chữ Hoa. Đó là chữ *án*, chữ *a* và chữ *hồng*.

Quý vị nhìn thấy rồi phải suy ngẫm, ba chữ ấy có ý nghĩa gì? Ba chữ ấy chính là [biểu thị] sự viên mãn mười nghiệp lành, [bao gồm] thân, khẩu (hay ngữ) và ý. Chữ *án* là nghiệp của thân, chữ *a* là nghiệp của khẩu, chữ *hồng* là nghiệp của ý. Ba chữ này biểu thị ba nghiệp thanh tịnh.

Trong mười nghiệp lành, chúng ta đã học là có 3 nghiệp của thân, 4 nghiệp của khẩu và 3 nghiệp của ý. Quý vị có thực sự làm được đến mức thanh tịnh viên mãn hay không? Chỗ tu tập của chư Phật, Bồ Tát chính là tu tập ba chữ này, học chính là học ba việc này, đạt đến viên mãn rốt ráo cũng chính là ba việc này.

Ngày xưa, khi tôi mới vừa tiếp xúc với Phật pháp, rất may mắn được biết đến Đại sư Chương Gia. Tôi thỉnh ngài ban cho tôi một bức thư pháp, ngài nhận lời viết cho tôi một bức. Bức thư pháp này do quá nhiều lần tôi thay đổi chỗ ở nên đã thất lạc không tìm lại được. Trên bức thư pháp này là ba chữ *án*, *a* và *hồng*, Đại sư viết bằng chữ Tạng. Ngài trao cho tôi rồi, lại vì tôi giảng giải tường tận, chỉ lý ý nghĩa ba chữ này.

Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ, học Phật là học những gì? Nếu như khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều hoàn toàn trái ngược với những gì mình học thì đó không phải là học Phật. Không phải học Phật thì chính là đang tạo nghiệp. Chúng ta phải nhận hiểu rõ ràng, phải sáng tỏ điều này.

Cho nên, tôi thường khuyên tất cả mọi người, chúng ta làm người muốn thành người tốt, học Phật muốn thật giống Phật, thì trước tiên phải buông bỏ hết sạch mọi ý niệm tự tư

tự lợi. Như vậy thì công phu tu tập mới hiệu quả. Mỗi một ý niệm đều phải vì [lợi lạc] chúng sinh, vì Phật pháp, vì [muốn cho] Phật pháp trụ lâu nơi thế gian này.

Trong kinh điển đức Phật giảng giải rất rõ ràng, sáng tỏ, vận hội chánh pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni vẫn còn 9.000 năm nữa. Hiện nay bên ngoài có rất nhiều lời tiên tri, nói rằng đã đến ngày tận thế. Tôi không tin. Vì sao tôi không tin? Vì tôi tin lời của Phật Thích-ca Mâu-ni [trong kinh điển]. Nhưng tai nạn thì khẳng định là sẽ có. Vì sao? Vì lòng người không hiền thiện, tạo các nghiệp [chẳng lành] nên chiêu cảm, đương nhiên là [tai nạn] không thể né tránh được.

Nhưng nếu lòng người có thể quay về hướng thiện, thì tai nạn ấy có thể được giảm nhẹ, thời gian chịu nạn có thể được rút ngắn. Vì thế, tôi nhìn thấy Trung quốc có tương lai tốt đẹp. Do đâu mà nhìn thấy như thế? Vì có nhiều người niệm Phật. Nghe nói hiện nay tại Trung quốc số người niệm Phật A-di-đà, tụng kinh Vô Lượng Thọ, vượt quá số hơn trăm ngàn người. Người niệm Phật nhiều như vậy, thật hy hữu! Trong mười người mà có một người niệm Phật thì chín người còn lại cũng được hưởng nhờ lợi ích. Tại Singapore, Đông Nam Á, hiện nay khuynh hướng, phong khí niệm Phật đang rất mạnh mẽ. Nói chung thì Chánh pháp trụ ở nơi nào, nơi ấy sẽ được chư Phật hộ niệm, chư thiện thần, trời rồng đều theo bảo vệ, giúp đỡ. Đó là lẽ nhất định, là hoàn toàn hợp tình hợp lý.

Chúng ta muốn có tâm thiện thì tâm học Phật là tâm chí thiện, chỉ có điều phải học theo cho giống. Học theo không giống Phật thì đó là giả, chẳng phải thật. Phải học theo cho giống Phật. Chân chánh học theo được giống Phật thì cũng có khả năng buông xả được.

Cho nên, tôi lần đầu tiên gặp được Đại sư Chương Gia, cầu xin ngài chỉ dạy, Đại sư dạy cho tôi chỉ sáu chữ: “*Nhìn được thấu, buông được hết.*” Một đời tôi, đã gần năm mươi năm qua chính là học sáu chữ này, cũng chỉ mới học giống được đôi chút thôi.

Vì thế, chúng ta nhìn về các bậc đại đức trong quá khứ như Lão hòa thượng Hư Vân, Đại sư Ấn Quang, phẩm hạnh đạo đức của các ngài trong suốt một đời chẳng phải chỉ là sáu chữ này đó sao? Thực sự nhìn thấu, buông hết.

Ấn Tổ cùng với Hư lão hòa thượng suốt đời không có đạo tràng riêng, không có đồ chúng. Tín đồ Phật tử tin theo rất đông, các ngài chỉ khuyên mọi người niệm Phật tu hành mà thôi, ngoài việc ấy ra trong lòng không chút nhiễm bấn. Thật không giống như nhiều vị pháp sư hiện nay, đối với tín đồ luôn ghi lại tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại, lại còn thêm hình ảnh nữa... Quý vị xem, thật là phiền phức biết bao. Chỉ vì sợ quên mất tín đồ! Chúng ta nhìn lại các bậc đại đức trong quá khứ, tín đồ không tìm đến thì các ngài quên sạch, tuyệt đối không vướng bận trong lòng. Cho nên tôi nói các ngài không có tín đồ. Tâm địa các ngài thực sự thanh tịnh, không nhiễm bụi trần, không có phiền não, không có lo buồn, không ràng buộc vướng mắc, trong lòng như thế nên tràn đầy trí tuệ, từ bi. Chúng ta nên học theo như thế. Đó là thực sự học Phật.

Thế gian có được nhiều người chân chánh học Phật thì người thế gian có phúc, Phật pháp mới có thể trụ lâu dài ở thế gian. Quý vị đồng học nhất định phải phát tâm [học Phật chân chánh], bất kể là tại gia hay xuất gia. Làm người xuất gia, quý vị nhất định phải ghi nhớ, phải nêu gương tốt cho người xuất gia. Ai là tấm gương tốt nhất để người xuất gia noi theo? Chính là đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Người tại gia cũng phải nêu gương tốt cho người tại gia. Ai là gương tốt cho người tại gia noi theo? Là cư sĩ Duy-ma-cật, đó gọi là người chân chánh học Phật.

Nếu nói rằng đức Thế Tôn hay cư sĩ Duy-ma-cật cách chúng ta quá xa, ta sẽ tìm [những tấm gương thuộc] một thế hệ gần đây. Trong một thế hệ gần đây quý vị cũng có thể tìm ra được. Người xuất gia học theo Pháp sư Ấn Quang, học theo Lão hòa thượng Hư Vân, nhất định không thể sai lầm. Hai

vị này là điển hình giống Phật trong giới xuất gia. Người tại gia học Phật thì có Lão cư sĩ Giang Vị Nông là gương tốt. Lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung cũng là một tấm gương tốt. Các vị ấy đều chân chánh học Phật, rất giống với cư sĩ Duy-ma-cật, mỗi một ý niệm đều vì Phật pháp, vì hết thảy chúng sinh, không vì bản thân mình.

Cho nên, chúng ta học Phật, không chỉ là y cứ vào những lý luận trong kinh điển, qua đó Phật dạy chúng ta rất nhiều phương pháp, mà còn phải tìm cho được một tấm gương tốt để noi theo, một mô thức đúng để y theo đó mà rèn giũa, tu sửa tự thân mình. Có như vậy thì một đời này của chúng ta mới không trôi qua uổng phí, mới thực sự học Phật có kết quả cụ thể, nhất định có thể vãng sinh, không còn thoái chuyển, hướng đến thành Phật.

Ở thế gian này, không chỉ là các pháp thế gian, mà ngay cả Phật pháp cũng phải buông xả, buông xả cho hết sạch, một chút bụi trần cũng không nhiễm bấn thì chúng ta mới được thành tựu. Nếu có mảy may vướng nhiễm thì đó là chướng ngại lớn nhất, chẳng những khiến ta không thể thành tựu Phật pháp, mà ở trong thế gian cũng sẽ tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Những chuyện nhân quả trả vay, trong sách *Cảm ứng thiên [vị biên]* đã nói quá nhiều rồi, chúng ta không thể không biết đến, không thể không lưu ý.

Nói về hiếu hạnh có rất nhiều điều chi ly tinh tế, không thể nói hết, nhưng chỉ cần nêu ra được một cương lĩnh khái quát [để noi theo,] chẳng hạn phải phụng sự cha mẹ như thế nào, đối đãi với anh chị em như thế nào, giữ gìn sự hòa thuận êm ấm trong dòng tộc như thế nào, làm thế nào để mang đến cho xã hội, cho hết thảy chúng sinh một cuộc sống an định, hòa bình, hết thảy những điều ấy đều không ra ngoài chữ hiếu, đều thuộc về hiếu hạnh.

Bài giảng thứ 44

(Giảng ngày 2 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 45, số hồ sơ: 19-012-0045)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong phần trước, tôi đã đem tánh thể của chữ hiếu giới thiệu qua với mọi người. Tánh thể của hiếu chính là tự tánh của một niệm tròn đầy viên mãn. Hình tướng biểu hiện của hiếu là các bậc đại thánh đại hiền ở thế gian cũng như xuất thế gian. Phạm vi của một chữ hiếu này là pháp giới trong hư không, hết thảy đều bao hàm trong đó.

Về sự thực hành chữ hiếu, đạo Nho gọi là “*chỉ ư chí thiện*” (dừng ở chỗ hết mức hiền thiện). Trong Phật pháp thì hiếu là công hạnh của chư Phật, Bồ Tát. Về việc vận dụng chữ hiếu trong cuộc sống hằng ngày như thế nào, học tập theo chữ hiếu như thế nào, hôm qua cũng đã nêu ra [với quý vị] một cương lĩnh khái quát.

Đức Phật dạy chúng ta phải từ nơi thực tế hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính bậc sư trưởng thì mới biết được về sự hiếu dưỡng.

Trong việc hiếu dưỡng đời sống thể chất của cha mẹ, phải biết chú tâm chăm sóc cả những điều nhỏ nhặt. Khi cha mẹ tuổi già sức yếu, phải biết quan tâm chăm sóc giống như đối với đứa trẻ thơ vừa sinh ra, nghĩa là phải hết sức cẩn thận, hết sức chú tâm, từ việc ăn uống cho đến đi đứng nằm ngồi đều phải lưu tâm chú ý.

Trong sách *Lễ ký*, chúng ta đọc thấy rất nhiều chỉ dẫn về việc phụng dưỡng người già, nhất là về phương diện món ăn thức uống, nhất định phải chọn lựa theo đúng với nhu cầu,

đặc điểm sinh lý riêng của cha mẹ. Điều này [người làm con] nhất định phải hiểu rõ. Tình trạng sức khỏe và thể trạng của mỗi người đều khác nhau, nên việc phụng dưỡng nhất thiết không thể hoàn toàn giống nhau. Chỉ có điều là vẫn có một nguyên tắc chung, cần phải [chọn những thức ăn] dễ tiêu hóa, dễ hấp thụ.

Ngày nay so với trước đây đã tiến bộ rất nhiều, phương thức kiểm tra sức khỏe rất thuận tiện. Sau khi kiểm tra có thể biết được những dưỡng chất nào đang bị thiếu, tùy theo đó có thể cung ứng bổ sung, điều chỉnh chế độ ăn uống của cha mẹ cho thích hợp. Đó là phụng dưỡng đời sống thể chất của cha mẹ.

[Sau đây nói về] việc phụng dưỡng đời sống tinh thần, tâm linh của cha mẹ. Các bậc cha mẹ đối với con cháu, đối với bạn bè thân thích đều luôn thương yêu bảo bọc, luôn quan tâm lo lắng, hết thảy đều hy vọng con cháu hay bạn bè thân thích đều được mọi điều tốt đẹp, cuộc sống tốt đẹp, thành tựu sự nghiệp vượt trội hơn người.

Người ta khi càng lớn tuổi thì càng phát triển tâm từ bi, vì tự biết mình ngày tháng còn lại trên cõi đời không nhiều lắm. Chuyện của bản thân trải qua một đời, nay đều đã thành quá khứ, cho nên họ chỉ còn kỳ vọng thực tiễn nơi con cháu trẻ tuổi. Tâm địa ấy hết sức chân thành, từ bi. Tôi thường nói: *“Lão bà tâm thiết.”* Lão bà ở đây chỉ các cụ bà, tâm của các cụ chân chánh hiền lành tốt đẹp, ví như trong quá khứ từng làm điều sai trái thì đến lúc già cũng đã biết sám hối, đã biết quay đầu hướng thiện.

Người còn trẻ tuổi thì khó khăn lắm, nhưng đến tuổi già rất dễ quay đầu hướng thiện. Tôi đã gặp không ít người tuổi già nghe pháp rồi tu hành thành tựu. Họ tiếp xúc với Phật pháp trong thời gian không được lâu dài, thời gian niệm Phật cũng rất ngắn, nhưng lại được vãng sinh với điềm lành hiếm

có. Ý nghĩa này chúng ta cần hiểu biết rõ ràng. Từ xưa đến nay, chúng ta thấy những người từ 60 tuổi trở lên tu hành thành tựu rất nhiều.

Người chân chánh tu hành thành tựu, đó là đại hiếu. Chúng ta phải thấu rõ được ý nghĩa này. Việc giúp đỡ, hỗ trợ những người tu hành không phải lúc nào cũng giống nhau. Vì thế, phải thấu hiểu được trong lòng cha mẹ, thấu hiểu được những niềm hy vọng của cha mẹ, không phụ lòng cha mẹ, không phụ lòng các bậc thầy dạy.

Sự kỳ vọng của các bậc thầy đối với học trò so với sự kỳ vọng của cha mẹ đối với con cái quả thật không khác nhau. Cho nên, theo lễ nghĩa xưa kia của Trung quốc thì lòng biết ơn của học trò đối với thầy dạy so với lòng biết ơn của con cái đối với cha mẹ không hề khác biệt, chỉ khác nhau ở điểm là trong lễ tang cha mẹ thì con cái phải mặc đồ tang, còn đối với lễ tang của thầy thì không. Ngoài điểm này ra thì không tìm thấy sự khác biệt nào nữa.

Người ta nếu trọn đời có thể sống trong thế giới biết ơn thì đó là điều thực sự có giá trị, thực sự có ý nghĩa. Phải thấu hiểu rõ ràng, sáng tỏ ý nghĩa này. Trong giai đoạn tuổi trẻ còn đang học tập ở trường, cha mẹ, thầy cô đều hy vọng chúng ta biểu hiện những thành tích thật tốt. Chúng ta học tập không tốt để cha mẹ phải lo lắng, đó là bất hiếu. Đạo đức hạnh kiểm của ta không tốt, cha mẹ cũng lo lắng. Người con hiếu thì mỗi giây phút đều cố gắng giữ cho cha mẹ được vui lòng, được thanh thản, hay nói cách khác là dù làm việc gì cũng hướng đến sao cho cha mẹ được vui thích.

Bạn đồng học không sống chung hòa thuận với nhau, đó là bất hiếu. Không vâng theo lời dạy bảo của thầy cô, đó là bất hiếu. Chúng ta liệu có làm được như vậy hay chẳng? Thời niên thiếu của ta đã trôi qua, thử nhìn lại xem có mấy người làm được? Quý vị không làm được cũng không đáng trách. Vì

sao vậy? Vì pháp Phật giảng giải luôn hợp tình, hợp lý, hợp chánh pháp. Khi quý vị còn nhỏ tuổi, không có người chỉ dạy thì quý vị làm sao biết được? Không người chỉ dạy mà quý vị có thể biết được thì đó là Phật, Bồ Tát tái sinh, chẳng phải người phàm, nên mới không cần ai chỉ dạy.

Sau khi quý vị trưởng thành, đã lập gia đình thì gia đình phải hòa thuận. Nếu gia đình bất hòa sẽ khiến cha mẹ lo buồn. Anh em, chị em dâu rể bất hòa thì việc gì cũng khiến cho cha mẹ lo âu. Cha mẹ đối với con cháu mà ôm lòng lo lắng suốt đời thì khi lâm chung cũng canh cánh trong lòng, nào ai hiểu được điều đó? Chỉ khi tự thân quý vị đến lúc tuổi già thì mới có thể cảm nhận được điều đó.

Con người sống giữa thế gian, khi bước vào xã hội nhất định phát sinh đủ thứ việc, cần phải có một nghề nghiệp chính đáng, một công việc chính đáng, vì xã hội, vì hết thảy chúng sinh mà phục vụ. Quý vị [hiện nay] đối với công việc, đối với nghề nghiệp của mình có tận tâm tận lực mà làm hay chẳng? Nếu không tận tâm tận lực mà làm thì đó là bất hiếu, là có lỗi với cha mẹ, có lỗi với thầy cô. Do đó có thể biết rằng, hạnh hiếu đầy khắp trong vũ trụ, biến hiện khắp pháp giới trong hư không.

Không chỉ tâm hiếu là tròn đầy viên mãn, mà hạnh hiếu cũng là tròn đầy viên mãn. Chúng ta đọc trong kinh Phật, thấy rằng chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều có sự cảm ứng giao hòa trong đạo thể. Chúng ta lại đọc qua về Bồ Tát Quán Thế Âm, thấy có câu “*thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng*” (ngàn nơi khẩn cầu, ngàn nơi ứng hiện), đó là gì? Chính là thực hành đạo hiếu, là tận hiếu mà thôi. Chúng ta học Phật, nếu đối với những ý nghĩa cơ bản này mà không hiểu rõ được thì xem như chỉ đọc suông vô ích.

Làm người học Phật, không có gì khác hơn là học đạo

hiếu từ lời Phật dạy, học theo sự tận hiếu mà thôi. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện cũng không ngoài việc này. Người thấu hiểu được đạo hiếu, thực hành được đến mức cùng cực của hạnh hiếu, mỗi niệm đều rộng độ chúng sinh, mỗi một việc làm đều nêu cao gương tốt cho người thế gian. Cho nên, chúng ta đối với chư Phật, Bồ Tát, các bậc tổ sư qua nhiều đời, cần phải lưu tâm chú ý, thể hội được hành trạng oai nghi của các ngài khi thị hiện trong cuộc đời, hướng theo các ngài mà học tập.

Trước khi Hàn quán trưởng vãng sinh, trong hơn hai giờ cuối cùng tôi đã cùng bà trò chuyện, [bà bày tỏ] hy vọng rằng người xuất gia đều có thể làm gương tốt cho người xuất gia, người tại gia cũng đều có thể làm gương tốt cho người tại gia, đạo tràng tu tập đều có thể nêu gương tốt cho tất cả các đạo tràng khác. Như vậy là tận hiếu, là thực hành đạo hiếu, là tâm Phật, là hạnh Bồ Tát.

Chúng ta phải cầu tìm những con người nào? Chính là những người con hiếu. Người Trung quốc thời xưa thường nói: *“Tìm tôi trung nơi nhà con hiếu.”* Quý vị cần biết, hai chữ *“tôi trung”* [ngày nay] phải hiểu theo ý nghĩa nào? Chính là chỉ các nhân viên làm việc [tận tụy]. Phần trước đã giảng qua về chữ trung, đó là đem chữ hiếu vận dụng vào cuộc sống, vận dụng vào thực tế ứng xử, giao tiếp với mọi người. Người có thể thực hành theo trung đạo, theo lẽ trung dung thì rất đáng tin cậy trong công việc. Họ có thể hết lòng hết sức, không có tâm thiên lệch, riêng tư, luôn khách quan vô tư vì công việc chung. Đó gọi là trung.

Cho nên, hai chữ trung hiếu mà làm được là Phật đạo đã trọn vẹn đầy đủ. Người làm được như vậy chính là Bồ Tát, là Phật. Vì thế, phàm phu thành Phật chỉ trong khoảng thời gian của một ý niệm. Một niệm chuyển hóa liền thành Phật, Bồ Tát, hết thủy thân tâm, thế giới đều buông xả hết.

Buông xả những gì? Đó là buông xả [những tâm niệm]

tham, sân, si; buông xả [những ý niệm] thị phi, nhân ngã; buông xả mọi điều khen chê vinh nhục; buông xả trần duyên níu kéo; buông xả tâm ganh ghét tật đố; buông xả [sự phân biệt] ta và người khác.

Tôi thường bảo quý vị, hãy buông xả sự ham thích ưa muốn, những điều quý vị ham muốn, những dục vọng của quý vị, buông xả tham lam ái luyến, buông xả sự hung ác ngang ngược, buông xả mọi điều ân oán, hết thấy đều buông xả, đem tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm đại từ bi mà vì Phật pháp, vì xã hội, vì tất cả chúng sinh phục vụ. Sự chuyển biến được như vậy là đã vượt phàm lên thánh.

Bất kể thân phận hiện nay của quý vị thế nào, bất kể quý vị làm nghề nghiệp gì, quý vị đều ở trong công việc, trên cương vị của mình, bất kể thân phận nào cũng đều vì chúng sinh phục vụ, vì xã hội phục vụ.

Dù nghề nghiệp, công việc nào cũng đều là vì xã hội, vì chúng sinh phục vụ. Người xuất gia cũng là một công việc, cũng phụ trách, gánh vác một phần trách nhiệm trong xã hội. Trách nhiệm ấy phải được nhận thức thật rõ ràng, đó là giáo dục xã hội, giáo dục một xã hội đa nguyên văn hóa. Cho nên chúng ta phải nhận biết, phải khẳng định rằng đức Phật Thích-ca Mâu-ni là một bậc thầy dẫn dắt trong giáo dục đa nguyên văn hóa, đoàn kết các chủng tộc, dung hợp các nền văn hóa khác biệt, các tôn giáo khác nhau.

Tối hôm qua chúng ta đã viếng thăm và tìm hiểu về đạo *Baha'i* [ở cuộc triển lãm các tôn giáo]. Lý tưởng của tôn giáo này chính là theo đuổi sự đoàn kết các tôn giáo, chỉ có điều là về mặt lý luận cũng như thực hành, giáo dục, đạo Phật đều thiết thực và vượt trội hơn so với họ.

Trước đây tiên sinh Phương Đông Mỹ từng nói, trong kinh Hoa Nghiêm có đủ triết lý chân thật, cứu cánh, viên mãn. Những nền triết học trong thế gian cũng như xuất thế gian

mà trong suốt một đời ông đã đọc qua, đã nghiên cứu qua, đều không sánh được với triết học trong kinh Hoa Nghiêm vì có lý luận trọn vẹn viên mãn, phương pháp đầy đủ rõ ràng, sau đó còn có phần diễn đạt minh họa. Đồng tử Thiện Tài 53 phen tham học [các bậc thiện tri thức] chính là sự diễn đạt minh họa [triết lý Hoa Nghiêm], giúp chúng ta có thể nhìn thấy, có thể học tập theo.

Cho nên, Phương tiên sinh thường nói rằng kinh Hoa Nghiêm là hệ thống triết học khái luận hay nhất ở thế gian. Những năm cuối đời, có thể nói là tiên sinh chỉ hoàn toàn học tập kinh Hoa Nghiêm. Tại trường học ông cũng khai mở triết học Hoa Nghiêm, giới thiệu kinh Hoa Nghiêm.

Chúng ta hiện nay thân làm người xuất gia, là đệ tử của Phật, nếu như những ý nghĩa này đều không hiểu rõ, lời Phật dạy đều không ghi nhớ, không thể hết sức nỗ lực làm theo, thì đó chính là đại bất hiếu. Kẻ bất trung bất hiếu thì còn thành tựu được gì chứ? Tôi nói những lời này quý vị hãy nhớ kỹ, tuy có phần khó nghe, cũng không e dè khách khí. Người bất trung bất hiếu thì ngày sau phải đi vào ba đường ác, không thể có phần trong ba đường lành. Quý vị cho rằng chỉ niệm mấy câu Phật hiệu là có thể được vãng sinh, dễ dàng đến như vậy sao? Người niệm Phật phải tận trung, tận hiếu mới nhất định được vãng sinh, như vậy mới được chư Phật hộ niệm, các vị trời rồng theo ủng hộ.

Hy vọng chúng ta có thể cùng nhau gắng sức, thực sự nỗ lực tu học. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 45

(Giảng ngày 3 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 46, số hồ sơ: 19-012-0046)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mấy ngày qua chúng ta bàn về hai chữ “*trung hiếu*”. Trong thực tế, rất ít người nhận thức được hai chữ này. Những người có thể chân chính thể hội được ý nghĩa biểu trưng của hai chữ này lại ngày càng ít hơn. Chúng ta bị giới hạn về thời gian nên chỉ có thể giới thiệu sơ qua một cách đơn giản. Nhưng với sự giới thiệu đơn giản đó, nếu quý vị có thể lưu tâm thật kỹ để thể hội được thì hai chữ này đã bao quát được hết thầy pháp Phật. Không chỉ là những gì đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã giảng thuyết trong 49 năm, mà cho đến hết thầy các pháp ba đời chư Phật Như Lai mười phương đã thuyết giảng cũng không thể vượt ra ngoài [phạm vi ý nghĩa của] hai chữ “*trung hiếu*” này.

Hiếu là nói về tướng thể của hết thầy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không. Trung là nói về chỗ vận dụng lớn lao [của hiếu]. Nếu dùng tiêu đề kinh Hoa Nghiêm để nói thì chữ hiếu chính là “*Đại Phương Quảng*” trong tiêu đề kinh, còn chữ trung chính là “*Phật Hoa Nghiêm*”. *Hiếu* là Đại Phương Quảng, *trung* là Phật Hoa Nghiêm, cho nên hàm nghĩa của hai chữ “*trung hiếu*” này sâu rộng vô cùng, chúng ta phải hết sức chú tâm thể hội.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong 49 năm thuyết giảng hết thầy kinh điển Đại Tạng đều là nhằm giảng rộng chi tiết ý nghĩa hai chữ này. Hai chữ này thực hiện được trọn vẹn đầy đủ thì đó là Vô thượng Bồ-đề, là quả vị rốt ráo của Như Lai. Mỗi cá nhân muốn thành bậc hiền thánh, gia đình muốn hòa

hợp, xã hội muốn an lành, hết thảy chúng sinh muốn sống chung hòa thuận an vui, nếu lìa khỏi ý nghĩa hai chữ này thì không thể nào đạt được. Cho nên, đối với hai chữ trung hiếu này, chúng ta nhất định không được xao lãng xem nhẹ.

Người xưa nói: “*Một người nhân từ, cả nước nhân từ.*” Nhân từ là biết thương yêu, nhân hậu với người khác. Chữ *nhân* (仁) này cũng thuộc loại chữ hội ý. Vậy ý nghĩa của nó là gì? Thương yêu là thương yêu chúng sinh, [là có đối tượng], cho nên chữ *nhân* (仁) biểu hiện có hai người, không phải một người, có bản thân mình lại cũng có người khác, mình và người là một thể thống nhất, mình và người không phân hai, đó là ý nghĩa biểu đạt của chữ *nhân* (仁).

Trong nhà thiên có câu: “*Thức đắc nhất, vạn sự tất.*” (Hiểu được nghĩa nhất thể, muôn việc đều xong.) Trong nhà Phật thường nói “*nhập bất nhị pháp môn*” (vào pháp môn chẳng phân hai). Người nào có thể thực sự hiểu được ý nghĩa nhất thể, vào được pháp môn chẳng phân hai, thì đó mới là người có đức nhân. Trong nhà Phật khi tôn xưng ai thì gọi người đó là *nhân giả*, [tức là người có đức nhân]. Cách xưng hô này là hết sức tôn kính. Trong kinh điển, đức Phật thường gọi các vị Bồ Tát là “*nhân giả*” (người có đức nhân). Chúng ta từ nơi hình dạng chữ viết mà quan sát phân tích, người có đức nhân từ, chỉ có các vị Bồ Tát mới “*từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (lấy từ bi làm căn bản, phương tiện làm cửa vào).

Chúng ta nếu muốn cả nhà đều thực hành nhân ái thì quý vị phải biết rằng *nhân ái* với *thân ái* ý nghĩa không giống nhau. *Thân ái* là dựa trên tình thân mà thiết lập, nên tình cảm sâu dày. *Nhân ái* là dựa trên lẽ thật mà thiết lập, do sự hiểu biết. Hiểu biết những gì? Hiểu biết rằng ta và người vốn không phân hai, muôn pháp đều cùng một thể, nên tâm thương yêu đó là dựa trên lẽ thật, từ trong tâm tánh mà lưu xuất hiển lộ.

Đó là thương yêu chân thật, thường còn không biến đổi. Người khác thương yêu ta, ta cũng thương yêu người. Người khác không thương yêu ta, ta vẫn thương yêu người. Người khác đem tâm hiền thiện đối xử với ta, ta cũng đem tâm hiền thiện đối xử với người. Người khác đem tâm bất thiện đối xử với ta, ta vẫn đem tâm hiền thiện đối xử với người. Đó là Bồ Tát, đó là nhân ái, không thể đem cái ý nghĩa thường tình gọi là *thân ái* mà so sánh được.

Tình cảm có nhiều biến đổi, cho nên tâm thương yêu phát sinh từ tình cảm là vô thường. Thương yêu đó rồi biến thành oán ghét, rồi lại biến thành thù hận. Những việc như vậy, tôi cho rằng quý vị đồng tu đều đã dễ dàng hiểu rõ. Mọi người nhìn vào xã hội hiện nay cũng có thể biết được. Có biết bao người khi vừa đến với nhau đều là bạn tốt, trai gái lúc vừa kết hợp ân ái cùng nhau, thậm chí chồng vợ, chỉ có điều chẳng bao lâu sau thì chia lìa, thì ly hôn, rồi biến thành oan gia của nhau, biến thành đối đầu lẫn nhau, bạn bè hóa ra thù địch, rất nhiều trường hợp như vậy.

Nguyên nhân là vì đâu? [Nam nữ] kết hợp ân ái là do tình cảm. Nhìn bề ngoài thì chẳng có gì sai trái, nhưng vấn đề bên trong là phức tạp, cho nên kết hợp ấy không thể thường còn, không thể dài lâu. Tâm thương yêu của chư Phật, Bồ Tát là thường còn, không thay đổi. Vì sao vậy? Vì trong ngoài đều như nhau, bên ngoài là bình đẳng, bên trong là thanh tịnh, không phát sinh vấn đề gì. Đó chính là tự tánh của mỗi chúng ta, chính là bản lai diện mục. Học Phật không phải gì khác hơn là khôi phục tự tánh, khôi phục bản lai diện mục mà thôi.

Ngày nay thế giới không được bình an, lòng người không được bình an. Trong tâm ta bình an thì thế giới quanh ta sẽ được bình an. Đem tâm bình đẳng, đem cái nhìn bình đẳng làm thanh tịnh pháp giới, thể nhập vào pháp giới của chúng

sinh, đạt được sự tự tại lớn lao, đó chính là “*pháp giới không chương ngại*” được thuyết giảng trong kinh Hoa Nghiêm. Điều đó hoàn toàn do nơi sự tu dưỡng của riêng mỗi người. Trọn đời luôn được đầy đủ trí tuệ, đầy đủ sự nhân từ, quý vị nghĩ xem thật hạnh phúc biết bao, thật trọn vẹn biết bao! Ý nghĩa của một đời người, giá trị của một đời người chính là ở chỗ này.

Tôi nói “*một đời người*” cũng là tùy thuận cách nói của thế tục. Nếu nói theo ý nghĩa chân thật thì đó là thường còn mãi mãi. Mạng sống là thường còn. Người thế gian mê hoặc nên thấy có sống chết. Người đã hiểu rõ thì biết là không có sống chết. Sống chết là gì chứ? Chỉ là sự chuyển biến, sự chuyển biến của nhân và quả. Chuyển biến là điều tất nhiên, là việc nhất định phải có. Hết thấy muôn vật đều đang biến đổi, có pháp nào lại không biến đổi? Trừ chân tánh ra, còn mọi thứ khác đều đang biến đổi. Hơn nữa, quý vị cần hiểu rõ là trong mỗi một sát-na ngắn ngủi [muôn vật] đều đang biến đổi, mỗi một sát-na đều không dừng lại. Nhân biến thành quả, quả lại biến thành nhân, rồi nhân lại biến thành quả... mãi mãi xoay vòng không dừng lại.

Nếu quý vị có thể tỉnh giác quan sát chân tướng như thế thì thấu triệt rõ ràng được lẽ sống chết. Nhà Phật thường nói “*hiểu rõ lẽ sống chết*”. *Hiểu rõ* nghĩa là thấy biết sáng tỏ, đối với chân tướng sự thật của việc sống chết quý vị đã thấu triệt rõ ràng sáng tỏ. Người thấu triệt sáng tỏ thì tự tại trong sự chuyển biến. Trong Phật pháp có nói về việc “*thừa nguyện tái lai*” (theo hạnh nguyện mà tái sinh trong cõi đời), do nguyện lực mà thọ thân [phàm phu]. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, đó đều là sự tự tại trong chuyển biến.

Kẻ phàm phu không hiểu rõ được chân tướng sự thật, không biết được sự thật chuyển biến [đang diễn ra], nên ở trong vòng chuyển biến đó mà sinh vọng tưởng, khởi phân

biệt, bám chấp. Phân biệt bám chấp đều là hư vọng, thấy đều không chân thật. Cho nên, càng chuyển đổi càng thêm bất thiện, càng chuyển đổi lại càng không tốt, không biết chuyển hóa [đúng cách]. Đó là nói về sự tướng của dòng sinh tử lưu chuyển.

Mấy hôm nay có lẽ quý vị đồng tu đều đã xem trên mạng internet thấy người nước ngoài đưa tin về kiếp nạn [sắp đến] của thế giới này. Rất nhiều vị đồng tu xem qua rồi trong lòng hoảng sợ, không biết phải làm sao liền tìm đến hỏi tôi. Tôi bảo họ, nếu quả thế gian này sắp có kiếp nạn lớn như thế, liệu quý vị có tin rằng tại Trung quốc này sẽ có rất nhiều vị Phật, Bồ Tát ứng hóa hiện thân hay không? Trên cả thế giới này cũng vậy. Gần đây nhất có một vị mà chúng ta đều biết là Đại sư Ấn Quang, chính là Bồ Tát Đại Thế Chí ở thế giới Tây phương Cực Lạc hóa hiện đến. Ngài có nói qua với chúng ta về kiếp nạn của thế giới này hay không? Quả thật là có. Trong *Văn sao* nói đến rất nhiều, nói đến kiếp nạn rất nghiêm trọng, rất lớn lao.

Vậy tai nạn ấy có cách gì giải cứu được không? Quả thật là có. Ngài đã dạy cho chúng ta về các sách *Liễu Phàm tứ huấn*, *Cảm ứng thiên*, *An Sĩ toàn thư*. Nếu có thể y theo ba bộ sách này mà tu tập hành trì, dứt trừ hết thấy việc xấu ác, tu tập hết thấy các điều lành, dựa trên nền tảng đó mà chuyên tâm niệm Phật thì kiếp nạn lớn lao kia tự nhiên sẽ được hóa giải.

Vì sao có thể hóa giải [được kiếp nạn]? Trong kinh Phật có dạy rằng: “*Y báo tùy trước chính báo chuyển*.” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Chúng ta cũng từng đọc qua [trong kinh điển] rằng hết thấy các pháp đều từ tâm tưởng khởi sinh. Trong lòng người nếu mỗi ngày chỉ nghĩ toàn những việc xấu ác, mỗi ngày đều làm việc ác, thì sự chiêu cảm chính là kiếp nạn. Nếu trong tâm dứt sạch mọi điều ác, nghĩ tưởng

điều lành, nghĩ tưởng điều tốt đẹp, như mấy năm gần đây chúng ta đã đề xướng bốn điều tốt: giữ lòng tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt, thì kiếp nạn sẽ chuyển đổi qua đi.

Vì sao không chịu học điều tốt? Học điều tốt phải bắt đầu từ đâu? Phải bắt đầu từ chỗ [trung thực] không tự dối mình, không lừa dối người khác. Nếu như vẫn dối mình dối người thì hết thảy những gì quý vị làm đều là giả dối, kiếp nạn của quý vị không thể nào chuyển biến trôi qua. Cho nên tôi thường khuyên mọi người, Phật dạy chúng ta phải phá trừ bốn tướng. Việc phá trừ bốn tướng đó hoàn toàn không phải chỉ vì những bậc tu hành cao siêu mà nói. Quý vị xem kỹ trong kinh Kim Cang sẽ thấy, vị Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa cũng đã lìa bốn tướng: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.*”

Tu-đà-hoàn chỉ mới là sơ quả, là quả vị đầu tiên. Vị Tu-đà-hoàn không tự cho là mình đã chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn, đó chính là lìa bỏ bốn tướng. Chúng ta đối với các tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả* đều có sự phân biệt bám chấp hết sức kiên cố, không bước qua được cửa vào Phật pháp.

Sơ quả [Tu-đà-hoàn] là mới bước vào cửa, cũng giống như người đi học mới vào lớp một, vừa mới nhập học. Trong Phật pháp Đại thừa, theo thứ bậc 51 quả vị Bồ Tát thì đó là Bồ Tát ở *Sơ tín vị*. Nếu không lìa bỏ bốn tướng thì quý vị chưa xứng là Bồ Tát ở *Sơ tín vị*. Quý vị học Phật cho dù có hay giỏi đến đâu, bất quá cũng chỉ là ở trong phạm vi danh xưng hình thức, hữu danh vô thật, [không có thành tựu chân thật].

Trước đây lão sư Lý Bình Nam thường nói: “*Nên sống chết thế nào thì cứ sống chết như thế ấy, nên luân hồi thế nào thì cứ luân hồi như thế ấy.*” Vì sao vậy? Khởi tâm động niệm, hết thảy mọi hành vi tạo tác đều là tạo nghiệp luân hồi. Học Phật pháp, giảng Phật pháp, lại tạo nghiệp luân hồi, vậy thì có lợi ích gì? Vì sao chúng ta không chuyển hóa

được? Tội nghiệp của bản thân chúng ta quá nặng nề, tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay không dứt trừ được. Bên ngoài nhìn thấy giống như làm rất tốt những việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhưng chỉ là nhìn thấy giống như vậy thôi, trong lòng lại như ngọn lửa dữ đang bùng cháy, không phải tâm bình an tĩnh lặng.

Sự thù thắng của Phật pháp là ở chỗ từ nơi công phu nội tâm khởi làm, đó gọi là cái học bên trong. Lửa phiền não phải làm sao để có thể dập tắt, hóa thành trong trẻo mát lành? Phải dùng trí tuệ. Cho nên, đức Thế Tôn trong 49 năm giảng kinh thuyết pháp đã dành đến 22 năm riêng giảng về trí tuệ Bát-nhã. Chỉ có trí tuệ chân thật mới có thể đạt đến chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ và từ bi.

Nếu không có trí tuệ chân thật, cho dù làm được cũng chỉ là biểu lộ bên ngoài, là hình tướng giả tạo, không phải chân thật. Hình tướng giả tạo đó cho dù có đáng yêu nhưng trước sau gì cũng sẽ bị người khác vạch trần. Tự thân quý vị không thể tu hành chứng quả thì đó chỉ là ngụy trang, là tướng mạo mô phỏng theo, không phải chân thật. Tu hành chân thật, quý vị nên biết là không thể lìa xa giới, định và tuệ.

Đại sư Ấn Quang đã lưu ý chúng ta về *giới* ở mức độ sơ khai, rõ ràng nhất, mức độ cơ bản nhất, đó là *năm giới* và *mười nghiệp lành*, không thể không thực hành trọn vẹn. năm giới với mười nghiệp lành cũng có thể giúp thay đổi vận mạng, cũng có thể làm tiêu trừ kiếp nạn.

Nếu muốn thành Phật, muốn ra khỏi sáu đường luân hồi, muốn chứng đắc thánh quả, thì căn bản ở đây phải là “*tĩnh nghiệp tam phúc*” (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh).

Cho nên, trước mắt cho dù thấy có nhiều tai nạn, chỉ cần thực sự nỗ lực học làm theo năm giới với mười nghiệp lành thì bao nhiêu tai nạn cũng đều có thể tránh được.

Vì thế, Đại sư Ấn Quang suốt đời đề xướng những việc này: thực hành năm giới với mười nghiệp lành, chân thành niệm Phật. Chúng ta quan sát lại trong suốt một đời ngài đã làm những gì? Ngài nêu lên tôn chỉ gồm 16 chữ và thực sự làm được trọn vẹn: “*Đôn luân tận phận, nhân tà tôn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ.*” (Hòa mục theo đạo, làm tròn chức trách, ngăn điều tà vạy, giữ sự chân thành, tin sâu nguyện thiết, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ.) Suốt một đời ngài chỉ làm theo 16 chữ này và thực sự làm được, làm một cách trọn vẹn đầy đủ.

“*Đôn luân tận phận*” cũng chính là hai chữ trung hiếu. *Luân* là luân thường, [những giềng mối đạo đức]. *Đôn* là [đôn hậu,] hòa thuận, một nhà hòa thuận, cả nước hòa thuận, cả thế giới này cùng hòa hợp. [*Tận phận* là] làm hết trách nhiệm, bổn phận của bản thân mình. Bản thân mình đang giữ vai trò gì, chức trách gì, trong cương vị công việc đó phải lo tròn chức trách của mình, phải làm cho đến mức tốt đẹp nhất, hoàn hảo nhất [trong khả năng của mình]. Đó là *tận phận*.

Như chúng ta hiện nay là người xuất gia, người xuất gia phải làm những việc gì? Phải học theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni mà giáo hóa chúng sinh, lời nói việc làm đều phải nêu gương tốt để chúng sinh noi theo. Phải nêu gương chân thành, nêu gương thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ. Phải nêu gương từ bi, nêu gương quán chiếu thấu triệt, nêu gương buông xả. Phải nêu gương tự tại, tùy duyên. Phải nêu gương chân thành niệm Phật. Đó là bổn phận của người xuất gia. Đối với Tăng đoàn phải chân thành, cung kính tán thán.

Các bậc cổ đức thường dạy: “*Muốn Phật pháp hưng thịnh, chư tăng phải xưng tán lẫn nhau.*” Chư tăng cung kính lẫn nhau, tán thán lẫn nhau, toàn thể Tăng đoàn hòa thuận an vui thì Phật pháp hưng thịnh. Không chỉ riêng một đoàn thể

Tăng-già là chúng ta phải hòa thuận chung sống, phải tôn kính, phải tán thán, mà nói rộng ra cả thế giới này, có bao nhiêu đoàn thể trong xã hội này chúng ta cũng đều phải tôn trọng, phải tán thán, phải sống chung hòa thuận, cùng hỗ trợ hợp tác với nhau.

Có người nói không dễ làm được như thế. Tôi bảo họ cũng không khó làm, chỉ cần thực sự làm được ba việc thì những điều trên đều có thể làm được. Thứ nhất là khởi tâm chân thành, chí thiện, tâm hiền thiện chân thành. Thứ hai là khởi tâm thương yêu chân thật. Thứ ba là cúng dường, bố thí với tâm vô tư, vô điều kiện. Quý vị chỉ cần làm được ba việc ấy thì thiên hạ được thái bình, cho đến yêu ma quỷ quái cũng hòa hợp chung sống.

Ngạn ngữ Trung quốc có câu: *“Người có lòng nhân không có thù địch.”* Quý vị suy ngẫm câu này xem, lòng nhân đó trong Phật pháp gọi là từ bi. Người có lòng nhân là người có tâm đại từ đại bi. Thế nào là không có thù địch? Vì trong lòng người ấy không có ai là thù địch. Câu này hàm ý rằng bậc đại từ đại bi có thể dung hợp được các chủng tộc khác nhau, có thể dung hợp hết cả chúng sinh. Đó là thực hiện trung hiếu đến mức trọn vẹn đầy đủ, thực sự là tận trung, là thực hành đạo hiếu.

Trong sách [Cảm ứng thiên] này có nhiều chú giải, giảng giải rất dài, rất tường tận chi tiết. Đoạn văn này tôi chỉ giảng đến đây thôi, hy vọng quý vị sẽ tự mình đọc qua các phần chú giải, nếu chỗ nào nghi hoặc thì có thể đến hỏi. Hai chữ trung hiếu này tôi sẽ không giảng thêm nhiều hơn nữa.

Bài giảng thứ 46

(Giảng ngày 4 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 47, số hồ sơ: 19-012-0047)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Chúng ta đã giảng giải qua rất nhiều về hai chữ “*trung hiếu*”, nhưng thật ra ý nghĩa của hai chữ này không thể nói hết. Trong sách *Vị biên* có một câu đủ nghĩa: “*Đại hiếu tiện thị thuận thân dưỡng chí*.” (Bậc đại hiếu là thuận theo cha mẹ, nuôi dưỡng tâm chí.) Câu này rất hay, chúng ta nên hết sức nỗ lực học tập làm theo.

Bậc cổ đức dạy ta những khái niệm cơ bản là: “*Thiên địa đồng căn. Vạn vật đồng thể*.” (Trời đất cùng một cội nguồn. Muôn vật cùng một thể tánh). Hai câu này vốn được trích từ sách Đạo Đức Kinh của Lão tử. Cảnh giới này so với trong kinh Hoa Nghiêm là hoàn toàn tương đồng, cũng chính là “*Phật tri Phật kiến*” (chỗ thấy biết của chư Phật).

Tôi thường viết thư pháp tặng cho nhiều người, luôn chọn viết câu: “*Hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không quả thật là chính bản thân mình*.” Đó cũng gọi là “*nhập Phật tri kiến*” (thể nhập vào chỗ thấy biết của chư Phật). Hai câu của Lão tử so với ý nghĩa ở đây hoàn toàn tương đồng. Đó là đạo hiếu, là thực sự nhận hiểu được chữ hiếu, thấy biết sáng tỏ về chữ hiếu.

Đem tâm [nhận biết] như vậy đối đãi với hết thấy chúng sinh thì đó là tâm Phật. Từ trong tâm [nhận biết] như vậy mà khởi sinh mọi tư tưởng, hành vi thì đó thực sự là công hạnh Bồ Tát. Cho nên, ở đây nói “*thuận thân dưỡng chí*” là từ quan điểm [chúng sinh với tự thân mình là một] như trên

mà nói, nhất định không phải dựa theo khái niệm [phân biệt thông thường] của phàm phu.

Trong chỗ nghĩ tưởng của phàm phu thì phương thức nuôi dưỡng cha mẹ, phương thức nuôi dưỡng tâm chí của chính mình đều hết sức hẹp hòi, không ra khỏi được khuynh hướng tự tư tự lợi, làm sao có thể hiểu được ý nghĩa lớn lao? Có thể thấy rằng nguồn tâm của bậc thánh hiền so với phàm phu thật không giống nhau. Nguồn [tâm] này ta gọi là đầu nguồn, cũng ví như nguồn nước, chỗ phát xuất của mỗi dòng nước đều không giống nhau.

Nói về “*nuôi dưỡng cha mẹ*”, cha mẹ ở đây nghĩa là gì? Đó là tánh Phật, là chân tâm bản tánh của mỗi chúng ta. Làm sao có thể nuôi dưỡng được chân tâm bản tánh của cha mẹ, đó chính là sự tận hiếu của chư Phật, Bồ Tát. Cha mẹ ta [hiện tại] là phàm phu, đang sống trong mê muội, làm sao có thể dùng phương tiện khéo léo để tác động mạnh mẽ đến các vị, hỗ trợ các vị giác ngộ, đó mới thực sự là trọn vẹn đại hiếu. Cho nên, nói “*thuận [thân]*” (thuận theo cha mẹ) ở đây là phải thuận theo tánh thể, không phải thuận theo tình cảm thông thường. Đối với tình thương thì đạo Phật cũng như đạo Nho đều nói phải “*hợp tình hợp lý*” [chứ không phải thuận theo].

Nói về đạo hiếu ở Trung quốc, đức Khổng tử tôn sùng vua Thuấn là bậc thánh hiệu đạo hiếu, thực hành được đạo hiếu, đạt đến tận hiếu. Khổng tử xem vua Thuấn là tấm gương tốt nhất để noi theo trong việc thực hành đạo hiếu, đạt đến tận hiếu. Điều vua Thuấn làm được chính là hỗ trợ cho cha mẹ ngài giác ngộ. Vì thế, người khác nhìn thấy cha mẹ đối xử với ngài cực kỳ khắt khe độc ác, lúc nào cũng muốn đẩy ngài vào chỗ chết, nhưng với ngài thì luôn xem cha mẹ như các bậc đại thánh đại hiền, thực sự là Phật, là Bồ Tát.

Vì sao có hai cách nhìn khác nhau như thế? Vì vua Thuấn

nhìn sự việc từ nơi tánh thể, từ nơi tâm tánh [chân thật]. Từ tâm tánh mà nhìn nên hết thấy chúng sinh đều là chư Phật Như Lai. Cho nên, trong kinh Phật dạy rằng, lúc Bồ Tát thành Phật, ngài nhìn thấy chúng sinh trong khắp thế giới đều thành Phật đạo, chính là ý nghĩa này.

Nhưng cha mẹ của vua Thuấn thì lại nhìn tất cả chúng sinh theo cách dựa trên vọng tưởng, phiền não, tập khí của bản thân mình. Cho nên hai bên có cách nhìn không giống nhau. Một bên là từ nơi tâm tánh lý thể mà quán sát, một bên lại từ nơi phiền não, tập khí mà nhìn người khác. Vì thế, vua Thuấn có thể linh hoạt quyền biến thích hợp. Khi cha mẹ trách phạt, nếu có thể chịu đựng thì chấp nhận, nếu không thể chịu đựng thì lẩn tránh.

Không thể nói rằng dù không chịu đựng nổi cũng phải chịu. [Nếu vậy,] quý vị có bị cha mẹ đánh chết cũng đáng đời, nhưng chết oan uổng như vậy là đại bất hiếu. Chính ở chỗ này cần phải linh hoạt quyền biến. Khi có thể chịu đựng thì chịu đựng, không chịu đựng nổi thì phải tránh né, lại đem hết khả năng mình tìm cơ hội để khơi mở, thức tỉnh cha mẹ. Cha mẹ ngài quả nhiên [về sau được] giác ngộ, quả nhiên được hiểu biết sáng tỏ, quả nhiên thành bậc đại thánh đại hiền. Như vậy mới được xem là tận hiếu, mới được xem là thuận theo cha mẹ.

Chúng ta ngày nay muốn thuận theo cha mẹ thì tâm tham lam của cha mẹ lại quá nặng nề, [nếu thuận theo thì] quý vị phải kiếm tiền, phải kiếm thật nhiều tiền, phải làm quan lớn, phải tham ô... Quý vị thuận theo tất cả những điều ấy thì tương lai phải堕 vào địa ngục, cha mẹ quý vị cũng堕 vào địa ngục, như thế không phải là [đúng nghĩa] thuận theo cha mẹ.

Chúng ta đọc sách thánh hiền, học theo chư Phật, Bồ Tát, không gì khác hơn là để làm người hiểu biết sáng suốt. Người

hiểu biết sáng suốt thì không làm những việc sai trái, không có những ý niệm sai trái. Như thế mới gọi là [chân chánh] thuận theo cha mẹ.

Hiểu rõ được ý nghĩa của việc thuận theo cha mẹ là như vậy, lại vận dụng những lý luận, phương pháp này mà suy rộng ra, hằng thuận tất cả chúng sinh, đó chính là hạnh nguyện Phổ Hiền. Trong chỗ hằng thuận chúng sinh lại có tùy hỷ công đức. Hai câu nguyện này, lúc Phật pháp còn chưa truyền đến Trung quốc mà vua Thuấn đã làm được. Chúng ta đọc trong lịch sử phần ghi chép về vua Thuấn, nếu nhìn theo quan điểm của Phật giáo thì chẳng phải vua Thuấn chính là Phật, là Bồ Tát ứng hóa đến Trung quốc đó sao? Oai nghi hành trạng một đời ngài chính là mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Hiền có mười nguyên tắc tu hành, mỗi nguyên tắc ấy vua Thuấn đều thực hiện được, mà còn thực hiện một cách hết sức trọn vẹn, đầy đủ. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, chúng ta dùng mắt thịt của phàm phu không thể nhận biết được.

Chúng ta lúc nào cũng tùy thuận theo tập khí phiền não, tạo tác bao nhiêu là nghiệp ác, nhưng chư Phật, Bồ Tát vẫn luôn đem lòng từ bi hiện đến giáo hóa chúng ta.

Chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa thực sự của hai chữ “*thuận thân*” (thuận theo cha mẹ). Hiểu rõ được rồi mới biết làm sao hằng thuận chúng sinh, làm sao có thể thực hành trọn vẹn hạnh nguyện Bồ Tát, có thể tu tập thành tựu đạo Bồ Tát.

Lại nói đến “*duỡng chí*” (nuôi dưỡng tâm chí), nhà Nho dạy người lập chí, nhà Phật dạy người phát nguyện. Phát nguyện cũng là lập chí. Lập chí không phải là chạy theo danh lợi, mà chính là phải lập được công trạng lớn lao, lợi ích nhiều người. Chỗ này [Nho gia] có một câu [giải thích hai chữ “*duỡng chí*”] rất hay: “*Duỡng kỳ triệt địa thông thiên bào dân dữ vật chi chí.*” (Nuôi dưỡng chí nguyện lo cho cả người lẫn

vật ở khắp trong trời đất.) Nhưng câu này người đời hiện nay xem qua rất khó hiểu được ý nghĩa, nên tôi đã chuyển dịch thành văn bạch thoại dễ hiểu hơn là: “*Vị pháp giới nhất thiết chúng sinh tận trung tận hiếu phục vụ chi chí.*” (Chí nguyện vì hết thảy chúng sinh trong pháp giới mà tận trung tận hiếu phục vụ.) Ý nghĩa cũng vẫn là như vậy.

Đòi người nên lấy sự phục vụ [người khác] làm mục đích, lấy sự giúp đỡ người khác làm căn bản vui thích. Phật dạy chúng ta như vậy. Nho gia, Đạo giáo cũng đều dạy ta như vậy. Nếu không hiểu được ý nghĩa này thì tâm chí, hạnh nguyện của quý vị đều có sự lệch lạc, sai trái, nghiêng theo tà vạy, không chân chánh, rơi vào sai lầm.

Thế thì việc “*thuận thân, dưỡng chí*” (thuận theo cha mẹ, nuôi dưỡng tâm chí) phải bắt đầu từ đâu để vận dụng vào thực tiễn? Trong sách Đại Học giảng giải rất hay. Sách này dạy ta cương lĩnh thực tế, phải bắt đầu từ nơi “*thành ý chánh tâm*” (ý chân thành, tâm chân chánh). “*Thành ý chánh tâm*” đó, trong nhà Phật gọi là phát tâm Bồ-đề. Chỉ có điều chúng ta thường không phát khởi được tâm Bồ-đề. Vì sao không phát khởi được? Vì có chướng ngại. Cho nên cần phải trừ bỏ chướng ngại.

Việc trừ bỏ chướng ngại, Nho gia gọi là “*cách vật trí tri*” (cứu xét sự vật để đạt đến cùng tột hiểu biết). [Trình tự tiến hành theo sách Đại Học là] “*cách vật nhi hậu trí tri, trí tri nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính*” (xét việc rồi mới hiểu thấu, có hiểu thấu rồi ý mới chân thành, ý chân thành rồi tâm mới chân chánh). Nho gia có phương pháp như vậy, có trình tự thứ lớp như vậy. Cho nên, muốn vận dụng vào thực tiễn đời sống thì điều kiện trước tiên là phải chân thành. Muốn được chân thành thì phải “*cách vật*”, [phải trừ bỏ vật]. Vật ở đây là gì? Chính là vật dục, là dục vọng.

Khi tôi giảng kinh Địa Tạng, có nói với mọi người rằng

dục vọng có hai loại, một là ái dục, hai là thị dục. Thị dục là những điều quý vị ưa thích, ham muốn. Nếu quý vị có thể buông bỏ được cả hai loại dục vọng này, đó gọi là “*cách vật*”. Sức mạnh của dục vọng vô cùng mãnh liệt, mạnh mẽ, vì là tập khí [tích lũy] từ vô lượng kiếp đến nay, không chỉ ngăn chướng đường đạo mà cũng ngăn chướng hết thảy các pháp lành trong thế gian.

Quý vị xem lại lời Phật dạy về căn lành, cùng là hết thảy pháp lành trong thế gian này, thảy đều có nguồn gốc. Nguồn gốc ấy là gì? Đó là [ba phẩm tính] *không tham, không sân, không si*. Đó là ba căn lành. Khi quý vị vẫn còn tham, sân, si thì cho dù có làm được việc lành, việc lành ấy cũng chỉ là giả dối, không phải việc lành chân thật. Quý vị có thể lừa dối người khác nhưng không thể lừa dối quỷ thần trong trời đất, quý vị không thể lừa dối lương tâm của chính mình.

Phật pháp gọi là dứt trừ phiền não, Nho gia gọi là “*cách vật*”, cách vật cũng là dứt trừ phiền não. Cách là “*cách đấu*”, nghĩa là đánh nhau.¹ *Cách vật* là hàm ý phải chiến thắng vật dục, sử dụng trí tuệ của quý vị, sử dụng lý tính của quý vị để khuất phục phiền não của chính mình. Ý nghĩa là như vậy. Trong Phật pháp gọi việc này là “*đoạn phiền não chướng*” (dứt trừ chướng ngại phiền não). Trừ điều này ra thì vẫn còn một chướng ngại nữa, trong Phật pháp gọi là *sở tri chướng* (chướng ngại của sự hiểu biết).

Nho gia nói “*trí tri*” (thấu hiểu đến tận cùng), muốn thấu

¹ Trong phần này, theo chúng tôi thì Hòa thượng đã giảng giải theo phương tiện để dẫn dắt ngữ nghĩa. Chữ cách trong “*cách vật trí tri*” (格物致知) được Nho gia dùng với nghĩa “cứu xét đến cùng lý”, cho nên “*cách vật trí tri*” có nghĩa là cứu xét đến cùng những lý lẽ, quy luật của sự vật để có được tri thức, hiểu biết sự vật. Tuy vậy, Hòa thượng cũng giảng chữ cách (格) theo nghĩa thứ hai là trừ bỏ, như “*cách vật*” là trừ bỏ vật dục, tham dục. Và ở đoạn này, Hòa thượng dùng đến nghĩa thứ ba của chữ cách (格) là “*cách đấu*”, nghĩa là đánh nhau, chống đối nhau. Đây đều là phương tiện dẫn dắt.

hiểu đến tận cùng thì phải khai mở trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật có hiển lộ hiện tiền thì mới buông bỏ được hết những chướng ngại của sự hiểu biết.

Quý vị nên biết, nhà Phật tu hành đều hướng đến thiên định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau, cách thức khác nhau để tu tập thiên định. Chúng ta tu pháp môn niệm Phật cũng là dùng việc chấp trì danh hiệu làm phương pháp để tu thiên định.

Mục đích của thiên định là gì? Là phá trừ [*phiền não chướng,*] chướng ngại của phiền não. Tâm thanh tịnh rồi, được an định rồi liền phát sinh trí tuệ. Trí tuệ có thể phá trừ [*sở tri chướng,*] chướng ngại của tri thức, [của sự biết nhiều].

Phương pháp dụng công hiện nay của chúng ta là đồng thời tu tập, ở Niệm Phật Đường chú trọng tu định, nơi giảng đường nhấn mạnh tu tuệ. Nhưng định tuệ của ta đều không thành tựu, nguyên nhân là vì đâu? Vì chúng ta chưa dứt trừ hết được ái dục và thị dục. Cho nên, dù có tu tập cách nào, tu cho đến trọn đời, bên ngoài có thể rất giống [như thành tựu] nhưng bên trong thực chất nội dung không có. Lỗi lầm của chúng ta chính là ở chỗ này.

Tu hành đã lâu đến thế mà công phu vẫn không hiệu quả, quý vị còn chưa chịu phản tỉnh hay sao? Điều này rất giống như khi ta có bệnh, mời thầy thuốc đến chẩn trị, cho thuốc. Chúng ta uống thuốc rất lâu mà bệnh không hề thuyên giảm, lại vẫn không hiểu ra được sao? Nhất định là không đúng thuốc, là chẩn đoán có sai lầm. Bệnh không thuyên giảm thì phải nhanh chóng tìm một thầy thuốc khác. Chúng ta ai cũng có sự hiểu biết thông thường như thế.

Tự thân tu hành công phu không đạt hiệu quả, so ra cũng giống như người có bệnh. Khi ấy nên chú tâm quán sát, kiểm điểm thật kỹ lưỡng, tìm xem khuyết điểm của ta rốt cùng là ở chỗ nào? Tìm được khuyết điểm của mình rồi, phải đem

khuyết điểm ấy dứt trừ đi, thì công phu tu tập liền có hiệu quả. Công phu tu tập có hiệu quả cũng giống như [người bệnh] uống thuốc có công hiệu, có hiệu quả trị liệu.

Hai sự chướng ngại [là *phiền não chướng* và *sở tri chướng*] nhất định phải dứt trừ, nhưng việc dứt trừ không hề đơn giản. Dứt trừ không đơn giản, vậy phải làm cách nào? Phải [chia nhỏ ra] từng phần mà dứt trừ. Nho giáo, Phật giáo đều dạy ta rằng, dứt trừ một phần phiền não là khai mở một phần trí tuệ, dứt trừ hai phần phiền não là khai mở hai phần trí tuệ. Bậc thánh hiền cũng chính là phàm phu tu tập mà thành. Chư Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu tu tập mà thành. Các vị làm sao được thành tựu? Chính là đoạn trừ phiền não từng phần. Mỗi ngày đều nỗ lực đoạn trừ, nên phiền não mỗi ngày đều dần dần giảm nhẹ, trí tuệ mỗi ngày đều tăng trưởng. Đó là công phu, đó là sự tiến bộ. Đó cũng là “*sự hưởng thụ tối cao trong đời người*” mà năm xưa tiên sinh Phương Đông Mỹ đã dạy tôi. Kẻ phàm phu ở thế gian không hưởng thụ được đến mức này.

Phiền não giảm nhẹ, trí tuệ tăng trưởng thì đối với những ý nghĩa về nhân sinh vũ trụ, đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ càng ngày càng hiểu rõ, càng ngày càng sáng tỏ. [Tu tập được như thế thì] đời sống của quý vị, bất kể là đang sống như thế nào, giàu sang cũng tốt, nghèo hèn cũng tốt, bất kể thân phận địa vị thế nào, có địa vị cao quý cũng tốt, bần cùng hạ tiện cũng tốt, hết thảy đều không ngại. Quý vị có thể trải qua một đời sống thực sự hạnh phúc mỹ mãn, một đời sống an vui tự tại. Đó chính là đời sống của các bậc hiền thánh, đời sống của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta “*dưỡng chí*” phải nuôi dưỡng được tâm chí như vậy.

Cho nên, có thể thuận theo, có thể nuôi dưỡng, nguồn gốc của những việc ấy đều từ nơi sự nhận biết được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Trong Phật pháp gọi đó là sự nhận biết

tánh Phật, tánh pháp của hết thảy chúng sinh. [Nhận biết được như vậy rồi] thì quý vị mới có thể làm được [việc thuận theo, nuôi dưỡng]. Nhưng sự nhận biết này cũng không dễ dàng. Các bậc hiền thánh xưa dạy ta phải thân cận thiện tri thức. Mục đích của sự thân cận các vị thiện tri thức là gì? Thật không gì khác hơn là để nương cậy vào kinh nghiệm [tu tập] của các vị, nương cậy vào sự tu trì của cách vị, hỗ trợ chúng ta hướng đến giác ngộ, hỗ trợ cho chúng ta nhận biết [đúng thật] mà thôi.

Công phu tu tập không nhất thiết phải cao siêu, chỉ cần đạt được hiệu quả liền có thể tự tại trong sinh tử, tương lai phía trước mở ra xán lạn. Điều này chúng ta thấy được nơi các bậc tu hành trong quá khứ, được ghi chép lại rất nhiều với những thông tin, với những kết quả. Các vị ấy đã có được thành tựu như vậy, chúng ta không thể thua kém lui sụt về phía sau. Như vậy thì một đời này của ta mới không luống qua vô ích, một đời này nhất định vãng sinh, đạt quả vị bất thối hướng đến thành Phật, không còn tái sinh trở lại lần nữa. Thân này sinh ra trong sáu đường luân hồi là thân cuối cùng, không còn sinh nữa. Chúng ta phải nuôi dưỡng tâm chí như thế, thực sự nỗ lực vãng làm theo, để cho chí nguyện ấy được thành tựu rất ráo viên mãn, đó gọi là đại hiếu.

Tự mình nuôi dưỡng [tâm chí], cũng có thể hỗ trợ người khác nuôi dưỡng [tâm chí]. Tự mình thuận [theo cha mẹ], cũng có thể hỗ trợ người khác thuận [theo cha mẹ]. Tự mình thực hành, giáo hóa người khác, đó chính là Bồ Tát đạo của Đại thừa.

Nội dung sách *Vị biên* hết sức phong phú, vô cùng tuyệt mỹ. *Cảm ứng thiên* là bản văn của Đạo giáo nhưng phần chú giải lại là [những giáo lý] Phật giáo, Nho giáo. Quả thật là tam giáo hợp thành một thể. Đây là một quyển sách hay mà Đại sư Ấn Quang suốt đời tôn sùng, hy vọng có thể sử dụng để hóa giải kiếp nạn hiện nay.

Trong kiếp nạn này, nếu chúng ta thực sự muốn được hóa dữ làm lành, chuyển tai nạn thành an lành, thì quyển sách này sẽ bảo đảm cho việc ấy. Chỉ có điều là quý vị phải nhận hiểu rõ, phải vâng làm theo thì mới có thể đạt được mục đích tiêu trừ nghiệp chướng, tiêu tai giải nạn, làm căn bản cho sự tu hành vãng sinh thành Phật.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Hết tập 2 trong tổng số 8 tập

Lời thưa

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy rằng: “Pháp thí thắng mọi thí.” Thực hành Pháp thí là chia sẻ, truyền rộng lời Phật dạy đến với mọi người. Mỗi người Phật tử đều có thể tùy theo khả năng để thực hành Pháp thí bằng những cách thức như sau:

1. Cố gắng học hiểu và thực hành những lời Phật dạy. Tự mình học hiểu càng sâu rộng thì việc chia sẻ, bố thí Pháp càng có hiệu quả lớn lao hơn. Nên nhớ rằng **việc đọc sách còn quan trọng hơn cả việc mua sách.**
2. Phải trân quý kinh điển, sách vở in ấn lời Phật dạy. Khi có điều kiện thì mua, thỉnh về nhà để tự mình và người trong gia đình đều có điều kiện học hỏi làm theo. Không nên giữ làm của riêng mà phải sẵn lòng chia sẻ, truyền rộng, khuyến khích nhiều người khác cùng đọc và học theo. Không nên để kinh sách nằm yên đóng bụi trên kệ sách, vì **kinh sách không có người đọc thì không thể mang lại lợi ích.**
3. Tùy theo khả năng mà đóng góp tài vật, công sức để hỗ trợ cho những người làm công việc biên soạn, dịch thuật, in ấn, lưu hành kinh sách, **để ngày càng có thêm nhiều kinh sách quý được in ấn, lưu hành.**

Thông thường, việc chi tiêu một số tiền nhỏ không thể mang lại lợi ích lớn, nhưng nếu sử dụng vào việc giúp lưu hành kinh sách thì lợi ích sẽ lớn lao không thể suy lường. Đó là vì đã giúp cho nhiều người có thể hiểu và làm theo lời Phật dạy. Mong sao quý Phật tử khắp nơi đều lưu tâm đóng góp sức mình vào những việc như trên.

TINH YẾU THỰC HÀNH PHÁP THÍ

- *Mua thỉnh kinh sách về đọc, tự mình sẽ được rất nhiều lợi ích.*
- *Chia sẻ, truyền rộng bằng cách cho mượn, biếu tặng kinh sách đến nhiều người thì lợi ích ấy càng tăng thêm gấp nhiều lần.*
- *Đóng góp công sức, tài vật để hỗ trợ công việc biên soạn, dịch thuật, giảng giải, in ấn, lưu hành kinh sách thì công đức lớn lao không thể suy lường, vì có vô số người sẽ được lợi ích từ việc lưu hành kinh sách.*